

CỎ THƠM

THÁNG 6, NĂM 2013

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN

<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BẢ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
ĐỖ BÌNH. NGUYỄN NGỌC BÍCH.
ĐINH CƯỜNG. PHAN ANH DŨNG.
NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHẢI.
PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ. KIM VŨ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯỜNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VŨ ĐÌNH ANH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh,
B. Nguyễn Ngọc Anh, TS Võ Hùng Anh, B. Nguyễn Kim Anh, Ô. Trần Hữu Bảo, B. Nguyễn Bạch,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông,
B. Đặng Thị Bội, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh, B. Huỳnh Thị Chẳng,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu,
Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường,
Ô. Trương Duy Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T. NgọcDung,
Ô. B. Phan Anh Dũng, Ô.B. Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đón Nguyễn, Ô. Trần Đại Độ,
Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, B. Hồ Thị Gám, Ô. Ngô Tăng Giao,
B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà,
B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Quản T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu,
B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Nguyễn Hoa,
B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm,
Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Phấn,
Ô.B. Nguyễn Lân, B. Nghiêm Phương Lan, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô.B. Đạt Thu Lê, B. Le D. Sharpe,
Ô. Đoàn Thanh Liêm, B. Đỗ Thị Hương Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liễu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh, B. Vũ Thị Linh,
B. Phi Vân Loan, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam, Ô. Nguyễn Văn Nghi, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đặng Nguyễn,
B. Phan T. Nhấn, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,
Ô. Nguyễn Quý Nhơn, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng,
B. Chu Thanh Quỳnh, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao,
Ô. Nguyễn Sơn, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh,
Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Nguyễn Phương Thảo,
Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu,
B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Nguyễn Đức Thụy,
B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thứ, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến,
Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trần,
Ô. B. Võ Trung, B. Tô Bạch Tuyết, B. Đặng Ngọc Tú, BS Phan Khắc Tường, Ô. Hoàng Lý Văn,
B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân,
B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates,
B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, Inc, Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>		
<u>BIÊN KHẢO</u>			
HỒ TRƯỜNG AN: Nghệ danh của những ngôi sao sáng ...	10	Ỡ NGUYỄN: Từ vùng ký ức	119
ĐÀO ĐỨC CHUƠNG: Lược sử chế độ khoa cử Việt Nam thời Hán học...	17	PHẠM THẢO NGUYỄN: Tiếng guốc	130
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Chinh Phụ Ngâm Khúc từ Hán Nôm đến quốc ngữ	31	TÔ BẠCH TUYẾT: Lá thư tâm tình	136
PHẠM VĂN TUẤN: Vladimir V. Nabokov	41	VŨ NAM: Những Ngày Làm Lính	137
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Những dấu vết còn lưu lại dọc đường văn hóa	56	DIỄM CHÂU (CĐS): Đường vào...	146
PHẠM TRỌNG LỆ: Mũi tên và bài ca	75	NGUYỄN LÂN: Kính thưa chú	154
PHẠM THỊ NHUNG: Trầu cau trong đời sống văn hóa dân tộc	113	PHONG THU: Chiến tranh và góa phụ	169
NGUYỄN PHÚ LONG: Chỗ lội đường ngang	126	NGUYỄN QUỐC KHẢI: Tìm lại quê...	178
NGÔ TẦNG GIAO: Kỷ niệm với Thi Sĩ Hà Thượng Nhân	160	NGUYỄN T. N. DUNG: Chào mừng...	190
XUÂN BÍCH: Dấu ấn văn hóa...	163	PHAN ANH DŨNG: Mở đầu...	196
PHƯƠNG DU NBH: Những bài học	174	TRẦN BÍCH SAN: Khai từ nhạc cảnh	202
<u>VĂN</u>			
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Cỏ Thơm vào hè mười tám	7	<u>THƠ</u>	
PHẠM HỮU BÌNH: Cô hàng cháo gà	49	PHAN KHÂM: Lục bát mùa hạ	15
TIỂU THU: Dã Quỳ ơi	64	BÙI THANH TIÊN: Vàng trắng chiếc lá	30
DƯ THỊ DIỄM BUỒN: Con còn nợ ba	78	VŨ HỐI: Chiêm bao trở giấc	30
TÔN NỮ MẶC GIAO: Nỗi bi tráng	87	HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: Nguồn xưa	40
DIỄM TRẦN: My friend from Texas	93	ĐẶNG NGUYỄN: Huế của riêng tôi	40
DUY AN ĐÔNG: Chuyện tình	97	MARCELLE PAPONNEAU	
PHƯƠNG DUY TDC: Biển tình	104	Je croyais que vieillir...	48
		NGÔ TẦNG GIAO: Tôi tưởng khi già	48
		HÀ VIỆT VẪN: Chỉ là sắc, không	52
		LÊ MAI LĨNH: Chuyến tàu cuối năm	54
		LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Ánh bèo...	60
		KIỀU ANH: Ngại gì tuổi hạ	63
		NGUYỄN T N DUNG: Nghênh chào	63
		HENRY W. LONGFELLOW:	
		The arrow and the song	75
		NO CHON MYUNG: Le Cerf	77
		NGUYỄN MÂY THU: Mắt nai buồn	77
		UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	
		Em vẫn là em	85
SỐ 63			5

LÝ HIẾU: Trăng tàn	86	TỬ LAN: tranh Chợ Nón	102
PHAN KHÂM: Ảnh trăng sông	86	MINH VŨ: Đèn Ngọc Sơn	123
MINH CHÂU: Nostalgie	96	Minh Vũ: NON NƯỚC	129
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Lưu luyến	103	PHAN ANH DŨNG: ảnh Daisy	153
TRẦN TỬ GIANG: Đàng U Châu...	112	NGUYỄN QUỐC KHẢI: ảnh Sông Hồng	179
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Bài hát lên Đài...	112	Phạm Hoàng Hải: ảnh Tháp Rùa	181
THIÊN ĐỨC: Cởi áo qua cầu	114	TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	
TẢN ĐÀ: Vịnh bức dư đồ rách	145	tranh Hoa Bird of Paradise	208
NGUYỄN T N DUNG: cảnh quê	145	LIÊN PHƯƠNG: Tranh Ao hoa súng	208
HỒ CÔNG TÂM: Cơ đồ đổ nát	145		
TÂM MINH: Tang thương cố quận	145		
NGUYỄN PHÚ LONG: Lại nhà thương	153	HÌNH ẢNH SINH HOẠT	
HỒNG THUỶ: Bông cỏ may	153	PHÁT HÀNH CỔ THƠM số 62	157
PHẠM TRUNG THÀNH: Nắng trong		CỔ THƠM KỶ NIỆM 18 TUỔI	188
trại cấm Hồng Kông	165		
THANH THANH: Sunshine in		GIỚI THIỆU	
the Hongkong Forbidden Camp	168	HA NGUYEN & ASSOCIATES	02
ĐỖ HỮU TÀI: Em đi	170	CHUYỆN ĐỜI: Chu Việt	74
		TÚI VẮN CÒN THƠ: Cung Diễm	84
		WASHINGTON MUSIC	92
		Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	112
		SOVEREIGN REALTY, INC.	119
		CÁCH MẠNG MỘT THỜI:	135
		Triệu Tôn Vũ Minh Tấn	
		NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN	
		QUA RỪNG - 1958: Tô Bạch Tuyết	135
		CÓ NHỮNG ĐÊM: Tập thơ Đỗ Hữu Tài	170
		Phòng mạch BS	
		NGUYỄN THỊ KIM DUNG	177
		TỬ SÁCH CỔ THƠM	204
		HARVEST MOON RESTAURANT	205
		PHIẾU MUA BÁO	206
		Văn Phòng LS IVAN M. WALDMAN	207

NHAC

THANH TRÍ, VINH ĐIỆN:	
Tiếng sóng ru con	27
Tranh Họa Sĩ Thanh Trí	29
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Thời gian còn lại	60
TẠ BÌNH: Quê hương tình buồn	124

TRANH HÌNH

VIVI: Tranh Hai sắc hoa Ti-gôn	01
NGUYỄN QUỐC KHẢI:	
Ảnh Sen trắng viền hồng	16
Tranh Họa sĩ THANH TRÍ	29
SONG HÀ: ảnh Hoa quỳnh	68

CỎ THƠM VÀO HÈ MƯỜI TÁM

Thực vậy, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã trải qua 18 mùa hè hào hứng, ngoạn mục. Biết bao kỷ niệm đẹp không quên với quý văn, thi, họa, nhạc sĩ và độc giả gần xa, ngày thêm thân thiết.

Nói tới mùa hè, chúng ta lại liên tưởng tới mùa hoa phượng nở đỏ rực rỡ bên trời quê hương. Những tà áo trắng nữ sinh tha thướt trên cỏ xanh ngập gót hoa phượng đỏ làm rung động tâm hồn một thời xa xưa. Tiếng ve sầu kêu râm ran, khi rộ lớn, khi nhỏ dần, khi gần khi xa như một bản hợp ca thiết tha, trầm bổng... Chắc hẳn rằng quý tác giả và độc giả Cỏ Thơm đều mang trong tâm tưởng hình ảnh và âm thanh của những “*Mùa hè thật dễ thương, Phượng vĩ nở bên đường, Cỏ xanh theo hoa đỏ, Bướm lượn theo đến trường.*”

Ngược lại, mùa hè năm nay tại vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn chẳng thấy hoa phượng đâu nhưng tại một vài vùng sẽ có hàng triệu ve sầu loại 9 năm trồi lên từ lòng đất, xâm lăng giết hại cây cỏ và làm phiền loài người. Năm 2004 loại ve sầu 14 năm đã xuất hiện. Tiếng kêu của chúng làm inh tai nhức óc khi chúng ta ra khỏi nhà hay phải đi bộ ngoài đường. Chúng đi tìm đối tượng và làm tình cho đến kiệt sức mà chết. Xác chúng phủ đầy trên đường. Chắc quý vị thi sĩ không dám tản bộ trong rừng cây hay tư lự ngồi công viên tìm vần thơ để ve sầu rền rĩ trên tóc, áo.

Xin mời quý vị hãy ngồi nhà, tựa bên song cửa hay nằm dài trên gối nệm êm ái, thưởng thức Báo Cỏ Thơm. Hình bìa trước của số mùa hè này là tranh *Hai Sắc Hoa Tiger* của Họa sĩ ViVi, USA, khiến chúng ta liên tưởng tới bài thơ và giai thoại về Nàng Thơ TTKh thời tiền chiến. Bìa sau là tranh *Hoa Bird of Paradise* gợi nhớ Quần Đảo Hawaii thơ mộng, của Họa sĩ Trần Thị Hương Cau, Germany. Và, tranh *Ao Hoa Súng* của Họa sĩ Liên Phương, France, khiến ta liên tưởng đến những bức tranh ấn tượng của Monet. Xin cảm tạ quý họa sĩ đã tặng tranh làm bìa Cỏ Thơm thêm phần mỹ thuật và giá trị.

Về phần nội dung, ngoài sáng tác của các tác giả thường lệ, còn có sự đóng góp của Nhà văn Dư Thị Diễm Buồn với bài viết rất cảm động, “Con Còn Nợ Ba”, trang 77. Xin cảm ơn tác giả. Và, đặc biệt Nhà văn Nguyễn Lân viết về Nhà văn Bác sĩ Nguyễn Tường Bách vừa từ trần tại Nam California ngày 11 tháng 5, 2013, hưởng thọ 97 tuổi. Cụ là em út của các Nhà văn và Nhà Cách mạng giòng họ Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam. Nhà văn Nguyễn Lân là con của Ông Hoàng Đạo. Trong dịp ra mắt sách “*Phượng Vĩ Nở Bên Trời Hà Nội*” tại Westminster, Nam California, năm 1994, Nguyễn

Thị Ngọc Dung được vinh hạnh Nhà văn Nguyễn Tường Bách đến dự và ngồi cạnh. Cụ nói chuyện rất ân cần, nhũn nhặn với Ngọc Dung, một tác giả vô danh, mới mẻ trên văn đàn, làm Ngọc Dung rất cảm động. Sau này, tháng 5, 2002, ND được Nhà văn Nguyễn Tường Bách đề tặng Bộ Hồi ký “*Việt Nam Một Thế Kỳ Qua*”(VNMTKQ) và viết như sau: “*Tác giả mến tặng Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, người đã viết ra những tác phẩm đầy tình cảm và đầy nghị lực*”. ND đã đọc không bỏ một dòng, một chữ của VNMTKQ, và tiếc rằng đã không có quyển “*Sông Hồng Cuồn Cuộn*” của NV Nguyễn Tường Bách trước khi cho xuất bản PVNBTHN để trích dẫn được nhiều chi tiết địa dư, lịch sử trong sách của Cụ Bách. Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm xin chia buồn với Nhà văn Nguyễn Lân và giới văn học Việt Nam Hải Ngoại.

Quý vị cũng sẽ thấy nhiều hình ảnh trong buổi kỷ niệm Cổ Thơm 18 tuổi (trang 187) được tổ chức tại Nhà hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia. Đã có hơn 250 người tham dự trong số đó có Biên khảo gia Trần Bích San về từ New Orleans, Nhà thơ Lê Mai Lĩnh về từ Pennsylvania, Nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt cùng phu quân là Nghệ sĩ Khoa Lân về từ Texas, Nhà thơ Ngô Thy Vân cùng phu quân về từ New Jersey.

Chương trình có dạ tiệc, văn nghệ, dạ vũ. Như thường lệ, Phó chủ nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng vẫn điều hợp chương trình cùng với MC Thái Phượng và Đàm Xuân Linh. Nhà thơ phó chủ nhiệm ngoại vụ Phan Khâm điều khiển nghi lễ chào cờ và mặc niệm. Chủ nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung có vài lời chào mừng và cảm ơn quan khách, văn thi nghệ sĩ và thân hữu. Nhà văn Hồng Thủy mời một lực lượng hùng hậu các tác giả Cổ Thơm lên sân khấu chụp hình kỷ niệm.

Ban hợp ca Cổ Thơm: Tâm Hảo, Kim Phụng, Thái Phượng, Loan Phượng, Đèo Văn Sách và Phan Anh Dũng mở đầu chương trình văn nghệ với bản hợp ca “*Bên Bờ Đại Dương*” của Nhạc sĩ Hoàng Trọng. Nhạc sĩ Đàm Xuân Linh réo rắt vĩ cầm với bản nhạc “*La Paloma*” tuyệt vời. Nhà thơ Lê Mai Lĩnh sang sảng đọc bài thơ tâm huyết “*Chuyến Tàu Cuối Năm*” mà Cổ Thơm đăng lại (trang 54) trong số báo này. Biên khảo gia Trần Bích San giới thiệu màn nhạc cảnh công phu “*Nhập Thiên Thai*” (trang 202), do đôi Nghệ sĩ Uyên Phương Minh Nguyệt và Khoa Lân trình diễn.

Ngoài ra phần ca nhạc và dạ vũ cũng được đông đảo nghệ sĩ đóng góp tiếng ca, giọng hát giúp vui: Như Hương, Loan Phượng, Tâm Hảo, Kim Phụng, Thái Phượng, Bạch Mai, Kiều Nga, Hoài Thanh, Đèo Văn Sách, Phan Anh Dũng, Bùi Thanh Tiên. Sỹ Thành, Đình Tiến đóng góp âm thanh, lời ca tiếng nhạc rất hào hứng.

Vì số trang có hạn, Báo Cổ Thơm không thể đăng nhiều hình ảnh của đêm dạ tiệc nói trên. Xin quý vị lên **Website Cổ Thơm** <www.cothommagazine.com> và vào mục [Hộp Mất Cổ Thơm Sinh Nhật Năm thứ 18](#) sẽ gặp gỡ nhiều hình ảnh giai nhân, tài tử quan

khách, văn nhân thi sĩ vùng Hoa Thịnh Đốn, với ghi chú đầy đủ hơn do Nhạc sĩ Phan Anh Dũng biên soạn. Xin cảm tạ quý nhiếp ảnh gia Henry Việt, Phạm Văn Tuấn, Phạm Bá và Nguyễn Quốc Khải đã cung cấp hình ảnh thật quý và đẹp.

Cỏ Thơm có truyền thống mỗi năm một lần hội ngộ rộng rãi ở nhà hàng để gặp gỡ, cảm tạ quý độc giả. Và, cứ ba tháng một lần người Cỏ Thơm lại có một cuộc hội họp nhỏ nhân dịp phát hành và phân phối số báo mới, để vui chơi, giải trí lành mạnh, gây thân tình văn nghệ. Chúng tôi thường luân phiên hội họp tại nhà riêng của hội viên hay mượn Trụ Sở Hội Cao Niên để gặp nhau. Mỗi người nếu có thể làm hay mua một món mang đến ăn chung. Chúng tôi cũng ca hát, ngâm thơ, kể chuyện trào phúng, chuyện văn học. Ai có sách mới xuất bản thì làm một mục giới thiệu nhỏ. Chúng tôi cũng thông tin và rủ nhau tham dự những sinh hoạt cộng đồng... Cái mục chụp hình kỷ niệm thì lia chia không thể thiếu.

Nhìn cuộc đời sinh sôi, còn mất, nhìn thời gian trôi đi biến biệt, thì thấy rằng được gặp nhau mạnh khỏe, vui vẻ, là một điều may mắn, hạnh phúc lắm. Vì thế, chúng ta hãy cứ “Xin Một Ngày Mai Có Nhau” để được gặp nhau hoài hoài cho đời còn hào hứng.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm có lời chào mừng Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam Toàn Cầu kỳ III do Nhà thơ Quốc Nam, Giám đốc Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương và bảy nhà văn, nhà thơ nữ tổ chức vào ba ngày 16, 17, 18 tại San Jose, Bắc California. Nhân dịp này, Đại Hội sẽ phát hành một tuyển tập văn thơ hơn 700 trang của đông đảo các cây viết nữ. Xin chúc Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ thành công mỹ mãn.

Chúng tôi xin cảm ơn Biên khảo gia Triệu Tôn Vũ Minh Tấn đã tặng tác phẩm “Cách Mạng Một Thời”, tác giả Chu Việt tặng tạp bút “*Chuyện Đời*”, Nhà thơ Cung Diễm” tặng thi phẩm “*Túi Văn Còn Thơ*”, Tác giả Tô Bạch Tuyết tặng tập hồi ký “*Nữ Sinh Viên Hà Nội Vượt Tuyến Qua Rừng – 1958*”, Nhà thơ Đỗ Hữu Tài tặng thi phẩm “*Có Những Đêm*”. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm cũng xin có lời chúc mừng Nhà văn họa sĩ Duy Lam đã có một cuộc triển lãm tranh ngày 5/5 tại Reston, Virginia. Nhiều bức tranh của họa sĩ Duy Lam làm người thưởng lãm ngạc nhiên, trầm trồ khen ngợi. Chúc Họa sĩ Duy Lam tiếp tục chăm cạo làm phong phú thêm cho nền hội họa Việt Nam Hải Ngoại.

Mong rằng mùa hè năm nay chúng ta được bình an vô sự, không gặp cảnh khùng bố, thiên tai bão lốc, lụt lội, hỏa hoạn như đã xảy ra trên nhiều tiểu bang Hoa Kỳ trong mùa xuân qua. Xin một phút mặc niệm cho các nạn nhân đáng thương trong cuộc đời này.

Xin hẹn tâm tình cùng quý vị vào số báo mùa thu. Kính chào quý vị.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Nghệ Danh Của Những Ngôi Sao Sáng

Hồ Trường An

Chị Ngọc Dung thân,

Tôi bắt đầu viết bài văn này vào ngày đầu tiên của mùa xuân, tức là ngày 21 tháng 3 dương lịch. Cây cối chưa trở búp non lộc mới. Tuy nhiên, các cây lê đã trở bông theo câu thơ của Nguyễn Du "*cành lê trắng điểm một vài bông hoa*". Chim én và các loại diều từ các xứ nhiệt đới phương Nam cũng trở về. Loáng thoáng đâu đó có tiếng chim sơn ca. Còn lũ hạc mi phải đợi vào mùa hè.

Xuân của đất trời. Xuân của lòng người. Cái tên có chữ lót *Xuân* cho đàn ông đàn bà đều là đẹp như nhau. Xuân Phát (danh hài), hai anh em Xuân Lôi và Xuân Tiên (đều là nhạc sĩ) có tên đẹp, tài hay nhưng sắc vóc tầm thường. Còn về phụ nữ thì có Xuân Dung (nữ kịch sĩ), Xuân Trang (con gái của Xuân Dung, nổi danh vũ sexy), Xuân Mai (thần đồng ca nhạc) nổi tiếng như cồn. Chắc chị Dung không thể quên Hồ Xuân Hương mà thi sĩ Xuân Diệu tán phong bà bằng 4 tiếng "*Bà Chúa Thơ Nôm*".

Và thuở thực tập Dược Khoa, tôi có theo anh Nguyễn Văn A đến nhà của nữ kịch sĩ Xuân Dung. Chị chào hỏi tôi qua loa. Nhà chị ở con hẻm đường Phạm Ngũ Lão. Đây là dãy nhà của nghệ sĩ thuộc các

môn trình diễn. Đó là nhà của nữ danh ca Tâm Vấn. Thuở đó, chị Tâm Vấn còn chung sống với học giả Thanh Nghị. Cậu quý tử của ông ta là nam ca sĩ Hoàng Hạc (mẹ của Hạc là cố thê của ông Thanh Nghị). Lại có thêm nhà của hai cô nữ vũ công môn sexy là Kim Xuân và Kim Thu, vốn là con của ông Lưu Văn Trình, giám đốc đoàn cải lương Nam Hồng. Hai chị em Kim Xuân và Kim Thu có vóc dáng cân đối, nhưng thân hình không bốc lửa. Chính con gái của soạn giả Charlot Miêu là Thu Thủy. Cô mới là con cháu hậu duệ của thần Vệ Nữ. Cô vào nghề vũ sexy vào năm 1963 gì đó nhờ khuôn mặt thanh tú, lưng thon, đùi dài và chân dài. Thân hình và vóc dáng Thu Thủy thon thả và mềm mại. Trong khi đó Xuân Trang có thân hình mập đẹp, một loại phụ nữ *sex- appel* trong chiếc áo dài và ngồn ngộn sức sống ở bộ ngực vươn cao. Cô vẫn giữ đường cong tuyệt mỹ trong chiếc may-ô. Tôi không ngờ cô trang điểm khéo, biết ăn mặc, nhút nhát trong chiếc may-ô xanh biếc sọc xiêng, chẳng những khai thác thân thể đẹp, dễ khơi nhục cảm của phái mạnh. Thu Thủy múa may bằng những động tác chậm rãi, thướt tha thì Xuân Trang múa may bằng những động tác sôi nổi

Anh A tốt nghiệp hai môn hòa âm và đối điểm, dạy môn âm nhạc cho trường Đạt Đức ở gần chợ Bà Chiểu. Anh cũng dạy ký âm pháp cho cô thứ nữ của chị Xuân Dung học. Cô này chưa vào tuổi hoa niên. Nhưng cô có làn da khá trắng trẻo, mắt ướt môi tươi. Còn chị Xuân Dung thường đó trạc tứ tuần, da ngăm đen, môi tro mặt bần. Nhưng khi lên sân khấu, hay chương mặt trên màn ảnh chị rất đậm đà, son thắm phấn mịn. Tôi không sao quên nhân dáng chải chuốt của chị trong vở tuồng ca kịch "Á Đào Say" trên sân khấu đoàn ca vũ nhạc kịch Hoàng Thi Thơ. Và còn phim «Đôi Mắt Người Xưa" nữa chứ. Chính nhờ cuốn phim này chị đoạt giải thưởng Nữ Diễn Viên Vai Phụ Xuất Sắc Nhất trong Đại Hội Điện Ảnh Á Châu năm 1963.

Lần thứ hai, tôi theo anh Nguyễn Văn A đến nhà chị Xuân Dung để xem anh A dạy cô thứ nữ học. Cô trưởng nữ của chị ra chào khách và mời khách dùng trà. Vóc vạc cô cao lớn, da ngăm đen như da của mẹ. Nhưng cô có ngực cao eo nhỏ sau lần vài phin màu xám nhạt. Anh A hỏi Xuân Dung:

-- Chị không cho cháu này học âm nhạc ở lớp kịch nghệ hay âm nhạc tại trường Quốc Gia Âm Nhạc & Kịch Nghệ sao?

Xuân Dung cười cười :

-- Con bé này mà học cái gì ? Nó đâu có thông minh như em của nó.

Tôi nghĩ rằng cô trưởng nữ này là một cô gái tuy có thân thể *sexy* nhưng quê dốt, không biết mình có cái lợi khí để chài bẫy phái mạnh. Nhưng tôi lầm, không hiểu chị Xuân Dung có lầm như tôi không. Đầu chừng hai năm sau cô trưởng nữ kia trèo

lên sân khấu để trình vũ *sexy*. Mặt cô trang điểm đậm đà theo sự đòi hỏi của sân khấu, thân hình bốc lửa của cô được gói trong 7 lớp voan có đủ bảy màu khác nhau. Trông cô giống như cô đào Rita Hayworthh múa voan trong phim "Salomé". Cô là địch thủ đáng sợ của Thu Thủy. Còn Tuyết Nhung, Phương Uyên có cặp đùi hơi ngắn, nhằm nhò chi với cặp đùi của cô.

*

Lại thêm một tuần nữa, tức là thứ sáu, các bạn ở Paris, cách tỉnh Troyes 170 cây số đến thăm tôi.

Ngồi chung quanh mâm trà bánh tôi cùng các bạn bè săn tìm những tên đẹp của những người đẹp dù đó là những tên phổ thông.

Bánh gồm có bánh da lợn xanh trong như bích ngọc ôm lấy cái nhun đậu màu ngà. Bánh éch bột trắng mịn ôm cái nhun dừa tằm đường thốt nốt màu nâu đỏ. Trà do người bạn đem từ Việt Nam về biểu xén, nước trà vàng lợt giống như trà Ô Long nhưng lại thơm ngát hương sen.

Ngoài khung cửa gương trong, ánh chiều quang sẫm dần một cách chậm chạp uể oải.

Hôm đó, cô bạn gái tên là Thúy Vân bảo tôi:

- May một điều là ba em dẫu mê đọc đi đọc lại truyện "Kim Vân Kiều", tuy nhiên, khi em mới sanh ra đời, ba em không đặt cho em cái tên Thúy Kiều. Chị Hai Thúy Loan của em vốn ưa nói tục nói trây thường bảo em rằng: "Tía không lấy cái tên Thúy Kiều sợ xui xẻo mà vì ổng sợ cái tên Kiều sẽ bị mấy tên du côn trời ơi đất hời ghép vào chữ Tàu hay chữ Tặc vào tên Kiều. Mày thử

nói lái hai chữ Kiều Tâu hay nói lái hai chữ Kiều Tặc thử coi có bi hài không?

Chuyện chi qua cái miệng véo von của cô cũng trần ai lai khổ cả. Tôi thử nói lái :

-- Kiều Tâu là Cầu Tiêu. Còn Kiều Ông Tặc là C... Ông Tiêu.

Úy chu choa ơi! Tiêu là dân Triều Châu, người Hán qua Việt Nam làm nghề trồng rẫy. Danh ca Trương Vũ thuộc dân Triều Châu . Tên **Thúy** có thể ghép tên của đàn bà như Thúy Nga (nữ danh ca, vợ của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ), Thúy Diễm (vợ cũ của nhà văn Viên Linh), Thúy Minh (vợ của nhà văn Trần Long Hồ). Tên cúng cơm của nhà thơ nữ Vũ Thi An là Thúy Ái, còn hai người chị của Vũ Thi An tên là Thúy Loan và Thúy Hòa. Người Bắc thì gọi là **Thúy**, còn người Nam gọi là **Túy** . Nữ nghệ sĩ chúng ta có Túy Hoa, Túy Phượng, Túy Hồng (cả ba đều là ca sĩ kiêm kịch sĩ). Về văn chương có nhà văn nữ Túy Hồng, một trong 5 nhà văn nữ ở miền Nam Việt Nam là Trưng Dương, Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Còn các nữ nghệ sĩ có cái tên **Kiều** đứng đầu coi như là chữ lót, chúng ta có Kiều Mộng Thu (nhà thơ nữ kiêm nữ dân biểu Quốc hội dưới chánh thể Việt Nam Cộng Hòa), Kiều Mỹ Duyên (nhà văn nữ), Kiều Phượng Loan (nữ kịch sĩ), Kiều Lê Mai (nữ nghệ sĩ môn ca kịch cải lương), Kiều Oanh (nữ kịch sĩ kiêm nữ danh hài), Kiều Hạnh (nữ kịch sĩ). Ngoài ra còn có nhóm Tứ Kiều ở phố Hàng Bông (thuộc Hà Nội) vào thuở Tiền Chiến. Đó là 4 chị em Kiều Dinh, Kiều Vinh, Kiều Hinh và Kiều

Hương. Ba cô Kiều Dinh, Kiều Vinh, Kiều Hinh cùng một cha một mẹ. Nhưng Kiều Hương thì đồng cha với 3 chị Kiều kia, nhưng khác mẹ. Kiều Vinh và Kiều Hương chỉ nổi tiếng là nhờ nhan sắc. Trong khi đó Kiều Dinh có tài đóng kịch ăn đứt nữ nghệ sĩ Song Kim (vợ của nhà thơ Thế Lữ) và Kiều Hạnh. Kiều Dinh lấy nghệ danh là Giáng Kiều, thành công những vai chính trong các kịch bản của Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, Vũ Đình Long và nhứt là vở kịch "*Lôi Vũ*" của Tào Ngụ. Khi di cư vào Nam, Giáng Kiều phát phì nên rời khỏi trường thoại kịch. Còn Kiều Hinh kết hôn với nam danh ca Anh Ngọc, lấy nghệ danh là Giáng Hương. Chị nổi tiếng ngâm thơ và đóng kịch lai rai, đóng phim thỉnh thoảng.

Quên, tôi cần phải kể nhân vật Kiều Nguyệt Nga trong tác phẩm "*Lục Vân Tiên*" của cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu. Và tôi cũng cần phải kể nhân vật Kiều Loan trong tác phẩm kịch thơ "*Kiều Loan*" của Hoàng Cầm. Lại còn có chị Kiều Loan, con gái của Hoàng Cầm, cũng nổi tiếng về ngâm thơ. Chị có đóng vai Kiều Loan, tác phẩm của bố mình rất xuất sắc.

Kiều nào Kiều nấy không nổi tiếng bằng Kiều Chinh mà các ông các bà thời thượng gọi là Kiều ảnh hậu. Đây là một minh tinh xi-nê-ma, có kiến thức tổng quát (la conaissance générale) thật phong phú về văn chương nghệ thuật. Tôi không hiểu nghĩa sâu sắc của hai tiếng Kiều Chinh là gì. Chinh phục cuộc đời bằng nhan sắc chăng ? Nhưng tôi thích hai tiếng Kiều và Chinh

nhập thành một danh hiệu; nó ngô ngô, đọc lên thì chúng lạ tai và du dương lăm lăm.

Nhân qua cái tên Thúy Kiều, chúng tôi moi móc cái tên Thúy Vân. Tôi đã đề cập cái tên **Thúy** rồi, và cái tên **Vân** thì ít có ai dùng tới. Chúng ta có các nghệ sĩ cải lương là Quái Kiệt Ba Vân, một nghệ sĩ ca lịch sân khấu cải lương thành công trong Phê (người điên) của vở ca kịch cải lương là "*Khi Người Điên Biết Yêu*" và vai thầy Ba Chà của vở "*Vó Ngựa Truy Phong*". Chúng ta cũng nên nhắc tới nghệ sĩ Tám Vân, em ruột của Ba Vân, đảm nhiệm các vai mà Ba Vân bỏ lại sân khấu Năm Châu để "đầu quân" cho gánh hát Phụng Hào (do nữ nghệ sĩ Bảy Phùng Há đảm nhiệm chức giám đốc). Quên, chúng ta phải nhớ đến ký giả kiêm nhà văn Phi Vân, tác giả truyện "*Đông Quê*" rất nổi tiếng. Ông mở rộng con đường văn chương để cho Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam có được chân bước thành thời.

Còn những cái tên khởi đầu bằng chữ **Vân**, về bên nữ giới có nhà văn nữ Vân Trang, sáng chói trên nguyệt san Bách Khoa trải qua 5 năm cuối của thập niên 50 bắt qua 5 năm đầu của thập niên 60. Chị em bà nổi tiếng đẹp và lừng danh nổi tiếng ở Hậu Giang, giỏi về thơ Đường luật. Chị thứ nhất của bà là Trung Nguyệt bút danh Bảo Nguyệt. Đó là một nhà cách mạng trong phong trào chống Pháp, nhưng không ngã về phe Cộng Sản Việt Minh. Chị thứ nhì là Huệ Minh, vợ của nhà chí sĩ Hồ Hữu Tường. Người chị thứ ba là Trung Tín, lấy bút hiệu là Hàn Xuân, tác giả quyển "*Lòng Mẹ Nở Hoa*". Người chị thứ tư là Trung

Nghĩa lấy bút hiệu là Mộng Trung, cộng tác với tạp san Bách Khoa với những lá thư viết về chuyện đời sống của mình ở Pháp, viết về những chuyến đi của Tiên sĩ Âm nhạc Trần Văn Khê. Bà cho xuất bản "*Giọt Thời Gian*" (tập thơ), "*Hôn Nhơn Dị Chúng*" (bút khảo về hôn nhân không hạnh phúc của gái Việt trai Việt kết hôn với thanh niên thiếu nữ Âu Mỹ). Sau hết là Huệ Trang tức là nữ sĩ Vân Trang, tác giả tập truyện "*Một Bức Thư Tình*". Bà Vân Trang là vợ của Giáo sư Thiên Giang một trong bộ ba Thiên Giang, Thê Húc, Tam Ích, nổi danh trong giới văn hóa giáo dục.

Thỉnh thoảng trên tạp san Viên Giác, Cỏ Thom, chúng ta bắt gặp một bài thơ của nữ sĩ Vân Nương. Bà là một thành viên trong Thi Đoàn Quỳnh Dao rất nổi tiếng trong nước ở vào thập niên 60. Bà cho xuất bản hai thi tập "*Tơ Sương*" và "*Con Đường Lý Tưởng*" (phóng tác con đường cầu đạo của Thiệu Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm).

Phải kể thêm 3 cô Vân, con của nhạc sĩ Dương Thiệu Tước và nữ ca sĩ Minh Trang. Đó là Vân Quỳnh, Vân Hoà, Vân Khanh. Ba cô cùng người chị khác cha của mình là Quỳnh Giao lập nên Tứ Ca Bốn Phương. Vân Quỳnh lại có đóng vai quan trọng trong phim "*Đất Khó*" do Hà Thúc Cẩn xăn tay áo làm nhà sản xuất, làm nhà đạo diễn, làm luôn người viết kịch bản. Chưa hết đâu. Ông còn đóng vai cụ già chơi trống bỏi, đảm nhiệm chức làm chồng của Vân Quỳnh.

Đàn ông cũng có tên lót bằng chữ **Vân**. Minh tinh thoại kịch và điện ảnh đẹp sắc vóc, đó là nghệ sĩ Vân Hùng, một người đồng diễn

lý tưởng của nữ nghệ sĩ Kim Cương. Trong ban tam ca AVT có Lữ Liên, Tuấn Đăng và Vân Sơn. Anh Vân Sơn hát hay và giầu giỏi, đã tự trảm mình tự tử trên nhánh sông Thị Nghè sau khi Cộng Sản chiếm đoạt Miền Nam Việt Nam. Ở hải ngoại cũng có danh hài Vân Sơn, cháu của nam tài tử Nguyễn Chánh Tín, kêu Tín bằng cậu.

*

Gần 10 giờ đêm, các viễn khách từ giả Cổ Nguyệt Đường chủ nhân về Paris. Tôi tắm rửa rồi vào giường với quyển "*Truyện Thúy Kiều*". Ôn lại những nghệ sĩ có cái tên **Xuân**, tên **Thúy**, tên **Vân**. Tôi chợt nhớ một cụ già người Huế đã hãnh diện:

-- Phụ nữ xứ Huế có tên chi cũng đẹp. Tên Hồng Nghê nì, tên Lục Hà nì, tên Diễm Mi nì, tên Bông Thu nì, Tuyết Phiến nì... Chu chơa oi, tên mô đọc lên cũng nghe lảnh lót. Những cái tên Xuân, Thúy, Kiều, Vân tách ra cũng du dương ngọt ngào. Người Hà Nội chê răng đành, người Sài Gòn phủ nhận răng được. Bởi rửa muốn đặt tên đẹp cho con gái vừa mới chào đời thì cha mẹ phải nương theo tên các cô Xẩm Hương Càng đóng phim mà khai trong khai sanh. Mỹ Vân (Viên Mỹ Vân), Vân Thường (Trần Vân Thường), Man Hoa (Chu Man Hoa), Luyến (Luu Luyến), Hương Lan (Lý Hương Lan)...

Viên Mỹ Vân xuất sắc trong phim "*Máu Nhuộm Hồng Hải Đường*", Chu Man Hoa xuất sắc trong phim "*Lòng Mẹ*" phóng tác theo vở kịch "*The Fan*" / "*Chiếc Quạt*" của Ocar Wilde. Luu Luyến chuyên thủ vai đào phụ, nhưng là một nghệ sĩ lớn, rất xuất sắc trong phim "*Đôi Chim Giang Hồ*". Còn Trần Vân Thường xuất sắc trong "*Ánh Sáng Đô Thành*" và phim "*Hoa Mộc Lan Tòng*

Chinh". Lý Hương Lan vốn có cha Mãn Châu, mẹ Trung Hoa. Cô vừa đóng phim Tàu vừa đóng phim Nhựt. Phim do điện ảnh Nhựt và điện ảnh Hồng Kông phối hợp thực hiện phim "*Bạch Xà Thanh Xà*", mời cô thủ vai chánh (vai Bạch Xà). Khi các đạo diễn ở Hoa-lệ-ước mời cô cùng Kim Ô Phương Tử (người Âu Mỹ gọi là Kyo Machiko) và Lý Lệ Hoa (người Âu Mỹ gọi là Lili Hua) sang Mỹ đóng phim thì cô lấy cái tên Shirley Yamaguchi, thủ vai chánh trong phim "*La Maison de Bambou*".

Riêng tôi, tôi không ưa cái tiếng **Văn** lót cho cái tên của bất cứ nam nhân nào. Chẳng hạn Nguyễn Văn Tường là tên của đại thần triều đình Huế. Nguyễn Văn Vĩnh, học giả. Tôi không ưa tiếng **Thị** lót cho cái tên của bất cứ phụ nữ nào. Khổ nỗi tôi lại yêu văn chương của các bà nhà văn nữ có cái bút hiệu lót chữ **Thị**. Đó là chị Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Thị NGH (Trần Thị Nguyệt Hồng), Trần Thị Kim Lan, Ngô Thị Kim Cúc, Lê Thị Huệ, Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Thị Trọng Tuyên, Dư Thị Diễm Buôn... Bút hiệu của các bà **Thị** này đã đẹp, văn chương của họ cũng đẹp luôn.

Tôi không ưa **trai Văn gái Thị** vì đó là do lệnh vua Gia Long truyền ra cho dân chúng Trung Kỳ và dân chúng Nam Kỳ đặt tên con. Triều đại nhà Nguyễn đã chấm dứt hồi nào rồi, dân gian chúng ta hơi đâu mà nịnh nọt Thế Tổ Cao Hoàng Đế Gia Long. Phải vậy không các chư vị độc giả?

Hồ Trường An

(France)

Lục Bát Mùa Hạ

THẾ GIAN... THẾ NGAY

Thế gian này em sinh ra
Thế ngay thẳng đứng anh hà hơi em
Thế thời phải thế rồi quen
Thế nào tối lửa tắt đèn có nhau

VE SÀU MÙA HẠ

Mùa xuân đi, mùa hạ về
Con chim nhún nhảy, con ve thần thờ
Ve sấu đang muốn đề thơ
Tiếng kêu náo ruột bên bờ tái sinh

VƯỜN HỒNG MÙA HẠ

Qua vườn huệ tới vườn hồng
Thơm mùi con gái chưa chồng nay mai
Từ hương sắc tới hình hài
Người đi thi vị cái gai lưng tròn

CƠN MƯA MÙA HẠ

Vạn xin cho anh đi cùng
Nhìn em ướt áo ngượng ngừng phải không
Nửa kia trắng nửa này hồng
Ghét cơn mưa hạ thay lòng theo anh

CON QUỐC CON VE

Người xưa gọi quốc vào hè
Người nay xin gọi tiếng ve nơi này
Ve cành cây, quốc bụi cây
Kêu than đất nước chưa đầy lại vơi

HOA PHƯỢNG MÙA HÈ

Nửa cây số tới trường em
Không ngờ khoảng cách êm đềm lung lay
Đâu còn tà áo em bay
Nhìn màu hoa phượng cứ ray rứt hoài

HOA DẠI... HOA KHÔN

Hoa dại đang vừa trở bông
Hoa khôn đâu hết ai bông bé đi
Số trời hai chữ xin ghi
Đừng chê hoa dại đừng vì hoa khôn

VẠT NẮNG CHIỀU HÈ

Lau mồ hôi tắm nắng vàng
Quên nhìn tà áo bên đàng đang bay
Xin em chờ một vài giây
Ngại chi đôi má hây hây đổi hờn

BÓNG DỪA TRƯA HÈ

Ngồi chờ em dưới bóng dừa
Không em ai đó mới vừa qua đây
Mình không hoa mắt hoa tay
Trưa hè không gió hoa lay lạt lòng

NGỌN SÓNG MÙA HÈ

Em ngồi xõa tóc chiều hôm
Xin em từng phút cho ngôn ngữ vào
Chưa đêm đừng hỏi trăng sao
Lắng nghe sóng vỗ rạt rào ý thơ

NGÓ TRỜI MÙA HẠ

Ngồi cho thẳng nói cho ngay
Con rơi con rớt con này con kia
Mùa hè còn mang đôi hia
Đòi đi bẫy dậm tía lia nhìn trời

MÙA HẠ HAI BÔNG

Hương sen thơm ngát bầu sen
Hai bông thu dẫu có em mang về
Đừng cho ướt áo đầm đề
Lộ ra thì chết kẻ chê người cười

PHAN KHÂM



SEN TRẮNG VIỀN HỒNG: Ảnh Nguyễn Quốc Khải

LƯỢC SỬ CHẾ ĐỘ KHOA CỬ VIỆT NAM THỜI HÁN HỌC

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

(Tiếp Theo)

NHÀ NGUYỄN, PHÉP THI NHIỀU CẢI CÁCH

1 - Nguyễn Thế Tổ (1802-1819) : mở thi Hương, chưa thi Hội

Năm Đinh Mão (1807), niên hiệu Gia Long thứ 6, mở khoa thi Hương đầu tiên ở 6 trường thi là Nghệ An lấy đỗ 8 người, Thanh Hoa 2 người, Kinh Bắc 7 người, Sơn Tây 19 người, Sơn Nam 20 người, Hải Dương 5 người; tổng cộng 61 Cử nhân. Phép thi 4 trường, lệ 6 năm 1 khoa, vào những năm Mẹo, Dậu, và chỉ thi Hương, chưa mở thi Hội.

Khoa Quý Dậu (1813) Gia Long 12, vẫn 6 trường thi Hương nhưng đổi địa điểm, gồm trường Quảng Đức (Huế) lấy đỗ 9 người, Nghệ An 12 người, Thanh Hoa 9 người, Thăng Long 16 người, Sơn Nam 28 người và Gia Định 8 người; tổng cộng 82 Cử nhân.

Còn một khoa nữa vào năm Kỷ Mão (1819) Gia Long 18, vẫn thi ở 6 trường trên, lấy đỗ đến 112 Cử nhân.

2 - Nguyễn Thánh Tổ (1820-1840): thi cử với nhiều lệ mới

Năm Tân Ty (1821) Minh Mạng 2, mở ân khoa thi Hương, thi sớm hơn hạn kỳ, rồi



H 6: Chòi canh Trường Hà Nam (Hà Nội và Nam Định), khoa Đinh Dậu.

Ảnh tài liệu xưa, 1897.

đến năm đúng kỳ vẫn mở chính khoa. Lệ Ân khoa có từ đây. Vẫn dùng 6 trường thi trên, lấy đỗ 132 Cử nhân, đổi tên Trường Thanh Hoa ra Thanh Hoá, vì chữ "Hoa" là tên vợ vua.

Năm Nhâm Ngọ (1822) Minh Mạng 3, mở khoa thi Hội đầu tiên của triều Nguyễn, lấy trúng cách 8 người, Hà Tông Quyền đạt Hội nguyên. Vào thi Đình, Nguyễn Ý đỗ

Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), 7 người kia cho đỗ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Đặt lệ "Tứ bất" nên không ban học vị Trạng nguyên; còn hơn thế nữa, suốt thời Minh Mạng không lấy đỗ Bảng nhãn và Thám hoa.

Năm Ất Dậu (1825) Minh Mạng 6, mở chính khoa thi Hương với nhiều sửa đổi lớn. Từ đây, theo lệ cũ của nhà Lê, 3 năm 1 khoa, thi Hương vào mùa thu các năm Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu; thi Hội vào mùa xuân năm sau tức Sửu, Thìn, Mùi, Tuất. Trường thi Hương ở Vị Hoàng, đổi tên là Trường Nam Định, Trường Trực Lệ đổi thành Trường Thừa Thiên. Người đỗ tứ trường trước gọi là Hương cống, nay theo lệ nhà Trần gọi là Cử nhân, đậu Tam trường gọi là Tú tài thay cho Sinh đồ.

Khoa thi Tiến sĩ năm Kỷ Sửu (1829) Minh Mạng 10, lấy đỗ 1 Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), 8 Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân và 5 Phó bảng. Lệ đặt học vị Phó bảng vào hàng đại khoa có từ đây, ai đỗ không được thi Hội nữa, vì xem như tương đương với Tiến sĩ, nhưng quyền lợi thì thua kém hơn.

Khoa thi Hương năm Giáp Ngọ (1834) Minh Mạng 15, giải thể Trường Thanh Hoá, trong nước chỉ còn 5 trường thi, từ đây dùng phép thi ba kỳ và một kỳ phúc khảo làm một đề biểu mừng. Năm sau thi Hội cũng dùng phép thi ba kỳ.

Khoa thi Hương năm Ất Mùi (1835), Minh Mạng 16, mở thi riêng cho Trường Gia Định vì chính khoa Giáp Ngọ (1834) gặp

biên Lê Văn Khôi, trường này không thi được. Lệ khoa triển hạn bắt đầu từ đây.

3 - Nguyễn Hiến Tổ (1841-1847): định lệ lịch thi, hạn số lấy đậu

Năm Tân Sửu (1841), niên hiệu Thiệu Trị 1, mở Ân khoa thi Hương, qui định lấy đậu 123 Cử nhân, chia 5 trường như sau: Trường Thừa Thiên 38 người, Nghệ An 25 người, Hà Nội 23 người, Nam Định 21 người, Gia Định 16 người. Lệ định số lấy đỗ Cử nhân ở các trường có từ đây nhưng thường trôi sụt tùy ở số lượng và học lực của thí sinh trong mỗi khoa, chẳng hạn khoa này lấy đỗ 114 Cử nhân, ít hơn hạn số là 9 người.

Chính khoa thi Hương năm Quý Mão (1843), Thiệu Trị 3, định lệ lịch thi, chấm bài và yết bảng: Mông 1 thi kỳ nhất, mông 9 thi kỳ hai, ngày 18 thi kỳ ba, ngày mông 1 tháng sau ra bảng, hạn định 1 tháng phải hoàn tất không được kéo dài. Cứ tháng 7 thi ở Trường Thừa Thiên, Nghệ An; tháng 9 thi ở Trường Gia Định và tháng 10 ở trường Hà Nội, Nam Định. Việc chấm bài cũng sửa đổi; những quyển thi bị các quan sơ khảo loại phải giao cho quan phúc khảo duyệt lại để khỏi bị oan.

Nhờ có lệ Ân khoa, Triển khoa tiến hành cùng lúc với Chính khoa nên liên tiếp 4 năm (1840-1843) đều có mở thi Hương; thi Hội cũng 4 khoa liền từ năm 1841-1844. Trước kia, trường thi là bãi đất trống, mỗi lần mở khoa thi mới rào kín chung quanh bằng tre, dựng nhà tạm bằng tranh tre cho các quan trường ở và làm việc; thi xong

tháo gỡ đi. Kể từ khoa Quý Mão, lệnh xây nhà cố định cho quan trường, còn 4 vi vẫn để đất trống, khi có khoa thi mới cất lều. Riêng Trường Thừa Thiên, các vi đều xây những dãy nhà dài, chia làm nhiều gian để thí sinh ngồi làm bài. Thi Hương, mỗi gian chứa 4 thí sinh; thi Hội thì mỗi gian chỉ có 1 thí sinh.

4 - Nguyễn Dực Tông (1848-1883) : thêm nhiều trường thi và khoa thi

Năm Mậu Thân (1848), niên hiệu Tự Đức 1, mở Ân khoa thi Hương ở 6 trường thi như cũ vì có thêm Trường Thanh Hóa mà nhà vua vừa cho tái lập sau một thời gian dài suốt 9 khoa (1834-1847) bị giải thể.

Khoa thi Hương năm Canh Tuất (1850) Tự Đức 3, dùng lại phép thi 4 kỳ, chia thang điểm làm 7 bậc: ưu, ưu thứ, bình, bình thứ, thứ, thứ thứ, liệt.

Năm Tân Hợi (1851) vừa thi xong Chính khoa Tiến sĩ lại mở thêm Chế khoa Cát sĩ, cao hơn cấp Tiến sĩ. Năm ấy Vũ Duy Thanh vừa đậu Phó bảng khoa Tiến sĩ lại ứng thí khoa Cát sĩ, đỗ thủ khoa, được ban học vị Bác học hoành tài Đệ Nhất giáp Cát sĩ cấp đệ Đệ Nhị danh (Bảng nhãn). Nguyễn Thái vừa đỗ Phó bảng, lại trúng Bác học hoành tài Đệ Nhị giáp Cát sĩ xuất thân (Hoàng giáp). Và cũng từ năm này, các khoa thi Hội dùng lại phép thi 4 kỳ cho tới khi chấm dứt nền Hán học (1919).

Khoa thi Hương năm Nhâm Tý (1852) Tự Đức 5, lập Trường thi Bình Định, qui định lại số lấy đậu Cử nhân: trường Hà Nội 20, trường Nam Định 20, Thanh Hoá 20, SỐ 63

Nghệ An 18, Thừa Thiên 20, Bình Định 13, Gia Định 13.

Khoa thi Hương năm Mậu Ngọ (1858) Tự Đức 11, dùng lại phép thi 3 kỳ, bỏ môn thi phú nhưng thi Hội vẫn dùng vì còn áp dụng phép thi 4 kỳ.

Năm Ất Sửu (1865) Tự Đức 18, vừa thi xong Chính khoa Tiến sĩ lại mở thêm khoa Nha sĩ, kém hơn cấp Tiến sĩ nhưng vẫn là đại khoa, được khắc tên vào bia đá dựng ở Văn Miếu (Huế). Đặng Văn Kiều đỗ Đình nguyên Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Tam danh khoa Nha sĩ (Thám Hoa), Nguyễn Thượng Phiến (thân phụ Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền) là 1 trong 4 người đỗ Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Nha sĩ (Hoàng giáp).



H 7: Hội đồng Giám khảo Trường thi Hà Nam đang làm việc [19].

Khoa thi Hương năm Bính Tý (1876) Tự Đức 29, kỳ 2 bỏ chiếu biểu luận, trở lại thi thơ phú, lối văn tứ lục cũng bỏ, đến thi Hội mới dùng. Từ khoa này qui định lấy đỗ cử 1 Cử nhân là 2 Tú tài.

5 - Nguyễn Giản Tông (1883-1884): vài sửa đổi nhỏ

Năm Giáp Thân (1884), niên hiệu Kiến Phúc 1, mở khoa Triển hạn thi Hội (đáng lẽ thi vào năm trước là Quý Mùi - 1883). Sau khoa này, lệ Triển hạn cho kỳ thi Hội không còn nữa, nhưng vẫn còn áp dụng cho thi Hương.

Cũng năm Giáp Thân (1884) mở Ân khoa thi Hương, có sửa đổi ở kỳ phúc hạch. Trước chỉ làm một bài tứ lục để định vị thứ Cử nhân, nay phải làm tất cả các môn đã thi ở ba kỳ trước, hạn thi một ngày. Trường Hà Nội và Nam Định, chiến sự còn tiếp diễn, tạm thi ở Thanh Hoá, gọi là Khoa thi Xứ Thanh.

6 - Nguyễn Hàm Nghi (1885): hoãn thi vì biến cố

Năm Ất Dậu (1885), mở Chính khoa thi Hương, đồng thời cũng mở Ân khoa thi Hội. Năm ấy Trường Bình Định mở thi Hương sớm; còn Trường Thừa Thiên vừa thi Đình xong, chưa kịp truyền lô [20] thì rạn ngày 5 tháng 7 năm 1885 kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi bôn đào. Các trường chưa kịp thi Hương thì đình lại, Trường Bình Định đang thi nên cố cho xong, phần lớn các thí sinh ở các tỉnh xa bỏ ra về, vào phúc hạch chỉ có 7 người ở Bình Định và 1 người ở Phú Yên, quan trường cho đỗ cả.



H 8: Lễ xướng danh thi Hương khoa Đinh Dậu [21].

7 - Nguyễn Cảnh Tông (1886- 1888): thi cử chưa ổn định

Năm Bính Tuất (1886), niên hiệu Đồng Khánh 1, mở thi Hương vừa là ân khoa vừa triển hạn, tuy nhiên tình hình chưa ổn định, chỉ có Trường Hà Nam tổ chức được mà thôi. Cũng từ khoa này, Trường Hà Nội đóng cửa vĩnh viễn, sĩ tử vào thi chung với Trường Nam Định nên đổi tên gọi là Trường thi Hà Nam.

Khoa Đình Hội (1887) mở lại khoa Triển hạn cho các trường năm trước không thi được, nhưng chỉ có Trường Thừa Thiên tổ chức được. Năm Mậu Tý (1888) đúng hạn kỳ mở Chính khoa thi Hương nhưng chỉ có 3 trường tham dự là Hà Nam, Nghệ An và Thừa Thiên. Suốt triều Đồng Khánh không mở được thi Hội.

8 - Nguyễn Thành Thái (1889- 1907): kỷ lục số lấy đậu

Dưới triều Thành Thái giữ đúng hạn kỳ 3 năm 1 khoa, bỏ lệ Ân khoa và khoa Triển

hạn, gặp lễ mừng thì tăng số lấy đỗ ở Chính khoa. Vì vậy 6 khoa thi Hương ở triều Thành Thái đều có số đậu cao:

Khoa Tân Mão (1891) lấy đỗ 151 Cử nhân, chiếm hàng thứ năm trong các khoa thi Hương triều Nguyễn; khoa Giáp Ngọ (1894) lấy đỗ 148 Cử nhân, chiếm vị thứ sáu; khoa Đinh Dậu (1897) có 166 Cử nhân, xếp hạng nhì; khoa Canh Tý (1900) có 204 Cử-nhân, chiếm hạng nhất; khoa Quý Mão (1903) có 135 Cử nhân, chiếm hạng 11 và khoa Bính Ngọ (1906) có 158 Cử nhân, chiếm hạng tư.

Đáng kể nhất là khoa Canh Tý (1900), Thành Thái 12, Trường Nghệ An có Phan Bội Châu (1867-1940) vừa chiếm Giải nguyên vừa chiếm độc bảng. Trong khi đó tại Trường thi Thừa Thiên, Huỳnh Thúc Kháng (1876-1946) đoạt Giải nguyên. Hai vị thủ khoa này trở thành hai nhà cách mạng nổi tiếng trong lịch sử chống Pháp.

Song song với 6 khoa Cử nhân, có 6 khoa Tiến sĩ, số thi đậu cũng tương đối cao. Trong đó, đáng kể là khoa Nhâm Thìn (1892) niên hiệu Thành Thái 4, có Vũ Phạm Hàm (1864-1906) đạt Tam nguyên Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Tam danh (Thám hoa), Nguyễn Thượng Hiền (1868-1925) đứng đầu hàng Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), Chu Mạnh Trinh (1862-1905) Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, là những bậc danh tài. Ngoài ra, khoa Giáp Thìn (1904), Thành Thái 16, có Trần Quý Cáp (1870-1908) và Huỳnh Thúc Kháng đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, là hai nhà cách mạng nổi tiếng.

SỐ 63

9 - Nguyễn Duy Tân (1907- 1916):

đổi mới phép thi

Từ triều Duy Tân về sau vẫn giữ lệ của Thành Thái là dù thi Hương hay thi Hội, chỉ mở Chính khoa đúng hạn kỳ và không có khoa đặc biệt.

Khoa thi Hương năm Kỷ Dậu (1909) Duy Tân 3, có nhiều cải tổ quan trọng. Bộ Học ra đời từ năm 1907 nên việc học hành và thi cử không thuộc về bộ Lễ nữa. Phép thi thay đổi, kỳ nhất ra 10 bài văn sách, tối thiểu phải làm 5 bài; kỳ hai thi thơ phú, mỗi loại 1 bài; kỳ ba 1 đề luận chữ nho và 1 đề luận chữ quốc ngữ. Thang điểm cho từ 0 đến 20, bài kỳ nhất được 10 điểm trở lên thì trúng và được thi kỳ hai, các kỳ sau cũng vậy. Riêng có kỳ thi tình nguyện (không bắt buộc) dịch Pháp văn ra quốc ngữ, đề do Toà Khâm ra, nếu trên 10 điểm, sẽ cộng số điểm thặng dư vào ba kỳ. Cộng điểm 3 kỳ và kỳ tình nguyện (nếu có) được 40 điểm thì vào phúc hạch để thi tổng quát các môn đã thi ở 3 kỳ; nếu được 7 điểm trở lên thì trúng kỳ phúc hạch, rồi lấy điểm tổng cộng các kỳ thi để xếp hạng Cử nhân. Ngoài ra những ai được điểm từ 30 đến 39 đều xếp vào hạng chọn Tú tài, rồi căn cứ vào nguyên ngạch 1 Cử nhân 3 Tú tài mà lấy từ cao xuống thấp. Riêng trường Hà Nam thuộc Bắc Kỳ, có phép thi khác: kỳ nhất thi văn sách 5 bài; kỳ hai luận chữ nho 2 đề; kỳ 3 luận chữ quốc ngữ 2 đề; vào phúc hạch 1 bài luận chữ nho và 1 bài luận chữ quốc ngữ. Các đề thi chữ quốc ngữ do phủ Thông sứ soạn ra, có riêng hội đồng chấm bài, xong giao cho quan trường vào điểm kỳ thi.

21

Các khoa thi Hương sau tiếp tục cải tiến, có thi văn chương, toán, sử hoặc địa hay khoa học thường thức và làm bài bằng chữ quốc ngữ. Năm Ất Mão (1915), Duy Tân 9, là khoa thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ, môn thi luận quốc ngữ ra đề bằng Pháp văn, thí sinh phải dịch ra Việt, mới làm bài được.



H 9: Thí sinh xem yết bảng danh sách trúng tuyển thi Hương [22].

10 - Nguyễn Hoàng Tông (1916-1925): những khoa thi cuối cùng

Tại Trung Kỳ, nỗi tiếc kéo dài thêm một khoa nữa, đó là khoa thi Hương năm Mậu Ngọ (1918), Khải Định 3. Trên danh nghĩa có danh sách riêng của 4 trường thi là Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên và Bình Định, nhưng hợp thí ở hai địa điểm là trường Thừa Thiên (cho trường Bình Định thi nhờ) và trường Nghệ An (cho Thanh Hoá thi nhờ).

Lần thi Tiến sĩ cuối cùng và chấm dứt hẳn nền Hán học, đó là khoa Kỹ Sứ (1919) Khải Định 4, lấy đỗ 23 người: hàng Tiến sĩ 7 người, có Nguyễn Phong Di đỗ Đình nguyên Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất

thân; hàng Phó bảng gồm 16 người, có Nguyễn Xuân Đàm dẫn đầu.

11 - Thống kê khoa cử thời Nguyễn:

Từ khi nhà Nguyễn lên ngôi đến lúc nền Hán học cáo chung (1802-1919) là 117 năm, cả thầy có 88 khoa Cử nhân, Tiến sĩ và tương đương, chia ra như sau:

- Thi Hương có 48 khoa, lấy đỗ 5236 Cử nhân và khoảng 12.252 Tú tài [23] ở các trường thi sau đây: Trường Hà Nội 29 khoa (1813-1884) lấy đỗ 691 Cử-nhân; Sơn Tây 1 khoa (1807) lấy đỗ 19 Cử nhân; Kinh Bắc tức Bắc Ninh 1 khoa (1807) đỗ 7 Cử nhân; Hải Dương 1 khoa (1807) đỗ 5 Cử nhân; Nam Định tức Sơn Nam 29 khoa (1807-1879) đỗ 658 Cử nhân; Hà Nam (hợp nhất trường Hà Nội và Nam Định) 11 khoa (1886-1915) đỗ 650 Cử nhân; Thanh Hoá 32 khoa (1807-1918) đỗ 449 Cử nhân; Nghệ An 42 khoa (1807-1918) đỗ 868 Cử nhân; Thừa Thiên 42 khoa (1813-1918) đỗ 1265 Cử nhân; Bình Định 23 khoa (1852-1918) đỗ 355 Cử nhân; Gia Định 19 khoa (1813- 1858) đỗ 259 Cử nhân, An Giang 1 khoa (1864) đỗ 10 Cử nhân.



H 10: Các tân khoa được Triều đình ban áo mũ và lạy tạ tại Văn Miếu [25].

- Thi Hội và thi Đình có 40 khoa (39 khoa thực hiện đầy đủ và 1 khoa bỏ cuộc), cả thảy 572 lượt người thi đỗ [24], nhưng chính thức có tên 558 lượt người, gồm: 2 Bảng nhãn, 9 Thám hoa, 54 Hoàng giáp, 227 Tiến sĩ, và 266 Phó bảng.

PHẦN KẾT

Nền khoa cử Hán học nước ta dù có sửa đổi cải tiến nhưng vẫn nặng về văn chương và thiếu hoặc rất ít về khoa học, kỹ thuật. Tuy nhiên cũng có những thời điểm đáng ghi nhớ: triều Hồ đưa toán pháp vào thi cử, một sáng kiến mà mãi đến 508 năm sau (1404-1912) mới được chấp nhận, và triều Tây Sơn chủ trương dùng quốc âm thay chữ Hán. Rất tiếc hai triều đại ấy quá ngắn ngủi và những việc làm đó bị các triều đại kế tiếp chê trách và hủy bỏ.

Nếu chỉ tính riêng đại khoa, kể cả khoa Tam giáo và bao gồm số lẽ tề người trúng tuyển đã được góp nhặt ghi vào phần Biệt Lục và Bồ Di [26] cả thảy có thể tổng kết như sau:

Bảng tổng kết các khoa thi Tiến sĩ và tương đương thời Hán học

Do tài liệu thất lạc nên số khoa thi, số trúng tuyển và danh sách đỗ đại khoa thời Chúa Nguyễn không thể tổng kết được; còn các triều Lý, Trần lại gặp nhiều thiếu sót; ngay cả triều Hồ có 2 khoa thi, trúng tuyển đến 190 người nhưng chỉ biết rõ tên 13 người. Từ triều Lê về sau, các số liệu về khoa Tiến sĩ và tương đương tạm đủ; duy có triều Nguyễn hiện còn đầy đủ các số liệu

không những ở cấp đại khoa mà còn có cả các kỳ thi Hương nữa.

Tóm lại, nền Hán học nước ta tồn tại trong 844 năm, dù ghi chép thiếu sót vẫn có đến 195 khoa Tiến sĩ và tương đương, trung bình 4 năm rưỡi có 1 khoa, số trúng tuyển lên đến 3513 lượt người, cho thấy việc học và thi cử thời ấy rất thịnh, công hiến cho quốc gia nhiều nhân tài trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Phạm Văn Sơn; *Việt Sử Tân Biên*, tập 1 (Sài Gòn, Khai Trí, 1968); trang 345.

[2] Trần Độ chủ biên; *Văn Hóa Việt Nam Tổng Hợp* (Hà Nội, Văn Hóa Văn Nghệ Trung Ương, 1989); trang 206.

[3] Toan Ánh; *Nếp Cũ Con Người Việt Nam* (Sài Gòn, Khai Trí, 1970); trang 71.

[4,5] Khoa thi năm Ất Tỵ (1185), *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* ghi "*Mùa Xuân, tháng Giêng, thi sĩ nhân trong nước... Lấy đỗ bọn Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm 30 người, còn thì đều ở lại học.*" Theo *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam*, căn cứ vào *Đình Khiết Đại Việt Lịch Triều Đăng Khoa Lục* (viết tắt LTĐK), số thi đỗ 20 người nhưng chỉ ghi tên 3 người: Đỗ Thế Diên đỗ đầu, Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm. Còn chữ "Sĩ nhân" không rõ là tên khoa thi hay chỉ là tiếng gọi chung những người có học.

[6] Nguyên trong *Đình Khiết Đại Việt Lịch Triều Đăng Khoa Lục* có ghi phần Biệt

Tiêu đại	Niên đại	Số khoa thi	Số trúng tuyển	Biết rõ tên	Trạng nguyên	Bảng nhân	Thám hoa	Hoàng giáp	Tiến sĩ	Phó bảng
Lý	1010- 1225	8	38	11					11	
Trần	1225- 1400	21	383	51	9	8	9	6	19	
Hồ	1400- 1407	2	190	13	0	0	1	6	6	
Lê sơ	1428- 1527	31	1038	1008	20	21	22	316	629	
Mạc	1527- 1595	22	485	485	11	12	19	101	342	
Lê Trung Hung	1533- 1788	71	807	774	6	7	20	108	633	
Chúa Nguyễn	1558- 1775									
Tây Sơn	1788- 1802	0	0	0	0	0	0	0	0	
Nguyễn	1802- 1945	40	572	558	0	2	9	54	227	266
Chín Triều đại	1075- 1919	195	3513	2900	46	50	80	591	1867	266

Lục và Bồ Di để bổ túc danh sách trúng tuyển trong các kỳ thi Tiến sĩ và tương đương của Triều Lý, Trần, Hồ còn thiếu sót vì tài liệu chính đã thất lạc. Biệt Lục chép những người thi đỗ hiện còn thiếu cứ liệu, cần tham khảo thêm. Bồ Di chép những người thi đỗ, có dữ kiện chính xác nhưng vì chưa rõ năm thi, hoặc vì lý do nào đó chưa ghi vào danh sách chính thức được.

[7] Bốn trấn ở Bắc Kỳ gọi là Kinh, từ Thanh Hóa trở vào gọi là Trại. Chủ trương

lấy hai Trạng nguyên là nâng đỡ thí sinh ở xa kinh đô.

[8] Ngô Đức Thọ chủ biên; *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam* (Hà Nội, Văn Học, 1993); trang 9.

[9] Theo Từ Hải, truyện *Mục Tử* viết về "Châu Mục Vương Tây Du", là truyện tối cổ của Trung Hoa, tìm thấy trong mộ vua Ngụy Tương Vương, sau được Quách Phát chú giải.

[10] Từ ngày 18 tháng 3 Giáp Dần (1314) là niên hiệu Đại Khánh năm thứ 1 đời vua

Trần Minh Tông (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản dịch Hoàng Văn Lâu, tập 2, trang 99).

[11] Phan Huy Chú; *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Tổ biên dịch Viện Sử Học Việt Nam dịch, tập 2 (Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1992); trang 154.

[12] Quốc Sử Viện Triều Lê; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản Chính Hòa, khắc in năm 1697; Hoàng Văn Lâu dịch, tập 2 (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993); trang 189.

[13] Ảnh từ *Bách Khoa Toàn Thư Mở* (Hình 2).

[14, 15] Quốc Sử Viện Triều Lê; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản Chính Hòa, khắc in năm 1697; Hoàng Văn Lâu dịch, tập 2 (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993); trang 207, 319.

[16, 18] Ảnh từ *Bách Khoa Toàn Thư Mở* (Hình 4 và 5).

[17] Trần Trọng Kim; *Việt Nam Sử Lược* (Sài Gòn, Tân Việt, 1964); trang 325 ghi lầm: "năm Đinh Hợi (1674)". Nếu là năm 1674 thì phải là năm Giáp Dần, còn nếu là năm Đinh Hợi tức phải là năm 1647 hoặc 1707.

[19] Ảnh từ tài liệu xưa, chụp năm 1897.

[20] *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, Phan Huy Giu dịch, quyển 37 (Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977); trang 37: Khoa Ất Dậu (1885) thi Hội lấy chánh phó trúng cách 14 người; Trần Đạo Tiềm đỗ Hội nguyên, Đặng Quĩ đỗ thứ 14, vào thi Đình chưa kịp truyền lô thì gặp biến Kinh đô thất thủ đêm rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 nên bỏ cuộc.

[21, 22] Ảnh tài liệu xưa, 1897 (Hình 8, 9).

[23] Từ năm 1876 lệ định 1 Cử nhân lấy đỗ 2 Tú tài, từ năm 1884 cứ 1 Cử nhân là 3 Tú tài.

[24] Trong 572 lượt người thi đỗ, bao gồm 14 người trúng thi Hội khoa Ất Dậu (1885).

[25] Ảnh tài liệu xưa, 1897 (Hình 10).

[26] Xem ghi chú số 6.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ CAO XUÂN DỤC; *Quốc Triều Hương Khoa Lục*, Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1993.

2/ ; *Quốc Triều Khoa Bảng Lục*, Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.

3/ HOA BẰNG; *Quang Trung Nguyễn Huệ*; (Hà Nội, xuất bản lần đầu, 1944), Glendale CA, nxb Đại Nam tái bản, không đề năm.

4/ NGÔ ĐỨC THỌ chủ biên; *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam*; Hà Nội, nxb Văn Học, 1993.

5/ PHẠM VĂN SƠN; *Việt Sử Tân Biên*, bộ 7 quyển; Sài Gòn, tác giả xuất bản, Khai Trí phát hành, 1958- 1972.

6/ PHAN HUY CHÚ; *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Tổ biên dịch Viện Sử Học Việt Nam dịch; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.

7/ PHAN KHOANG; *Việt Sử: Xứ Đàng Trong 1558- 1777*; Sài Gòn, Khai Trí, 1970.

8/ QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, Phạm Huy Giu và Trương Văn Chính dịch, quyển 37; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1977.

9/ QUỐC SỬ VIỆN TRIỀU LÊ; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản Chính Hòa, khắc in

năm 1697, gồm 27 quyển; bản dịch ấn hành thành 4 tập: Ngô Đức Thọ dịch tập 1 (10 quyển), Hoàng Văn Lâu dịch tập 2 (9 quyển), Hoàng Văn Lâu và Ngô Thế Long dịch tập 3 (8 quyển), tập 4 sao chụp nguyên văn chữ Hán; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993.

10/ TOÀN ANH; *Nếp Cũ Con Người Việt Nam*, in lần thứ hai; Sài Gòn, Khai Trí, 1970.

11/ TRẦN ĐỘ chủ biên; *Văn Hóa Việt Nam Tổng Hợp*; Hà Nội, Ban Văn Hoá Văn Nghệ Trung Ương xuất bản, 1989.

12/ TRẦN HỒNG ĐỨC; *Các Vị Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa Qua Các Triều Đại Phong Kiến Việt Nam*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1999.

13/ TRẦN TRỌNG KIM; *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ bảy; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.

14/ VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG; *Niên Biểu Việt Nam*; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1984.

MỤC LỤC

Dẫn nhập	Trang	01
A - Nhà Lý khai sinh nền khoa cử		01
<u>H 1</u> : Bái Đường Văn Miếu		02
B - Nhà Trần đưa thi cử vào nề nếp		03
<u>H 2</u> : Văn Miếu ở Hà Nội		04
C - Nhà Hồ cải tiến thi cử		04
D - Nhà Lê chú trọng khoa cử, khích lệ nhân tài		05
<u>H 3</u> : Vườn Bia Tiến Sĩ trong khu Văn Miếu Hà Nội		06
Đ - Nhà Mạc, thi cử theo nề nếp thời Lê		07
E - Lê Trung Hưng với các khoa thi đặc biệt		08
<u>H 4</u> : Toàn cảnh Thiên Quang Tỉnh trong Văn Miếu		11
G - Chúa Nguyễn đặt phép thi riêng		09

H - Tây Sơn đem quốc âm vào thi cử - 10
H 5: *Lời của vua Quang Trung, trung bày tại Văn Miếu Hà Nội* 11

I - Nhà Nguyễn, phép thi nhiều cải cách - 11
01/ Nguyễn Thế Tổ (1802-1819) mở thi Hương, chưa thi Hội - 11

H 6: *Chòi canh Trường Hà Nam (Hà Nội-Nam Định) khoa Đinh Dậu* 12

02/ Nguyễn Thánh Tổ (1820-1840) thi cử với nhiều lệ mới 12

03/ Nguyễn Hiến Tổ (1841- 1847) định lệ lịch thi, hạn số lấy đậu - 13

04/ Nguyễn Dực Tông (1848- 1883), thêm nhiều trường thi và khoa thi 13

H 7: *Hội đồng Giám khảo Trường thi Hà Nam đang làm việc* - 14

05/ Nguyễn Giản Tông (1883- 1884), vài sửa đổi nhỏ 14

06/ Nguyễn Hàm Nghi (1885), hoãn thi vì biến cố. 14

07/ Nguyễn Cảnh Tông (1886- 1888), thi cử chưa ổn định. 15

08/ Nguyễn Thành Thái (1889- 1907), kỷ lục về số lấy đậu 15

H 8: *Lễ xướng danh thi Hương* 15

09/ Nguyễn Duy Tân (1907- 1916), đổi mới phép thi 15

H 9: *Thí sinh xem yết bảng trúng tuyển* 16

10/ Nguyễn Hoàng Tông (1916- 1925), những khoa thi cuối cùng - 17

11/ Thống kê khoa cử thời Nguyễn. - 17

H 10. *Các tân khoa lấy tại Văn Miếu (năm 1897)*. 17

Phân kết 17

Ghi chú 19

Tài liệu tham khảo 20

Mục lục 21

VÀNG TRẮNG, CHIẾC LÁ

*Cuộc tình nắng hạ xót xa
Nửa vàng trắng, nửa cánh hoa.. phận người
Bờ vai nhỏ, khóc chưa nguôi
Như làn nước ngược đập vùi sóng xô
Dòng sông đổ bến hư vô
Tháng năm mòn mỏi bụi mờ thế gian
Về bến hoặc? _ chốn địa đàng?
Pháp âm vi diệu.. trắng ngàn vợi cao..*

*Trời xanh lồng bóng quyện vào
Biển tình dào dạt nhuộm màu phai phôi!
Vòng trầm luân khởi nghiệp rồi
Bờ xưa thôi đã.. xa xôi nghìn trùng..
Chân như là biển cuối cùng
Tâm kinh là cõi diệu hình mênh mông
Cành hoa duyên kiếp tím dần
Từ ly giây phút bỗng thành xa xăm..*

*Cung đàn lỡ nhịp đêm rằm
Đi về là chuỗi.. âm thầm tả tơi
Vàng trắng , chiếc lá khô rơi...*

VA, ngày 12- 7- 2012 (Nhâm Thìn)

BÙI THANH TIÊN

CHIÊM BAO TRỞ GIẤC

*Người yêu dấu hỡi! cùng say
Men nồng sưởi ấm phương này còn nhau
Bồng bênh sóng tóc bể dâu
Nỗi đau xa nước nỗi đau phận mình
Ngậm ngùi, mòn gót lênh đênh
Bốn phương lạc bước quê tình là đâu
Thuở nào em bước qua cầu
Sang ngang thuở ấy không câu giã từ
Lệ nào nhòa tím trang thư
Từng con chữ khóc bấy chừ biết không
Bốn bề tuyết phủ mênh mông
Mười thương: một cõi hư không lạnh về
Chiêm bao trở giấc tình, mê
Đèn khuya hắt gió tái tê lay sào
Ngẹn ngào vụn nẻo về đâu
Cứ xem như tựa qua cầu gió bay
Người yêu dấu hỡi cùng say
Tình ru cõi mộng quên ngày tha hương...*

VŨ HỐI

TIẾNG SÓNG RU CON

Thơ : Thanh Trí

Nhạc : Vinh Điện

Nhịp vừa (*Ấu yếu, thiết tha*)

Ad lib.



Vòng tay mẹ ngỡ vông trời. Bước chân nhẹ



nhẹ chơi với chim chuyền. Âm thanh (ò...ò) sóng vỗ, sóng vỗ biển



hiền. Hòa cùng tiếng gió, hòa cùng tiếng gió của miền thùy dương. Ru



con, ru con ơi à. Ru con ru cả biển



thương. Mẹ mơ thể giới bốn phương thái hòa. Bầy con chấp cánh bay

xa. Không gian từ hải đều là anh em. Ru con, ru con ơi
 à. Ru con dỗ giấc êm đêm. Bên bờ thanh
 hải sóng đêm ri rào. Ru con lòng những ước ao. Gởi vào sóng
 vọng dạt dào nhấp nhô. Ôn đây Trời Phật độ cho. Thuyền con đó
 bến giấc mơ xú người. Nhưng lòng mẹ nhớ biển khơi. Nhớ từng tiếng
 sóng à ơi đêm trường. Ru con, ru con ơi à. Con
 ơi chớ quên biển thương. Chuỗi ngày thơ ấu sóng thương ru con.



(Tranh của Họa sĩ Thanh Trí)



(Tranh của Họa sĩ Thanh Trí)

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC từ HÁN-NÔM đến QUỐC NGŨ

Dù lịch sử Việt Nam trải qua nhiều thăng trầm trong thời kỳ nô lệ Pháp - Tàu, nhưng tiếng nói không bị đồng hóa, văn khẩu trường tồn có giá trị lớn lao lưu truyền trong dân gian. Một ngàn năm Bắc thuộc (111 trước CN và 938 sau CN) muốn là đồng hóa dân Việt bằng cách dùng chữ Hán trong văn tự, nhưng may mắn chưa được truyền bá sâu rộng. Nhờ chiến thắng của Ngô Quyền năm 938 giành lại chủ quyền, dân tộc Việt Nam thoát khỏi vòng nô lệ, bước sang thời kỳ tự chủ chữ Nôm bắt đầu được hoàn chỉnh dần và mãi đến thế kỷ thứ 13 khi quan Hình Bộ thượng thư Nguyễn Thuyên dưới triều Trần Nhân Tông (1279-1293) làm bài văn „Tê cá sáu“ bằng chữ Nôm, chữ Nôm được xem như chữ Quốc ngữ bên cạnh chữ Hán. Tập thơ Nôm của Chu Văn An (1229-1370) là „Tiểu ấn quốc ngữ thi tập“, là 8 tập thơ Quốc ngữ. Hồ Quý Ly và sau này Nguyễn Huệ cũng rất chú trọng đến chữ Nôm. Hồ Quý Ly chỉ thị các quan phải bắt đầu viết sắc, viết biểu tấu bằng chữ Nôm và cho dịch Kinh Thi ra chữ Nôm.

Chữ Nôm là cách viết trong thời cổ đại và trung đại của tiếng Việt, là ngôn ngữ quốc gia (quốc ngữ), gọi là Quốc Âm. Chữ Nôm viết và đọc theo âm của người Việt là gia tài văn hóa riêng của dân tộc Việt Nam. Người Trung Hoa không hiểu, không đọc

được, người Việt đọc chữ Hán nhưng nói theo âm tiếng Việt. Nhiều người không biết chữ Hán và chữ Nôm nhưng nhờ có những tác phẩm văn vần chữ Nôm được truyền khẩu trong dân gian, nghe mãi rồi thuộc lòng từng đoạn hay có khi thuộc cả tác phẩm dài hàng ngàn câu. Chữ Nôm phát triển trong suốt 500 năm từ thế kỷ thứ 14 nhưng bị giới hạn, vì trải qua nhiều triều đại phong kiến, quân chủ đã lấy Hán văn làm văn tự. Thời đó chọn người tài theo lối thi phú, cho đến các khoa thi Hương năm 1915, thi Hội năm 1919 thì chấm dứt nền Hán học.

Các bộ sách giáo khoa ngày xưa phải học:

* Tứ Thư gồm có: Đại học Trung Dung, Luận Ngữ Mạnh Tử,

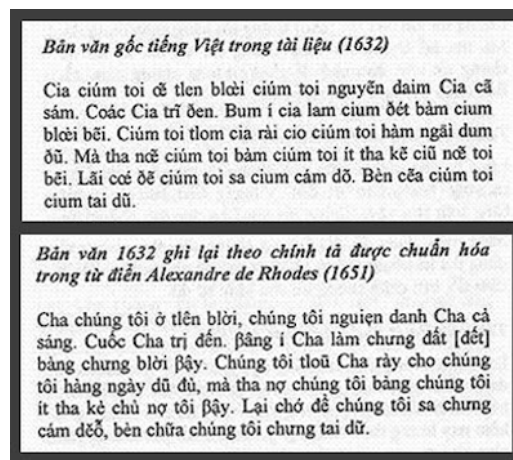
* Ngũ Kinh gồm có Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

Những tác phẩm văn vần chữ Nôm nổi tiếng:

Chinh Phụ Ngâm khúc của Đặng Trần Côn chữ Hán, Đoàn thị Điểm (1705-1746) diễn dịch thơ chữ Nôm; Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều (1741-1798); Đoạn Trường Tân Thanh của thi hào Nguyễn Du (1766-1820) là những tác phẩm chữ Nôm phát triển mạnh mẽ tiêu biểu hàng đầu trong văn chương Việt Nam. Kể từ thời nhà Lê về sau số lượng sáng tác bằng chữ

Nôm ngày càng tăng dần với những nữ sĩ nổi danh văn thơ bóng bảy, lời văn trang nhã, bày tỏ nỗi niềm của thi nhân thật duyên dáng súc tích trên văn đàn Việt Nam như: Hồ Xuân Hương (1772-1822). Ai Tư Văn của Lê Ngọc Hân công chúa (1770-1799); bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Chinh (1805-1848), Sương Nguyệt Ánh tên thật là Nguyễn Thị Khuê (1864-1921). Chữ Nôm là văn tự chính trong nền văn chương Việt Nam đến cuối thế kỷ 19.

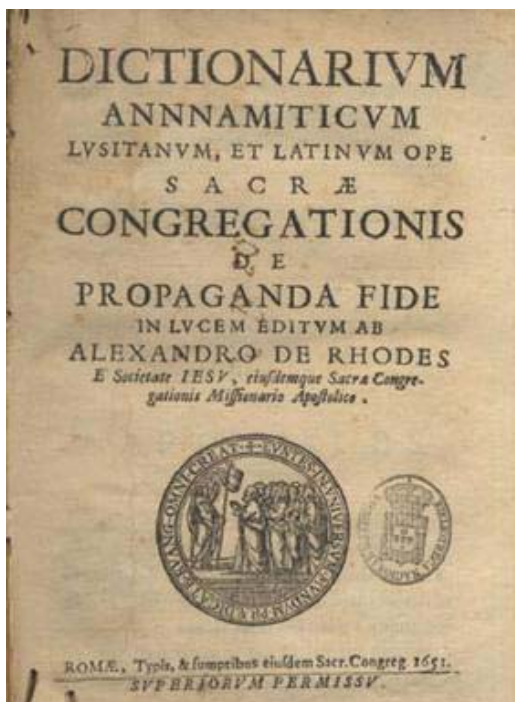
Hình thành chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latin



Thế kỷ thứ 17 từ năm 1651 chữ Quốc ngữ phổ biến từ đạo qua đời, từ tôn giáo đến văn hóa, do các giáo sĩ thừa sai dòng Tên đến từ châu Âu là: Francesco de Pina, Gaspar d'Amara, Antonio Barbosa và Alexandre De Rhodes dựa theo cách phát âm tiếng Việt, viết theo mẫu tự Latin. Trong công việc này có sự hợp tác tích cực

và hiệu quả của rất nhiều người Việt Nam, trước hết là các thầy giảng Việt Nam (giúp việc cho các linh mục người Âu). Alexandre De Rhodes (Cha Đắc Lộ) có công lớn trong việc góp phần sửa sang và hoàn chỉnh bộ chữ Quốc ngữ. Đặc biệt là ông dùng bộ chữ ấy để biên soạn. Năm 1651 lần đầu tiên ông in cuốn từ điển Việt - Bồ - La (Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum). đây là bằng chứng đánh dấu sự ra đời của chữ Quốc ngữ. Vì chính sách cấm đạo đảng Trong lẫn đảng Ngoài của triều đình Việt Nam, giết hại giáo sĩ nên chữ Quốc ngữ không thể phát triển và truyền bá rộng rãi... Hơn một thế kỷ sau, năm 1783 cuốn tự điển Quốc ngữ thứ nhì do Pigneau de Behaine (Giám mục Bá Đa Lộc, còn gọi là Cha Cả, là nhà truyền giáo ở hải ngoại của Hội Thừa Sai Paris/ Séminaire des Missions Étrangères.) soạn bản thảo: „Dictionarium Anamitico Latinum (1773)“ dày 735 trang được giáo sĩ Jean-Louis Taberd cùng Phan Văn Minh khi chưa làm linh mục và nhiều giáo sĩ Việt Nam, giáo dân cộng tác với Đức cha Taberd ba năm liền để hoàn chỉnh cuốn „Dictionarium Anamitico-Latinum / tiếng việt và tiếng Latin ấn hành năm 1832“. Tự điển này giúp chữ Quốc ngữ trở thành một hệ thống ngữ pháp có quy tắc và khoa học, dễ viết, dễ phát âm, dễ học. Từ Gia Định Báo in chữ Quốc ngữ đầu tiên phát hành tại Sài Gòn 15.4.1865, năm 1908 chữ Quốc ngữ bắt đầu thay thế chữ Nôm và Hán. Chúng ta không quên ơn những cố học giả tây học nổi tiếng là. Petrus Trương Vĩnh Ký

(1837-1899), Paulus Huỳnh Tịnh Của (1830-1908) và Thánh Philip Phan Văn Minh (1815-1853) là những người hăng say, sốt sắng với Quốc văn từ đầu. Dịch thuật, viết báo, biên soạn giáo khoa, làm tự điển Việt-Pháp Pháp-Việt. Tiếp theo do sự cổ động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, kết hợp với nhiều nhà trí thức cấp tiến thời đó, khởi xướng ra các phong trào Duy Tân, Đông Du nhằm vận động cải cách văn hóa, chính trị trên toàn quốc, kêu gọi bãi bỏ Hán học, khuyến khích học Quốc ngữ để nâng



cao dân trí, với lý do đơn giản: Quốc ngữ dễ học, dễ viết, dễ phổ cập hơn chữ

Hán. Họ đã vận động phong trào mở trường dạy chữ Quốc ngữ khắp nước, rầm rộ nhất là ở Quảng Nam (1905), Bình Thuận Trường Dục Thanh, (1907) Hà Nội Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), chữ Quốc ngữ là văn tự chính thức của người Việt, dù chương trình học theo hệ thống giáo dục của Pháp, thực dân Pháp muốn dùng chính sách ngu dân để dễ cai trị, nên mở trường giới hạn nhằm đào tạo ra một giới trí thức làm việc cho họ. Ngày 18 tháng 9 năm 1924 toàn quyền Đông Dương Martial Merlin (1923-1925) ký quyết định chính thức cho dạy chữ Quốc ngữ ở ba năm đầu tiểu học. Phái tân học cũng như nhóm Tự Lực Văn Đoàn tiếp tục phát triển đưa chữ Quốc ngữ nhanh chóng trở thành văn tự phong phú giúp Việt Nam chấm dứt vĩnh viễn giai đoạn lệ thuộc chữ Hán và ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Trở lại vấn đề Chinh Phụ Ngâm Khúc cũng như các tác phẩm văn chương khác từ chữ Nôm dịch sang chữ Quốc ngữ. Trước 1975 chương trình giáo dục VNCH dùng những tác phẩm này giảng dạy cho học sinh Trung học.

Bối cảnh văn học sử

Sự ra đời tác phẩm Chinh Phụ Ngâm là thời gian Nguyễn Kiêu đi sứ Trung Hoa, ở nhà Bà Đoàn Thị Điểm săn sóc 3 đứa con của chồng đời vợ trước, không quên bổn phận về nhà thăm mẹ già, cùng chăm nom 2 đứa cháu con người anh. Ông Đặng Trần Côn

sáng tác Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn gửi bà xem thi phẩm đó. Đoàn Thị Điểm sinh trưởng cùng thời với Đặng Trần Côn trong giai đoạn chiến tranh triền miên, bối cảnh lịch sử ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc đời của thi nhân. Trong thời gian vắng chồng, bà đọc say mê tác phẩm này vì CPN nói lên nỗi lòng của chính mình, người chinh phụ cô



đơn nhớ chồng... Bà dịch Chinh Phụ Ngâm khúc ra chữ Nôm theo lối thơ trữ tình song thất lục bát gây xúc động cho người đọc nên được phổ biến sâu rộng trong dân gian, và danh bà đã gắn liền với tác phẩm được lưu truyền mãi mãi đến các đời sau.

Thân thế và sự nghiệp bà Đoàn Thị Điểm (1705-1746) hiệu Hồng Hà nữ sĩ, sanh năm Ất Dậu thời nhà Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông, Chúa Trịnh là Định Vương Trịnh Căn và Chúa Nguyễn ở phương Nam là Nguyễn Phúc Chu. Cuối thời Trịnh-Nguyễn phân tranh (1627-1775). Thân phụ bà là Đoàn Doãn Nghi, anh trai danh sĩ Đoàn Doãn Luân. Quê ở xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, thân phụ qua đời bà và mẹ về ở với anh ở huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (nay là

Hải Hưng). Năm 16 tuổi, Thượng thư Lê Anh Tuấn xin bà làm con nuôi rồi ngõ ý muốn tiến bà vào cung chúa Trịnh, nhưng bà không chịu chỉ ở ít lâu bà xin về cùng với anh chăm học trở nên người sành văn chương. Bà có sắc đẹp nhưng kén chồng.

Người anh qua đời bà phải gánh nặng gia đình, từng làm nghề thầy thuốc, dạy học, nhiều người đến hỏi cưới nhưng bà đều từ chối. Năm 37 tuổi bà lập gia đình với tiến sĩ Nguyễn Kiều, người làng Phú Xá, huyện Từ Liêm. Bà Đoàn Thị Điểm về nhà chồng, sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng họa thơ văn. Nhưng chưa đầy một tháng sau thì được lệnh vua gọi quan Thị lang Nguyễn Kiều đi làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh. Ông phải phụng chiếu ra đi, thông thường đi sứ như vậy trong vòng 2 năm thì xong việc, nhưng lần này khi sứ bộ trở về tới Quảng Tây gặp lúc dân chúng nổi lên chống nhà Thanh nên bị nghẽn đường. Sứ bộ Việt Nam phải lưu lại cả năm trời, chờ đến khi yên giặc. Trong thời gian này, những ngày Tết tha hương Nguyễn Kiều làm nhiều bài thơ nhớ nhưng người vợ mới cưới nơi quê nhà.

*Từ thơ niềm khách bên đèn mộng,
Tiếng pháo hò xe rộn ngõ ngoài.*

Sau hơn 3 năm xa cách Nguyễn Kiều trở về vợ chồng sum họp, bà Điểm trao cho chồng xem bản diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm, như bày tỏ nỗi niềm thương nhớ, đợi chờ. Năm 1748, ông Kiều được cử làm Tham thị ở Nghệ An, bà cùng chồng lên đường đến

nhiệm sở mới và bị bệnh qua đời tại đây ngày 11.09.1746. Thương cảm người bạn đời vất vả, Nguyễn Kiều viết bài văn tế, hết lời ca tụng văn tài và đức hạnh của bà :

Đào chưa tươi đã khô

Quế đang thơm đã rữa

Rừng sâu bể rộng nàng hỡi đi đâu

Ngọc nát châu chìm lòng tôi quặn nhớ...

Nghi án văn học bản dịch CHINH PHỤ NGÂM của ai?

Chinh phụ ngâm là tác phẩm trữ tình, là tâm sự giải bày cảm xúc số phận bi thương của người chinh phụ khi tình yêu và hạnh phúc đang ở độ nồng nàn đắm say mà phải xa nhau vì chinh chiến, diễn tả mọi buồn thương, oán trách, tiếc nuối, lo lắng, xót xa, nhớ nhung, mong đợi... của người chinh phụ.

Bà Đoàn Thị Điểm diễn dịch thơ Nôm theo âm điệu song thất lục bát đều đều, trầm lắng, qua âm thanh nhạc điệu vắn vương êm đềm như: tiếng trống, tiếng nhạc... đưa người vào thế giới của mộng, của mơ, của nhớ thương... Nhạc sĩ Quách Vĩnh Thiện (Paris) cảm xúc dòng nhạc trong lòng người chinh phụ nên phổ thành nhạc (mời nghe nhạc phần cuối bài).

Năm 1936 có tài liệu dẫn chứng ông Phan Huy Ích (1751-1822) làm quan của nhà Hậu Lê và cũng là một công thần của nhà Tây Sơn đã hoàn chỉnh bản dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, bà Đoàn Thị Điểm sinh năm 1705, ông Phan Huy Ích nhỏ hơn bà Điểm 46 tuổi, người diễn Nôm đầu tiên vẫn là bà Đoàn Thị Điểm. Bản dịch diễn thơ CPN của bà Đoàn thị Điểm là tâm tư,

cảnh ngộ của chính bà khi xa chồng, minh chứng bà khen Đặng Trần Côn qua hai câu cuối trong Chinh Phụ Ngâm:

Tương hội, tương kỳ tương kỷ ngôn

Ta hỡi! trượng phu đương như thị

Nghiã là cùng gặp gỡ, hẹn hò cùng gởi lời thiếp mỗi mong. Than ôi trượng phu nên như thế. Bà Điểm dịch ra thơ Nôm thêm chữ tài lãnh để nhấn cho ai đó, vẫn mãi mãi làm rung động cõi lòng như gọi niềm luyến tiếc xa xôi...

Ngâm nga, mong gởi chữ tình

Dường này âu hẳn tài lãnh trượng phu!



Theo tài liệu „Chinh Phụ Ngâm có 7 bản dịch và phỏng dịch bằng các thể thơ lục bát (3 bản) hoặc song thất lục bát (4 bản) của các dịch giả: Đoàn Thị Điểm, Phan Huy Ích, Nguyễn Khản, Bạch Liên am Nguyễn và hai tác giả khuyết danh. Bản dịch thành công nhất và phổ biến nhất xưa nay, theo thể song thất lục bát, có độ dài

412 câu (theo bản in chữ Nôm cũ hiện còn, ký hiệu 1902:AB.26) hoặc 408 câu (một bản in khác lưu tại thư viện Paris) có người cho là Đoàn Thị Điểm, có người cho là của Phan Huy Ích, giáo sư Hoàng Xuân Hãn xuất bản cuốn Chinh phụ ngâm bị khảo (Paris, Minh tân, 1953) ông cho rằng người dịch từ chữ Hán ra chữ Nôm là Phan Huy Ích chứ không phải là Đoàn thị Điểm“. Kết luận của ông Hãn có hợp lý không? bản chữ Nôm lời văn nhẹ nhàng của nữ giới hợp với tâm trạng của người thiếu phụ chờ chồng. Gia phả họ Phan chỉ nói có bản dịch mà không có di cảo, bản của Nguyễn Khản cũng chưa tìm ra được.

Viện Nghiên Cứu Hán Nôm ở Hà Nội có thể họ đủ tài liệu tham khảo nên trong phần theo Di Sản Hán Nôm viết „Nỗi nhớ mong chồng và niềm ước mơ cuộc sống lứa đôi của người chinh phụ có chồng chinh chiến phương xa. Nguyên văn viết bằng chữ Hán theo thể trường đoản cú của Đặng Trần Côn, bản dịch ra chữ Nôm theo thể ngâm 7-7/6-8 của Đoàn Thị Điểm“. <http://bit.ly/14XXUEU>. Có thể kết luận Phan Huy Ích nhuận sắc lại bản dịch trước kia của Đoàn Thị Điểm thì đúng hơn, mong nghi án văn học sớm được giải mã đúng sự thật.

Trải qua nhiều thế kỷ dân tộc Việt Nam phải đương đầu chống giặc ngoại xâm, trai tráng phải tòng quân dẹp giặc, vì hoàn cảnh xã hội những người phụ nữ phải đảm nhiệm công việc gia đình. Chinh Phụ Ngâm là một áng văn tuyệt diệu nói lên tâm sự của một người vợ có chồng đang chiến đấu ngoài biên thùy xa xăm. Người chinh phụ sống cô đơn

lạnh lẽo với trăm nhớ, ngàn thương, lời văn làm rung động lòng người. Nhập đề là cảnh báo về thảm họa của chiến tranh, nhất là thảm họa mà người phụ nữ phải gánh chịu:

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm tầng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này
Trống Trường Thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây
Chín lần gương báu trao tay*

Thân phận làm trai trong cuộc chiến phải xếp bút nghiên để thi hành nhiệm vụ người trai thời loạn. Người chinh phụ trong lòng buồn khổ nhưng rồi tự hãnh diện và ngưỡng mộ cái chí khí anh hùng thời loạn chống giặc của chinh phu:

*Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung
Thành liền mong tiến bộ rông
Thuốc gương thề quyết chẳng dung giặc trời.
Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa.
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.
Giã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.*

Người chinh phụ ở nhà tưởng tượng người chồng nơi chiến trường rục rờ, uy nghi cưỡi ngựa trắng như một trang dũng tướng giữa đoàn quân:

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.*

Thương nhớ chồng, người chinh phụ luôn lo tròn trách nhiệm với con, với mẹ

chông, nhưng đêm về một mình đơn chiếc
cảm thương cho tình cảnh lẻ loi của chính
mình, chỉ biết âm thầm chờ đợi trong khổ
đau mòn mỏi:

*Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi
Đạ chàng xa muôn cõi nghìn non.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp, ai rầu hơn ai?*

Thực trạng đời sống nội tâm tràn ngập
đau buồn nhưng chàng xa xôi quá em biết
gửi tâm sự về đâu...

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai?
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.*

Đời sống đôi khi trở thành mộng,
những nỗi khao khát hạnh phúc yêu đương
thâm kín của người chinh phụ chỉ tìm vào
giấc mộng, dù giấc mộng chợt đến chợt đi,
mà thực tế thì phủ phàn bởi ngày tháng trôi
qua trong vắng lạnh cô đơn, chua xót đợi
chờ người chinh phu trở lại trong nắng âm
tình nồng vẫn còn mù mịt khói mây...

*Sum vầy mấy lúc tình cờ
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân
Giận thiếp thân lại không bằng mộng
Được gần chàng bên Lũng thành quan
Khi mơ những tiếc khi tàn
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không*

Tả cảnh đêm buồn thấu tâm can không
những sát với nguyên tác mà có phần còn
vượt nguyên tác.

Chòm tuyết phủ, bụi chim gù

SỐ 63

*Sân tường kêu vắng, chuông chùa nên khơi.
Vài tiếng đé nguyệt soi trước nóc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.*



Nhìn cảnh trăng hoa lòng bóng lòng
chinh phụ cô đơn khắc khoải đợi chờ người
chinh phu ngoài chiến trận, nhìn trăng sáng
mà lòng ray rức nhớ thương:

*Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa đãi nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng phùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau.*

(rất tiếc bản chữ Nôm trong font Unicode
thiếu nhiều nét có lỗi là không được hoàn hảo).

Chinh Phụ Ngâm Khúc là nỗi buồn của
người chinh phụ, nhưng không thiếu những
đoạn đề cao chí khí đấng nam nhi, chiến
đấu cho lý tưởng, phụng sự cho đất nước và
dân tộc, Sự đề cao tình yêu trong cuộc
chiến để khơi dậy lương tâm con người,
không một ai muốn xảy ra chiến tranh

37

tương tàn đổ nát, đất nước thanh bình vẫn là niềm khát khao của nhân loại.

Chinh Phụ Ngâm càng ngày càng được tán thưởng dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Bản dịch tiếng Pháp bởi Hoàng Xuân Nhị, „Plaintes d'une Chinh phụ“, Mercure de France xb, Paris 1959. bản dịch tiếng Nhật do giáo sư Takeuchi Yonosuke Đại học Thu lâm xb, Đông kinh 1984. Tiến sĩ Bae Yang Soo, giáo sư khoa Tiếng Việt, Trường Đại học ngoại ngữ Busan (Hàn Quốc) dịch sang tiếng Hàn, bản tiếng Anh do Huỳnh Sanh Thông dịch „The song of a Soldier's Wife“, Yale University xb, New Haven, Connecticut, 1987.

Truyện Tục Truyền Kỳ Tân Phả văn xuôi chữ Hán có xen thơ và văn tế trong có 7 truyện: trong Nam sử tập biên (Q.5, viết năm 1724) Gia phả họ Đoàn, thi Đoàn Thị Điểm chỉ viết có 3 truyện là:

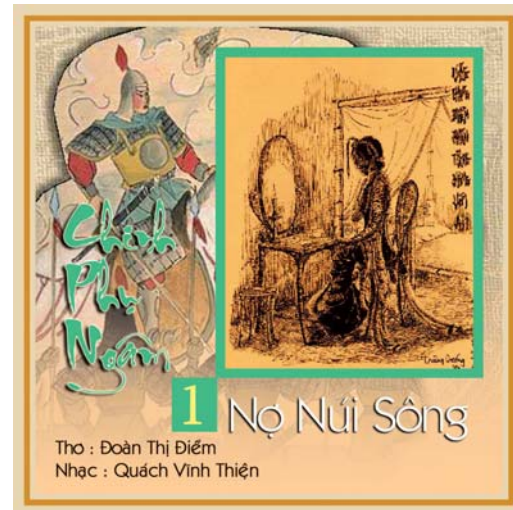
a/ Hải khẩu linh từ (Đền thiêng cửa biển), là chuyện nữ thần Chế Thống, tức Nguyễn Thị Bích Châu, cung phi của Trần Duệ Tông đã hy sinh thân mình để nhà vua được an toàn đưa chiến thuyền vào đánh quân Chiêm Thành.

b/ Vân Cát thần nữ (Thần nữ Vân Cát), là chuyện bà chúa Liễu Hạnh, một nhân vật huyền thoại có nhiều quyền năng siêu phàm, một trong bốn vị „Tứ bất tử“ Tân Viên, Thánh Gióng, Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử.

c/ An Ấp liệt nữ (Liệt nữ ở An Ấp), là chuyện vợ thứ ông Đinh Nho Hoàn đời vua Lê Dụ Tông đã tuẫn tiết theo chồng.

Cổ nhà văn Lãng Nhân nhận xét Đoàn Thị Điểm: „Bà là một nữ sĩ có thi tài lỗi lạc, lời thơ tao nhã, đài các, bóng bẩy đầy âm điệu. Bà còn là một phụ nữ mẫu mực nhỏ

phong, đầy đủ hiểu thảo, nghĩa khí“. Đàn bà Việt Nam nổi danh trong lịch sử như hai Bà Trưng, bà Triệu, Bùi Thị Xuân là những anh hùng liệt nữ vị quốc vong thân....Nhưng người chinh phụ lo việc nhà để người chồng ra chiến trận bảo vệ quê



hương cũng đóng góp một vai trò rất quan trọng. Chinh phụ ngâm diễn tả đời sống chinh phụ với một tâm hồn thanh cao luôn hy sinh, tận tụy đảm đang việc nhà, giáo dục con cái và thủy chung. Đức tính cao quý trên của người đàn bà Việt Nam xưa và nay luôn được tôn vinh. Thành thật cảm ơn các nhà văn, học giả của khoahocnet.com, Nguyệt san Cỏ Thơm góp ý quý báu cho bài sưu khảo này, tuy nhiên bài viết không tránh được sự thiếu sót, kính mong quý vị thức giả chỉ giáo thêm.

Nguyễn Quý Đại

www.hoamunich.wordpress.com

Tháng 5.2013

Mời quý vị thưởng thức nhạc sĩ Quách Vĩnh Thiện phổ nhạc Chinh Phụ Ngâm Khúc và đọc tiếp bài Giai thoại Đoàn Thị Điểm CD1 – Chinh Phụ Ngâm – Nợ Núi Sông <http://thienmusic5.free.fr/CD-Culturel-ChinhPhuNgam-1.htm>
CD2 – Chinh Phụ Ngâm – Vinh Quang <http://thienmusic5.free.fr/CD-Culturel-ChinhPhuNgam-2.htm>

Tài liệu tham khảo

Tài liệu theo trang <http://bit.ly/14XYHWq>
* Chinh Phụ Ngâm khúc bản chữ Nôm - Quốc ngữ <http://bit.ly/XrsH5k>
* Chinh Phụ Ngâm bản chữ Nôm và Hán văn <http://bit.ly/ZJmWzB>
Từ điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam Nguyễn Quyết Thắng
Chinh Phụ Ngâm Khúc từ sách khởi hành Giai thoại của Lãng Nhân cơ sở Xb Zielks Người Việt của Hồng Kim Linh NXB nghiên cứu dân tộc ngôn ngữ HL 1999
Wikipedia, Văn phòng Nôm Na - Hội Bảo Tồn Di Sản Chữ Nôm) bản Hán- Nôm <http://bit.ly/Z8vSP9> Nguồn gốc hình trên internet

ⁱ Theo tác giả linh mục tiến sĩ Hồng Kim Linh trong Người Việt tập sau:

- Đại khái có 4 phép tắc như
a- phép đồng âm nghĩa trong chữ Hán Việt
b- Phép loại âm tức dùng Hán Việt có âm thanh tương tự rồi thêm dấu chấm bên phải
c- Phép hình thanh, ghép 2 chữ Hán lại, một phần chỉ ý, một phần chỉ âm
d -Phép hội ý gồm hai chữ hợp lại thành phù hiệu riêng để chỉ ý.

ⁱⁱ Chữ Nôm là chữ Quốc Ngữ thuần túy

Thí dụ: Chữ TRỜI.

Nguyên văn chữ Hán là THIÊN
Chữ Nôm là ghép hai chữ THIÊN + THƯỢNG = TRỜI

Khi một người biết đọc chữ NÔM thì đọc ngay là TRỜI.

Cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều là hoàn toàn viết bằng chữ Nôm. Muốn đọc chữ Nôm thì phải học chữ Nôm chứ không cần phải qua trung gian một ngôn ngữ nào cả. Góp ý của nhà văn Tiến sĩ Trần Kim Đoàn ⁱⁱⁱ Trước đây những bài thơ nôm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm hay cả truyện Kiều người mình vẫn quen gọi là thơ QUỐC ÂM. Nếu mình gọi QUỐC ÂM được thì dùng quốc ngữ để viết được rồi. Quốc ngữ hồi xưa của mình là chữ Nôm (chữ Việt gốc Hán), khi chữ Việt gốc La Tinh dần phát triển và thay thế chữ Nôm có thể những người phụ trách việc giáo dục quốc dân sẽ tự động chuyển những tác phẩm chữ Việt gốc Hán (chữ Nôm) sang chữ Việt gốc La Tinh thôi. Bản Chinh Phụ Ngâm bà Đoàn Thị Điểm diễn NÔM là một tập thơ quá hay tất nhiên cũng sẽ được nhiều người yêu thích và sẽ tự động chuyển ra chữ Việt hiện đại để phổ biến. Việc tìm hiểu ai là người viết bản thơ này sang loại chữ Việt abc đầu tiên khó lắm. Cũng xin ông lưu ý một điểm là sau này con cháu ông Phan Huy Ích lại cho rằng bản dịch Chinh Phụ Ngâm (mà thời chúng ta được học, được dạy là của bà Đoàn Thị Điểm) là do ông Phan Huy Ích dịch.

Góp ý của nhà văn Ngô Viết Trọng

NGUỒN XƯA

*Ta như chim đã lìa rừng
Khi về chốn cũ rưng rưng cõi lòng
Cá hồi tìm lại bến sông
Qua bao đại hải bão giông sóng cồn
Thân tàn bóng xế hoàng hôn
Ta nghe lệ nhỏ trong hồn tái tê
Ta từ ngàn dặm sơn khê
Dừng chân phiêu lãng trở về nguồn xưa
Chiều vương nắng nhạt lưa thưa
Sông Thu soi bóng hàng dừa lũy tre
Đò đưa trên bến chiều hè
Âm vang điệp khúc tiếng ve gọi sâu
Quê nghèo qua mấy biển dâu
Về thăm vườn cũ còn đâu gia đình
Chỉ còn âm vọng lời kinh
Độ trì cho những bóng hình thân thương
Tâm thành thấp một nén hương
Ngâm ngùi trở gót trên đường lưu vong*

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

(1949-2008)

(Trích *THƠ TÌNH, CỔ THƠM* 2007)

HUẾ CỦA RIÊNG TÔI

*Huế của riêng tôi, một góc trời
Trầm tư lặng lẽ êm đêm trôi
Sông Hương e ấp đôi bờ mộng
Núi Ngự mơ màng gió thổi xuôi.*

*Thương quá em tôi lỡ một thời
Duyên xưa chưa thấm đã chia phôi
Tôi đi về phía phương trời khác
Để lại tình em những khúc nôi*

*Huế của riêng tôi mãi đậm đà
Dù bao năm tháng đã chia xa
Tim tôi vẫn mãi là tim Huế
Yêu Huế nồng nàn, Huế thiết tha.*

*Hồn Huế buồn buồn, bướm hóa mây
Mây bay khắp nẻo trời đông tây
Mậu Thân năm ấy buồn chi lạ
Cầu sập, thành tan, Huế đọa đầy.*

*Nay đã xa rồi, Huế biết không !
Sông Hương còn lại những chờ mong
Mang mang mấy điệu Nam Bình cũ
Huế của riêng tôi, một tấm lòng.*

Virginia, 3-2013

ĐĂNG NGUYỄN

VĂN HÀO NGÀ
VLADIMIR V. NABOKOV
(1899-1977)
với Tác Phẩm Lolita

Phạm Văn Tuấn

Vladimir Vladimirovich Nabokov là nhà văn Mỹ gốc Nga. Ông đã viết ra các tác phẩm văn chương đầu tiên bằng tiếng Nga nhưng sau khi tới Hoa Kỳ vì hoàn cảnh tị nạn, ông Nabokov đã sáng tác các tiểu thuyết bằng tiếng Anh rồi nổi tiếng trên văn đàn thế giới do thể văn đặc biệt. Ông Nabokov cũng đóng góp nhiều công sức vào ngành khảo sát bướm bướm (lepidoptery) và sáng tạo một số bài toán về cờ vua (chess).

I/ Cuộc đời của Nhà Văn Vladimir Nabokov.

Vladimir V. Nabokov là con trai của ông Vladimir Dmitrievich Nabokov và bà Elena, tên gốc là Elena Ivanovna Ruskavishnikova. Ông chào đời vào ngày 22 tháng 4 năm 1899 trong một gia đình quý tộc rất giàu có tại thành phố St. Petersburg, nước Nga, và đã sinh sống thời niên thiếu tại nơi này. Tuổi trẻ của ông Nabokov được ông coi là "hoàn hảo" bởi vì gia cảnh rất giàu có, với phương tiện dồi dào, với các người trong gia đình nói đồng thời ba thứ tiếng Nga, tiếng Anh và tiếng Pháp.

Người cha, ông Vladimir Dmitrievich Nabokov là một luật sư, một nhà báo và một chính khách, đã dùng một tòa nhà lớn bằng đá granite, màu hồng, là nơi hội họp của các nhà trí thức danh tiếng trên thế giới, kể cả các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ và các chủ ngân hàng.



Khi cậu Vladimir được 16 tuổi, ông chú Vaisiliy Ivanovich Rukavishnikov đã tặng cho cậu hai món quà sinh nhật đáng ngạc nhiên, đó là một bất động sản rộng lớn và một số tiền tương đương với hai triệu Mỹ kim. Cậu Vladimir đã xài tiền một cách phung phí kể cả việc trả chi phí in ấn cho một tập thơ, in đặc biệt với 500 ấn bản.

Như vậy ngay từ thuở thiếu thời, Nabokov đã là một đứa trẻ nói ba ngôn ngữ, lại có thể đọc và viết tiếng Anh dễ dàng hơn là đối với tiếng Nga, đây là điều làm cho người cha ái quốc phải buồn lòng. Những hồi tưởng về các ưu đãi của tuổi trẻ đã được tác giả Nabokov kể lại trong tác phẩm "Nói, Trí Nhớ" (Speak, Memory), cũng như được đề cập tới trong cuốn truyện đầu tiên

"Mary", rồi sau này còn được thuật lại rải rác trong những sáng tác khác như "Ada hay Ardor: Biên Niên Sử của một Gia Đình" (Ada or Ardor: a Family Chronicle).

Vào năm 1917 tại nước Nga xảy ra cuộc Cách Mạng Cộng Sản. Sa Hoàng Nicholas II phải thoái vị. Dân quân Bolsheviks chiếm chính quyền và tịch thu tài sản của các người giàu có cũng như các người bị nghi ngờ về chính trị. Gia đình Nabokov phải bỏ chạy khỏi thành phố St. Petersburg, chỉ mang theo được một số nhỏ nữ trang, họ sống nhờ các người bạn tại Yalta rồi Constantinople trong 18 tháng. Họ tưởng rằng sẽ sớm có dịp trở lại quê hương nhưng sau khi các toán quân Bạch Vệ (the White Army) bị thất trận tại Crimea vào năm 1919 thì gia đình Nabokov đành phải đi lưu vong sang nước Anh.

Khi sống tại nước Anh, Vladimir Nabokov và người em tên là Sergi (1900 - 1945) đã xin được các học bổng dành cho những người mới di cư để theo học tại trường Đại Học Trinity (Trinity College), Cambridge. Vladimir theo học các ngôn ngữ Slavic và Romance, những kinh nghiệm và hiểu biết này đã giúp ông về sau viết nên tác phẩm "Huy Hoàng" (Glory).

Vào năm 1923, Nabokov tốt nghiệp từ trường Đại Học ở Cambridge nhưng rồi theo gia đình di chuyển qua thành phố Berlin, nước Đức. Tại cộng đồng các người tị nạn Nga sinh sống trong thành phố Berlin, Vladimir Nabokov đã nổi danh là một nhà thơ và một tiểu thuyết gia, viết văn bằng bí danh Vladimir Sirin. Vào năm 1925, ông Nabokov đã kết hôn tại Berlin với cô Vera Slonim rồi hai năm sau, họ có người con trai Dmitri ra đời.

Tại thành phố Berlin vào năm 1922, người cha của Vladimir Nabokov là ông Dmitrievich đã bị ám sát chết khi ông đứng che chở cho ông Pavel Milyukov, một lãnh tụ lưu vong của đảng Dân Chủ Lập Hiến Nga

(the Constitutional Democratic Party), do bị các người quân chủ Nga (monarchists) xả súng bắn trong một cuộc hội họp chính trị.

Hình ảnh của cảnh chết bất ngờ vì bị hiểu lầm này đã được phản ánh qua các truyện hư cấu của tác giả Nabokov trong đó có các nhân vật đã gặp cảnh chết một cách tàn bạo, chẳng hạn như trong tác phẩm "Lửa Xanh Nhạt" (Pale Fire), nhà thơ Shade vì trông giống như một quan tòa, nên đã bị sát hại.

Vladimir Nabokov là một con người bị "kích cảm" (a synesthete) và ông đã mô tả trong nhiều tác phẩm các khía cạnh khác nhau của bệnh kích cảm (synesthesia). Đây là chứng bệnh của một người khi bị kích thích, sẽ gặp một cảm giác phụ, chẳng hạn như khi người này nhìn thấy một màu sắc đặc biệt thì sẽ cảm nhận được một mùi hương khác thường. Trong cuốn hồi ký có tên là "Nói, Trí Nhớ" (Speak, Memory), tác giả Nabokov cũng ghi lại rằng bà vợ của ông cũng bị chứng bệnh kể trên.

Vào năm 1937, gia đình Nabokov dọn nhà qua thành phố Paris rồi khi quân Đức Quốc Xã tràn sang đất Pháp, và ông Vladimir đã giảng dạy văn chương tại trường Đại Học Stanford. Chính tại Hoa Kỳ, Nabokov đã gặp ông Edmund Wilson, là người đã giới thiệu các tác phẩm của Nabokov với các độc giả Mỹ, khiến cho sau này, danh tiếng của Nabokov đạt tầm vóc quốc tế.

Năm 1941, Vladimir Nabokov tới trường Đại Học Wellesley, nhận chân Giáo Sư Diễn Giảng (lecturer) về môn Văn Học So Sánh (comparative literature). Ông trở nên người sáng lập ra Phân Khoa Tiếng Nga của Đại Học Wellesley. Nhờ có công việc ổn định, lợi tức đầy đủ và nhiều thời giờ rảnh rỗi, ông có thể theo đuổi công việc sáng tạo và khảo sát về con bươm bướm.

Sau các lần đi diễn thuyết tại các trường đại học vòng quanh Hoa Kỳ,

Vladimir Nabokov trở lại trường Đại Học Wellesley và trong thời kỳ từ 1944 tới 1948, ông vừa dạy tiếng Nga, vừa giảng giải về Văn Chương Nga. Ông thường diễn thuyết về các nhà văn Nga quan trọng thuộc thế kỷ 19 và các sinh viên đã đánh giá cao sự giảng dạy này, họ đã coi các bài giảng của ông là "vui, nhiều kiến thức và châm biếm một cách trong sáng" (brilliantly satirical). Ông Nabokov và gia đình xin vào quốc tịch Hoa Kỳ năm 1945.

Lớp học của ông Nabokov khá đông sinh viên nhờ cách giảng bài độc đáo và cũng vì vào thời gian này, người Mỹ đang quan tâm tới các vấn đề của Liên Xô. Vladimir Nabokov còn là người quản thủ (curator) về loài bướm bướm của Viện Bảo Tàng Sinh Học So Sánh của Trường Đại Học Harvard (Harvard's Museum of Comparative Biology).

Do lời khuyên của ông Morris Bishop, ông Nabokov rời khỏi trường Đại Học Wellesley vào năm 1948 để đi giảng dạy Văn Chương Nga và Văn Chương Châu Âu tại trường Đại Học Cornell.

Trong khi đi du lịch tại miền Tây của Hoa Kỳ, Nabokov bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết "Lolita". Vào tháng 6/1953, ông và gia đình tới Ashland, thuộc tiểu bang Oregon, và đã thuê một căn nhà trên đường Meade, tại nơi này, ông hoàn tất cuốn truyện "Lolita" và viết sang cuốn tiểu thuyết "Invitation of a Small Creature". Ông cũng đi lang thang tại các miền núi lân cận để tìm bắt bướm bướm. Ngày 1/10/1953, Vladimir Nabokov dọn gia đình về Ithaca, New York.

Nhờ sự thành công của tác phẩm "Lolita", nhà văn Nabokov có thể di chuyển qua châu Âu và dồn thời giờ vào công việc sáng tác. Ông sống tại Montreux, Thụy Sĩ, từ năm 1961 cho tới lúc qua đời vào ngày 02 tháng 7 năm 1977.

III/ Về công trình văn học của Văn Hào Vladimir Nabokov.

Vladimir Nabokov là nhà văn lúc ban đầu sáng tác bằng tiếng Nga nhưng về sau lại viết văn dễ dàng bằng tiếng Anh, sự kiện này khiến cho có người so sánh ông với nhà văn Joseph Conrad. Sự so sánh này không được chính xác bởi vì Conrad chỉ viết văn bằng tiếng Anh mà không bao giờ bằng tiếng Ba Lan, tức là tiếng mẹ đẻ.

Nabokov cũng dịch vài tác phẩm ban đầu của chính ông viết bằng tiếng Nga sang tiếng Anh, đôi khi với sự phụ giúp của người con trai Dmitri. Có lần, ông đã mô tả cách chuyển dịch ngôn ngữ này giống như một người đi chậm chạp từ một làng này sang một làng khác, trong tay chỉ cầm một ngọn nến soi đường. Nabokov quan niệm rằng khi viết ra một quyển truyện, ông cần phải chuyển dịch các ký ức của chính mình sang tiếng Anh, đã phải mất rất nhiều thời giờ để cắt nghĩa những điều mà ở nước Nga, được mọi người đều biết rõ. Nabokov cũng tự mình dịch sang tiếng Nga cuốn tiểu thuyết "Lolita" và cuốn "Bằng Chứng Rõ Ràng" (Conclusive Evidence).

Giới văn học thường ca ngợi Vladimir Nabokov vì cuốn tiểu thuyết quan trọng nhất của ông: "Lolita" (1955) trong đó tác giả đã dùng lối chơi chữ (word play) phức tạp nhưng khéo léo, cách trình bày tỉ mỉ, đã kể lại nỗi đam mê của một người đàn ông trưởng thành với một em gái 12 tuổi.

Lolita là một tiểu thuyết mô tả dục vọng mà đối với nhiều độc giả vào giai đoạn đó, đã coi là một tác phẩm dâm tục, là một cách khai thác "tình dục" (sex) bằng văn chương (literary exploration of sex), đã mô tả quan hệ tình dục với trẻ em (pedophilia) và các cách nô lệ tình dục khác (sexual slavery).

Vào đầu thế kỷ 20, do bị ảnh hưởng của các bài viết của Sigmund Freud, các nhà văn bắt đầu khai thác một đề tài gây

tranh luận, đó là dục vọng (sexual desire) và các hành động (activity), điển hình nhất là cuốn tiểu thuyết "Người Tình của Bà Chatterley" (Lady Chatterley's Lover) do D. H. Lawrence, một nhà văn người Anh. Do có nội dung phơi bày cảnh dâm tục, cuốn tiểu thuyết này đã bị cấm đọc tại một số quốc gia ở châu Âu. Vào năm 1923, nhà văn James Joyce cũng cho phổ biến tác phẩm vĩ đại "Ulysses" bên trong cũng mô tả cảnh dâm tục và thói thủ dâm (masturbation). Tác phẩm này đã bị cấm bán tại Hoa Kỳ do một quyết định của tòa án vào năm 1933.

Tuy nhiên, cuốn tiểu thuyết "Lolita" cùng với vài cuốn khác như cuốn "Lửa Xanh Nhạt" (Pale Fire, 1962) đã đưa tác giả Vladimir Nabokov lên hàng các tiểu thuyết gia danh tiếng nhất của Thế Kỷ 20 (the greatest novelists of the 20th century).

Một công trình khác được chính tác giả Nabokov đánh giá cao là việc chuyển dịch sang tiếng Anh và bình giảng 4 cuốn tác phẩm thơ có tên là "Eugene Onegin" của Alexandr Pushkin. Qua "Các bài thuyết trình về Văn Chương" (Lectures on Literature), các ý tưởng về nghệ thuật của Vladimir Nabokov là những điều gây tranh luận, bởi vì tác giả Nabokov tin tưởng rằng các cuốn tiểu thuyết không nên nhắm vào việc dạy dỗ (teach) các độc giả và các độc giả không nên chỉ thông cảm với các nhân vật trong truyện mà cần đạt tới một thứ thưởng thức nghệ thuật cao hơn, do độc giả chú ý vào các chi tiết của thể văn (style) và cấu trúc của câu chuyện. Nabokov là tác giả đã quá chú trọng vào ngôn ngữ (language) và chi tiết, hơn là vào cách khai triển nhân vật (character development).

Khi giảng dạy tác phẩm "Ulysses" của James Joyce, cùng với một bản đồ, Nabokov đã đòi hỏi các sinh viên phải tìm ra các nhân vật ở trong truyện đã sinh sống tại chỗ nào trong thành phố Dublin mà

không giải thích về lịch sử phức tạp của xứ Ái Nhĩ Lan (Irish history), đây là điều các nhà phê bình cho rằng rất quan trọng trong việc tìm hiểu cuốn tiểu thuyết "Ulysses".

III/ Cuốn Tiểu Thuyết Lolita.

1/ Các nhân vật trong truyện.

a) Humbert Humbert: là một người trí thức vào tuổi trung niên, thường bị ám ảnh bởi các kiểu nữ. Đây là nhân vật chính và là người kể truyện trong cuốn tiểu thuyết, đã thuật lại mối tình với nàng Lolita, nhiều năm chung sống với cô nàng này, sự việc bỏ đi của cô nàng và hành động giết chết Quilty, một kẻ dâm dục trẻ em và là người chuyên viết dâm thư.

b) Clare Quilty: là một nhà văn nổi tiếng, đồng thời cũng viết dâm thư trẻ em. Anh chàng này đã hối lộ Lolita để nàng từ bỏ Humbert rồi tới sống và làm việc với hắn. Vào phần cuối của cuốn truyện, Humbert đã giết chết Quilty dù cho Quilty rõ ràng là một kẻ điên rồ.

c) Dolores Haze: là một thiếu nữ có biệt danh "Lolita". Nàng là con gái của Charlotte Haze, là con gái riêng của bà vợ, gọi Humbert là cha ghê. Cô nàng Lolita này được mô tả là một người nữ hấp dẫn, đã duy trì một thứ sức mạnh tình dục đối với Humbert và biến người đàn ông này thành một kẻ nô lệ. Về sau, nàng Lolita bỏ đi theo Clare Quilty rồi qua đời khi sinh con vào tuổi 18.

d) Charlotte Haze: là mẹ của Lolita và vợ của Humbert. Đây là một người đàn bà có niềm tin tôn giáo, đã không chấp nhận việc làm của con gái và đã cố gắng ngăn cản cô nàng này đi theo Humbert. Charlotte đã qua đời khi bị đụng xe sau khi đọc phần nhật ký của Humbert trong đó có ghi rõ anh chàng này không ưa bà ta và thèm muốn Lolita.

2/ Cốt truyện của tác phẩm.

“Lolita” là một tác phẩm văn chương trong đó trình bày tâm lý của một người đàn ông mắc bệnh tâm thần nặng nề. Giống như trong các cuốn tiểu thuyết khác của nhà văn Nabokov, tác phẩm Lolita cũng khiến cho độc giả phải có cảm tình với các nhân vật bên lề. Tác phẩm này cũng chứa đựng các truyện “tiểu lâm” (sexual jokes) khá khó hiểu đối với các người bình thường, khiến cho có người nói rằng không có ai hiểu rõ tác phẩm. Tuy nhiên, đây là một sáng tác văn học đã đem lại vinh dự cho tác giả và là tác phẩm được nhiều người tưởng nhớ tới nhất.

Nhân vật chính trong truyện là Humbert, đã viết lại các việc làm và suy tư của mình trong nhà giam, khi chờ đợi bị ra hầu tòa. Tác phẩm “Lolita” hay “Lời thú tội của một người đàn ông da trắng góa vợ” (Lolita or the Confession of a White Widow Male), đã kể lại quá trình của liên lạc tình dục của mình với một thiếu nữ trẻ. Humbert thú nhận đã bị ám ảnh vì các nàng kiều nữ trong suốt cuộc đời trưởng thành của mình.

Khi còn là một thiếu niên, Humbert đã yêu thương một cô gái trẻ tên là Annabel, nhưng không được đáp lại rồi do tình dục với Annabel không được thỏa mãn, Humbert đã say đắm Lolita.

Trước kia, Humbert đã lập gia đình với người đàn bà tên là Valeria nhưng cuộc hôn nhân này chấm dứt khi bà vợ bỏ đi, theo một người đàn ông khác vào buổi tối trước ngày di cư từ Pháp qua Hoa Kỳ. Tại Hoa Kỳ, Humbert sinh sống trong tỉnh Ramsdale, thuê một phòng trong căn nhà của bà Charlotte Haze, bà này có người con gái 12 tuổi tên là Dolores. Lúc đầu Humbert và Dolores không hợp với nhau và Dolores, tức Lolita, được gửi đi tham dự một khóa trại hè. Trong khi đó, bà Charlotte đề nghị hôn nhân với Humbert, và dù cho

không ưa người đàn bà này, Humbert đã nhận lời để có cơ hội sống gần Lolita.

Trước khi Lolita trở về từ trại hè, bà Charlotte đã đọc được các trang nhật ký của Humbert, bên trong nói rõ hẳn không yêu bà ta mà chỉ thèm muốn Lolita. Charlotte đã hóa điên, bèn viết thư cho Lolita và khi chạy qua đường, bà ta đã bị xe hơi cán chết.

Sau đó Humbert đã đi tìm kiếm Lolita, nói dối rằng bà Charlotte hiện đang nằm bệnh viện và rồi Humbert đã quyến rũ Lolita. Hai người đưa nhau đi chơi trong 48 tiểu bang trước khi Humbert đưa Lolita trở lại thành phố cũ Beardsley để theo một trường trung học. Nhưng rồi bỗng nhiên Lolita biến mất. Humbert đi tìm kiếm nhưng 3 năm sau, mới nhận được thư của Lolita, bây giờ đã 18 tuổi, cho biết nàng đã lấy chồng, đang mang bầu và đang cần tiền. Humbert tìm đến địa chỉ của Lolita, đưa cho nàng 4 ngàn mỹ kim và hỏi nàng đã ra đi với ai. Lolita đã nói về Quilty. Sau đó, Humbert đã đi tìm kiếm Quilty, lén vào nhà và giết chết anh chàng này. Sau khi lái xe về nhà và vượt đèn đỏ, Humbert bị bắt giữ và vì thấy các vết máu cùng với khẩu súng, Humbert đã bị tống giam. Kẻ phạm tội này về sau đã chết trong nhà tù còn Lolita cũng qua đời khi sinh ra đứa nhỏ yếu vong.

3/ Nhận xét về cuốn tiểu thuyết Lolita.

Lolita là cuốn tiểu thuyết nói về dục vọng và sát nhân, hay còn được gọi là cuốn truyện đề cập tới việc giải tòa các thèm muốn. Cuốn tiểu thuyết này có thể được chia làm 2 phần. Phần đầu nói về sự thèm muốn của Humbert đối với người con gái riêng của vợ mình rồi kết cuộc bằng sự bắt đầu mối tình của hai người này, với hành động chính là tình dục giữa Humbert và Lolita. Phần thứ hai kể lại về sự mất tích của Lolita và việc săn lùng Guilty với hành động chính là Quilty đã bị giết chết.

Humbert là con người chỉ muốn chiếm đoạt kẻ khác. Lúc đầu anh ta muốn cưới vợ, nên đã lập gia đình với Valeria. Sau đó vì muốn tình dục với Lolita, anh ta đã cưới Charlotte để được sống gần với người thiếu nữ đang tuổi xuân xanh, rồi sau đó anh ta cũng đã thành công. Humbert muốn trả thù Quilty, vì vậy anh ta đã giết Quilty. Mỗi lần Humbert muốn gì, cuốn truyện đã mô tả anh ta đạt được ý muốn đó ra sao. Cuốn truyện cũng mô tả các chi tiết của các thúc đẩy nội tâm (inner drives) của Humbert, đây là con người đã nhìn thấy rõ cơ thể của mình thèm muốn gì để về sau, anh ta đã làm gì để chiếm đoạt, theo như lý thuyết của Freud về cách khai thác tâm lý (psychological exploration).

Cuốn truyện của cho biết lời tâm sự của một kẻ sát nhân đang ở trong nhà tù, bị thất vọng, và kẻ gian này đã nghĩ lại về các hành động dâm dục và làm hại kẻ khác, và đây là hai trong số các bản chất căn bản nhất của con người.

Cuốn tiểu thuyết Lolita của Vladimir Nabokov là cuốn truyện đề cập tới sự dâm dục bị ám ảnh và các hành động bạo hành đổ máu. Các cảnh chết người thường thấy trong cuốn này. Khởi đầu cuốn truyện là cảnh qua đời của người mẹ của Humbert, rồi tiếp theo là các cái chết của Annabel, Charlotte và Quilty rồi cuối cùng, tới lượt Humbert và Lolita. Sự chết chóc được mô tả là thông thường, bởi vì cuốn tiểu thuyết cho người đọc thấy rằng ở trên đời, luôn luôn có số mạng (fate) và các tai họa bất thường. Charlotte bị đụng xe chết khi người tài xế tránh con chó nên đâm vào nạn nhân ở một chỗ không ngờ và vào một lúc cũng không ngờ. Humbert bị mất người mẹ vì bà ta bị sét đánh, chẳng qua là một xui xẻo và trong cuốn truyện có khuynh hướng nói rằng sự may rủi là yếu tố chính trong cuộc đời gồm có sống và chết, bởi vì thiên nhiên thì hay thay đổi và bất ngờ.

Lolita là cuốn tiểu thuyết với nhiều cách chơi chữ (word plays) và các ám chỉ (allusions) khéo léo, và Vladimir Nabokov là nhà văn có khả năng dùng ngôn ngữ để vừa tiết lộ, vừa che dấu sự thật khiến cho trong cuốn tiểu thuyết Lolita, ngôn ngữ bộc lộ được sức mạnh và tính thay đổi dễ dàng.

Vladimir Nabokov bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết Lolita trong thời gian đang diễn ra Thế Chiến Thứ Hai. Ông đã gửi bản thảo cho nhiều nhà xuất bản Hoa Kỳ nhưng họ đều từ chối, nói rằng tác phẩm này rất dâm tục (lewd) và sẽ gây ra tiếng xấu (scandalous) bởi vì đây là một quả bom chỉ chờ thời gian sẽ phát nổ.

Vào năm 1955, một nhà xuất bản tại thành phố Paris bên Pháp đã cho in cuốn truyện này rồi 3 năm sau, cuốn Lolita đã thành công về thương mại, được phổ biến tại Hoa Kỳ và được xếp vào hạng sách bán chạy nhất (bestseller list) trong 6 tháng, nhưng đồng thời, nhiều thư viện công cộng của Hoa Kỳ đã cấm đọc cuốn tiểu thuyết này. Tờ nhật báo Chicago Tribune (Diễn Đàn Chicago) từ chối không điểm sách bởi vì cuốn truyện này mô tả các cuộc ngoại tình, các cách thủ dâm, diễn tả quan hệ tình dục với trẻ em và các cách nô lệ tình dục.

Thực ra, tác giả Nabokov không có ý định đề cao sự tình dục với trẻ em hay bào chữa cho các hành vi của nhân vật chính trong truyện mà chỉ có chủ đích khai thác sự yêu đương giữa một người đàn ông và một thiếu nữ, và đây là lý do đã khiến cho các độc giả nổi giận.

Lolita là cuốn tiểu thuyết châm biếm nền Văn Hóa Mỹ sau Thế Chiến Thứ Hai, chế độ tiêu thụ quá dồi dào, các lối giải trí vô vị sản xuất hàng loạt, tất cả những thứ này là các đặc tính của một nền văn hóa theo tập tục (conformist culture).

Theo ông John Ray, Jr., Ph.D., nhà tâm lý học nghiên cứu về trường hợp của Humbert, thì "Lolita" là cuốn tiểu thuyết mà

người đọc phải thận trọng, bởi vì không nên đọc cuốn truyện này như một dâm thư giật gân (a sexy thriller) mà nên coi đây là một câu chuyện luân lý (a morale tale).

IV/ Các Tác Phẩm của Vladimir Nabokov.

1- Các tiểu thuyết dài và ngắn viết bằng tiếng Nga.

- (1926) Mashen'ka, dịch qua tiếng Anh: Mary (1970).

- (1928) Korol' Dama Valet, dịch sang tiếng Anh: King, Queen, Knave (1968) (Vua, Nữ Hoàng và kẻ lừa gạt).

- (1930) Zashchita Luzhina, dịch sang tiếng Anh: The Luzhin Defense hay The Defense (1964) (Bào Chữa), quay thành phim The Luzhin Defence (2001).

- (1930) Sogliadatoi (tiểu thuyết ngắn), dịch sang tiếng Anh: The Eye (1965) (Con Mắt).

- (1932) Podvig, dịch sang tiếng Anh: Glory (1971) (Danh Tiếng).

- (1932) Kamera Obskura, dịch sang tiếng Anh: Laughter in the Dark (1938) (Tiếng cười trong bóng tối).

- (1936) Otchayanie, dịch sang tiếng Anh: Despair (1937, 1966) (Tuyệt Vọng).

- (1938) Priglaseniya na kazn', dịch sang tiếng Anh: Invitation to a Beheading (1959) (Mời dự cuộc chặt đầu).

- (1938) Dar, dịch sang tiếng Anh: The Gift (1963) (Quà Tặng).

- (1939) Volshebnik, dịch sang tiếng Anh: The Enchanter (1985) (Người dùng tà thuật).

2- Các tiểu thuyết viết bằng tiếng Anh.

- (1941) The Real Life of Sebastian Knight (Cuộc đời thực của Sebastian Knight).

- (1947) Bend Sinister (Sự độc ác uốn cong).

- (1955) Lolita, tự dịch sang tiếng Nga (1965).

- (1957) Pnin.

- (1962) Pale Fire (Ngọn Lửa xanh lợt).

- (1969) Ada or Ardor: A Family Chronicle (Ada hay Ardor: Biên niên sử của một gia đình).

- (1972) Transparent Things (Các đồ vật trong suốt).

- (1974) Look at the Harlequins (Nhìn vào anh Hề).

- (1977) The Original of Laura (Nguồn của Laura) (chưa xong, chưa phổ biến).

3- Truyện Ngắn.

- (1929) Vozvrashchenie Chorba (The Return of Chorba) (Ngày trở về của Chorba): 15 truyện ngắn và 24 bài thơ bằng tiếng Nga.

- (1947) Nine Stories (9 truyện ngắn).

- (1956) Vesna v Fial'te (Spring in Fialta and other stories) (Mùa xuân ở Fialta và các truyện khác).

- (1958) Nabokov's Dozen: một tuyển tập 13 truyện.

- (1966) Nabokov's Quartet.

- (1968) Nabokov's Congerie, in lại với tên là The Portable Nabokov (1971).

- (1973) A Russian Beauty and Other Stories (Người đẹp Nga và các truyện khác).

- (1975) Tyrants Destroyed and Other Stories (Các kẻ chuyên chế bị tiêu diệt và các truyện khác).

- (1995) The Stories of Vladimir Nabokov (Các truyện của Vladimir Nabokov).

- (2005) Cloud, Castle, Lake (Đám Mây, Lâu Đài, Hồ Nước).

4- Các vở Kịch.

- (1938) Izobretenie Val'sa, dịch sang tiếng Anh là The Waltz Invention.

- (1984) The Man for the USSR and Other Plays (Người từ Nước Nga và các vở kịch khác).

5- Thơ Phú và các Phê Bình Văn Học.

Rất nhiều tập thơ bằng tiếng Nga, được tác giả sáng tác từ năm 1916 tới năm 1979. Về phần Phê Bình Văn Học, tác giả Nabokov đã diễn thuyết về Nikolai Gogol, Eugene Onegin, Ulysses, Don Quixote và nền Văn Chương Nga. Ngoài ra, các công trình khảo sát về con bướm bướm được in thành sách Nabokov's Butterflies, xuất bản năm 2000./.

Phạm Văn Tuấn

JE CROYAIS QUE VIEILLIR...

Je croyais que vieillir me rendrait bien maussade,
Craignant chaque saison, les années, le tapage
Le grand vent et la pluie, l'esprit qui se dégrade,
Les cheveux clairsemés, les rides du visage.

Et puis je m'aperçois que vieillir n'a pas d'âge,
Qu'il ne faut point gémir, au contraire chanter.
Et même à petits pas les jours ont l'avantage
d'être beaux et trop courts quand ils sont limités.

Je croyais que vieillir c'était le ciel tout gris,
Le printemps sans les fleurs, les lèvres sans sourire,
Les fêtes sans chansons, les arbres rabougris,
Un livre sans histoire, un crayon sans écrire.

Et puis je m'aperçois que vieillir rend bien sage,
Que je vis chaque instant sans penser à demain,
Que je ne compte plus les années de mon âge,
Peu importe le temps, le crayon à la main.

Je croyais que vieillir transformerait mon âme,
Que je ne saurais plus contempler les étoiles,
Que mon cœur endurci n'aurait plus cette flamme
Qui transforme la vie lorsque le ciel se voile.

Et puis je m'aperçois que les plus belles roses
fleurissent à l'automne et sous mes yeux ravis,
Je respire très fort ce doux parfum que j'ose
garder pour embaumer l'automne de ma vie.

MARCELLE PAPONNEAU

TÔI TƯƠNG KHI GIÀ...

*Khi già tôi tưởng buồn sao
Mùa qua, năm hết, sợ bao chuyện đời
Xôn xao mưa gió toi bời,
Tinh thần sa sút, tóc thời điểm sương,
Nếp nhăn trên mặt chán chường.
Nhưng rồi thấy tuổi già thường vậy thôi
Dòng đời cứ mãi êm trôi,
Hãy ngừng rên xiết, để rồi hoan ca
Mặc cho ngày tháng dần qua
Dù cho ngắn hạn nhưng mà đẹp tươi.*

*Tưởng già sẽ xám màu trời
Hết hoa Xuân nở, hết cười trên môi,
Nhạc khi lẽ lạc vắng rồi,
Cây khô cành cỗi, sách thời còn chi
Bút hoa nét sẽ biếng ghi.
Rồi tôi chợt ngộ già thì khôn thêm
Hãy vui sống phút hiện tiền
Mặc ngày mai tới, chớ nên nghĩ nhiều
Đêm chi tuổi tác sớm chiều
Kệ thời gian, bút cứ gieo điệu vần.*

*Tưởng già thay đổi tâm hồn
Chắc là héo hắt chẳng buồn ngắm sao,
Tim chai đá, hết ngọt ngào
Lòng không còn lửa khơi bao nhiệt tình
Khi màn đêm tối giăng màn.
Rồi tôi chợt thấy trên cành hoa tươi
Mùa Thu hồng nở muôn nơi
Cho tôi vui ngắm, mắt ngời ánh quang
Ướp đầy lòng ngực hương ngàn
Giữ thơm tuổi xế chiều sang Thu rồi!*

**Tâm Minh
NGÔ TĂNG GIAO**
chuyên ngữ

CÔ HÀNG CHÁO GÀ

(Tiếp Theo và Hết)

Phạm Hữu Bính

Vài tuần sau, Tạ Xuân Vinh lại đến gõ cửa. Ông Khiêm lại ngoan ngoãn đưa tiền cho hắn. Hắn lấy súng ra để trên bàn, yên lặng hút thuốc lá một hồi rồi mới ra về.

Tối hôm đó, ông Khiêm bàn với vợ và con gái:

- Minh không thể làm ăn ở đây được nữa. Phải thu gọn cửa tiệm lại rồi yên lặng bỏ lên Hà Nội, tìm cách mở tiệm ăn hay làm gì cũng được. Tháng này không lấy thêm hàng mới nữa và không bán chịu cho ai. Nhất là đừng để cho ai biết ý định của mình.

Ít hôm sau, Tạ Xuân Vinh lại đến gõ cửa. Ông Khiêm ra mở cửa, tươi cười đón tiếp hắn. Nhưng mặt hắn hầm hầm nhìn ông Khiêm quát:

- Anh định bỏ thành phố này đi đâu? Muốn đi đâu thì cứ đi nhưng khôn hồn thì hãy đưa cả vàng bạc, vốn liếng ra đây đã.

Ông Khiêm run cầm cập, nói không ra lời:

- Dạ. Em sẽ nộp hết cho Trung Úy.

Ông đi vào phòng ngủ, mở tủ sắt, vét hết vàng bạc và tiền mặt bỏ vào một cái túi vải, đưa cho Tạ Xuân Vinh. Hắn nhìn vào túi vải, rồi chùng mắt nhìn ông Khiêm:

- Anh rờn mặt với tôi hở? Một cửa hàng lớn như vậy mà chỉ có bấy nhiêu thôi sao? Còn dấu diêm đâu nữa thì đưa ra ngay. Anh muốn sống hay muốn chết?

Tạ Xuân Vinh để mũi súng vào màng tang ông Khiêm, quát:

- Còn đâu nữa thì mang ra ngay, nếu không tao sẽ bắn chết.

Hiền nhìn rõ mặt bồ tái xanh, toàn thân run cầm cập, mắt hướng về phía Hiền đang ẩn. Ông như muốn nói cho Tạ Xuân Vinh biết; nhưng lại thôi. Phải chăng ông sợ nói ra thì Tạ Xuân Vinh có thể tha ông; nhưng hắn sẽ có cớ để nghi rằng Hiền là người của phe kháng chiến. Hắn sẽ bắt Hiền đem về hầm hiệp, tra tấn. Ông khóc lóc, van xin:

- Thưa Trung Úy. Đây là tất cả vốn liếng của em. Em kính dâng Trung Úy. Trung Úy tha cho em.

Tạ Xuân Vinh bóp cò súng. Một tiếng nổ chát chúa. Ông Khiêm ngã lả ra, máu chảy đỏ lôm cả sàn nhà. Bà Khiêm khóc nức lên thành tiếng, quì xuống lạy Tạ Xuân Vinh. Hắn quay mũi súng vào đầu bà, quát:

- Còn tiền của dấu ở đâu nữa thì mang ra ngay. Mày muốn sống hay muốn chết?

Bà Khiêm năn nỉ không thành tiếng:

- Tất cả... tất cả chỉ có thế này. Xin ông tha cho con để con còn nuôi các con nhỏ.

Tạ Xuân Vinh bóp cò súng. Bà Khiêm lả ra sàn nhà, máu mê bắn tung toé. Hai đứa em trai Hiền chạy đến ôm lấy mẹ, khóc rống lên. Tạ Xuân Vinh chĩa súng vào hai đứa nhỏ bắn liền hai phát. Cả hai ngã lả ra. Hắn cầm túi tiền và vàng đi ra cửa. Hắn đứng lại suy nghĩ một vài giây rồi bật quẹt lấy lửa châm vào sập báo để trên bàn.

Hiền ngồi trong phòng kín sợ hãi đái cả ra quần mà không hay. Hiền ngồi yên như tê công cả thân thể. Chùng nghe tiếng

xe díp của Tạ Xuân Vinh đã chạy xa rồi, Hiền mới mở cửa phòng bí mật, ôm túi tiền và vàng, chạy lẩn theo bóng cây, tìm đường trốn đi.

Hiền đi theo những ngõ hẻm, lối tắt không có đèn đường. Hiền cố tìm ra rìa thành phố, nơi thưa thớt người ở. Lúc Hiền đã mệt nhoài thì trời cũng hửng sáng. Thấy một cụm chuối lớn gần đó, Hiền chui vào nghỉ và ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Khi Hiền tỉnh dậy thì mặt trời đã lên cao hơn ngọn cây. Từ trong bụi chuối nhìn ra, Hiền thấy một bà nhà quê, chừng bốn mươi lăm hay năm mươi tuổi đang gánh nước tưới rau trong vườn. Hiền bước đến gần. Người đàn bà giật mình quay lại nhìn:

- Úa, cô này sao lại ở đây?

Hiền ấp úng nói:

- Cháu chạy nạn. Làng cháu bị bom đạn. Bỏ mẹ cháu và các em cháu tử nạn cả. Cháu khát nước quá. Cô cho cháu hẹm nước lã được không?

Người đàn bà tỏ vẻ thương hại:

- Vào đây cô lấy nước cho mà uống.

Hiền theo người đàn bà vào căn nhà tranh, lấy gáo múc nước ở chum trong bếp lên uống. Thấy vẻ tiêu tụy của Hiền, người đàn bà động lòng trắc ẩn:

- Chắc cháu cũng đói lắm phải không? Cô cũng còn ít cơm nguội, ăn tạm cho đỡ đói.

Hiền vừa ăn vừa than thở:

- Cả nhà cháu chết hết. Cháu bơ vơ không biết đi về đâu. Cô cho cháu ở tạm đây vài hôm, được không? Cháu sẽ lo làm ăn để có tiền trả tiền nhà cho cô.

Người đàn bà gật đầu:

- Cô có đứa con trai. Nó bị bắt đi lính rồi bị tử trận. Còn đứa con gái cô ở trên Hà Nội với chồng. Thịnh thoảng nó cũng xuống đây thăm cô. Cô ở một mình buồn lắm. Có cháu ở thì cũng vui hơn. Cháu có thể ở phòng trống này. Cô tên là Duyên. Cháu tên là gì?

- Cháu tên là Hiền.

Người đàn bà nhìn Hiền một lúc, rồi nói:

- Cháu trẻ, lại xinh xắn. Đàn ông, con trai thấy cháu rồi trông ghẹo. Để cô cho cháu mượn cái khăn mỏ quạ mà chùi đầu cho giống người lớn tuổi.

Người đàn bà nghĩ ngợi rồi nói thêm:

- Cháu cũng lấy khăn hay quần áo cũ độn vào bụng làm như người có chứa để đàn ông khỏi nhòm ngó.

Hiền mừng rỡ, gật đầu:

- Cháu cảm ơn cô.

Trong khi chưa biết làm gì, Hiền gánh nước tưới rau, giúp chủ nhà. Nhưng Hiền biết đây không thể là việc làm lâu dài cho Hiền được. Có lúc đói bụng, Hiền nghĩ đến những bát cháo gà thơm ngon mẹ nấu mà chảy nước mắt. Rồi Hiền nảy ra ý kiến: Nấu cháo gà đi bán rong để sinh sống. Một cô gái vừa học xong trung học, không có nghề gì, đi bán cháo gà rong có lẽ là việc làm hợp nhất cho Hiền lúc này. Có lúc Hiền đã nghĩ đến chuyện trốn lên Hà Nội; nhưng chính Hiền lại gạt bỏ ngay ý nghĩ đó đi. Hiền cảm thấy Hiền phải ở lại thành phố này cho đến khi thực hiện được sứ mạng của Hiền. Hiền cũng linh cảm thấy rằng đi bán cháo gà rong có thể sẽ giúp Hiền đạt được sứ mạng đó.

Buổi đầu gánh hàng nặng trĩu trên vai làm Hiền cảm thấy chán nản. Hiền ngượng ngùng cất tiếng rao:

- Cháo gà! Cháo gà nóng hổi, thơm ngon đây.

Đi hai ba dãy phố, rao khắp cả phố mà không ai gọi mua, Hiền thấy thất vọng vô vàn. Vừa lúc đó có tiếng gọi:

- Cháo gà.

Hiền rảo cẳng gánh hàng lại. Từ trong một căn nhà trệt, một người đàn bà

chùng năm mươi tuổi, ăn mặc gọn ghẽ bước ra. Hiền nhận ra người đó là bà Tuân, một khách hàng thường xuyên của ông Khiêm. Nhưng bà Tuân không nhận ra Hiền. Bà Tuân nói:

- Chị cho tôi mua hai bát to.

Hiền yên lặng đong cháo đưa cho bà Tuân và nói lí nhí:

- Bà cho cháu hai đồng.

Bà Tuân trả tiền cho Hiền, không một chút thắc mắc gì. Hiền quẩy gánh hàng đi với một vẻ tự tin hơn. Sẩm tối, Hiền bán hết cháo, rào cẳng về nhà. Đếm lại tiền nong, Hiền tính ra được lời tám đồng, một số tiền đủ cho Hiền sống được hai ngày. Nhưng lúc này Hiền không cần tiền. Số vàng và tiền mặt ông Khiêm để lại cũng dư cho Hiền sống an nhàn năm bảy năm. Hiền tiếp tục đi bán cháo gà với một mục đích khác, một mục đích thiêng liêng gây động lực thúc đẩy từ trong đáy lòng Hiền mà ra.

Ngày hôm sau, trước khi gánh hàng đi, Hiền đong một bát cháo, bày thêm nhiều thịt gà, hai tay mang đến để trước mặt bà Duyên, tươi cười, kính cẩn nói:

- Cháu mời cô một bát cháo nóng.

Bà Duyên sưa tay:

- Sao mà cháu cứ bày vẽ. Mới đi buôn bán, lời lãi có được bao nhiêu, mà cứ cho cô thế này.

Nhưng bà Duyên cũng đỡ lấy bát cháo.

Hiền cố ý mỗi ngày đi bán hàng một khu phố khác nhau. Hiền đi bán hàng; nhưng Hiền cũng để ý quan sát từng căn nhà, như thể muốn tìm kiếm một cái gì.

Một hôm Hiền đến bán hàng ở khu phía Đông thành phố, nơi có những nhà khang trang. Hiền cất tiếng rao:

- Cháo gà đây. Cháo gà nóng hôi, thơm ngon đây.

Sau vài ba câu rao hàng, Hiền nghe tiếng gọi:

- Cháo gà. Cháo gà.

Quay lại nhìn, Hiền thấy một người đàn bà cỡ bốn mươi tuổi, ăn mặc lịch sự, vừa mở cửa bước ra, vừa vẫy tay gọi. Hiền vội rào bước đi đến. Hiền thấy một căn nhà gạch, mái ngói đỏ mới xây, có hàng rào sắt chung quanh, đằng trước có vườn hồng. Bên cạnh công chính có một chòi canh sơn xanh, đủ cho một người lính đứng gác. Một chiếc xe díp nhà binh đậu sát lề trước cổng vào.

Người đàn bà mở công và ra hiệu cho Hiền gánh hàng vào sát bực thềm. Hiền kính cẩn hỏi:

- Thưa bà mua mấy bát?

Người đàn bà nói vắn tắt:

- Hai bát lớn, hai bát nhỏ.

Hiền đong bốn bát cháo, để lên một khay gỗ, bung theo chủ nhà. Hiền bung từng bát cháo để nhẹ nhàng xuống bàn. Người đàn bà đưa tiền trả cho Hiền rồi lớn tiếng gọi:

- Có cháo gà nóng đây rồi. Ông ra mà ăn. Cả mấy đứa nữa, lệ lên. Kéo cháo nguội hết.

Một người đàn ông từ phòng trong bước ra. Hiền đưa mắt nhìn rồi bủn rủn cả chân tay: Người đó chính là Tạ Xuân Vinh. Hiền quay mặt đi, cố trấn tĩnh, thông thả bước ra khỏi cửa. Người đàn bà gọi với:

- Tôi sẽ để bát đĩa ra ngoài cổng cho cô.

Từ bữa đó trở đi, Hiền gánh cháo đi bán với một lòng tự tin mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Hôm nay là giỗ đầu bố mẹ và hai em, Hiền thắp hương lên bàn thờ, khăn vái một hồi rồi sửa soạn gánh hàng đi bán. Hiền đến chỗ bà Duyên đang ngồi ở giường nghe cải lương, thân mật nói:

- Cháu sắp lấy chồng, cô ơi.

Bà Duyên nhìn Hiền, ngạc nhiên ra mặt:
 - Vậy sao? Chồng cháu ở gần đây không?
 Hiền cười:
 - Chồng cháu ở mãi tít trên Bắc Ninh.
 Cháu sẽ phải theo chồng cháu lên trên đó.
 Cháu sẽ nhớ cô lắm đấy. Mà chồng cháu con nhà giàu. Cháu sẽ biếu cô nhiều vàng và tiền.
 Khi nào cô ngủ dậy mà thấy có vàng và tiền trong bụng áo thì cô phải đi ngay lên Hà Nội mà sống với con gái cô. Ở đây rồi quân gian sẽ đến cướp của cô hết, mà còn đánh đập cô nữa.
 Bà Duyên bán tin bán nghi, thắc mắc hỏi:
 - Cháu nói thật hay nói đùa? Mà làm cô thêm lo lắng.
 Hiền nghiêm nét mặt:
 - Cháu nói thật. Cô nhớ khi có tiền là cô phải chạy lên Hà Nội ngay. Trừ trừ là sẽ nguy hiểm lắm.
 Rồi Hiền dong một bát cháo đưa cho bà Duyên:
 - Cháu biếu cô một bát cháo nóng. Cô ăn cho đỡ mệt.
 Cũng như mọi khi, bà Duyên đỡ lấy bát cháo rồi nhắc lại câu nói thường lệ:
 - Buôn bán lời lãi bao nhiêu mà cứ nay cho cô, mai cho cô thế này
 Hiền gánh cháo đến thẳng khu nhà Tạ Xuân Vinh. Sau một vài câu rao hàng ngân nga, bà vợ Tạ Xuân Vinh mở cửa ra gọi:
 - Cháo gà!
 Hiền nhanh nhẹn gánh hàng vào tận sát bực thêm, kính cẩn nói:
 - Thưa bà cũng mua hai bát lớn, hai bát nhỏ, như mọi khi?
 Người đàn bà gật đầu:
 - Hai bát lớn, hai bát nhỏ, một đĩa thịt và lòng gà.
 Hiền đem bốn bát cháo cùng đĩa thịt vào, kính cẩn để xuống bàn. Vừa ra đến cửa thì Hiền nghe tiếng người đàn bà gọi chồng và con ra ăn cháo. Hiền khe khẽ khép cửa lại, rồi

CHỈ LÀ SẮC, KHÔNG

Để nhớ Lan Điền

Trở về lối cũ quê xưa
 “*Kành-iêu*” vắng lạnh, mưa mùa hắt hiu
 Ngựa xe nhộn nhịp một chiều
Hàng Xanh “vô cảm” tiêu điều, xác xơ
Cầu sơn cũ kỹ bơ phờ
 “*Thi ca Văn Thánh*” hội thơ một thời
 Chuyến đò *Bình Quới* buông lơ
 Nắng chiều hiu hắt, bèo trôi gió lùa
Thanh Đa mái rạ lưa thưa
 Bên hàng cao ốc, cọt đũa đỏ đen
 Đâu rồi! *Chủ Nhiệm* dịu hiền
Tân Bình phó hội quần tiên gieo vắn
 Người đi thỏa mộng phong vân
 Dấu chân để lại, góp phần trái ngang
 Người đi đến chỗ giàu sang
 Bạt ngàn tuyết phủ, ngõ ngàng tình thân
 Cảm thông ánh mắt giai nhân
 Bên song dỗi bóng, tàn ngần xót xa
 Vương vào phận số đào hoa
 Bao nhiêu chuyện đã... *chỉ là sắc, không.*

Irvine City,
 ngày 27 tháng 3 năm 2013

Hà Việt Văn

đong một bát cháo đầy đưa cho người lính đứng gác ở cổng:

- Em mời chú soi một bát cháo.

Chú lính đỡ lấy bát cháo, nói lí nhí mấy lời cảm ơn. Hiền gánh hàng đi thông thả ra đầu đường, đứng đợi một lúc rồi quay đầu nhìn lại. Chú lính đã ngồi ngả đầu sang một bên ghé, hai tay buông thõng. Cái bát và thìa đã rơi xuống gạch vỡ tan tành.

Hiền gánh hàng trở lại nhà Tạ Xuân Vinh, mở hé cửa nhìn vào: Tạ Xuân Vinh dựa mình vào thành ghé, đầu ngả về phía sau, mắt nhắm nghiền. Vợ hấn gục đầu vào bàn, hai tay buông thõng. Hai đứa con nằm lăn dưới sàn nhà.

Hiền mở thúng hàng lấy ra một con dao lớn vừa nhọn vừa sắc sáng loáng – con dao mà Hiền đã năn nỉ người làm thịt heo ở chợ bán lại cho. Hiền mở rộng cửa đi vào với vẻ quyết liệt của một ông tướng ra trận.

Chưa đầy mười lăm phút sau Hiền lại quẩy gánh hàng ra về.

Bước chân vào nhà, Hiền thấy bà Duyên vẫn say giấc nồng trên giường. Hiền lật một viên gạch ở góc nhà, lấy túi vải đựng tiền và vàng. Hiền đem cả túi nhét vào trong áo bà Duyên rồi trở lại bàn thờ.

Hiền đốt nhang, quì xuống khấn thành tiếng:

- Từ ngày bố mẹ và hai em bị chết oan uổng, con chỉ sống với một mục đích: Giết cả nhà tên Tạ Xuân Vinh để trả thù cho gia đình ta. Hôm nay con đã đạt được mục đích đó. Con có của lễ đặc biệt này để dâng lên bố mẹ và hai em.

Rồi Hiền mở nồi cháo, đưa tay nắm lấy mớ tóc và nhắc lên cái đầu của Tạ Xuân Vinh, lúc này đã chảy hết máu và tái xanh, tái sạm. Hiền đặt đầu Tạ Xuân Vinh vào cái đĩa sứ còn để trống trên bàn thờ.

Quì xuống một lần nữa, Hiền tiếp tục khấn:

- Con đã chặt đầu tên khốn nạn đem về đây làm của lễ dâng lên bố mẹ và hai em. Thù nhà đã trả, con đã hoàn thành sứ mạng con tự đặt cho con. Nhưng khi con giết cả nhà tên Tạ Xuân Vinh thì con đã trở thành một tên sát nhân, có khác gì hấn đâu. Con có lý do để giết Tạ Xuân Vinh, nhưng con có lý do gì để giết vợ hấn và hai con hấn? Người đàn bà kia hoàn toàn vô tội. Hai đứa nhỏ kia hoàn toàn vô tội. Trong một hai ngày nữa, bọn chúng sẽ lùng bắt con, mang về hãm hiếp, tra tấn, rồi giết con. Con đáng tội chết. Con không còn lý do gì để sống ở trên đời này. Con không còn ai thân thuộc. Con không biết trốn đi đâu. Làm sao con dám lấy chồng để liên lụy cho chồng con? Làm sao con dám sinh con để phải trông thấy những đứa nhỏ, nhắc nhở cho con cái chết đau thương của hai em và cái chết đau thương mà con đã gây ra cho hai con nhỏ của Tạ Xuân Vinh? Bố mẹ và hai em hãy chờ con.

Hiền đưa tay vào cặp quần lấy ra khẩu súng lục mà Hiền đã lấy ở cặp quần Tạ Xuân Vinh sau khi giết hấn. Hiền gục xuống khóc sụt sùi một hồi rồi há miệng, đưa súng vào bóp cò.

PHẠM HỮU BÌNH
(Virginia)

CHUYẾN TÀU CUỐI NĂM

Về quê hương vào những ngày cuối năm
Trên con tàu chở đầy xiềng xích
Xin vĩnh biệt chào vương quốc lừa dối
Ta trả lại Người những đói rét hờn căm

Mai ta đi từ bóng tối mù tăm
Nơi ta về quê miền Nam yêu dấu
Hãy ở lại những đói nghèo đau thương ả náu
Chia tay nghe, vĩnh biệt yên nằm

Chào không chút xót thương núi rừng Việt Bắc
Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, Lào Kai
Chào Vĩnh Phú, Thanh Phong, Thanh Hóa
Còn trong ta con ác mộng chưa phai

Chào bo bo, chào sấn khoai, bắp xay bắp hạt
Vĩnh biệt nghe nước muối đại dương
Chào rau tàu bay, lá rừng chua xót
Khi nghĩ về lạnh buốt khớp xương

Mai ta đi chào những ngôi giáo đường
Đứng lạnh lùng giữa hoang tàn cỏ dại
Hãy ở lại nghe những nghiêng chùa đổ chái
Áo rêu phong khép kín niềm thương

Chào con phố nào ta đã có lần qua
Dẫu không biết tên để gọi
Nhưng trong lòng ta thầm nói
Đó là phố Sinh Từ
Để nhớ Trần Dần và nhóm Nhân Văn

Để ngợi ca những thi sĩ, nhà văn
Đã dũng cảm đấu tranh cho Sự Thật
Ngâm ngùi trong lòng ta tưởng nhớ Phan Khôi
Nhớ ông Bình Vôi bất hủ

Nơi miền quê nào ông đã yên nằm ấp ủ
Nhưng trong lòng tôi ông sống mãi
Ông sống mãi rồi ông Phan Khôi ơi
Nhớ về ông tôi nghĩ tới Kim Tự Tháp
của ông Hồ

Mai cuộc vòng tròn đời còn tính số
Mai ta đi chào những gia đình bị chỉ
định cư trú
Vách đất mái tranh không đủ ấm mùa Đông
Nương sấn đôi khoai không đắp đổi qua ngày

Phải lặn lội rừng sâu năm năm một lần đổi chỗ
Thương cụ già tám mươi tắt bật ngược xuôi
Mấy chục năm rồi đói khổ
Nhìn đàn con cháu điều linh
Không dám đứng lâu để bày tỏ sự tình
Sợ thẳng công an góc nhìn quở mắng

Chào em bé ném đá ta ngày mới tới
Và cô bé chu miệng chười rủa mẹ cha ta
ngày mới ra
Giờ thì biết em đã biết ta
Không phải là quân ăn thịt người
Nên đã có em mang sấn đến cho ta

Từ con tàu qua khỏi bờ Nam
Kinh hoàng lòng ta rợn người muốn khóc
Đã sau lưng rồi xứ sở đau thương
Ta đã thoát hang hùm khó nhọc

Trên những cánh đồng miền Trung tàu qua
Ta chỉ thấy đàn bà em nhỏ
Thanh niên đâu, đi lính hay tù
Đã mấy năm rồi quê hương thế đó

Này cô gái thanh niên xung phong
Khi con tàu qua khỏi hầm đèo
Sao cô cầm đá ném vào đầu công an
Rồi hai tay chống nạnh nhìn theo

Này các em ở sân ga Đà Nẵng
Có bao lăm lời lỗ thế nào
Mà em ném cho ta bao thuốc tặc
Nhờ công thấy được làm sao

Này các em nhỏ ở sân ga Nha Trang
Em hát những gì nghe sao ngộ nhĩnh
Em giận đời chẳng rằng em bị phỉnh

*“Như có Bác Hồ trong thùng phuy đập nắp
Mở nắp ra nghe cái cốc trên đầu”*

Em hát lạ lùng giữa một đám đông
Đứng vẫy tay chào các anh trở lại
Trong lòng ta từ nay sống mãi
Tình quê hương lòng đồng bào miền Nam
Trong nỗi đau quân cướp Đỏ bạo tàn

Này cái vẫy tay vụng trộm đón chào
Này con mắt nhìn đầu yêu thâm lặng
Này nụ cười trao gửi niềm tin
Đã hiểu rồi ta nhất định thắng

Chúng không giết được chúng ta sau ngày
30 tháng 4

Chúng không giết được ta trong **BÓNG TỐI**
ĐÓI RÉT và **SỰ LÃNG QUÊN**
Nơi rừng núi âm u Việt Bắc
Ta đã ra ánh sáng ta đã về đất sống
Nhất định chúng ta phải thắng
Nhất định chúng ta phải thắng

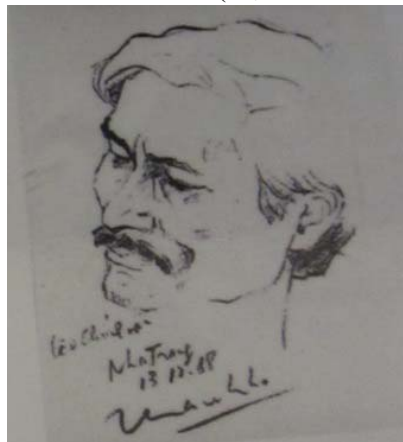
Nhất định chúng ta phải thắng
Thép đã tôi lưỡi gươm này phải sắc

Phải rắn phải chắc phải bền lòng dũng cảm
Đường gươm đi phải đẹp
Phải làm lại từ đầu với cái giá đã mua
Phải làm lại từ đầu đừng để lòng già nua

Tóc đầu bạc nhưng lòng thanh niên trẻ lại
Trên bước đường đi, trong trái tim đời thoải mái
Ta hiên ngang chững chạc đàng hoàng
Ta đã về khi quân cướp hoang mang
Ta đã về với niềm tin tất thắng

Về quê hương vào những ngày cuối năm
Dấu trong tay xích xiềng còn trói chặt
Nhưng trong lòng ta bao nỗi hân hoan
Khi thấy dấu bạo tàn sắp tắt

Lê Mai Lĩnh (Trại tù Gia Rai 1-1-81)



Tên thật Lê Văn Chính, gốc gác Quảng Điền, Triệu Phong, Quảng trị. Tức là **SƯƠNG BIÊN THỦY**, viết từ năm 1958, với nhiều thể loại. Trước 75 từng cộng tác với: Nghệ Thuật, Khởi Hành, Gió Mới, Ngàn Khơi, Văn, Tiền Phong... Cựu Sĩ Quan QLVNCH. Dù trong gông cùm, xiềng xích, trước họng súng lưỡi lê, Thi sĩ vẫn lên tiếng và thơ đã có mặt.

Những dấu vết còn lưu lại đọc con đường văn hóa

(Trích trong Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt của Nguyễn Văn Nhiệm)

Dấu vết đầu tiên còn ghi lại trong tục ngữ, ca dao là tính trọng văn khinh võ:
“Quan văn thất phẩm thì sang,
Quan võ thất phẩm phải mang guơm hầu.”

Đó là một trong những đặc tính quan trọng để phân biệt hai nền văn hóa nguyên thủy chính của loài người và đặc biệt ở khu vực Á Đông. Văn hóa nông nghiệp: Đề cao mẫu quyền, thiên về tình cảm, chuộng văn, hiếu hòa, chủ trương nhân trị, vương đạo, truyền hiền... Trong khi đó, văn hóa du mục: Đề cao phụ quyền, thiên về lý trí, trọng võ, hiếu chiến, thích chinh phục, chủ trương pháp trị, bá đạo, thế tập...

Dấu vết tiếp theo là chuộng việc học hành, khuyến khích văn chương chữ nghĩa:
“Thầy mẹ sinh em phận gái giữ đạo cương thường
Anh lui về học lấy văn chương
Nghìn thu em vẫn đợi, không vấn vương nơi nào.”

Việc học hành đó không chỉ ngừng lại ở phương diện *văn chương*, mà còn phối hợp cả việc *tập tành lễ nghi* và nhất là học đến chỗ rốt ráo là *cách vật trí tri*, là cái học đến tận cùng căn để, *tận kỳ tính* của Nho:

“*Dạy con từ thuở tiểu sinh
Gần thầy gần bạn tập tành lễ nghi
Học cho “ cách vật trí tri
Văn chương chữ nghĩa nghề gì cũng thông.”*

Đã chuộng văn chương chữ nghĩa thì đương nhiên phải trọng con nhà *văn học*:

“*Hò ơ...Bạc với vàng con đen, con đỏ
Nhưng sợ giọng rồi, giọng tuồng.
Em muốn lấy anh thợ đóng xuồng
Nhưng sợ ảnh hay dần, hay thúc.*

*Hò ơ... ấy lời trong đục, chẳng dám nói ra.
Có thầy giáo tập ở làng ta
Hay khuyên, hay điếm, hay dạy, hay răn.
So đức hạnh ai bằng
Lại con nhà văn học
Sử kinh thầy thường đọc
Biết việc thánh hiền.
Hò ơ... Gặp nhau em kết nghĩa liền, không
chờ, chẳng đợi...”*

Những câu hò như tiếng vọng từ tiềm thức thâm sâu, tận đáy lòng của người bình dân vang lên nguyện ước của người con gái mong có được người bạn đời lý tưởng thật nho nhã:

“*Đèn Sài Gòn ngọn xanh, ngọn đỏ
Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ, ngọn lu
Anh về anh học chữ Nhu
Mấy trăng em cũng đợi, mấy thu em cũng chờ.”*

Chữ Nhu đó có nghĩa là mềm mỏng, nho nhã mà cũng chính là nguyên Nho của Việt tộc từ ngàn xưa , một nền Đạo học rộng mênh mông :

“*Rừng Nhu bể thẳm khôn dò,
Nhỏ mà không học lớn mò sao ra.”*

Tinh hoa của nền Đạo học này vẫn còn để lại ấn dấu sâu đậm trong tiềm thức, tận thâm tâm của người bình dân mộc mạc ở thôn quê chưa bị xuyên tạc bởi văn hóa nô dịch của đế quốc, tà thuyết ngoại lai. Nguyên Nho đã có mặt trên địa bàn Việt tộc cổ cho tới vùng núi Thái Sơn:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
(*Ngày xưa phương tiện giao thông thiếu thốn)*

Ca dao là chất liệu dinh dưỡng nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, cho nên được phổ biến ra cho toàn dân : sĩ, nông, công, thương. Mọi người lo phát huy nghề nghiệp chuyên môn của mình tạo cuộc sống ấm no cũng như lấy ca dao tô điểm sinh hoạt văn hóa khiến cho cuộc sống trở nên đẹp đẽ, hòa hợp trong cảnh thái bình:

*“Ai ơi giữ phép nước ta
Ai ơi thương lấy dân nhà một ông
Có hậu dưỡng mới phú phong
Kẻ cày người cấy, sống trong thái bình
Kẻ Nho lo việc học hành
Mai sau chiếm bằng nước danh trên trời
Kẻ buôn thì được lắm lời
Tàng vương chi thị tứ thời bán buôn
Kẻ công ai cũng tranh đua
Làm nghề chạm vẽ: phượng, rùa, long, ly
Tứ dân mỗi nghiệp mỗi nghề
Nhờ trời đều được gặp khi thái hòa
Toàn dân vang khúc dao ca.”*

Như vậy là tiếng hát ca dao đã thật sự phổ biến khắp toàn dân.

Đến khi vua Lý Thái Tổ (1010-1028) lên ngôi, dời đô về Thăng Long vào tháng bảy năm 1010, thì đất nước mới thật sự

bước vào thời kỳ độc lập tự chủ vững chắc, lâu dài.

Vua Thái Tổ sáng lập triều đại nhà Lý lúc nhỏ đã có một tiêu sử khá ly kỳ, bí mật. Khi ông lên ba tuổi, bà mẹ đem ông giao cho nhà sư Lý Khánh Vân trụ trì chùa Cổ Pháp làm con nuôi, được đặt tên là Lý Công Uẩn. Vì vậy, trong dân gian đã lưu truyền lời ca dao:

*“Con ai đem bỏ chùa này,
A Di Đà Phật, con thầy thầy nuôi.”*

Vì nhà vua xuất thân từ cửa Phật, nên Phật Giáo được khuyến khích mở mang, trong khi đó Văn Miếu cũng được thiết lập để dạy Nho học và các khoa thi Tam Giáo được mở ra để tuyển chọn nhân tài . Từ đó nền văn hóa Lạc Hồng càng được thắm tươi:

*“Tiếng chuông lay bóng Bồ Đề,
Con chim trắng cánh bay về Tây Thiên.
Mong sao dân tộc bình yên,
Đạo lành che chở dân hiền thương yêu.
Dù cho đất sập trời xiêu,
Lòng tôi vẫn nhớ những điều giá gương.
Khắp nơi đồng ruộng phổ phùng,
Nhớ lời Phật dạy phải thương nhau cùng.
Đạo vàng điểm núi tô sông,
Xây nền văn hóa Lạc Hồng thắm tươi.”*

Có lẽ lâu đời hơn nữa còn có hai câu ca dao rất phổ biến trong dân gian:

*“Nhiều điều phú lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau Cng.”*

Mệnh đề *phải thương nhau cùng* ở bài ca dao trên và hai câu ca dao dưới không phải ngẫu nhiên trùng hợp, mà tất yếu phải có của một nền văn hóa đạt minh triết. Văn hóa chủ ở chữ nhân, còn văn minh thì chủ ở chữ trí.

Kể từ đó văn hóa dân tộc được tài bồi mỗi ngày một khởi sắc theo hướng nhân bản tâm linh, phát huy trí, nhân, dũng theo tinh thần Nho Việt và bi, trí, dũng theo tinh thần Phật Giáo. Sự thành công của Tam giáo đồng nguyên thời đại Lý-Trần là sự tổng hợp ba nguồn tư tưởng lớn dựa trên nền tảng của Đạo Việt, tính Việt. Chính nền tảng đó là nhân tố quyết định sự thành công của sự tổng hợp. Thật vậy, nước Đại Việt thời đó nói chung thật hùng mạnh, đời Lý phá Tống, bình Chiêm; đời Trần đại thắng quân Nguyên. Đất nước sau những năm chiến tranh chống giặc ngoại xâm đã thực sự trở nên thanh bình, thịnh trị như cõi Phật, mà trạng nguyên Huyền Quang Lý Tải Đạo đã mô tả như sau: \

*“Phen những ôi!
Tây Trúc đường nào
Năm châu có mấy
Non Linh Thử ai đem về đây
Cánh Phi Lai mặt đờ thấy đây
Vào những cõi thánh thênh thênh
Thoát rẽ lòng phàm phây pháy...”*

Trên nền tảng vững chắc như vậy, đất nước lần lượt sản sinh nhiều nhân tài từ văn học cho đến anh hùng dân tộc, lưu lại những công trình xây dựng di tích lịch sử...nhất là ở kinh đô xúng danh là nơi có nghìn năm văn vật:

*“Thăng Long, Hà Nội đô thành
Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ.
Cố đô rồi lại tân đô
Nghìn năm văn vật bây giờ vẫn đây.”*

Khi nói: *Nền văn hóa* là nói đến nền tảng của văn hóa đó. Nền tảng của văn hóa Việt Nam là Đạo Việt, là tính Việt. Khi nói: *Con đường văn hóa* là nói đến quá trình hình

thành nền văn hóa đó. Quá trình theo hàng ngang có tính cách duy sử dưới quyền lực của duy lý chỉ chú ý đến sự kiện, biến cố, còn quá trình theo hàng dọc thì vận hành xuyên suốt đến tận tiềm thức, do đó việc nghiên cứu thuộc lãnh vực triết lý với bộ phận trừ năm bậc: *dụng, từ, ý, cơ, thể (tính)*.

Dụng bao gồm những đức tính, tật xấu, những lẽ lỗi, thể chế trong cuộc sống. Từ là chữ viết, tiếng nói, văn chương, văn nghệ. Ý là ý tưởng, khi phát triển thành hệ thống thì trở thành triết học, ý hệ. Những thứ này do bị đô hộ quá lâu dài, bị văn hóa nô dịch của đế quốc vùi dập, nên phần lớn bị mai một, tha hóa. Chữ viết bị tước đoạt, Từ không có thì ý cũng không, nghĩa là triết học coi như ta chưa có. Cơ là phần căn bản hơn cả, ẩn sâu bên trong nên được an toàn. Sự độc hại của văn hóa nô dịch của đế quốc chẳng khác nào sự tàn phá của tia tử ngoại trên mặt địa cầu khi chưa có lớp Ozon ở thượng tầng khí quyển như hiện nay (30 lần lớn hơn). Tia này có khả năng xuyên qua mặt nước xuống sâu tới 30 mét, điều này giải thích vì sao sinh vật xuất hiện ở dưới lòng biển trước tiên. Tia tử ngoại độc hại của đế quốc cũng chỉ tàn phá từ tầng dụng qua từ rồi đến ý là cùng, chứ không làm sao động đến được tầng cơ. Cơ là phần căn bản, lại tồn tại lâu đời nhất từ thời lập quốc, cho nên muốn xét tinh hoa văn hóa dân tộc thì phải xét đến đọt cơ. (Nghiên cứu đọt cơ sẽ được nói tiếp ở chương sau)

Nguyễn Văn Nhiệm
(Germany)



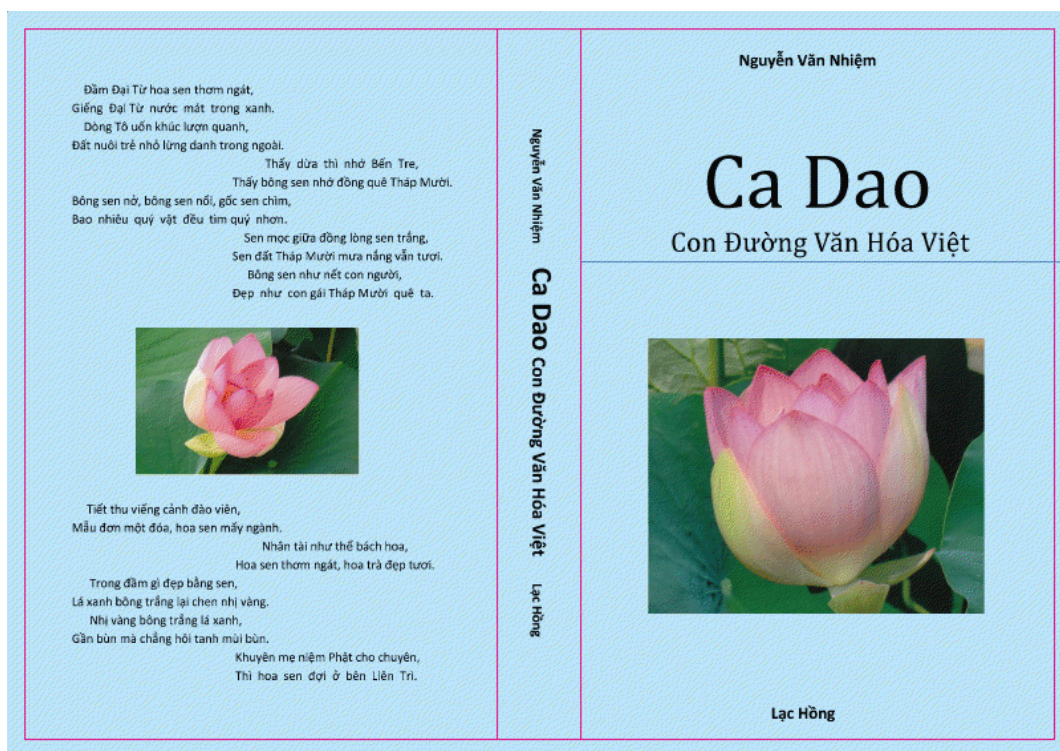
Nguyễn Văn Nhiệm:

Ngày sinh: 25- 01- 1943

Nơi sinh: Long Điền, tỉnh Phước Tuy

(Bà Rịa). Cựu học sinh Trường Tiểu Học Bà Rịa (1951-1956). Cựu học sinh Trường Trung Học Châu Văn Tiếp- Bà Rịa (1956-1963). Cựu sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn (1963- 1967). Cựu giáo viên Trung Học Đệ Nhị Cấp Bán Công Huỳnh Tịnh Của- Bà Rịa (1967- 1969). Cựu sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (Khóa 3/69). Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (1969- 1975). Tập trung tại trại tù Xuân Lộc, Long Bình, Văn Chấn, Yên Bái, Tân kỳ (1975- 1981). Định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ 1982 đến nay. Tác phẩm đã xuất bản:

- Đường vào Triết học Việt Nam (2008)
 - Ca Dao- Con đường văn hóa Việt (2013)
- Hiện tại đang cộng tác với Cổ Thơm



Thời Gian Còn Lại

Nhạc và lời : Vũ Đức Nghiêm

Chậm & buồn

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 4/4 time signature. It consists of six staves of music. The tempo and mood are indicated as 'Chậm & buồn' (Slow & Sad). The lyrics are written below the notes. There are several triplet markings (indicated by a '3' over a bracket) in the score.

Thời gian còn lại nào ai biết bao lâu, Ta chia cho
nhau ngọt bùi, cay đắng, khổ đau Thời gian còn lại dù sẽ không bao
lâu, Ta vẫn bên nhau từ trẻ đến khi bạc đầu Thời gian còn
lại,, người bạn đời đầu yêu ơi, Qua những tháng năm mệt mỏi xác thân rã
rời Thời gian còn lại, mình cầm tay đi nhau đi tới, Cho đến khi Từ
Thần chia liã ngăn cách hai nơi. Nhìn ánh mắt em, ta thấy một trời ta mơ

ước Và nụ cười dịu hiền là đài hoa sương sớm long lanh. Ta sẽ không rời xa
 nhau, từ nay đến khi xa lìa đời Như đôi chim tung cánh về khung trời miền viễn yên
 vui Thời gian còn lại lòng ta tha thiết ước mơ Trọn đời chung
 đôi dù năm tháng không phai mờ Rồi đây một người đi xa xôi, một người ngơ
 ngác trong đôn cỏ, tiếc nuối xa vời, chỉ còn thương nhớ mà thôi.

Mời quý vị nghe nhạc ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac/VuDucNghiem/ThoiGianConLai-VDN-VTH.mp3>



Nhạc Sĩ **Vũ Đức Nghiêm** và phu nhân (Bà **Dương Thị Năng**) – Thanksgiving 2011

CÁNH BÈO BÊN SÔNG

Mai anh đi như giòng sông chảy xiết.
Về cô phương tiện biệt gió trắng rừng
Em ở lại, như cánh bèo mỗi mệ.
Tập bên bờ lau sậy khóc trùng dương..

Ôi cánh bèo như tuyết trắng bên sông
Trời đất trắng sao cũng bênh bồng nỗi nhớ
Ta đã mất nhau từ vạn thuở.
Vẫn còn nhau rồi êm ái xa nhau.

Biển dẫu rộng đâu biết mình tù hãm..
Gió trong êm sao sóng cứ xô bờ.
Sông rút nước, biển không thành dịu ngọt .
Cánh bèo ơi, cứ đợi giữa đường mơ.

Hãy bám rễ, nẩy mầm, đơm hoa tím.
Rải hương yêu cho cỏ dại hoa hiền.
Sông vẫn chảy quanh em lời ngọt lịm
Để muôn đời anh vẫn có trong em.

Lam Điền Nguyễn Thử (North Carolina)

TIỂU SỬ

Lam Điền Nguyễn Thử tên thật là Nguyễn Hữu Thử sinh ngày 5/3/1944(Giáp Thân) tại Quảng Nam.

- Từ 1958-1965 Cựu học sinh trường Trần Quý Cáp, Hội An.
- Từ 1965-1968 Sinh viên trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn .
- Từ 1968-1971 SVSQ trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt.



- Từ 1971-1975 Sĩ quan CTCT /QLVNCH.
- Từ 1975-1980: Tù Cộng sản qua các trại Hiệp Đức, Kỳ Sơn Phú Ninh ,Tiên Lãng .(QN)
- Từ 1980-1985: Làm ruộng tại Quảng Nam.
- Từ 1985-1994: làm rẫy tại Long Thành Đồng Nai .
- Từ 1994- nay 2013 Định cư tại NC Hoa Kỳ theo diện H.O.

Sinh hoạt văn hoá văn nghệ... Làm thơ và viết truyện ngắn

Từ 1965 có thơ đăng trong các tạp chí như Văn Học, Bách Khoa, Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết Thứ Năm với các bút hiệu Nguyễn Hữu Ngân Hà , Thủy Linh, Nguyễn Thu và Lam Điền Nguyễn Thử. Xuất bản Thơ Sông Ngân và tập thơ in chung "lời Ru Tình " 1970.

Hiện nay tham gia các Diễn Đàn Thơ Văn, Bạn Văn Nghệ, Đào Viên Thi Các... và đặc biệt cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm ...

Ngại Gì Tuổi Hạc

Cuộc đời son trẻ đã đi qua
Còn lại sương fa trắng tuổi già
Nắng Hạ cho dù phai tận gốc
Mưa Thu cũng cứ trở thêm hoa
Đơ tầm vẫn nhả cho đời thắm
Thi tứ còn tuôn tận cõi xa
Luôn góp vần thơ vui xướng hoạ
Ngại gì tuổi hạc đến cùng ta.

Kiều Anh

Hạ 2013

Nghênh Chào Tuổi Tác

Họa

Tháng ngày trên lịch lướt trôi qua
Báo hiệu gương soi những nét già
Tiếng hát còn vang theo điệu nhạc
Chân đi chưa mỏi giữa vườn hoa
Đô son cười đón hoàng hôn lạnh
Điểm phấn nghênh chào tuổi tác xa
Tâm sự vài dòng thơ gửi gắm
Mong người tri kỷ mãi yêu ta.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Hè 2013

Dã Quỳ Ơi!

Tiểu Thu

Thư đang xếp chồng hồ sơ vô tù thì điện thoại reo. Thư allo, tiếng Thu Minh bên kia đầu dây:

- Chị Thư ơi, em biết chị bận lắm nên nói vắn tắt thôi. Bác Phúc mất hôm qua. Con gái bác báo tin cho em sáng nay. Cô ấy nói sẽ quàn ở Cimetière de L'Est trên đường Sherbrooke gần nhà chị đó. Viếng thứ bảy và Chúa nhật nha. Từ 2 giờ đến 9 giờ tối. Thôi em cúp đây. Nếu chị đi vòng hoa thì cho tên vợ chồng em vô. Đừng quên đó nha.

Thư chưa kịp nói cảm ơn thì điện thoại đã cúp. Nàng đặt điện thoại xuống, trong lòng không khỏi ngậm ngùi. Thư thương bác Phúc như một người ruột thịt. Nhớ lại những ngày mới chân ướt chân ráo đến thành phố Montréal, Thư ngỡ ngàng như một con nai tơ từ trên rừng lạc xuống đồng bằng. Sau sáu tháng học tiếng Pháp do chính phủ đài thọ, nàng cầm tờ giấy giới thiệu của Sở di trú đi xin việc trong hãng may trên đại lộ Ste Catherine. Công việc của Thư là ủi và gấp những chiếc áo sơ mi mới may. Công việc này phải đứng từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Nửa giờ ăn trưa. Buổi chiều lê cặp chân rã rời về đến nhà, Thư chỉ muốn lăn ra ngủ vì quá mệt. Vậy mà nàng cũng cần răng làm được năm tuần thì hãng đóng cửa. Thì ra họ làm theo mùa. Hết mùa thì đóng cửa. Luật ở đây phải làm đủ tám tuần mới được ăn tiền thất nghiệp, nên Thư lại

cầm giấy giới thiệu vào làm hãng ly giấy. Thân hình bé nhỏ của nàng đứng trước cái thùng cạt tông to đùng đựng đầy ly từ máy sản xuất đổ ra, nàng phải kiễng chân, khom lưng để lấy và xếp ly thành từng chồng. Suốt ngày liên tục không ngừng tay. Vì những chiếc ly do máy sản xuất phun ra liên hồi, nếu ngừng tay sẽ xếp không kịp! Đến ngày thứ ba thì Thư có cảm giác cái lưng nàng sắp gãy ra đến nơi. Cả người rã rời, đau đớn như bị tra tấn! Thư buồn lắm. Nếu không đi làm thì mẹ con nàng sẽ sống ra sao? Bà Luân, mẹ Thư chỉ ở nhà lo cơm nước, chứ từng tuổi này đi học sinh ngữ làm sao vô? Chiều ngày thứ ba, trên chuyến xe buýt chật như nêm, vì nơi này là khu kỹ nghệ, sáu giờ chiều tan sở công nhân túa ra đông như kiến, nàng đã may mắn gặp bác Phúc. Bác hỏi thăm Thư và khi nghe cô than đi làm mệt quá, bác thương hại rủ đến sở bác đang làm xin việc. Đây là một hãng chuyên làm nữ trang giả nhưng thuộc hàng cao cấp. Làm việc rất nhẹ nhàng và họ đang cần người. Thư mừng quá cảm ơn rối rít.

Sáng sớm hôm sau nàng có mặt nơi văn phòng và được nhận vào tức khắc. Ông chủ dẫn Thư ra phía sau văn phòng. Gian phòng rộng mênh mông. Ngồi hai bên những chiếc bàn dài, đám công nhân chăm chú làm việc. Ông chủ gọi một người thanh niên da đen cao lớn tới báo chia việc cho Thư. Anh ta dẫn cô đến chỗ chiếc ghế còn trống, bảo ngồi xuống và đi lấy một cuộn dây kim loại to tướng, một cây thước dây và một chiếc kéo nhỏ dùng cắt kim loại đưa cho Thư. Anh ta chỉ cho cô cắt từng khúc, chiều dài cố định. Anh chàng đi rồi Thư đưa mắt nhìn chung quanh. Cô thấy nhân công độ một nửa da đen, số còn lại da vàng và trắng. Nhưng số da trắng tương đối ít hơn vàng. Ngay trước mặt cô là một cô gái Việt Nam chưa đến hai mươi tuổi,

rất xinh. Thấy Thu nhìn, cô bé nhoẽn miệng cười, tự giới thiệu:

- Em tên Thu Minh.

Thu cũng cười:

- Tôi tên Minh Thu. Suýt tý nữa là mình trùng tên, tuy ngược chiều!

Cô bé cũng cười, lộ hai núm đồng tiền trên má. Thấy tên da đen cao lớn đưa mắt nhìn một cách nghiêm khắc, Thu Minh vội vàng cúi xuống đo đo, cắt cắt, sau khi đã ra hiệu cho Thu đừng nói chuyện nữa. Đến giờ giải lao mười lăm phút, Thu Minh nói cho Thu biết anh chàng da đen tên Guy và là cai ở chỗ này. Hắn chỉ dưới quyền ông chủ mà thôi. Thu hỏi bác Phúc. Thu Minh dẫn Thu qua khu đóng hộp. Bác tương đối có tuổi nên được sắp vào công đoạn bỏ món nữ trang đã hoàn thành vào hộp, đóng nắp lại và đẩy qua người bên cạnh. Người này xếp vô thùng cạt tông. Sau đó có người bung xuống kho hàng chờ đem phân phối cho các tiệm bán lẻ. Thu cảm ơn bác Phúc đã giúp nàng tìm được công việc quá nhàn hạ. Thu Minh cười:

- Để rồi chị xem. Sau bữa ăn trưa, công việc chị em mình nhàn đến nỗi buồn ngủ muốn dúm cả mắt luôn! Lúc đó người nào cũng muốn "lạy ông đi qua, lạy bà đi lại". Thấy Thu tròn mắt không hiểu, cô bé phá lên cười "thì ngủ gục đó chị". Bác Phúc cười hiền lành:

- Có gì mà cảm ơn. Trước kia có người giúp bác, giờ bác giúp lại cháu thôi. Đừng bận tâm nhé. Cứ làm ở đây, ông chủ người Do Thái nhưng cũng dễ chịu. Miễn là mình làm việc siêng năng là không lo thất nghiệp cháu ạ. Thu cảm ơn bác rồi trở về chỗ ngồi vì đã hết giờ giải lao. Hai cô đi ngang chỗ một phụ

nữ da đen khá đẹp, thân hình sexy trong chiếc áo đầm hở hang. Hai gò bồng đảo căng tròn như muốn nhảy ra khỏi chiếc áo cổ khoét quá sâu. Mái tóc cô nàng nhuộm vàng khè. Cặp mắt không một chút thiện cảm nhìn Thu Minh, con bé bĩu môi thì thào:

- Chị Thu biết không, con nhỏ này là bồ của thằng cai. Nó phách kinh khủng nên ai cũng ghét. Nó ganh với em vì thằng cai hay la cà lại chỗ của em. Đẹp như chị cũng nên coi chừng đó nha. Tên này không hiền đâu. Thấy gái đẹp là mắt sáng lên như đèn pha.

Thu nghe chỉ cười chứ không có ý kiến. Nàng nghĩ mình cứ chăm chỉ làm việc là ổn. Hơn nữa, mấy lúc này Quân tỏ ra săn sóc Thu một cách đặc biệt. Nghĩ đến Quân, tự nhiên Thu thấy trái tim đập mạnh hơn và hai má chột ửng hồng. Không biết từ lúc nào nàng hay nghĩ về chàng. Ngồi đo cát những cọng dây chuyền bằng kim loại, sau đó sẽ được đem nhuộm vàng, mà đầu óc Thu lù lù dần về những ngày đã qua. Mới đó mà đã hơn một năm, kể từ ngày mẹ con nàng rời khỏi Việt Nam...

... Những tin tức thất thủ từ khắp các vùng chiến thuật đưa về, cộng thêm sự xôn xao của dân chúng Sài Gòn khiến bà Luân và Thu không khỏi hoang mang. Phía Cộng sản đã xé hiệp định Ba Lê và mở các mũi dùi tấn công vào Sài Gòn khiến tình trạng càng thêm rối rắm. Mọi người ào ào chạy đổi đô la xanh và mua vàng. Đến đêm 28-04, những tiếng pháo kích vào phi trường Tân Sơn Nhất âm ỉ vọng về thành phố khiến mọi người sợ hãi đến cực độ. Nhưng biết chạy đi đâu? Mấy ngày nay cả hai mẹ con mất ăn mất ngủ. Nhất là bà Luân, đã một lần bỏ miền Bắc lánh nạn vào Nam. Tưởng yên thân, nào ngờ chúng lại đuổi theo đến nơi. Bà sợ đến rộc cả người!

Trưa 29, Chiếc xe jeep của ông Thiếu Tá Hữu bên cạnh nhà thẳng kết ngay trước cửa.

Ông chạy vội vào nhà, lát sau bà vợ và hai đứa con mỗi người một túi xách nhỏ chạy ra, leo lên xe. Thấy mẹ con Thu đứng nhìn với ánh mắt đầy lo âu, bà vợ ông Thiếu tá chạy sang hỏi nhỏ:

- Chị Luân và cháu Thu có đi với chúng tôi không? Nhà tôi nói có chiếc tàu Đại Hàn đậu ngoài Tân cảng sắp nhỏ neo đó. Nếu đi thì vào lấy ít đồ rồi theo chúng tôi.

Bà Luân mừng rỡ. Dù không biết là sẽ đi đâu, nhưng vợ chồng ông Thiếu tá Hữu là người Bắc, cũng từng di cư như bà. Họ đã đi thì chắc là đã biết sẽ đi đâu. Đi đâu cũng được, miễn là không phải sống với cộng sản. Nhà bà không có đàn ông, đi chung với ông bà Thiếu tá Hữu là yên tâm. Từ ngày Tiến, con trai bà, mất tích khi máy bay chàng lái bị Việt cộng bắn rơi, bà càng căm thù bọn họ đến tận xương tủy. Bà chẳng đã mất bao nhiêu là của cải năm 72 Mùa Hè Đỏ Lửa, chạy thực mạng từ Kontum về Sài Gòn là gì? Đã 3 năm mẹ con bà mua nhà ở cạnh ông bà Thiếu tá Hữu, hai nhà qua lại rất thân tình. Có món gì ngon bà Luân cũng mang biếu ông bà Thiếu tá Hữu nên họ rất quý. Bà vội giục Thu vào phòng lấy hai cái sac marin mà không hiểu do linh tính hay sao, mấy ngày trước bà đã sắp sẵn vào đó ít quần áo, vật dụng tùy thân và giấy tờ quan trọng. Bà thầm nghĩ biết đâu lại chẳng chạy trốn Cộng sản thêm một lần nữa?

Sáu người ngồi trên xe chật ních nhưng hề gì. Chạy giặc chứ có phải đi du ngoạn đâu! Trên đường ra Tân cảng hàng đoàn người xông vào những cơ quan Mỹ bỏ trống để hôi của. Họ vác đủ thứ chạy ngơ ngờ hai bên đường... Tiếng

súng nổ dồn khắp nơi khiến những người ngồi trên xe mặt mày tái xanh tái xám. May quá xe chạy vào Tân cảng bình yên vô sự. Người đông đen đứng lố nhố trên bến tàu. Một chiếc thang sắt nối liền bến tàu với con tàu. Một hàng người, già trẻ bé lớn tay xách nách mang đang dò từng bước tiến lên boong tàu. Hai người Mỹ đứng hai bên chân thang ra lệnh cho tất cả quân nhân muốn lên tàu phải bỏ súng và quần áo nhà binh lại. May mà bà Hữu có đem theo quần áo thường dân cho chồng thay nên mọi người được lên tàu không gì trở ngại. Vì được báo tin trễ nên khi sáu người lên tàu thì dưới hầm tàu đã chật kín người. Thì ra người ta đã lên tàu từ ba hôm trước. Những thủy thủ của tàu Đại Hàn có vợ hoặc tình nhân là người Việt. Họ báo tin cho những người này và những người này đưa cả tông chi họ hàng xuống tàu để ra khơi. Họ đem từng thùng đủ thứ như mì gói, cá hộp, thịt hộp, bánh trái... chất đầy để ăn dần. Khi gia đình ông bà Hữu và mẹ con Thu leo xuống hầm tàu thì chỉ còn một chỗ nhỏ xíu ngay phía dưới nắp hầm. Sáu người đành chen chúc nhau ngồi. Con tàu nhắm hướng ra Vũng Tàu. Lúc ngang khúc Rừng Sát mọi người nín thở, chỉ sợ Việt Cộng nã vài quả B40 thì nguy to. Gần một ngàn người dưới hầm tàu, bị chìm chỉ có nước theo ngài Hà bá! Dưới hầm tàu nóng như lò lửa. Trẻ con phải cởi áo mới chịu nổi. Mọi người dùng bất cứ thứ gì có thể quạt, hầu xua đuổi được chút đỉnh cái nóng như thiêu đốt. Nhìn khắp hầm tàu, Thu có cảm tưởng như hàng ngàn cánh bướm đang chuyển động.

Khi tàu ra ngoài khơi, không biết bao nhiêu là thuyền con từ các làng đánh cá ven biển chạy ra bu quanh hàng hàng lớp lớp. Thuyền trưởng đành cho lệnh vớt hết. Không hiểu sao đã chạy loạn mà những người này mang theo cả TV, xe gắn máy... Thủy thủ được

lệnh quăng hết xuống biển để lấy chỗ cho người ngồi. Thế là tầng trên có thêm hơn hai ngàn người nữa. Vấn đề vệ sinh thật tồi tệ nên hầu như người nào cũng bị bệnh đau mắt. Hằng ngày thủy thủ phát cho mỗi người một túi gạo sấy và một túi cá khô để ăn. Thức ăn này dành cho quân đội mang theo đi hành quân. Chỉ cần đổ nước vô là gạo nở ra. Thụ và hai đứa con ông bà Thiếu tá Hữu nuốt không vô vì cơm thì cứng, cá khô tanh quá. Qua đến ngày thứ ba thì tàu cập bến Subic bay, Phi Luật Tân. Sau khi được ăn uống, một số sĩ quan cấp tá và gia đình được lên máy bay sang đảo Guam. Những người còn lại sẽ theo tàu tiếp tục cuộc hành trình bằng đường biển. Mẹ con Thụ được đi máy bay là nhờ ông Thiếu tá nhận là họ hàng.

Guam là một hòn đảo nhỏ diện tích hơn năm trăm cây số vuông, nằm trong biển Thái Bình Dương và là một trong năm lãnh địa của Mỹ. Lính Mỹ chặt cây cối và dựng hàng ngàn căn lều vải trên hòn đảo trồng trái này. Khí hậu khá khắc nghiệt. Ban ngày nóng như thiêu đốt, gió thổi bay bụi đỏ mù mịt, nhưng đêm xuống lại lạnh ra trò. Hai gia đình được chia hai căn lều cạnh nhau. Lúc mới đặt chân lên Subic bay, sau những ngày nhịn đói nhịn khát dưới tàu, ai cũng ăn uống thả dãn. Thụ và hai đứa con ông bà Thiếu tá Hữu uống sữa tươi và ăn cam mỹ thoải mái. Lúc vừa đến đảo Guam, ba người bị Tào Tháo rượt chạy tơi bời. May mà bà Thiếu tá Hữu có đem theo chai thuốc Parégorique mới cầm lại được!

Họ chẳng phải làm gì cả. Ngày hai buổi Thụ và mấy đứa nhỏ đi sắp hàng xin cơm. Hàng nào cũng rỗng rần dài cả

nửa cây số. Đứng hàng giờ dưới cái nắng chang chang, người nào cũng đen nhẻm. Lúc nào cũng nhận được một vá cơm nhão nhạt, một ít trứng quậy ra từ bột. Không có xì dầu cũng không có muối, vì hờ ra chai nào là bị thiên hạn mượn về lều làm của riêng chai này. Cuối cùng nhà bếp bèn để cho cái đám dân vô ý thức này ăn nhạt phèo cho khỏi lên tăng xông! Những người có tiền thì đến căng tin mua thức ăn ngon lành làm sẵn. Mẹ con Thụ chỉ có vài chục Mỹ kim trong túi, ăn hết cỡ cần đến thì sao? Thôi thì chịu khó đi xin cơm vậy. Một hôm Thụ đang sắp hàng với hai đứa con ông bà Thiếu tá Hữu, đột nhiên Thụ để ý thấy hàng bên cạnh có người đàn ông đang nhìn nàng chăm chú. Thụ nhìn lại. Nàng mơ hồ thấy quen quen. Đột nhiên người đàn ông rời hàng, bước sang và hỏi:

- Xin lỗi phải Minh Thụ bạn của Ái Châu không?

Tức khắc Thụ nhớ ra và reo lên:

- Anh Quân!

Quân gật đầu. Chàng cười, lộ hàm răng trắng bóng trên khuôn mặt đen sạm vì nắng gió:

- Đúng rồi. Thụ tới đây hồi nào?

- Dạ, em mới tới được hai hôm thôi. Em đi với mẹ em.

- Anh cũng đi với mẹ anh. Cô em gái ở Cần Thơ bị kẹt lại.

Hai người vừa nói chuyện vừa xê dịch theo đoàn người lấy cơm. Trước khi chia tay, Quân xin số lều để đến thăm mẹ Thụ. Anh nói chỗ lạ gặp người quen mừng quá. Hơn nữa mẹ anh rất buồn vì nhớ con gái còn kẹt lại Việt Nam. Ngày nào bà cụ cũng khóc. Anh nghĩ nếu các bà gặp nhau trò chuyện có lẽ sẽ bớt buồn hơn. Thụ về kể cho mẹ nghe về Quân. Sở dĩ nàng quen anh ta vì nhiều lần theo Ái Châu, là cô bạn cùng lớp thân nhất của Thụ, đến nhà bà di của nhỏ trong Hòa Hưng và đôi lần gặp Quân ở đó. Quân là bác sĩ quân y, có vợ tên Thúy Liễu và một đứa

con gái lên bốn tuổi. Quân quanh năm suốt tháng theo sư đoàn đi khắp các vùng chiến thuật, ít khi về nhà. Dù là lính "cao cấp" như Quân, không có phòng mạch thì lương lậu cũng chẳng bao nhiêu. Vì thế vợ chàng phải đi làm thêm và đã quen với ông Giám Đốc người Mỹ đầy uy quyền và giàu có. Cuối cùng, những món quà quý giá, đắt tiền đã khiến Thúy Liễu ngã vào vòng tay ông Giám Đốc. Sau khi li dị, cô ta lấy ông này và khi chiến trường VN sôi sục cực điểm thì Thúy Liễu đã đem con gái theo chồng về Mỹ. Tuy nhiên cô ta vẫn liên lạc với Quân để cho tin tức về con bé.

Buổi chiều Quân đưa mẹ lại lều của Thụ. Bà Đắc trạc tuổi bà Luân, người tầm thước, da trắng, ăn nói nhỏ nhẹ. Hai bà mới gặp nhau mà đã có cảm tình. Nói chuyện một lúc thì khám phá ra trước khi đi cư năm 54, họ cùng ở phố Hàng Bột, gần Quốc Tử Giám. Hai người như sống lại thuở thanh xuân. Cùng nhắc bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm của thời con gái. Rồi sau hai ngày chuyện vẫn không biết mệt, mẹ Quân bàn với con dọn đến ở chung lều với mẹ con Thụ. Họ chỉ cần kê thêm hai chiếc ghế bố là xong. Thấy mẹ vui vẻ, Quân tán đồng ngay. Bà Luân nói với Thụ rằng trong lều có đàn ông cũng đỡ sợ, vì bà nghe bà Thiếu tá kể có nơi bị trộm đột nhập vào lều ăn cắp đồ. Tuy không có thứ gì đáng giá, nhưng cũng một phen hoảng vía!. Thế là ba gia đình ở gần nhau rất vui vẻ. Hai bà mẹ càng ngày càng thấy gần gũi và thương nhau như hai chị em. Dù gì thuở xưa ở cùng phố, lại góa bụa giống nhau. Đến ngày thứ bảy, sau khi đi thăm dò, Quân về lều báo tin có phái đoàn Canada đến mở văn

phòng nhận người định cư. Ông Thiếu tá Hữu có em du học Canada từ trước rồi ở lại luôn. Ông đã liên lạc được với cậu em, nên quyết định đi Canada. Riêng Quân thì có mối thù không đội trời chung với người Mỹ, nên cũng quyết định xin tỵ nạn ở Canada. Trước đa số, mẹ con Thụ đành... phục tùng! Một tuần sau thì ba gia đình khăn gói quả mướp lên xe bus ra phi trường và sau đó lên máy bay đi Québec.



Hoa Quỳnh: Song Hà

Cả đoàn người léch thếch xuống phi trường Dorval khuya lơ khuya lác. Không ngờ được chính phủ tiếp đãi quá nồng hậu. Họ mướn khách sạn Queen giữa trung tâm thành phố Montréal để người tỵ nạn trú ngụ những ngày đầu tiên. Công chức của Bộ Di Trú đã có mặt ở khách sạn để làm giấy tờ nhập cảnh. Họ nhờ cả những sinh viên du học người Việt để thông dịch. Ăn uống thì ê hề thức ăn... tây. Chỉ tội nghiệp những người có tuổi, xa Việt Nam hơi lâu nên thêm com và nước mắm. Ai nấy đều mong mướn nhà riêng để tự nấu ăn. Quần áo

cũng được tiệm bách hóa Miracle Mart đem tới tận khách sạn phân phát. Khổ nỗi, không đủ size nên đành lấy đại. Thư nhớ mình đã lấy cái quần jean rộng thùng thình, trên cả hai số!

Một tuần sau mười tám gia đình được yên vị trong cùng một chung cư đường Alma. Nơi đây người quản lý da trắng dễ dãi. Nhiều gia đình đông tới bảy tám người vẫn mượn được căn phòng năm rưỡi. Nhà ông bà Thiếu tá Hữu bốn người thuê căn bốn rưỡi. Hai ông bà ngủ một phòng. Con gái phòng nhỏ và cậu con trai ngủ phòng khách. Gia đình Quân và Thư đều mượn ba rưỡi. Hai căn ở sát nhau. Trẻ con đông, ồn ào suốt ngày ngoài hành lang và có lẽ mùi thức ăn Việt Nam đã đuổi hết những gia đình da trắng đi chỗ khác. Mỗi sáng xe bus tới chờ học trò đi học, chỉ với trẻ con ở chung cư này là đầy một xe!

Khi Thư đi làm ở hãng Keays thì Quân xin được chân y công trong một nhà thương tâm thần, cách nhà tiếng rưỡi xe bus và métro. Quân chọn ca đêm, từ bốn giờ chiều đến mười hai giờ đêm. Buổi chiều cho bệnh nhân ăn uống, tắm rửa xong đi ngủ là chàng cùng mấy người bạn ngồi học bài. Muốn trở lại hành nghề, tất cả bác sĩ ngoại quốc bắt buộc phải qua một kỳ thi lấy bằng tương đương và một năm thực tập ở nhà thương. Tan sở lúc mười hai giờ đêm, đi bộ thật xa mới ra đến trạm xe bus, rồi chui xuống métro, sau đó phải đi bộ một quãng mới về đến nhà. Nên dù tan sở lúc mười hai giờ khuya, Quân về đến nhà là một giờ rưỡi. Loay hoay cũng phải hai giờ mới ngủ. Hôm sau dậy

muộn, ăn uống xong lại sửa soạn đi làm. Cực ơi là cực. May mà kỳ thi đầu tiên Quân đậu ngay. Thư còn nhớ rõ. Chiều hôm đó nàng đi làm về, từ dưới métro chui lên đã thấy Quân đứng lù lù tại cầu thang. Thư chưa kịp ngạc nhiên thì Quân đã cười tươi rói:

- Anh đậu rồi!

Thư cũng mừng quá, reo lên:

- Anh giỏi quá!

Quân nhìn Thư âu yếm:

- Em vui không?

Thư đáp không suy nghĩ:

- Vui lắm!

Nói xong nàng chột đồ mắt. Quân thi đậu thì có mắc gì đến Thư mà vui? Nàng ngượng ngùng nhìn Quân. Chàng mỉm cười nắm tay Thư, nói tinh bơ:

- Minh về đi. Cả nhà đang chờ tụi mình về ăn cơm.

Quân càng nói, Thư càng ngờ ra. Chẳng hiểu tại sao anh chàng lại dùng tiếng "cả nhà"? Thì thường thường hai nhà vẫn qua lại ăn cơm chung. Nhưng tiếng "cả nhà" hôm nay có vẻ không bình thường. Tuy nghĩ vậy nhưng Thư vẫn để yên bàn tay mình trong tay Quân. Nàng lại cảm thấy thật ấm áp, thật ngọt ngào. Thỉnh thoảng bàn tay Quân siết nhẹ tay Thư. Chàng nhìn cô bằng ánh mắt thật âu yếm. Thư mỉm cười. Thì ra chàng cũng yêu mình thật rồi. Từ mấy tháng nay cô thấy mình hay nghĩ về Quân. Trong sở làm có Chương, một cựu Giám đốc chi nhánh Việt Nam Thương Tín Sài Gòn cũ, trẻ, đẹp trai, độc thân vui tính đang tán tỉnh Thư, nhưng nàng vẫn tránh né. Thư so sánh Chương với Quân và chột nhận ra tình cảm nàng nghiêng hẳn về Quân. Chàng không hoạt bát, đẹp trai bằng Chương. Nhưng từ con người Quân toát ra sự vững chãi, đáng tin cậy. Chàng săn sóc Thư một cách kín đáo, tế nhị. Không bao giờ có một cử chỉ hoặc một lời

suông sã. Thịnh thoảng Quân có một món quà nho nhỏ cho Thư mà không cần phải là một dịp gì đặc biệt. Chẳng hạn như mùa thu vừa qua, thứ bảy hai mẹ con Quân qua nhà Thư ăn vì chiều hôm đó bà Luân làm món bún thang. Chàng đưa cho Thư một gói nhỏ, bọc giấy hoa thật đẹp:

- Hôm nay đi qua một tiệm bán quần áo đàn bà, thấy chiếc khăn quàng cổ đẹp quá, mua cho Thư.

Nàng mở gói quà. Một chiếc khăn lụa màu hồng nhạt có in những chùm lilas tím. Thư vừa quấn khăn lên cổ vừa nói, giọng reo vui và cặp mắt long lanh:

- Đẹp quá. Cám ơn anh.

Quân nhìn nàng triu mến. Ánh mắt như cười. Hai bà mẹ kín đáo đưa mắt nhìn nhau có vẻ hài lòng. Hôm đó Thư bắt chàng ăn thêm một tô bún thang. Quân dù đã no cũng vui vẻ ăn thêm. Vậy đó. Cả hai người, tuy không nói ra miệng nhưng đều dành cho nhau những tình cảm ngọt ngào, đầm thắm nhất.

Tới đầu đường Alma, Thư nhẹ nhàng rút tay lại:

- Coi chừng có người thấy, kỳ lắm anh.

Quân cười:

- Mặc cỡ hở cô bé?

Thư nhìn chàng, trách móc:

- Còn gọi "người ta" là cô bé? Coi chừng Thư gọi lại anh là "ông già"!

Quân cười khẽ :

- Anh già lắm sao ?

- Em đùa thôi ! Thư lắc đầu.

Bước vào nhà, nghe mùi chả giò thơm lừng, nàng hỏi mẹ:

- Bữa nay đâu phải cuối tuần mà mẹ làm cơm đặc biệt vậy?

Bà Luân đang trở những cuộn chả giò vàng óng trong chảo, vừa trả lời con gái:

- À, nhân dịp cậu Quân thi đậu, bác Đắc và mẹ làm vài món ngon đãi cậu ấy.

Chợt nhớ ra, Thư hỏi tiếp:

- Ủa, sao hôm nay anh Quân không đi làm nhỉ?

- Cậu ấy xin nghỉ một hôm để đi xem kết quả.

Nhà sẵn mọi thứ nên mẹ làm món chả giò. Tí nữa bác Đắc đem gà quay và thịt nướng qua ăn chung. Con tắm đi rồi ăn cơm. Mẹ còn luộc bún.

Thư lấy quần áo đi tắm. Đứng dưới dòng nước ấm áp đổ xuống từ vòi sen, Thư cảm thấy thật dễ chịu và bỗng dung muốn cất tiếng hát một bản nhạc trữ tình. Dư âm hạnh phúc khi được Quân nắm tay vẫn còn đây. Không còn nghi ngờ gì nữa, nàng đã yêu Quân tha thiết... Trước khi rời bỏ Sài Gòn, Thư cũng có một mối tình nho nhỏ vất vại. Hùng và nàng gặp nhau trong một bữa cơm thân mật nhà người bạn. Hùng làm phó Giám đốc một hãng tư sản xuất nước ngọt. Chàng có đôi mắt màu hổ phách rất đẹp và rất lạ. Hai người mới bắt đầu cuộc tình không lâu thì bị chia lìa vì hiện tình đất nước. Tới giờ Thư vẫn không có chút tin tức gì của Hùng. Tuy nhiên, đôi khi nhớ đến chuyện xưa, trái tim vẫn còn chút bồi hồi. Thư mong chàng đã có tình yêu mới, vì dù sao giòng đời vẫn tiếp tục trôi và ta vẫn phải sống, dù có nhọc nhằn!

Khi Thư sấy khô tóc, bước ra khỏi phòng thì bà Đắc và Quân đã đem thức ăn sang và hai người đang giúp bà Luân dọn bàn. Thư vội vàng chạy đến giành lấy mấy cái bát trên tay Quân:

- Bác và anh Quân ngồi đi, để em làm.

Hôm nay được ăn bún chả thích quá. Bác làm món này ngon nhất. Bà Đắc cười tươi:

- Bác biết cháu thích món này nên mới làm đây. Hôm nào rảnh bác chỉ cho bí quyết. Mai một còn làm cho chồng con ăn nữa chứ. Phải không cậu Quân? Vừa hỏi bà vừa nhìn con trai

với ánh mắt đầy thương yêu. Quân không trả lời mẹ, chỉ đưa mắt nhìn Thu và cười cười khiến nàng đỏ mặt, lúng túng. Bà Luân bung đĩa bún vừa mới luộc đặt xuống bàn, rồi mời mọi người cầm đũa. Bà Đắc tấm tắc khen:

- Chả giò chị làm ngon quá. Vật liệu lấy đâu ra mà làm ngon thế?

- À, tôi có người bà con sang Pháp từ mấy năm trước. Cách đây hai tháng họ qua đây thăm chúng tôi, sẵn du lịch cho biết xứ Canada. Nghe tôi than bên này thiếu đồ Việt Nam nên anh chị ấy mang sang cho một thùng đủ loại đồ khô. Chợ Việt bên Paris có bán đủ mọi thứ chị ạ.

Trong bữa ăn, hai bà mẹ vẫn nhắc đến đề tài muôn thuở: Việt Nam trước ngày mất nước. Những kỷ niệm vui buồn, những đau khổ, hạnh phúc... ở Hà Nội, ở Sài Gòn...đủ cả khiến người nghe cảm thấy ngậm ngùi! Nhưng nói gì thì nói, bà Luân không bao giờ nhắc đến Hùng và bà Đắc không bao giờ nhắc đến Thúy Liễu trước mặt mọi người. Thu biết Quân vẫn thường phôn qua Mỹ thăm con gái. Nhớ lắm, nhưng chàng chưa có thì giờ cũng như phương tiện sang thăm con bé. Thúy Liễu mặc cảm có lỗi với Quân nên không bao giờ cấm cản cha con họ liên lạc với nhau. Lúc đầu, chính nàng còn đề nghị giúp mẹ con Quân một số tiền lớn để sống thoải mái, nhưng chàng cương quyết từ chối. Lòng tự trọng không cho phép.

Ăn xong, Thu đứng lên dọn chén bát qua bồn rửa chén. Quân cũng đứng lên định phụ một tay, nhưng Thu không cho. Nàng pha một bình trà mời mọi người uống và ăn tráng miệng những

chiếc bánh choux à la crème mà Quân mua hồi chiều. Nhìn những chiếc bánh choux xinh xinh, Thu không khỏi chạnh lòng, nhớ tới lần gặp Hùng trên căn gác trọ đường Tô Hiến Thành Sài Gòn. Người con trai có đôi mắt màu hồ phách đã làm con tim băng trinh của nàng rung động bồi hồi. Thu chớp mắt, lắc đầu để xua đuổi những hình ảnh vừa thoáng hiện.

Rửa chén xong Thu qua ngồi với mọi người. Quân rót cho nàng một tách trà. Sau khi ngần ngại một vài giây, chàng quyết định đứng lên. Quân nhìn Thu, rồi quay sang bà Luân, cất giọng trịnh trọng:

- Thưa bác, hôm nay là ngày may mắn của cháu. Vì thế, cháu trân trọng thưa với bác rằng, từ lâu cháu đã yêu Minh Thu và nếu em không chê, cháu xin phép bác cho cháu được xin bàn tay của em ấy...

Sự ngạc nhiên khiến Thu sững sờ. Nàng nhìn Quân đăm đăm, cặp mắt mở to, nói không nên lời.

Tiếng bà Luân kéo Thu về thực tại:

- Chuyện này bác để em Thu quyết định hoàn toàn. Nếu nó bằng lòng thì bác không có gì phản đối cả. Kìa Thu, nói gì đi chứ.

Thu lắp bắp:

- Con... con... đồng ý!

Ba người đang nhìn Thu chăm chú đồng loạt thở phào. Quân mừng rỡ bước qua cầm tay Thu đưa lên môi, mắt nhìn nàng đắm đuối. Hạnh phúc khiến chàng bất chấp sự có mặt của hai bà mẹ:

- Cám ơn em. Anh hứa sẽ cố gắng mang hạnh phúc đến cho em. Hãy tin tưởng anh.

Con bé Thu ngày xưa ngổ ngáo là thế, bây giờ cũng e thẹn, nói vừa đủ cho chàng nghe:

- Em tin anh!.

Vẫn cầm tay Thu, Quân nói với hai bà mẹ:

- Con nghĩ là trước khi đi thực tập nhà thương, chúng con sẽ làm lễ đính hôn. Nếu con

phải đi xa thì bác và Thu vẫn ở đây. Ra trường xong là chúng con cứ hành hôn lễ ngay.

Mọi người đều tán thành ý kiến của Quân và một buổi lễ đính hôn trong vòng thân mật được tổ chức một tháng sau đó, trước khi Quân đi Chicoutimi. Thu chỉ mời bác Phúc và Thu Minh, hai người thân nhất ở sở làm và gia đình ông bà Thiếu tá Hữu. Quân được Y sĩ đoàn và Bộ Y tế phân phối đi thực tập ở nhà thương Chicoutimi. Đây là một tỉnh nhỏ nằm về phía Bắc của tỉnh bang Québec, cách Montréal hơn 600 cây số.

Tháng bảy bắt đầu thực tập. Quân xuống trước để thuê nhà rồi mới trở về rước mẹ. Hôm tiễn đưa, hai bà mẹ bịn rịn không muốn rời nhau. Bà Luân sợ bà Đắc xuống nơi xứ lạ, Quân đi làm, bà ở nhà một mình sẽ buồn chán rồi sinh bệnh. Mà bệnh thì không có ai ở gần để săn sóc. Nhưng bà Đắc trấn an bà sui:

- Không sao đâu. Một năm qua nhanh lắm. Tôi sẽ gọi điện thoại thường xuyên cho chị. Khi nào Thu rảnh, hai mẹ con xuống thăm chúng tôi.

Thu cũng lo cho sức khỏe của hai người. Nàng nghe nói dưới đó lạnh hơn Montréal nhiều lắm. Thu căn dặn đủ điều khiến Quân phì cười:

- Em làm như anh bị đày lên xứ rừng thiêng nước độc không bằng. Đây là Canada đó em ạ. Chicoutimi tuy xa nhưng cũng đầy đủ tiện nghi như ở đây. Đừng lo quá, cô... vợ bé bóng của anh.

Vừa nói Quân vừa đưa tay vuốt chót mũi Thu. Nghe Quân gọi mình là vợ, Thu xấu hổ ngúng nguẩy:

- Anh kỳ! Ai là vợ anh đâu!

Quân đe dọa:

- Được thôi. Có gì đừng trách nhé!

Thu trợn mắt:

- Có gì là gì? Anh có gì là chết với em...

Quân cười dòn:

- Coi em kia. Dễ thương quá làm anh muốn... thơm một cái!

Thu nhìn trước nhìn sau, thấy không có ai bèn ngược mặt lên:

- Thờng anh. Xuống dưới gắng học, không được lộn xộn nha.

Quân cúi xuống đặt chiếc hôn thật nhẹ nhàng lên môi Thu. Nhưng hơi thở ấm áp, thơm tho của nàng khiến Quân rạo rục, chàng ôm siết thân hình mềm mại của người yêu và lần này một chiếc hôn thật nồng nàn, say đắm khiến cả hai cảm thấy choáng váng. Thu nhẹ đẩy Quân ra và nói trong hơi thở:

- Xuống tới dưới nhớ hôn về liền cho em. Thôi mình ra kéo mẹ sốt ruột.

Trước khi buông, Quân còn tham lam hôn nhẹ lên môi Thu một cái:

- Xin tuân lệnh bà xã yêu quý!

Thu nguyệt chàng một cái, nhưng trong lòng cảm thấy vừa ngượng ngượng vừa vui vui với tiếng bà xã. Lúc hai người ra ngoài thì bà Đắc đã sẵn sàng. Quân thuê một chiếc xe chở hàng nhỏ để tự lái xuống Chicoutimi. Đồ đạc có gì ngoài chiếc giường đơn và tấm nệm cho bà mẹ. Chiếc đi văng, ban ngày dùng để ngồi, ban đêm kéo ra làm giường ngủ. Hai cái tủ đựng quần áo nhỏ nhỏ, một ít vật dụng nhà bếp và hai valy quần áo. Quân đi rồi Thu bồn chồn lo lắng. Đường xa quá không biết chàng lái có an toàn không? Đến gần tối mới có phon của Quân gọi về. Chàng kể dân chúng ở tỉnh lẻ rất hiền lành, dễ thương. Thấy chàng dọn nhà một mình, hai người hàng xóm đã tình nguyện phụ một tay. Họ cũng cho mượn điện thoại để chàng gọi về cho Thu. Ngày mai Chúa nhật Quân còn nghỉ.

Sáng thứ hai mới bắt đầu đi nhà thương thực tập. Thư bảo rằng giữa tháng bảy hằng sẽ đóng cửa nghỉ hè hai tuần, mẹ con nàng sẽ xuống thăm bà Đắc và Quân ít hôm. Chàng nói:

- Mới xa có một hôm mà đã thấy nhớ em!

Thư cười khúc khích:

- Em cũng vậy. Thôi ráng lo học hành cho giỏi. Hai tuần nữa em xuống thăm.

Hai người thì thăm trao đổi những lời nhưng nhưng nhớ nhớ.... Cuối cùng Quân chợt nhớ ra:

- Thôi chết. Gọi về Montréal là viễn liên đó. Anh cúp nghe cung.

Sau đó là tiếng hôn gió trong phon. Thư ngồi đó, tay cầm chiếc phon và nhớ Quân, nhớ da diết. Thứ hai vào sở làm, trước vẻ mặt bản thân của Thư, Thu Minh trêu:

- Chị Thư đang nhớ chàng hả?

Thư cười gượng, tâm sự:

- Ừ. Anh ấy đi xa mới thấy là thương thật là thương em ạ. Trước đây chị tưởng trong đời mình không thể yêu ai được nữa sau khi mất liên lạc với anh Hùng.

- Nhưng lần này chị yêu anh Quân có khác với anh Hùng không hở chị? Thu Minh tò mò.

Thư ngẫm nghĩ một lúc mới trả lời, bởi nàng chưa bao giờ tự đặt câu hỏi:

- Khác em ạ. Lúc yêu anh Hùng chị còn ngây thơ, nhìn đời bằng cặp mắt màu hồng. Tình yêu rất sôi nổi và đầy mộng mơ. Giờ yêu anh Quân, chị đã chín chắn lắm rồi. Tình yêu đậm thắm hơn. Anh ấy cũng từng đổ vỡ như chị, nên ngoài tình yêu, anh chị ý thức được bốn phận phải mang hạnh phúc đến cho nhau.

Thu Minh nháy mắt:

- Túm lại, chị Thư của em bây giờ là người lớn rồi! May phước cho anh Quân. Hi hi hi!

- Con bé này! Thư máng yêu. Bao giờ đến lượt cô thì coi chừng tui à!

Hai chị em đang cười khúc khích, nhìn thấy khuôn mặt cau có như khi ăn gừng của anh chàng cai Guy thì vội vàng ngậm miệng. Thư và Thu Minh chăm chỉ làm đến giờ giải lao mới tiếp tục:

- Em học đến đâu rồi?

Thu Minh nghe hỏi chép miệng:

- Cũng oải lắm chị ơi. Sau chín tiếng ở đây, em chạy đến trường học thêm ba tiếng nữa. Nhiều khi ngủ gục luôn đó. Không lẽ suốt đời làm hằng này với đồng lương tối thiểu nên em mới cố hết sức đó.

Thư an ủi:

- Ráng lên em. Thu Minh còn trẻ, phải học một nghề chắc chắn cho tương lai. Chị nghe nói học ngành kế toán lúc nào cũng có việc làm.

Thu Minh phân bì:

- Chỉ có chị là sướng. Một năm nữa anh Quân học xong. Hai người cưới nhau chị sẽ không cần đi làm nữa. Sướng ghê!

Thư nhăn mặt:

- Ai bảo với em là chị sẽ ở không? Có mà chết sớm! Hôm trước anh Quân nói khi ra trường anh ấy sẽ mở phòng mạch tư và chị sẽ đi làm với anh ấy.

- À há! Một công đôi việc. Chị vừa làm có lương mà vừa canh chừng ông chủ! Thu Minh cười dòn.

Thư cốc đầu Thu Minh:

- Nhiều chuyện quá ghen nhỏ! Ai thèm canh làm gì. Yêu nhau phải tin tưởng chứ.

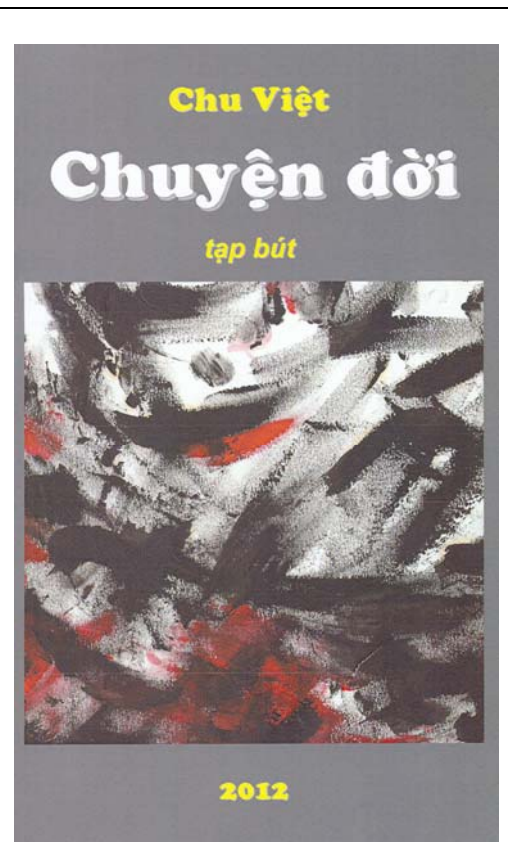
Thu Minh chu mỏ:

- Thôi chị ơi. Nói như chị có ngày... khóc hồng kíp à nha. Em thấy tụi đầm bên này... xả láng lắm đó. Nó mà thích là... cho liền, chứ không như người Á Đông mình. Chị thấy con

Linda không? Nó mê anh Phú như điều đồ. Em nghe mấy người trong phòng mài nói nó dụ khị anh ấy đi bar uống rượu với nó hoài. Chị thấy nó ăn mặc sexy kiểu đó đàn ông nào từ chối mới là lạ !

Thư phải công nhận con bé Thu Minh có lý. Con Linda chừng ngoài hai mươi tuổi. Tóc nhuộm vàng óng ả. Nó hay mặc đầm bó sát nên ngực và mông cứ ngồn ngộn. Trước đây nó bồ với một tên da trắng gốc Ý làm bên phía nữ trang bằng vàng thật. Sau này nó bồ anh Ý để theo ve vãn Phú. Phú cao lớn, đẹp trai làm trong phòng mài. Thấy cô đầm hấp dẫn, Phú cũng đi chơi với nó một hai lần. Anh chàng Ý ghen, đón đường cà khịa và suýt đánh nhau với Phú. Bạn bè khuyên Phú không nên đi với con Linda nữa. Thằng Ý nhờ Mafia thanh toán thì phiền lắm. Trong hãng có gần hai mươi người Việt Nam. Bác Phúc lớn tuổi nhất, còn thì từ mười tám đến ba mươi. Phần lớn sau giờ làm việc họ chạy vội vàng đến trường để theo một chương trình chuyên nghiệp nào đó, như Thu Minh chẳng hạn. Những công nhân ở đây gồm nhiều sắc dân, nhưng hầu như ngoài dân Việt Nam, những người khác có vẻ chịu đựng số phận làm công muôn đời ở đây. Mà cũng phải thôi, như dân đến từ xứ Haiti là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới, được làm ăn sinh sống ở Canada đã là thiên đàng rồi. Họ đâu còn mơ ước gì hơn? Trong khi đó, phần lớn dân Việt Nam ở đây ít nhiều gì cũng là dân trí thức, làm sao cúi đầu cam chịu làm việc tay chân mãi được.

(Còn tiếp)



**Tạp bút về chuyện mình,
chuyện người, chuyện nhà,
chuyện nước.**

**Xin cảm tạ
NHÀ VĂN CHU VIỆT
đã tặng sách và trân trọng giới
thiệu cùng quý độc giả.**

Henry Wadsworth Longfellow

The Arrow and the Song

I shot an arrow into the air,
It fell to earth, I knew not where;
For, so swiftly it flew, the sight
Could not follow it in its flight.

I breathed a song into the air,
It fell to earth, I knew not where;
For who has sight so keen and strong,
That it can follow the flight of song?

Long, long afterward, in an oak
I found the arrow, still unbroken;
And the song, from beginning to end,
I found again in the heart of a friend.

Henry Wadsworth Longfellow
(Thi sĩ Mỹ, 1807-1882)

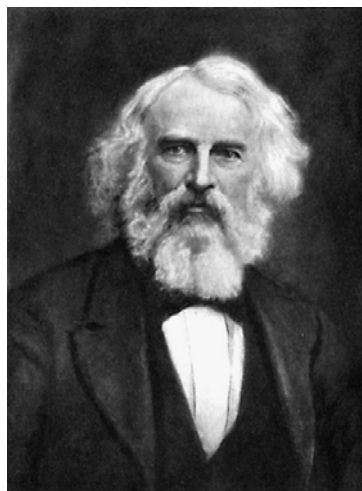
Mũi Tên và Bài Ca

Mũi tên ta bắn lên trời,
Tên sa xuống đất, biết rơi nơi nào.
Mũi tên vút nhẹ lên cao,
Mắt không dõi kịp đường nào tên bay.

Lời ca bay chín từng mây,
Rồi là xuống đất, không hay chốn nào
Mắt ai nhìn thấu trời cao,
Mà thấy tiếng hát rơi vào nơi đâu?

Trên cây sồi, mấy năm sau,
Mũi tên còn cắm như hầu vện nguyên.
Lời ca tròn ám, triền miên,
Vẫn còn ấp ủ trong tim bạn mình.

(Phạm Trọng Lệ dịch, 5/12/2000)



Nhận xét:

Bài thơ gồm ba stanzas, 12 câu, lời thơ giản dị, viết năm 1845, cách đây 168 năm, Tác giả là thi sĩ Mỹ sống ở thế kỷ 19 tên là Henry Wadsworth Longfellow (1807-1882). Bài thơ mang hai hình ảnh tương phản. Mũi tên tượng trưng sức mạnh của con người, có thể gây thương tích đau đớn hay cái chết cho kẻ khác. Mũi tên lại có thể bay cao, bay xa. Lời ca cũng do con người phát ra, dù bay cao đến mấy cũng không bằng mũi tên, trừ phi nhờ khoa học hiện nay có thể truyền tới bất cứ nơi nào trên trái đất. Bài ca, trái lại, có ảnh hưởng mạnh hơn. Mũi tên bắn đi còn cắm trên cây sồi, một thứ cây gỗ cứng. Cây sồi còn chịu được mũi tên, nhưng bài ca, dù không nhọn như tên, không cứng như gỗ sồi, nhưng khi ca lên, người bạn nghe thấy, hát lên, nhớ và thuộc nên lời ca nằm mãi trong tim, **thấu trong tâm khảm người nghe.**

Bởi vậy mà bài ca hay được người đời nhớ mãi. Như câu cuối trong bài sonnet 18 của Shakespeare, “Ngày nào con người còn hơi thở, mắt người còn trông thấy được thì ngày đó những lời thơ này tả vẻ đẹp của em còn sống mãi và em sẽ sống mãi trong tình thơ ta.” (“So long as men can breathe, or eye can see/So long lives this and this gives life to thee.”) Còn người còn kẻ ngâm nga/Vần thơ trác tuyệt nét hoa ngàn đời).

Đời sống của bài ca hay bài thơ--hay hiểu theo một nghĩa khác, tiếng nói của âm nhạc và ngôn ngữ--như vậy, lâu dài hơn đời sống của mũi tên vì lời ca được truyền từ của miệng từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sức mạnh của vũ khí chưa chắc địch nổi sức mạnh của bài ca. Henry Wadsworth Longfellow, thi sĩ Mỹ, sinh năm 1807, mất 1882, tác giả bài thơ Paul Revere's Ride (kể lại chuyện người thợ bạc ở thành phố Boston tên là Paul Revere, cưỡi ngựa suốt đêm hôm 18 tháng tư, 1775, báo cho dân biết quân Anh sắp tới). Ngoài ra, Longfellow còn làm bài thơ dài The Song of Hiawatha, và Evangeline. Ông là thi sĩ Mỹ đầu tiên dịch trọn bộ ba cuốn thơ của Dante Alighieri's The Divine Comedy sang thơ Anh.

(Nhà xuất bản Barnes & Noble in lại toàn bộ kèm theo hình minh họa của Gustave Doré (1832-1883), giá dưới \$25.)

Ông sinh ở Portland, Maine, học ở đại học Bowdoin. Ngay khi còn là sinh viên ông đã dịch thơ của Horace từ tiếng Latin sang tiếng Anh. Sau khi tốt nghiệp năm 18 tuổi, ông được nhà trường mời trước chức giảng sư với điều kiện ông du học thêm ở Âu châu. Ở đây ông vừa học vừa tự học tiếng Pháp, Spanish, tiếng Ý, tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Phần Lan, Đan

Mạch, và tiếng Iceland. Trở về Mỹ, ông làm giáo sư sinh ngữ ở trường cũ Bowdoin; sau đó làm giáo sư sinh ngữ ở đại học Harvard. Năm ông 47, ông nghỉ dạy học và để toàn thì giờ làm thơ.

-Bài thơ trên được phổ nhạc trên youtube. <http://www.youtube.com/watch?v=JvPew6t5Eoo>

-Nhà xuất bản nhạc Stanton's Sheet Music có Sound-Audio cho nghe thử ở <http://listeninglab.stantons.com/title/arrow-and-the-song-the/366072>

Bản nhạc có hòa âm giá \$1.99. **Có thể dùng để dạy luyện hơi và giọng.** Mua tại: Address 330 South 4th Street, Columbus, OH 43215, USA.

-Trường đại học Bowdoin cũng có ban hợp ca và phổ nhạc bài thơ ở:

The Bowdoin Longfellow Final Concert 2010
www.youtube.com/watch?v=WwnLEkYuZLI
<http://www.youtube.com/watch?v=YUqXyHyWdo>

Ghi chú: Xem tiểu sử Longfellow trong en.wikipedia.org/Henry_Wadsworth_Longfellow



PTL, 5/18/2013

LE CERF

**O triste animal qui allonge le cou,
Tu es silencieux.**

**O Cerf aux andouillers odorants
Tu es de race céleste.**

**Tu contemples
Ton reflet dans l'eau
Tu te rappelles avec nostalgie
Une légende perdue
Tu regardes tristement au loin.**

No Chon Myung (1912-1967)

Nữ thi sĩ Hàn Quốc. Bà sinh tại Whang-Hal. Ký giả về văn học cho nhật báo Chosun Ilbo. Giáo sư Đại Học Nghệ Thuật tại Séoul

MẮT NAI BUỒN

**Nai buồn dài cổ kia ơi,
Sao im lặng, chẳng buông lời vu vơ.
Nai buồn sừng gạc thơm tho,
Vốn là nòi giống trời cho trên đời.
Ngắm mình trong bóng nước trôi,
Nhớ nhung về chốn xa vời cố hương.
Mắt rồi huyền thoại đau thương,
Mắt nai buồn gửi xa vương vấn đây.**

Nguyễn Mây Thu

Dịch (28-04-2013)

CON CÒN NỢ BA

Dự Thị Diễm Buồn

Ba ơi, mai là đến ngày báo hiếu người cha rồi! Con nhớ quê hương mình không có ngày lễ báo hiếu từ mẫu “*Mother’s Day*” hay ngày báo hiếu từ phụ “*Father’s Day*” như cái xứ con đang tạm dung đó ba!

Con biết ba sẽ cười hiền lành mà bảo với con:

- Con bé này nhiều chuyện và rườm rà quá đi... Bời ở xứ mình cha mẹ hàng ngày chạy gạo cho cả nhà mở con mắt không lên... thì còn có tâm tình gì mà nghĩ đến ngày báo hiếu, báo ơn con ơi. Công ơn cha mẹ bốn phận làm con không chỉ có ngày đó thôi đâu. Nhớ lúc đi tu nghiệp ở Mỹ, ba cũng biết ngày lễ báo hiếu từ mẫu hay từ phụ chớ. Bên đó, tới ngày lễ nếu con cái ở gần thì đưa cha mẹ đi ăn sáng, ăn trưa, ăn chiều... ở xa thì mua gói cho cái áo, cái khăn, hay gói cho mấy chục. Có tiền thì được một trăm, hay nhiều hơn tùy hoàn cảnh gia đình của họ. Theo ba nghĩ thì công ơn cha mẹ sanh thành dưỡng dục như núi Thái, như đại dương vô bờ vô tận... chớ đâu chỉ có mấy ngày đó...

Ba à, con sẽ vui đầu vào ngực, ôm chầm lấy vai mà nhong nhèo nũng nịu bảo với ba rằng:

- Ba ơi, theo con biết, mỗi năm xứ người có ngày báo hiếu là để gợi nhớ, để hâm nóng, để nhắc nhở lòng tôn kính, thương yêu, hiếu thảo của con đối với cha mẹ. Đó cũng còn tùy thuộc vào tâm tình và hoàn cảnh của mỗi người nữa ba. Còn con thì ba đừng có lo nghe! Con nhớ thương và

kính yêu ba dài dài, đều đều, cho đến ngày lia bỏ cõi đời, trong con cũng không hề lạt phai thương kính ba chút nào hết đó ba!

Những hồi ức quay về, Nghĩa chép miệng thờ ra! Cô nhìn những cánh hải âu bay lượn giỡn đùa, cùng tiếng kêu vang vang của chúng trên trời cao. Và những cây mọc trong nước sát mé bờ, có nhánh gie ra ngoài... Trên cành có tổ chim, mà chim mẹ đang đút từng miếng mồi nhỏ vào miệng lũ chim con... Cô cảm thấy buồn nao cõi lòng, và thở dài nghĩ ngợi!

Vì cho đến bây giờ thật sự tôi cũng chưa biết mẹ mình là ai? Có thể mẹ cô đã qua đời rồi chăng? Có thể vì hoàn cảnh nào đó bà không nhận con? Có thể, có thể, và có thể lắm... Bao nhiêu nguyên nhân khiến tôi nghĩ và đặt câu hỏi trong đầu? Nhưng từ nhỏ đến giờ vẫn không có câu giải đáp! Vì chưa bao giờ Nghĩa được gặp và biết mặt mẹ mình! Cho đến khi tôi biết đánh vần chữ “*Mẹ, Má*” khi tôi biết nhận xét, khi tôi hiểu, khi tôi biết nghĩ suy, và tôi biết tủi thân khi thấy những đứa trẻ tuổi cỡ mình có mẹ!

Bởi mẹ bỏ Nghĩa cho nội, khi con bà chưa đầy 2 tuổi! Ngôi nhà cũ trống không của ông bà để lại, là di vật cuối cùng của gia đình cũng bị giặc tịch thu lấy làm chỗ hội họp cho đám thanh niên trong phường. Họ bảo đó là nhà của “*Ngụy quân*” cho nên bà cháu tôi bao nhiêu năm ở trong căn nhà đó, đương nhiên có tên trong danh sách phải đi kinh tế mới! Trong khi cha tôi còn bị họ nhốt trong tù cái tạo.

Bà nội già cả mà đùm túm cháu lang thang sống hẩm hiu lấy lát bữa khoai, bữa

đậu ở xó chợ, gằm cầu! Vì bà cháu tôi giờ đây không còn nhà nữa, và vì già yếu nên bệnh tật liên miên nữa... Cho đến ngày giặc thả ba tôi về, ông bị bệnh phù thũng trầm kha không lao dịch nổi. Vì thế chúng mới cho về vì lý do đơn giản là ông ở trong tù chỉ tốn kém, chứ không có lợi lộc chi cả. Và nếu nhốt ông bị chết trong tù, thì chúng sẽ thêm một cái tội với thể nhân nữa là: “*Nhốt người vô tội, bệnh hoạn không thuốc men cho đến chết...*” Tội nghiệp ba của tôi, sau bao nhiêu năm bị đày đọa trong tù ngục cái tạo. Thân thể ông đầy thương tật, yếu đuối, gầy còm như cái xác biết đi! Khi được giặc thả về, ba của tôi mất tất cả, cái gì cũng không có, chỉ có nhiều thứ bệnh!

Nổi đau buồn mất mát đeo dính ba người chúng tôi. Không có ăn thì tiền đâu mà thang thuốc... Vì bệnh tật, thiếu thốn, khổ đau, và nỗi buồn nối tiếp buồn theo... Ba tôi như người mất trí, bởi bà nội đột ngột qua đời, sau khi ông thả về chưa đầy ba tháng!

Đau khổ ngập lòng, uất hận riêng mang, nhiều lần ba tôi đã ngửa mặt lên trời cao, nghẹn ngào mà than rằng:

- Ông Trời có bất công không? Hay kiếp trước tôi đã gây nhiều oan khiên cay nghiệt nên bây giờ nhận lãnh bao nhiêu đau khổ buồn thương lần lượt chụp phủ xuống cha con tôi! Tội nghiệp con tôi còn nhỏ quá, xin cho tôi nhận lãnh tất cả mọi sự việc đã vay. Mong Ông Trên linh thiêng giúp cho cháu có cuộc sống an ổn, cuộc sống thật sự của kiếp một con người bình thường trên cõi đời này...

Không còn lối thoát, ba tôi phải đi xin ăn! Đó là việc làm duy nhất để kiếm sống cho hai cha con tôi thôi. Vì khôn khổ chất chồng, và thương đau khóc mẹ, đôi mắt ông

đã bị mù lòa! Tội nghiệp ba tôi sống không bằng chết! Ông sống trong tăm tối không được ánh sáng mặt trời chiếu rọi, cùng nỗi đau đớn xâu xé, và xấu hổ ngứa tay xin tiền, mong nhờ vào từ tâm của thể nhân! Tuy đôi mắt bị mù lòa, nhưng tâm hồn ba tôi trong sáng như nhật nguyệt. Ông thường dạy dỗ và nhắc nhở cho tôi biết ai là bạn, ai là kẻ thù... Ông cũng không vì bệnh tật và hoàn cảnh hiện tại của mình mà thất chí, rồi làm những chuyện không nên, hay nói năng xàm xỡ với những người chung quanh... Ông luôn giữ câu của người xưa: “*Lành cho sạch/ Rách cho thơm*” và luôn lấy đức báo oán, trước những cảnh trái ngang của đời ông.

Ba tôi đi xin ăn từ sáng sớm tới chiều tối mới về. Nhưng không bao giờ ông cho tôi đi theo. Tôi được ba gọi trong chùa để sử cụ sai vặt, và dạy cho biết chữ. Nhớ lại ngày nào, sử cụ cũng thấy cha con tôi hàng ngày gọi nắng, dầm mưa lang thang đi qua chùa. Sư thương tình gọi lại hỏi thăm và cho cho cha con tôi tá túc ở mé hiên sau của chùa. Với trí hiểu biết non nớt của mình, tôi không biết ba tôi đang nghĩ suy gì? Nhưng tôi biết chắc chắn một điều: “*Ý chí mãnh liệt để ông sinh tồn vì không muốn con mình côi cút, bơ vơ...*” Tôi không sao quên, đó là ngôi chùa nghèo nằm sát bên bờ sông Bảo Định (Thành phố Mỹ Tho) nước ròng, nước lớn lưng lờ xuôi chảy. Những ngày gió lạnh mưa chan đi xin về đến chỗ ở, có khi ba tôi bị lạnh cóng cả người... Tôi la cầu cứu, sử nấu nước gừng nóng cho uống, sử châm cứu, cho đốt củi lửa hơ, và xức dầu nắn bóp để ba tôi giãn gân cốt, và từ từ khỏe lại...

“*Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân*” Tôi vẫn nhớ chiều hôm đó, cha con tôi vui mừng và hết sức ngạc nhiên. Bởi có ông khách qua đường dừng lại cho ba tôi một số

tiền lớn! Một số tiền rất lớn với một người mù đi xin ăn bữa đói bữa no... Vị thần độ mạng của cha con tôi, chính là một đồng đội cộng sự với ba ngày xưa. Giờ ông là một ngoại kiều về thăm quê hương bất ngờ gặp lại... Kể từ sau đó, ba tôi không còn đi xin ăn nữa, và gánh nặng xót xa trong lòng ba có phần nào được nhẹ đi.

Cứ mỗi sáng sớm, khi vàng thái dương còn e ấp ở phương đông, chim chóc gọi đàn bay đi tìm mồi... Thành phố rộn tiếng còi, tiếng động cơ xe cộ, tiếng người bán hàng, tiếng trẻ con cười nói trên đường đến trường... Thấy chúng ôm tập sách, mặc áo quần lành lẽ... Tâm hồn tôi se thắt, với những ước mơ thầm kín nở lớn trong lòng! Mỗi ngày như mọi ngày, tôi dắt ba ra ngã tư đầu đường nhiều người qua lại. Giúp ông treo tấm ni-lông che nắng che mưa để ngồi bán vé số, chiều tối mới tôi mới đến dắt ba về. Cha con tôi đi giữa thành phố lên đèn, qua những ngôi biệt thự đồ sộ nguy nga tráng lệ, qua những nhà hàng, khách sạn cao ngất trời của bọn tư bản đồ... Chúng đang phê phỡn vui cười sống sa hoa trong đau khổ của nhân dân!

Khi vui, ba thường kể cho con gái mình nghe những chuyện ngày xưa lúc còn là lính chiến... Ba kể trong say sưa, với niềm tin lẫn niềm xúc động nghẹn ngào, và niềm hy vọng thầm kín... Dần dà ba tôi đã lấy lại mức sống bình thường trong tâm hồn. Và thỉnh thoảng tôi còn bắt gặp niềm vui trong giọng nói, hoặc nụ cười nhẹ trên môi ông.

Ngày đó, nắng Sài Gòn đẹp lắm! Phố phường rực rỡ vàng màu cờ và sắc áo lính. Những người lính chiến trên Bốn Vùng Chiến

Thuật đại diện các quân binh chủng, từ các chiến trường trở về dự trong ngày Đại lễ.

Ngồi chung với mấy bà tán dóc, bà Tám y tá (chích thuốc theo toa bác sĩ) lên tiếng trước:

- Mấy chị biết con bà Hai bán bánh bò, bánh da lợn ngoài chợ, là cậu Nhân chứ? Tôi thấy cậu mặc bộ đồ lính Thủy Quân Lục Chiến, cùng một số quân nhân đại diện đơn vị về diễn hành ngày Quân lực 19 tháng 6... Ôi trông cậu ấy đẹp trai thì thôi, và thật oai phong quá chừng chừng đi!

Bà Tư bán gạo, góp chuyện:

- Thế cho nên, sau mùa Quân lực đó, khi thấy bóng dáng thấp thoáng chàng về phép, thì các em trong xóm lượn qua lượn lại nườm nượp hà! Họ mong coi có được lọt vào giếng mắt xanh của chàng, để làm người yêu của lính chiến miền xa không?

Chị Tám Dung thợ uốn tóc mở to mắt ngạc nhiên, lên tiếng:

- Mấy chị nói “chơi hay nói giỡn”, bộ có vậy thiệt hả, sao tôi không biết vậy cả?

Chị Út Nga vợ ông Sáu Hiến, tài xế xe đồ đường Long An, Sài Gòn. Chị là phụ nữ trẻ nhất trong nhóm đang bàn chuyện thiên hạ sự. Tánh tình chị trẻ trung và hay nói tiếu. Ngồi kế bà Tư chị cười khề khề chêm vào những lời lẽ vui nhộn... Tiếng cười chưa dứt, thì chị gồng gân cổ trỗi giọng:

- Có chứ, sao không thật! Mấy bà nghĩ xem: *“Bạn ơi quan hà xin cạ chẹn ly bời/ Ngày mai tôi đã đã đi xa rồi... Giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu/ Trở về là khi nước non vui bình yên...”* Rồi chị bắc qua bài khác, hát câu đầu này nhảy qua câu đầu kia: *“Đừng chê anh lính đám cưới nhà binh em ơi/ Em sẽ là cô dâu đẹp tuyệt vời .../ Đám cưới bọn ta tung bùm biết mấy.../... Tám xe lợi nước theo sau/ Chín xe đại bác*

đi đầu... *Cười em nhỏ lắm em ơi/ cười em mời mấy trăm người... Có ai bằng đôi ta đầu...*” Mèn ơi, mấy em nghe đến đó quỳnh dít thiếu điều năn nỉ ỉ ôi, xin được sửa túi nâng khăn cho chàng ta là chàng khác...

Coi bộ chưa đã, chị húng chí lớn tiếng:

- Nhưng “*Sức mấy! Bỏ qua đi tám...*”

Bây giờ thì hai bông mai vàng trên ve áo cậu Nhân, đã làm các em cho mình là kiểu nữ trong xóm nín khe... Bởi lúc chàng còn đi học, các nàng chê là thằng con bà bán bánh nghèo mặt rệp... Chê cho đã chớ có biết đâu anh chàng lính chiến Nhân “*nhà nghèo, nhưng học giỏi, và đẹp giai*” giờ anh ta tăng lơ làm vợ các cô nàng trong xóm... Khiến các em vừa tức vừa tiếc hùi hụi, bởi ngày xưa lỡ dại chê nhầm người ta!

Các bà phá lên cười rộ vui vẻ rồi trở về nhà ai phận nấy. Họ là những người phụ nữ lam lũ ở xóm nghèo, bình dân, vui vẻ, tốt bụng giúp đỡ chòm xóm khi ai đau bệnh, tối lửa tắt đèn... Họ hay chọc ghẹo đôi phương nhưng để vui cười chung, rồi qua đi chớ không nói xấu, nói hành nói tỏi, hay có ác ý với ai...

Cho đến một ngày kia, chàng Nhân dắt về giới thiệu với mẹ, cô Hồng Thủy làm ở sở Mỹ nơi chàng thường theo mấy người bạn ngoại quốc ghé mua hàng “PX” (cửa hàng của quân đội đồng minh, không có thuế) Bà Hai má Nhân là người mẹ dễ dãi, thương yêu và luôn chiều chuộng con. Bà nghĩ giờ con bà cũng đã lớn rồi, có thương cô nào thì bà cưới cô ấy cho anh.

Thế là đám cưới nhà binh được tổ chức đơn sơ nhưng đầy đủ lục lễ cho con mình. Dù là cảnh nhà mẹ góa con cô, nhưng bà Hai cũng đi đủ lễ, chớ không nói đơn sơ mà giảm quà lễ để thiên hạ cười chê mẹ con bà.

Sau ngày cưới, Hồng Thủy về sống với mẹ chồng. Còn Nhân thì luôn bôn ba ngoài

chiến trận, đôi ba tháng mới về thăm gia đình một lần. Khi dâu sanh đứa con gái, bà nội đặt cho tên Nghĩa (Nguyễn Thị Nhân Nghĩa) con của ông Nguyễn Vĩnh Nhân và bà Trương Hồng Thủy...

Bà Hai nghỉ buôn bán, vui mừng sung sướng ở nhà trông coi tâm can bửu bối, là đứa cháu nội bé nhỏ của bà đó đây! Bà để cho con mình yên lòng ngoài chiến tuyến, và con dâu đi làm! Thuở đó, ở góc nhỏ của phương trời miền Nam tự do. Có gia đình bà Hai, không giàu sang nhưng lựa, nhưng ấm êm hạnh phúc đáng đây.

Rồi thời thế đổi thay, “**Ngày 30 tháng 4 năm 1975**” thì giặc phương Bắc ào át tràn vào cưỡng chiếm miền Nam. Gia đình bà Hai tan nát, Nhân bị giặc bắt cầm tù trong cải tạo. Hồng Thủy ra buôn bán hàng ở chợ trời, nhưng không bao lâu vợ anh đi luôn không về nữa! Bà Hai già yếu phải đi bươi rác, lượm lon... khổ cực biết chừng nào để chắt chiu nuôi cháu, và bám víu cuộc sống nghèo nàn chờ ngày con trai trở về...

(Đó là những gì Nghĩa nghe bà kể lại, và cô hiểu biết suy xét theo thời gian tuổi lớn khôn dần...)

Bà chủ tiệm nước Cao Thăng ở chợ thành Mỹ Tho, thường đi chùa làm việc từ thiện... Qua lời sư, bà biết được tình cảnh cha con tôi. Nên khi sắp sửa trốn chạy khỏi nước Cộng sản này... bà cho hai cha con tôi một chỗ ngồi ở dưới tàu chờ mấy trăm người vượt biên.

“Một chỗ ngồi nhỏ xíu dưới hầm tàu, nhưng to lớn vô cùng, to lớn như một thế giới cho những kẻ đi tìm tự do! Và đó đã thể hiện một tấm lòng thương người, một tấm lòng Bồ Tát bao la như đại dương của

bà chủ tiệm Cao Thăng và là chủ tàu vượt biên... đối với cha con chúng tôi”

Ba nhường cho con đi, còn ông thì ở lại! Tôi khóc sụt sùi vào ngực ba bệu bạo:

- Con không đi, con không đi đâu! Con không thể xa ba... Chết sống chúng ta có nhau ba ơi...

Cặp mắt sâu hõm hàng ngày như hai cái hồ nhỏ của ba tôi, càng sâu thăm thẳm hơn! Mặt đanh lại, ông lạnh lùng bảo tôi:

- Nghĩa, hãy trả lời ba: “Con có thương, và muốn trả hiếu cho ba không?”

Giọng sùng nước mắt:

- Dạ có, dạ có... trên cõi đời này người con kính yêu nhất là bà nội và ba... Ba chết con sẽ chết theo, ba ở đâu con sẽ ở đó... Xin ba đừng bắt con phải xa ba... Cho dù nơi con sắp đến giàu sang, nhưng lụt, hay chôn Bồng lai tiên giới cũng vậy. Nếu không có ba, con cũng không đi đâu ba ơi...

Ba ôm chầm lấy đầu con mình, vuốt tóc nghẹn lời thôn thức:

- Ba cũng không muốn xa con gái ba, nhưng vì tương lai của con... Qua bên đó may ra con còn gặp được tấm lòng nhân của người khác xứ, sẽ được đi học, và tiến thân... Con ở lại là gánh nặng cho ba, vì ba không lo cho con được! Dù muốn lo nhưng tình cảnh ba mù lòa, lại là một người thất bại bị kẻ thù trừ dập cổ tình hủy diệt thì làm sao lo... Ở đây chúng ta ăn không no, lạnh không áo, vô gia cư, không nghề nghiệp, thì tương lai của con sẽ về đâu? Và con còn chuyện quan trọng phải thay ba đang làm dang dở... Con ơi, trả hiếu cho ba, thì con hãy nghe lời ba. Nghe lời ba tức là đã trả hiếu cho ba rồi đó con...

Tôi ôm chặc lấy ba vừa khóc vừa trả lời:

- Dạ con nghe ba... Con sẽ quyết làm những gì ba muốn, ba đã dặn dò... Con nghe ba, con nghe ba! Con thương ba lắm ba ơi!

Trong cuộc đời bé nhỏ của tôi, chưa bao giờ tôi sung sướng bằng! Dù sau này ngày tôi ra trường Y khoa, nhận bằng bác sĩ ở Mỹ, cũng không bằng! Tôi vẫn nhớ hoài, nhớ suốt đời kiếp này để không bao giờ quên ơn người, ơn đời.

Sáng nay trời trong, mây tạnh và nắng hồng rạng rỡ chiếu lung linh trên cành cây so đũa. Lác đác trên những cành éo lá, bông so đũa trắng như mây trời và điểm những trái dài, xanh như ngọc, mong manh treo tòn ten trên cành ở hiên sau chùa. Tôi ngồi ôm bọc áo quần cũ vá chằng vá chịt của cha con tôi. Nhưng lòng tôi ngập tràn hạnh phúc... cho dù trước mắt là hầm chông, là bẫy mìn... tôi vẫn thần nhiên tiến bước, vì có ba đi bên cạnh cuộc đời với tôi! Mặc dù ông ngồi đó, trầm ngâm chẳng nói lời nào, trong đôi mắt sâu thăm không còn thấy ánh sáng mặt trời, nhưng trên khuôn mặt hằn nét thống khổ, kiên cường, bất khuất đó đã cho tôi sức sống, niềm tin và niềm hy vọng mãnh liệt!

Tiếng của đoàn người ngồi chờ xuống tàu lao xao, ồn ào lúc to lúc nhỏ, mặc dù người dẫn đường đã nhiều lần nhắc nhở giữ yên lặng... Tôi nhớ rất rõ, mấy hôm trước khi phải theo đoàn người vượt biên. Tôi buồn rầu vì phải sắp xa người cha tật nguyện, bệnh hoạn của mình. Ngồi bẹp dưới góc cây trắc bá diệp ngoài sân chùa, nghe sư tụng kinh có ca có kệ, khi lòng đang ngổn ngang trăm mối đau buồn, khiến tôi càng thêm sầu thú ruột! Thú thít ngồi dựa gốc cây khóc một mình, tôi lơ đãng đưa mắt nhìn trời xanh mây trắng, nhưng trong tâm tư tôi trời như đang tối sầm, tưởng

chùng như mây khói đèn đang kín trên cao... Và tôi cũng nghĩ đại, mong trời sập xuống chết hết cho rồi!

Từ trong Chánh điện bước ra, dáng sư cao gầy. Mặt sư lúc nào cũng trang nghiêm, trầm tĩnh. Thấy tôi sư bảo:

- Nghĩa, cha con đâu, ông đi bán vé số rồi à? Chùng nào ba con về, dắt lên gặp sư nghe... Con đang khóc đó hả?

Tôi mau lẹ lấy tay quẹt nhanh những giọt nước mắt còn đọng trên mi:

- Dạ, con khóc vì không muốn xa ba con! Tội nghiệp ông mù lòa, con đi rồi không ai đưa ba con ra chỗ bán vé số, không ai rót nước, đút cơm khi bệnh hoạn... Con thương ba con lắm sư cụ ơi...

Nhìn không được, tôi khóc ồ lên! Sư vuốt tóc tôi chợp miệng nhẹ thở dài rồi trở vào chùa... Tiếng cầu kinh hòa cùng tiếng mõ chuông lại ngân nga, êm êm rền vọng xa đưa... Mùi khói, nhang, trầm hương theo gió nhẹ thoảng bay...

Chiều đó tôi dắt ba đến gặp sư, như sư đã dặn dò. Tôi thấy sư đang tựa nhành chết, lá úa của những cây kiểng trước sân chùa. Sư vẫn điềm đạm, nét mặt suy tư, và chậm chậm bảo với chúng tôi:

- Nghe thấy hoàn cảnh của cha con anh, ông chủ Cao Thăng bảo vợ cho cả hai cha con cùng đi luôn một thể...

Cha con tôi quì xuống lạy sư! Không nói gì, tay lần chuỗi, mắt u buồn hiền lành, sư từ tốn khẽ bảo:

- Cầu xin Phật Tổ phù hộ cho cha con anh! Tôi chẳng giúp gì được, có lẽ do lòng thương con của một người cha như anh, đã làm động lòng người đời và động lòng Trời khiến xui như vậy... Anh phải luôn ăn hiền ở lành, bởi Ông Trên không bao giờ phụ kẻ có lòng... Tôi sẽ cầu an cho cha con anh...

Sư quay qua vuốt tóc tôi:

- Nghĩa, sư biết con là đứa trẻ ngoan! Qua tới bờ bến tự do con ráng học hành... làm người tốt, để trả hiếu cho cha con và trả ơn đời...

Mười mấy ngày trên đường vượt tuyến sóng gió biển khơi. Rồi tàu cũng được cập một bến ở Nam Dương Quần Đảo. Trên Hành trình vượt biên của tàu bán chánh thức (Người đi trả chủ tàu bằng vàng. Chủ tàu đóng cho Việt cộng để được rời nước) mang số **"Mỹ Tho 2736"** Tàu vượt biên chúng tôi chết gần cả trăm người vừa già vừa trẻ em, vì sóng gió dập dồn và yếu sức... *"Huyết mộ người cha kính yêu của tôi, cũng ở lòng đại dương trong chuyến bôn đảo bằng đường biển này!"*

Hôm nay cũng trên chuyến tàu ra biển, tôi theo đoàn y tế thiện nguyện, đi trị bệnh cho những tù nhân trong trại tù Alcatraz, ở hòn đảo Alcatraz gần San Fransico thuộc tiểu bang California.

Nhìn trời nước bao la, nhìn thành phố San Fransico nhà cái cao, cái thấp... chập chùng san sát như dính liền nhau. Cả thành phố dưới bầu trời rặng rờ nắng mai, và như nằm lững lờ trên mặt nước trong xanh lao xao sóng bủa chập chùng.

"Ba ơi, con đang ở trên một nước tự do, ngắm nhìn trời xanh, in những vầng mây trắng cuộn cuộn nhẹ trôi là đã. Nắng mai chiếu lung linh, gió mát thổi bông mái tóc con... Màu nước biển xanh và trong vắt thấy cả cá lội nhơn nhơn... Con nhớ ba lắm, con thương ba vô cùng... Con gái ba không phụ lòng ba, giờ con đã thành tài như ba ước mong..."

Ngoài những giờ làm việc ở bệnh viện chuyên khoa về mắt... Thời gian còn lại,

con ghi danh hành nghề trong các đoàn y tế thiện nguyện. Con đã đi Thái Lan, Cam-Bô-Chia, các nước vùng dân nghèo... Cả ở Êp-Phi-Ca, Ai-Rắc... nữa đó ba. Nhưng con chưa trở về cố quốc! Vì nơi đó vẫn còn chế độ Cộng sản... chưa đổi lại màu cờ ngày xưa của Việt Nam Cộng Hòa.

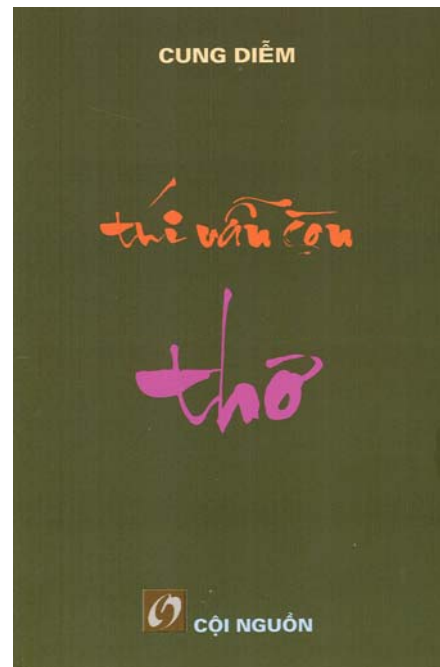
Sư cụ giúp chúng ta đã viên tịch... Gia đình ông Cao Thăng đang ở Canada (bà qua đời từ mấy năm trước) Các con ông đã thành nhân. Ba và lời ba đã dạy dỗ là kim chỉ Nam đã và sẽ làm hành trình cho con suốt cuộc đời này! Ngày xưa ba đi lính vì an nguy cho gia đình và dân tộc. Không kể đến thân mình, ba cùng đồng đội bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải quê hương đất nước, cho một miền Nam Cộng Hòa Tự Do của chúng ta. Bây giờ con gái ba làm những gì con có thể làm được như ba dạy bảo là giúp người, giúp đời, và...

Ba ơi, mặc dù ba nay đã ra người thiên cổ, nhưng con biết ba lúc nào cũng quanh quẩn bên con, nhắc nhở con, giúp đỡ con gái ba. Con thấy tủi thân không có ba như các bạn bè. Ai còn cha thì xông xáo mua quà này quà kia cho cha, trong ngày lễ vinh danh người cha...

Thưa ba, mỗi năm ngày báo hiếu từ phụ, lại cận kề ngày Quân Lực của Việt Nam Cộng Hòa. Con xin gửi ba tấm lòng thành ghi nhớ ơn tiền nhân, nhớ ơn ba trong ngày báo hiếu từ phụ. Ba đã cho con dáng dấp hình hài lành lặn này. Ba cho con tâm hồn tươi vui, khỏe mạnh này. Ba đã cho con tất cả, tất cả những gì con hiện có...

Con đã làm những việc thiện mà ba dặn dò chỉ dạy... Nhưng con vẫn còn nợ ba! Trước khi lìa đời, ba đã trăng trối: “Hãy dong ruổi con đường ba đi còn dang dở...” Thưa ba, chúng con những người trẻ lưu

vong sẽ hoàn tất trong ngày không xa...
*Trước khi qua đời ba còn nhắc nhở/
...Hoàn cảnh nào cũng phải giữ sắt son/
Cha ầu lo nhân nghĩa sẽ không còn/ Trên
đất nước mấy nghìn năm Văn Hiến...”* Ba
ơi **“Con còn nợ ba”!** □



Cảm ơn Nhà thơ Cung Diễm đã gửi tặng tập thơ 200 trang “Túi Vẫn Còn Thơ”. Thơ tình cảm cũng đẹp, thơ trào phúng cũng hay. Xin giới thiệu cùng độc giả.

**Liên lạc:
Toà Soạn Cội Nguồn
P.O. Box
3648 Sanjose, CA 95156-3648**

Em Vẫn Là Em

Em vẫn là em tình vẫn đầy
Vẫn còn mộng寐 vẫn mê say
Vẫn hồn phiêu lãng ngoài sân vắng
Đợi nắng về tô sáng mắt ai

Em vẫn là em vẫn đợi chờ
Vẫn gom nhung nhớ dệt thành thơ
Vẫn ngồi khung cửa nhìn mưa đổ
Đếm những giọt sầu ngập lối mơ

Em vẫn là em vóc liễu gầy
Vẫn còn ngập ngượng vẫn thơ ngây
Vẫn thâm thi nhẩn cùng cơn gió
Xin gọi mây về phủ tóc bay

Em vẫn là em chôn tịch liêu
Vẫn buồn ngây ngất biết bao chiều
Vẫn e lá rụng sâu cảnh mộng
Hụt hẫng đêm dài bởi tại yêu

Em vẫn là em vẫn nhớ nhà
Vẫn còn hoài tưởng những năm qua
Vẫn chờ sao rụng canh khuya vắng
Để kết dây tình gỡ xứ xa .

Uyên Phương Minh Nguyệt

Uyên Phương Minh Nguyệt: Sinh quán tại Sài Gòn. Dời Việt Nam năm 1979 và định cư tại Hoa Kỳ năm 1980. Cựu học sinh trung học Hùng Vương Sài Gòn VN. Cử nhân kế toán University of Houston (UH). Cộng tác với: Văn Học Nghệ Thuật Biên Khảo Cỏ Thom (VA), Văn Đàn Đồng Tâm (TX), Tuyển Tập Văn Học



Nghệ Thuật Hải Ngoại CLB TNS, Giao Mùa (VA), Tạp Chí Thế Giới Mới (TX), Báo Trẻ (TX). Thơ, ngâm thơ, hát và tình diễn hoạt cảnh đăng ở các websites online: youtube.com, motgocpho.com, vnthuquan.net, cothommagazine.com, vandandongtam.net, phunviet.org, vantholacviet.net, dactrung.net, vantuyen.net, vietbang.com, hatnang.net, hathaykhongbanghayhat.org, vietnamlibrary.informe.com, v.v.

Những CDs do Uyên Phương Minh Nguyệt diễn ngâm gồm có: Những dòng thơ Uyên Phương Minh Nguyệt (1,2,3) Những dòng thơ tình của TTKH, VHC, Bùi Giáng v.v., 12 ca khúc gồm một số bài phổ từ thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt do Uyên Phương Minh Nguyệt và Minh Khoa trình bày.

TRĂNG TÀN

Với bóng trăng tàn, uống rượu sông
Cạn thêm chén nữa chẳng vui buồn
Đường vang kèn đệm màn hoan lạc
Phố vắng đàn rung nhạc loạn cuồng
Xác đã liệm cùng cơn bão dậy
Hồn còn hoài niệm biển mưa tuôn
Đêm mai đời cũng không gì lạ
Với bóng trăng tàn, uống rượu sông

Lý Hiểu

ÁNH TRĂNG SÔNG

họa

Bên bờ lau sậy, ánh trăng sông
Sóng vỗ lao xao “tuổi đá buồn”
Ôm mớ hành trang ngày lặn lội
Gom từng kỷ niệm phút quay cuồng
Linh hồn lửa thấp: trầm hương đối
Thân xác kinh cầu: mạch máu tuôn
Ngựa hí gót mòn thân lữ thứ
Bên bờ lau sậy, ánh trăng sông

Phan Khâm

NỖI BI TRÁNG LẠNG CÂM

Tôn Nữ Mặc Giao

*Cao xanh đặt chuyện ghét thương
Đọa đày một kiếp má hồng truân chiến
Đời người có mấy lần duyên
Nàng luôn dang dở chuốc phiền cô đơn
Cũng may còn có đứa con
Luật bù trừ đã ban ơn cho nàng
Tài hoa một kiếp hơn người
Ngón đàn ngòi bút tuyệt vời không gian
Mình nàng giờ đã bình an
Không tình chẳng ái chỉ cần thông dong.
Tâm linh hiểu chữ “vô thường”
Thấm nhuần Phật pháp tiếng chuông
nhiệm mầu.*

Tôi quen biết với Trần Thị Bông Giáy (TTBG) đúng 12 năm (2001). Lúc ấy hai thiên kim của tôi hãy còn nhỏ và đang là học trò Piano của cô. Khoảng thời gian này, người chồng Trần Nghi Hoàng (TNH) của cô đã đi ra khỏi cuộc đời cô từ lâu rồi nên tôi cũng chẳng biết gì về ông ta cả. Bây giờ các con tôi đã lớn không còn học cô nữa! Tôi vì tiếc cây đàn nằm lặng lẽ giữa nhà không người xử dụng uổng phí nên đã ghi danh học Piano với cô, để đêm đêm về “mồ cò” nghe tiếng đàn “rõ ràng” khu vang khắp nhà cũng vui tai. Tôi gọi TTBG bằng cô là vì thế.

Đạo ấy TTBG dưới con mắt của tôi là một người đàn bà lãnh đạm, dáng vẻ lẳng đảng và có hơi kiêu ngạo (nếu không muốn nói là khó có cảm tình). Còn tôi thuộc tuýp người liệng vào đâu tôi cũng sống được, cho nên tôi cũng... lạnh lùng không ý kiến.

Thời gian chờ đợi các cháu học xong để đón các cháu về, tôi ngồi lại nơi phòng khách nhà cô và đưa mắt quan sát căn nhà của người đàn bà lãnh đạm. Tôi thấy lối bày biện trong nhà không “tân tiến” như những ngôi nhà ở Mỹ bây giờ mà nó có vẻ hơi cổ điển phương Tây. Điểm đặc biệt là nhà cô rất nhiều sách, sát vách tường đầu cũng là kệ sách. Ngoài những loại sách giá trị thuộc về triết lý khoa học, nghệ thuật âm nhạc hay lịch sử văn hoá Âu Á gì gì đó (những loại này tôi không bao giờ dám đụng tới, hiểu gì nội mà đọc), còn có những cuốn sách tựa đề rất là lạ đối với tôi như: Nước Chảy Qua Cầu, Một Truyện Dài Không có Tên, Nhật Nguyệt Buồn Như Nhau, Trân Sa ...v...v...

Tôi tò mò liếc qua một dọc những tựa sách lạ rồi “chộp” cuốn Trân Sa bật bật vài trang. Cứ tưởng đọc cho qua thì giờ chờ đợi đỡ nhàm chán, nào ngờ càng đọc càng thấy hấp dẫn, tôi lật trở lại bìa tìm tên tác giả rồi nhủu mày suy nghĩ. TTBG là ai lạ hoắc, tôi nghĩ chắc không thuộc thời những nhà văn trước 75 mà tôi thường đọc như Hoàng Hải thủy, Nhã Ca, Mai Thảo, Duyên Anh... mà mới viết ở bên Mỹ cũng không chùng. Sau này ký check trả tiền tôi mới biết TTBG là cô. Thì ra tôi đoán không sai, TTBG quả là một cây bút mới mọc lên tại San Jose, một cây bút đã từng gây phẫn nộ làm xôn xao dư luận không ít trong giới văn nghệ sĩ tại hải ngoại mà tôi không biết đấy thôi!

Sau đó tôi được cô tặng cho vài cuốn đem về nhà đọc.

Phải công nhận cô viết thật sống động và lôi cuốn, đọc truyện của cô tôi rất là ghét thờ. Không phải cô viết truyện kinh dị làm tôi sợ đến ghét thờ, mà cô chỉ kể lại những mối tình đã dang dở trong đời cô. Chuyện tình yêu không hề có một chút “sex” nào trong đó nhưng rất đẹp, rất lãng mạn mà cũng không kém phần bi thiết. Tôi đọc mà tưởng như chuyện của chính mình khiến trái tim tôi cũng bị đau theo. Đau đến không thở được khiến tôi phải tạm ngưng đọc, ngược mặt lên trời nhắm mắt thờ đều để lấy lại sự quân bình cho đầu óc. Cảm giác ghét thờ của tôi là như vậy đó!

Từ đó đến nay quen cô đã mười mấy năm, con gái tôi nay đã lớn không còn học cô nữa, nhưng tình thân giữa gia đình cô với vợ chồng tôi thì ngày một thân hơn. Tôi thấy giữa tôi và cô có nhiều điểm tương đồng khá giống nhau, nhất là tấm lòng thủy chung và cá tánh bộc trực. Những điểm giống nhau ấy (tạm gọi là như thế) đã tạo nên kết quả hoàn toàn trái ngược đến buồn cười. TTBG và tôi lúc nhỏ đều có một cái tự ti giống nhau là xấu nhất nhà. Sự tự ti mặc cảm này đã khiến cho tôi trở nên nhút nhát suốt cuộc đời. Nhưng ngược lại đã tạo cho TTBG một cá tính độc lập ngay từ nhỏ và trở nên cứng cỏi, kiêu ngạo trước cuộc đời.

TTBG suốt một đời đi tìm tri kỷ và một tình cha trong người đàn ông của mình nhưng không được toại nguyện. Còn tôi rất giản dị, chỉ cần một người đàn ông “*thương tôi thiệt là thương*” và tôi sẽ hết mình vì người đó. Tôi may mắn hơn TTBG là tôi đã tìm được con người ấy bằng một cuộc hôn nhân trọn vẹn cho đến suốt cuộc đời (tôi tin chắc như vậy).

TTBG đàn hay viết giỏi, tôi cũng là người cầm bút và yêu thích văn nghệ. Nhưng nếu nói về tài hoa thì tôi kém xa TTBG nếu không muốn nói là không có một chút tài hoa nào hết. Có lẽ tại có những điểm tương đồng và đối chọi nhau như thế cho nên chúng tôi ngày càng thân nhau hơn?

TTBG là một người con có hiếu, nhà có nhiều anh chị em nhưng chỉ có cô nuôi mẹ già. Điểm này cũng giống như tôi ngày xưa, anh em đông nhưng cha mẹ ruột cũng chỉ ở với vợ chồng chúng tôi cho đến khi qua đời.

Bà cụ mẹ già của TTBG thật là đáng thương và đáng phục, góa chồng năm 32 tuổi, còn rất đẹp (xem hình ngày xưa) một nách 7 đứa con mọn, đứa bé nhất chỉ mới 11 tháng tuổi. Bà cụ kể rằng lúc sắp lâm chung, cụ ông đã trối trăng lại là cuộc sống có khó khăn cách mấy thì cũng ráng cho con học hết cái Trung học (lớp đệ tứ ngày xưa và là lớp 9 bây giờ). Lúc ấy bà cụ nghĩ thầm trong bụng rằng “*Tưởng học đến ông này bà nọ gì chứ chỉ học đến trung học thôi thì làm gì mà lo không nổi*”. Rồi cụ bà đã khấn vái trước quan tài cụ ông rằng sẽ cố gắng dạy dỗ và nuôi con ăn học đàng hoàng.

Tội nghiệp người mẹ trẻ goá bụa rất sớm đã ở vậy, bương chải tìm đủ mọi cách nuôi dạy đàn con nên người. Đám con trai thì được đi du học, đám con gái cũng trình độ đại học hết chứ có phải chỉ lớp 9 như lời trối trăng của người chồng trước khi chết thôi đâu.

Thân phụ của TTBG là một “tài hoa mệnh bạc” (từng là nhạc sĩ dạy Violon nổi tiếng khoảng thập niên 40- 50 tại Huế và Sài Gòn, cũng là nhạc sĩ chuyên soạn hoà âm phối khí cho ban hợp ca Thăng Long của gia đình Phạm Duy thời ấy). Ông đã ra đi quá sớm bỏ lại người vợ trẻ bơ vơ giữa

chợ đời với đám con thơ còn non dại, sợ người vợ không đủ sức lo cho con nên chỉ dám ước mong đám con được học hết lớp 9 là ông mãn nguyện. Nào ngờ người vợ trẻ đã kiên cường không ngã quy trước cái chết của người chồng mà vùng dậy, đứng lên chống chọi với phong ba bão táp của cuộc đời để bảo bọc và nuôi dạy đàn con nên người cho đến bây giờ.

“Hồ phụ sanh hồ tử” quả không ngoa, đám con đứa nào cũng có tài năng và tốt nghiệp trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn trước 1975. Nhưng tài hoa nhất chỉ có TTBG và người em trai kế tên Trần Trọng (nay đã qua đời). Trần Trọng đã tốt nghiệp thủ khoa đàn Violon chuyên khoa về nhạc Cổ Điển Tây Phương niên khóa 1959 – 1967. Cô Thu Vân (TTBG) hạng nhì cùng một niên khoá với Trọng.

Tôi chưa có dịp (phải nói là không còn dịp thì đúng hơn) được nghe Trọng đàn, nhưng tôi đã từng nghe qua TTBG đàn. Tài năng chỉ là biểu diễn hay, đàn giỏi trọn vẹn được một bài hát không hề khuyết điểm, đủ để cho người ta vỗ tay tán thưởng. Còn tài hoa là tiếng đàn đi vào lòng người làm cho người nghe xúc động, thương cảm như hiểu thấu được nỗi lòng người nhạc sĩ khi tấu lên bản nhạc. TTBG đã cho tôi có được cái cảm xúc đó!

Mười mấy năm quen biết đủ để cho tôi hiểu và thâm theo sự cô đơn của cô qua lối sống thâm lặng gần như không muốn giao tiếp với ai. Đáng người nhỏ bé đến tội nghiệp nhưng ngầm chứa một sức chịu đựng đáng sợ. Bao nhiêu năm rồi, tôi chỉ âm thầm quan sát lối sinh hoạt của hai mẹ con cô với một bà mẹ già (nay đã gần 90 tuổi) mà thấy tội tội làm sao, mặc dù tôi

biết rõ họ chẳng cần ai thương hại. Nhất là đứa con gái (tên Âu Cơ) của cô với TNH, giống cô nhiều hơn là giống cha từ vóc dáng cho đến tính tình. Có thể nói nó là phiên bản của cô thì đúng hơn. Cho nên khi nhìn con gái cô, tự dung tôi thấy thương và xót xa trong lòng thế nào ấy. Một đứa trẻ mới 10 tuổi đầu mà đã cảm nhận được nỗi đau “mất cha” như người lớn khi diễn tả lại nỗi đau của mình bằng một bức tranh tự vẽ hình một trái tim được xếp bằng nhiều mảnh vụn nhỏ, dùng làm món quà tặng mẹ ngày Noel năm 1998, bên dưới ghi những lời lẽ sâu sắc dễ dàng làm mũi lòng người đọc: “*Một trái tim bị bể nát đã được chữa lành bởi lòng thương yêu của một người mẹ.*”

Gạt nước mắt tim em như bể nát

Mái gia đình phút chốc vụn vỡ tan

Em thương mẹ nước mắt buồn chảy ngược

Mẹ thương em sâu tím cả ruột gan.

Một đứa bé gái xinh như thiên thần rất thông minh, không ngờ đầu óc lại nhạy cảm và trưởng thành sớm như vậy. Cháu có cặp mắt to và buồn với nụ cười e dè. Trong đôi mắt buồn vời vời của cháu, tôi nhìn ra được cả một sự thách thức như sẵn sàng chống trả chứ không hề sợ hãi nếu gặp phải một sự nhe nanh múa vuốt nào đó.

Bây giờ “cô bé” đã trưởng thành, cặp mắt vẫn buồn, nụ cười vẫn e dè nhưng không sợ sệt. Có một lần vợ chồng chúng tôi, cô TTBG, bà cụ mẹ già của cô và Âu Cơ ngồi chia sẻ với nhau về những hiểu biết trong đạo Phật, Âu Cơ đã nói lên được một câu gì đó rất “thâm nhuần đạo Phật” (tôi quên rồi). Chúng tôi cười vang khen hay, tôi định chồm tới ôm Âu Cơ vào lòng biểu lộ sự ngợi khen, nhưng cháu đã nhanh nhẹn co rúm người lại né ra xa ngay lập

tức. Cũng là người nhạy cảm, tôi hiểu và dừng lại ngay khi chợt vỡ ra cô bé này không muốn làm thân với ai hết, cho dù người đó đã từng quen biết nhiều năm qua. Tôi thông cảm chứ không hề giận, nhưng cứ suy nghĩ hoài về phản ứng của cháu, về những đoạn văn cháu viết khi bỏ bỏ ra đi rồi tự hỏi: *Nếu như tâm hồn cháu không bị tổn thương vì sự break giữa bố mẹ, thì liệu cháu có ít nói và khép kín gần như ‘ở ẩn’ như vậy không?*”

Trong đời tôi, tôi thương nhất là người già và trẻ thơ. Cho nên thấy người già hay trẻ con nào gặp phải sự bất hạnh là tôi thương lắm! Cứ suy nghĩ hoài rồi tưởng tượng nếu nạn nhân là cha mẹ mình hay con cái của mình tôi cứ đứt cả ruột.

Đọc “Một Truyện Dài Không Có Tên” của cô tôi mới hiểu tại sao cô bị giới văn nghệ sĩ tẩy chay và cô lập từ nhiều năm qua. Như đã nói ở trên, tôi không dám phê bình văn của ai hết mà chỉ diễn tả cái cảm nghĩ của mình khi đọc mà thôi. Nhân danh người cầm bút (chứ không phải nhà văn) tôi tin rằng ai cũng có cái giới hạn cho riêng mình khi viết. Tôi cũng vậy! Cái gì nên viết, cái gì không nên viết tôi biết phân nặng nhẹ. Và tôi cũng đã viết rất thật, nhưng xin thú thật là vẫn chưa thể nào “thật” được như TTBG. Và tôi cũng rất khâm phục trí nhớ tốt cùng tài hùng biện giỏi như luật sư đang “chươi” nhau trước toà của cô.

Càng đọc và càng tiếp xúc nhiều với cô, tôi càng nhìn ra được sự hài lòng an phận và vui hưởng của hai mẹ con cô trong niềm “hạnh phúc” vô biên được bao bọc bằng nỗi cô đơn mà mẹ con cô đang sống.

Ngoài ra cô còn có một tấm lòng từ thiện “lạ đời” khiến tôi cũng phải “sợ”

cô luôn. Đời thờ nào mà nhà chỉ có ba người nữ, một già, một trẻ, một trung niên, vậy mà cô dám cho một người đàn ông “homeless” trú ngụ tạm phía sau vườn nhà cô. Cô nói “*tôi nghiệp, để họ có chỗ che nắng che mưa và ngược lại họ chăm sóc vườn cho mình thôi chứ làm gì có tiền mà trả*”. Tôi tuy cũng có tấm lòng “đại bác” nhưng nếu là tôi, quả thật tôi không dám chừa khi nhìn thấy khuôn mặt không mấy “thiện cảm” cho lắm của người homeless, mặc dù ông ta nói năng hiền lành chất phác (kiểu dân quê miệt vườn của VN nước mình). Chính vì sự làm phước bất vụ lợi ngay tức thì khi gặp người hoạn nạn mà không cần biết hậu quả tốt xấu, có bị lừa hay không của cô mà cô cũng đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ “trên trời” rơi xuống một cách bất ngờ khi cần thiết.

Đáng lý ra tôi chẳng viết gì về TTBG cả, vì quen nhau lâu rồi chuyện riêng tư gì mà không biết! Chúng tôi có buổi họp mặt hằng tuần chia sẻ với nhau về Phật pháp, sau đó là tán dóc và tâm sự cho nhau nghe. Chỉ năm người thôi, TTBG, Âu Cơ, bà mẹ già (thân mẫu TTBG) và hai vợ chồng chúng tôi. “Bà mẹ già” nay ốm mai đau nên lúc có mặt lúc không vì khó ngồi lâu được. Gần 90 tuổi rồi, chỉ sức khoẻ suy kém thôi chứ cụ rất là minh mẫn và sáng suốt. Những lúc ngồi tán gẫu, cụ kể lại vanh vách cho nghe những chuyện xưa, nhớ từng chi tiết một không quên. Tôi rất thương cụ, vì cụ là biểu tượng hình ảnh người mẹ già đã qua đời của tôi. Cụ là người hiểu biết kiểu có học, tình nghĩa thủy chung lại tinh thông đạo Phật. Tôi rất ngưỡng mộ và kính trọng cụ, một người đàn bà đáng được tuyên dương.

Hôm nay tôi viết về TTBG vì đã gặp TNH, và cũng vì không biết phải nói thế nào với Âu Cơ (an ủi hay cho một lời khuyên?) sau khi đọc xong lá thư của cháu. Một cô bé chỉ mới ngoài 20 tuổi mà đã có được những nhận định sâu sắc, những lời lẽ cứng cỏi, cương quyết, đượm phần kiêu ngạo không kém gì mẹ nó để viết cho nhà văn Văn Thanh sau khi gặp lại người cha TNH. Có thể vì lần viết “thật” này mà giao tình tốt đẹp mười mấy năm qua giữa tôi và TTBG chấm dứt cũng nên. Ôi! Cũng chỉ vì ngứa ngáy tay chân mà cái máu “nhà văn” nó lại trôi dạt không kèm được.

Gần Noel năm ngoái (2012), TNH muốn gặp lại đứa con gái đã xa cách 16 năm không một lần hỏi han thăm viếng. Buổi gặp gỡ sẽ diễn ra tại nhà cô BG trong bữa cơm chiều. Vì quá thân nhau đến độ coi như “người nhà”, TTBG và ngay cả Âu Cơ cũng muốn có mặt vợ chồng tôi nên đã mời chúng tôi đến. Chiều hôm đó khi vợ chồng chúng tôi đến, TTBG nói:

- Âu Cơ nó muốn ngồi giữa mẹ với cô G.

Âu Cơ giải thích thêm:

- Hồi nào tới giờ ngoại trừ mẹ con, con không thích ai ôm con hết! cho nên con chọn ngồi giữa mẹ với cô G để tránh cho “*ông*” khỏi ôm con.)

Tôi nghe càng thêm thương cháu, chột búng lên ý nghĩ sẵn sàng “bảo vệ” cháu nếu cần (mặc dù tôi chưa biết mình sẽ bảo vệ cháu như thế nào).

Một chập sau nhà văn Văn Thanh và TNH bước vào nhà. Đây là lần đầu tiên tôi được “hân hạnh” diện kiến một người đàn ông đã “can đảm” làm lơ trước lời van xin của đứa con gái nhỏ 10 tuổi mong cha nó

đừng bỏ đi, nhưng cha nó vẫn cứ khăng khăng dứt áo đòi “*đi tìm lại cuộc đời*” của chính mình (chữ của Âu Cơ).

Sau khi sắp xếp chỗ ngồi theo ý Âu Cơ muốn, tôi nói ít, lặng lẽ quan sát nhiều hơn và ngầm có ý “bảo vệ” Âu Cơ nếu cần. TTBG cũng ngồi im lặng sau khi giới thiệu cho mọi người biết nhau và chỉ lên tiếng khi cần thiết, chỉ mỗi nhà văn Văn Thanh là nói nhiều, có ý vun vơ cho hai cha con TNH.

Còn TNH dưới con mắt của tôi hôm ấy rất lạ lùng, tôi không nói đến dung mạo bề ngoài, dĩ nhiên về già chả ai còn “đẹp” được. Tôi muốn nói lạ lùng ở đây là “*cóc chết ba năm quay đầu về núi*” (?) thái độ phải nên có thành ý một chút thì may ra làm cảm động được đứa con gái nhỏ. Đằng này tôi thấy ông tinh bơ đi lòng vòng quan sát các cái kệ sách như muốn tìm kiếm lại những vết tích ngày xưa còn sót lại sau khi dứt áo ra đi? Có lẽ bởi có mặt vợ chồng chúng tôi nên ông ngượng, hoặc vì lòng cao ngạo không cho phép ông nói một lời xin lỗi?

Bữa cơm chay đạm bạc do tôi thiết đãi cũng trôi qua trong êm đẹp. Biết TTBG rất bận rộn, phân dạy học trò phần chăm sóc mẹ già nên tôi lãnh phần làm cơm. Nhưng vì là người ăn chay trường nên tôi cho ăn chay tuốt luốt cho nó nhẹ tội lỗi. TNH cũng nói ít, ngoại trừ những lúc nói với Âu Cơ ở phòng ngoài. Ông Văn Thanh thì cứ huyên thuyên mãi câu nói: “*Hai mẹ con TTBG và Âu Cơ đều là những người có trái tim bằng sắt!*” Chính vì câu nói này của ông Văn Thanh mà Âu Cơ đã “trả đũa” bằng một lá thư thật làm cho “người lớn” phải xấu hổ và đau điếng khi đọc nó (Âu Cơ có cho cô phổ biến lá thư này không?)

Khi ông Văn Thanh và TNH đã ra về, chúng tôi vẫn còn ngồi lại chuyện vãn. Âu Cơ cười nói:

- Hồi này khi bác Văn thanh ép con phải qua ngồi gần bố con, con thấy cô G cứ đứng lên kéo ghế xếp cho ông ngồi bên kia, con bên đây một cách lộ liễu con mắc cười quá!

Tôi cũng cười:

- Thì con muốn như vậy mà!

Âu Cơ giải thích:

- Con sợ ông thấy cô làm vậy ông ghét cô.

Tôi lắc đầu:

- Nhầm nhò gì cô chả sợ! Vả lại có bao giờ gặp lại nhau đâu.

Âu Cơ tâm sự:

- Tại sao ông không đi luôn đi còn đòi gặp con làm gì? Mười mấy năm trước con năn nỉ ông ở lại quá trời mà ông cứ đòi “*đi tìm lại cuộc đời*” của ông. Thêm chuyện này nữa: Khi ra đi bố con có bỏ quên lại chiếc cặp da, thì thôi đi luôn đi, cái cặp da đó để mẹ con gói qua đường bưu điện cho ông cũng được vậy. Nhưng không, hai tiếng đồng hồ sau bố con quay trở lại để chỉ lấy chiếc cặp da bỏ quên đó thôi. Ông làm cho con mừng hụt, và trái tim con bị đau tới hai lần!

Những lời nói ở trên là tâm trạng của Âu Cơ khi mới 10 tuổi. Nỗi đau đó đã được tình thương của người mẹ chữa lành, nhưng vết sẹo do người cha để lại đã hằn quá sâu trong lòng cháu. Tôi e rằng với cái tánh cứng rắn và cương quyết của cháu thì hình ảnh cũng như sự yêu kính đối với một người cha trong lòng cháu có lẽ cũng lạnh như băng tuyết tháng 12 mà thôi!

TTBG không hề ngăn cấm hay có ý kiến gì trong chuyện “đoàn tụ” này. Cô chỉ nói một câu sau khi nghe Âu Cơ trải bày tâm sự:

- Đó là cái nghiệp ông đã gây thì bây giờ ông phải nhận!

Tôi thật là bối rối khi cứ phải xoay quanh hai chữ “nghiệp quả”.

Bây giờ thì ai gây nghiệp và ai trả nghiệp đây? Mười sáu năm trước TNH đã làm cho trái tim của một đứa con gái nhỏ đau đớn như bị bẻ bung ra từng mảnh vụn, mà lại là đứa con gái ruột do chính mình tạo ra. Ngày nay trái tim của TNH có đau đến bẻ bung ra khi nhận được lá thư như muốn chối bỏ tình cha của đứa con gái mới vừa gặp lại sau 16 năm xa cách không?

Ôi!

Phù du một cõi ta bà giới

Có đến có đi một kiếp người

Gieo nhân gặt quả tùy thiện ác

Bề khổ cuộc đời mãi lăn trôi

Lục đạo luân hồi tam cõi giới

Chúng sanh vẫn cứ mãi vô minh

Ham chi danh vọng đắm chi tình

Tình giắc “vô thường” muộn muộn thôi!!!...

TÔN NỮ MẠC GIAO

(California)

TẬP SAN CỎ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

My Friend From Texas



Diem Tran

Khi tôi rời Sài Gòn, tôi ngỡ tôi đã bỏ lại tất cả - thuở thơ ngây, nhật ký, hình ảnh, thầy cô, và bạn bè nhất là con nhỏ bạn thân TT. Tôi đã khóc thảm trong bụng tưởng không bao giờ gặp TT nữa. Lòng tôi quặn đau khi tôi nghĩ đã bỏ rơi TT ngày tôi theo gia đình rời Sài Gòn chạy trốn Cộng Sản. Gia đình tôi và hàng trăm gia đình khác

được một tàu lớn cứu mang. Tôi thờ thần trên tàu giữa biển khơi. Sóng biển trắng xóa đánh vào thành tàu tưởng như sóng trong lòng. Lòng tôi ngổn ngang xáo trộn. Mọi sự đã đảo lộn và tôi không ý thức không gian và thời gian. Tôi là một vết chấm trên nước biển mênh mông nghìn trùng xa cách cuộc đời tôi đã sống mười tám năm trời. Ôi, tôi tưởng chẳng còn thuở nào được gặp lại TT, người bạn tri kỷ những năm trung học dưới mái trường Trưng Vương cây dài bóng ngát. Tụi tôi vẫn rù rì đi tay trong tay với nhau quanh sân trường. Làm sao quên?

Nhưng hóa ra khó mà bỏ con nhỏ bạn thân TT lắm. Khi đến trại tỵ nạn Fort Chaffee thuộc tiểu bang Arkansas, nhờ thằng em út đi trinh thám mọi vùng trong trại mà tôi trùng phùng tái ngộ được với cô nương TT. Không ngờ TT đã rời Sài Gòn trước tôi mấy ngày và bây giờ hai đứa lại đến cùng trại. TT nhớ vẫn lấy xe bus đến thăm tôi vì trại lớn quá nên không đi bộ. Rồi giây phút ở trại cũng qua đi nhanh chóng.

Ba chị em TT định cư tại Ithaca của tiểu bang New York trong khi tôi cùng gia đình định cư ở Park Forest South của tiểu bang Illinois. Cả hai nơi đều lạnh lẽo, tuyết phủ trắng mùa đông. Tụi tôi viết thư cho nhau luôn. TT học làm đồ gốm trong trường nên làm tặng tôi một bình hoa có khắc tên tôi và một con vịt với cái lỗ dưới đuôi để thổi vi veo, tôi vẫn còn giữ. TT rất

khéo tay. Hồi trung học TT được điểm cao cho môn vẽ và thuộc ban báo chí vẽ nhệ vị Trung Vương. Bây giờ thì cô nương làm bánh trái và cắm hoa, khéo như nghề, đẹp như tranh. Tôi nghĩ nếu TT và tôi mở khách sạn kiểu Bed & Breakfast thì TT nấu nướng trình bày còn tôi thì giữ sổ sách.

Khi chị lớn của TT đi lấy chồng và dọn về miền Nam thì TT và em út đi theo. Tôi có đến Memphis dự đám cưới chị TT và ngủ lại nhà mẹ chồng của chị. Buổi tối TT và tôi thức khuya nói chuyện và cười khúc khích. Có hôm tôi cười lớn quá nên TT lấy cái gối chụp lên đầu tôi, nói sao chẳng biết giữ gìn ý tứ khi ở nhà người lạ.

Tôi cũng không nhớ tại sao TT không đi dự đám cưới tôi, nhưng tôi biết ngày TT lấy chồng thì tôi đang mang thai con đầu lòng nên không đi dự đám cưới TT. Rồi dòng đời chảy theo năm tháng, TT và tôi tay bằng tay bé, bận bịu cảnh tề gia nội trợ. Tụi tôi không gặp nhau nhưng vẫn viết thư và chia sẻ hình ảnh gia đình. Tôi không nhớ từ khi nào TT dọn đến tiểu bang Texas, nhưng hẳn đã lâu lắm rồi. Danh hiệu của TT là “my friend from Texas” khi tôi nói chuyện với chồng hay con. Khi ông anh của tôi lấy vợ và làm đám cưới ở Houston thì tôi đòi anh cũng mời TT, nên cô nàng và tôi lại có dịp hàn huyên tâm sự. Vài lần tôi có đi dự Đại Hội Trung Vương ở Houston nhưng không gặp TT, cô nàng ở tận Arlington và thường không tham dự đại hội.

Từ khi gặp nhau ở Houston vào dịp đám cưới của anh tôi, TT và tôi không gặp lại nhau cho đến khi tôi lái xe đưa con gái

đầu đến đại học University of Texas at Austin. Khi đó con gái lớn của tôi đã học xong hai năm đại học ở Virginia rồi, nhưng muốn tiếp tục năm thứ ba ở UT/Austin vì trường có tiếng về âm nhạc. Tôi nhớ cái kỷ niệm của cuộc hành trình hai mẹ con tôi lắm, rất vui và tôi được gặp lại nhiều người thân. Trên đường đến Austin, chúng tôi ghé gặp bà chị chồng tôi ở Memphis và gia đình ông anh tôi ở Houston. Sau khi thả con tôi xuống Austin và đã giúp nó dọn vào chỗ ở, trên đường về Virginia tôi ghé Dallas thăm gia đình ông anh họ và gặp lại TT. Tôi ở nhà TT mấy ngày. Ông xã TT rất dễ thương, nhường giường cho tôi với TT. Rồi cũng vẫn như xưa, tôi và TT cười rình rích dưới gối chăn. Lần này tôi không bị TT chèn gối lên đầu.

Chồng con tôi chỉ biết về TT qua những chuyện kể về “my friend from Texas” mà chưa gặp mặt TT cho đến khi con trai TT cưới vợ. Con gái lớn tôi đã ra trường UT/Austin, đi học cao học ở Ohio, trở về Austin làm việc, gặp chồng tương lai và đã lập gia đình. Nhân dịp đám cưới con trai lớn của TT, chồng tôi và tôi bay đến Austin rồi cùng con rể và con gái lái xe đến Dallas dự đám cưới.

Tôi giật mình khi chàng con rể gọi TT là “your friend from Texas” khi nói chuyện với tôi. Thế thì cái danh hiệu này đã in đậm vào trí óc con tôi rồi, chắc khó mà bỏ được. Tôi cũng hơi cảm thấy vui vui vì đã đặt cho TT một tên hiệu.

Tôi trở lại Dallas lần thứ ba để dự đám cưới con gái của TT. Vậy là tôi đã đến nhà

TT ba lần rồi, mà TT chưa bao giờ đến thăm tôi. Tôi cố động hết mình kêu gọi TT đến Hoa Thịnh Đốn để cùng tham dự Đại Hội Trung Vương. Cuối cùng thì TT bằng lòng đến, nhưng một tuần sau đại hội.

Tôi cho TT, thời tiết ở vùng Hoa Thịnh Đốn tuần TT đến vẫn lạnh. Đã đến tháng tư rồi mà hoa đào chưa nở, lại còn gió mạnh làm càng cảm thấy lạnh hơn nhiệt độ ngoài trời. Trước khi đi TT lo lắng không biết phải đem theo bao nhiêu áo ấm. Còn tôi thì rất nôn nao khi sắp gặp lại bạn xưa. Tôi mong hai đứa sẽ thủ thỉ suốt đêm và cười rúc rích cứ như thời chưa lên chức bà ngoại.

~~~~

Tôi vẫn lưu luyến những ngày TT đến thăm tôi ở tiểu bang Virginia. Người bạn từ Texas đã đem đến cho tôi thật nhiều kỷ niệm đáng yêu trong những ngày vui bên nhau. Tuy thời gian ngắn ngủi nhưng tình bạn đậm đà không biên giới.

Tôi nghỉ một ngày làm để đi du ngoạn những bảo tàng viện và vườn hoa trong thủ đô với TT, còn một ngày thì hai người bạn chung lớp thứ Trung Vương cũng đi chơi với tụi tôi. Cả hai ngày thời tiết vẫn lạnh, tụi tôi quàng theo áo ấm mùa đông, nhất là khi gió thổi mạnh. Hoa đào chưa nở rộ nhưng cũng đã có một lan và một vài cây anh đào tua sắc hồng trong thế giới người người tấp nập đông như kiến làm cho không khí càng rộn rịp lòng người càng háo hức. Thật vui hơn khi tôi thấy ngựa gỗ kéo quân đủ màu đủ kiểu đã chạy vòng vòng trên công viên giữa những bảo tàng viện. Tôi mừng có dịp đi ngựa kéo quân với TT

một lần nữa. Cảnh đi ngựa kéo quân với TT đã từng nằm trong ký ức, một kỷ niệm vui khi tôi đi thăm TT ở Texas. Ngày thứ hai khi có các bạn Trung Vương và ông xã tôi đi chơi chung thì tụi tôi mua vé đi du ngoạn thành phố trên cái xe gọi là “DC Duck” được chế tạo vào thời thế chiến thứ hai và đã được tu bổ lại. Những chiếc xe “con vịt” này vừa là xe vừa là tàu chạy cả trên đường phố thủ đô và trên sông Potomac. Trên đường về Union Station, nơi cuộc hành trình bắt đầu và kết thúc, mỗi hành khách được trao tặng một cái kèn hình mỏ vịt để thổi inh ỏi tiếng vịt kêu. Tôi không màng quảng cáo không công cho hãng du lịch DC Ducks và không màng là không giữ gìn địa vị chững chạc của một người lớn tuổi, tôi hăng hái thổi kèn, đem đến những nụ cười tươi cho một cặp vợ chồng trẻ với con so ngồi gần, làm buổi du ngoạn thêm phần hào hứng. Hôm đó tuy trời lạnh tụi tôi cũng chứng kiến ít nhất ba đám cưới ngoài trời. Cảnh cô dâu chú rể thơ mộng đem thơ vào hôn, đem khí xuân nồng làm thêm thắm tươi cảnh vật

Tụi tôi chụp nhiều hình kỷ niệm, nhưng hình ảnh quý giá nhất là những hình ảnh đã ghi dấu trong tim tôi. Tuy không gặp nhau thường xuyên, nhưng khi gặp thì tụi tôi như chẳng bao giờ xa cách. Tình bạn chúng tôi vẫn thắm thiết như thuở nào. Lòng tôi vẫn lâng lâng những ngày sau khi đã tiễn TT ra phi trường. Tôi mơ đến ngày gặp nhau lần tới.

**Diễm Trân**

April 2013

## NOSTALGIE

Quarante-deux ans  
Loin de ce cher établissement,  
Juste en y pensant,  
De doux souvenirs,  
Au fond de mon coeur,  
Se réveillent, comme un leurre.

L' église, silencieusement,  
Reste le seul témoin  
De maints changements,  
A la pointe!  
Et nous, blanchis sous le harnais  
Ou succombés au chant des sirènes!  
Qui sait?



**Photo: Minh Châu**



Age tendre, âge d'or,  
Simultanément,  
Viennent avec empressement  
Comme le vent.  
Soudain, je suis prise  
Par la nostalgie,  
Le temps des rêveries,

Espérant retrouver pour un instant  
L'âge innocent  
Il y a quarante-deux ans.

### **Minh-Châu**

*VA 2013*

*D'après le poème "NHỚ MÁI  
TRƯỜNG XƯA"*

*par Lâm Ngọc Dung, 2010*

# CHUYỆN TÌNH ĐÁNG THƯƠNG

## Duy An Đông

Hai gia đình có chung một nghề nghiệp “gõ đầu trẻ”. Ông giáo xóm trên có cậu Văn Hùng và ông giáo xóm dưới có cô Ngọc Huệ. Hùng hơn Huệ 2 tuổi. Lúc còn bé chúng mang sách đến trường làng rồi trường Huyện sau lên học trường tỉnh. Hai cô cậu ham học và đẹp như cặp chim non, ai cũng trầm trồ khen ngợi và để ý. Ra học trường Tỉnh tuy hai người thuê nhà ở riêng, nhưng sự quan hệ trong học hành vẫn bình thường như thuở nào. Ai cũng bảo hai đứa xứng đôi vừa lứa và cũng môn đăng hộ đối nữa. Hai gia đình để ý muốn kết nghĩa thông gia. Đôi chim non từng bước lớn lên rồi cũng từng bước đậm đà trong quan hệ.

Văn Hùng thi đỗ Tú tài 2 trước, chàng theo chương trình văn khoa, Ngọc Huệ đỗ tú tài 2 sau hai năm. Ngọc Huệ quyết định học Cao đẳng và muốn làm cô giáo sớm. Huệ cũng nói lên ý nghĩ của mình là muốn Hùng học hết chương trình Đại Học, còn Huệ thì cần tạo điều kiện ra đi dạy sớm để đỡ gánh nặng cho cha mẹ già, còn mấy em đại nữa. Có tình có lý hai người thông cảm, hai người đi hai hướng nhưng cũng là đích chung. Lúc này là hai cô cậu đã trưởng thành, tình cảm giữa hai người đã đậm, họ mớm nhau và rồi hứa hẹn gặp gỡ mỗi khi nghỉ hè. Chàng từ Saigon về Trung thăm nhà mà cũng là thăm Ngọc Huệ không còn

chung trường như xưa nữa. Họ ngồi dưới gốc cây mận sau nhà, thỉnh thoảng có ngọn gió thoảng qua mát rượi đôi má hai người, Văn Hùng hồn lâng lâng xây qua nhìn Ngọc Huệ mỉm cười, Ngọc Huệ nhìn biết ý chàng, cũng mỉm cười trong e thẹn và không trả lời; Văn Hùng hỏi tiếp:

- Anh muốn ..
- Thôi, đừng.

Thế là họ cùng nhìn nhau trong trêu ghẹo, má lúm đồng tiền của Ngọc Huệ tăng thêm vẻ xinh đẹp và duyên dáng quyến rũ, làm cho Văn Hùng mê mẩn, chàng nói nhỏ: ”cho anh xin cái hôn”. Nàng chưa kịp nói chi thì chàng đã coi như chớp thời cơ. Họ cảm thấy sung sướng vô tận. Mỗi lần về gặp như vậy họ có bao nhiêu hứa hẹn, bao nhiêu cảnh vẽ ra trước mắt nó đẹp để làm sao! Ngọc Huệ sung sướng mong ngày ra trường và đạt được giấc mơ xinh đẹp.

Ngày tháng trôi qua, hai người ra trường cùng một lúc. Chàng tốt nghiệp văn khoa, nàng lãnh bằng cao đẳng làm cô giáo. Họ vui mừng, coi như đường học vấn thành công và họ quyết định về nhà thưa báo sự thực với cha mẹ đôi bên việc yêu thương của hai người.

Hai bên gia đình vui vẻ, sắp đặt chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ cưới, gả. Hai bên đều là nhà giáo, cho nên phụ huynh học sinh có nhiều; làng trên, xóm dưới họ quý mến hai gia đình thầy giáo, họ vui mừng khi nghe tin này. Đây là cơ hội may để họ

được đến chúc mừng. Việc tổ chức cưới hỏi cũng áp dụng bán cổ bán kim, hơn nữa ở vùng ngoại ô bà con tự do đến thể hiện tình cảm của mình đối với gia đình mà mình quý trọng thương mến, không như ngày nay có thiệp mời mới đến, không có giấy mời không đi. Đám cưới linh đình, hai ngày đêm. Theo tục lệ xưa, ngày đầu thết đãi bà con trong họ và thỉnh kỳ, ngày tới mới là ngày cưới rước dâu chính thức. Hai gia đình cảm thấy hãnh diện về sự thành công của con cháu mình, Văn Hùng và Ngọc Huệ cũng cảm thấy sung sướng khi được thấy sự tổ chức lễ cưới gả linh đình, bà con hai họ cùng bằng hữu tham dự, chúc mừng thể hiện nhiều tình cảm đáng quý.

Sau ngày cưới đôi uyên ương đi hưởng tuần trăng mật, họ chọn Đà Lạt. Trước là cũng để tham quan cảnh đẹp, sau cũng để thưởng thức khí hậu mát mẻ nơi đây đã từng nghe nói, ao ước, hứa hẹn, nhưng chưa có khả năng đi thăm một lần. Bao nhiêu ước mơ bây giờ mới thành sự thật, họ cảm thấy hạnh phúc tuyệt vời. Họ nắm tay nhau dạo trên bờ hồ Xuân Hương, ánh trăng mờ nhạt, cộng với những ánh đèn đường, với những làn sóng nhẹ, ẩn hiện nhún nhảy trên mặt nước tạo thành bức ảnh vô cùng hấp dẫn. Tà áo dài bó sát chân anh, mái tóc phả sang, đôi cặp giò song bước, nhìn nhau tình tứ trong tranh lại có phả mùi hương thơm phảng phất, làm cho chàng và nàng ngất ngây, cảm thấy chỉ có hôm nay là đẹp nhất trên đời.

Đến một nơi, cũng trên bờ hồ, nơi đây yên tĩnh mà lại có chiếc ghé đá, cho khách nhàn du ngồi nghỉ mệt. Nàng bảo chàng

“mình ngồi đây nghỉ mệt một lát rồi sẽ đi tiếp anh”. Cả hai người ngồi trên chiếc ghé đá. Họ ngồi bên nhau, “nắm” tay mân mê, cảm thấy sung sướng, bốn mắt nhìn nhau, rồi mỉm cười, hình như cả hai người đều cảm thông một sự hài lòng tốt đỉnh. Họ ôm hôn nhau liên tiếp cho đã cơn ghiền, chớ trước đây đã bao nhiêu lần thèm muốn như thế, nhưng hai bên đều gìn giữ vì thời ấy lễ nghĩa chưa cho phép làm điều đó khi chưa có cưới hỏi.

Rất hài lòng trong buổi chiều lê bước quanh bờ hồ, giờ Ngọc Huệ mới mở lời bàn về chuyện tương lai:

- Phần em như vậy là sẽ ổn định, ngày hai buổi em dạy tại trường, về nhà soạn giáo án, chấm bài. Chắc bận rộn năm đầu, chớ năm sau là như thói quen, chẳng chi khó khăn và lúc đó mình tập trung lo cho con anh he. Mình sẽ sinh hai đứa. Một trai một gái.

- Nếu thêm nữa có được không ?

- Cũng được nhưng sợ mình lo không nổi.

- Có anh nữa mà em!

- Nhưng em sẽ là người nhọc nhằn, khổ nhiều hơn anh.

- Anh biết, nhưng anh sẽ gánh những phần nặng nhọc.

- Cám ơn anh, nhưng mà có những cái anh muốn gánh cũng không được. Huệ nhìn Hùng mỉm cười.

Hùng hiểu ý, rồi chàng bảo:

-Anh biết rồi, anh chịu thua cái đó nhưng anh gánh thế cái khác để bù lại cũng được vậy?

- À thôi tới đâu hay đó nhé.



Bây giờ Hùng mới nghĩ tới phần mình, anh bảo:

- Còn anh thì sao? Em muốn anh làm nghề gì?

- Anh cũng nên xin đi dạy, dù sao cái nghề dạy, tuy ít lương nhưng nhàn hơn những nghề khác, mình trách nhiệm về môn dạy của mình, những chuyện khác khỏi lo.

- Em nói có lý, sao em rành thế nhỉ? Sự lý giải của em nghe nó mùi tai quá!

Thế là Văn Hùng cầm mảnh bằng đi sao lục và đến các trường xin làm thầy giáo. May thay chàng được một trường Trung Học tư thục mời dạy. Văn Hùng về khoe với vợ mình. Ngọc Huệ cũng mừng vì thích hợp cho cả đôi vợ chồng trẻ, và cũng hợp ý cho cả hai gia đình cha mẹ đôi bên nữa. Họ sung sướng bên nhau, tràn đầy hạnh phúc. Họ có một con trai đầu lòng, họ trân quý lắm. Gia đình đôi bên cũng tới lui thăm viếng nhắc nhở thường xuyên. Tình yêu càng gắn chặt, càng đậm đà và hai năm sau họ sinh tiếp một cháu gái nữa. Một đôi vợ chồng trẻ, lại sinh đẻ được một hoàng tử và một công chúa quá lý tưởng. Lý tưởng cho một gia đình thời nay!

Nhưng than ôi! Chẳng hiểu tại sao, Văn Hùng không còn đi dạy nữa, và vào ra mãi nơi Thành Đô Saigon. Chàng bảo đi tìm việc, nàng cũng chiều chồng, sắp đặt cho chàng đi để lo cho con có được đường dài tương lai tươi đẹp. Người đàn bà nào cũng nghĩ tương lai cho con và mong cho chồng có đường công danh cao hơn hiện tại. Nhưng giấc mơ này không thành, Văn Hùng lúc đầu còn năng về thăm viếng chăm sóc vợ con, và hai người có thêm một cô con gái nữa. Hùng còn khuyên Huệ gắng nuôi 3 con, “anh số phận long đong xin em

tha lỗi”. Khi chung gối chung giường Ngọc Huệ tâm sự nỗi lòng buồn mỗi khi nhìn 3 đứa con thiếu bóng cha, người phụ nữ đương xuân thiếu vắng chồng, nàng trào nước mắt, Văn Hùng xót đau rồi cũng hoà ra khóc. Họ lau nước mắt cho nhau, cả hai cùng đau khổ, họ thương nhau lắm chớ! Hùng đã than thở và báo cho Huệ biết là “anh chưa giúp gì được cho em trong lúc này, mong em thông cảm”. Huệ cũng hiểu tính khí đàn ông và khuyên chàng, đừng vì tự ái, nếu không có công việc làm thì về quê hương ta chung sống với đồng lương tối thiểu của em cũng đủ, miễn mình biết cách sống, và có anh chăm sóc mấy con cho chúng nó nên người, vừa có tình thương của cha mà cũng vừa đạt hiệu quả, vợ chồng cũng hoàn toàn dè huê, êm ấm. Chàng hứa sẽ sắp xếp, và an ủi khuyên Ngọc Huệ phần đầu nuôi con trong thời gian chàng sắp đặt. Huệ bỏ bụng mừng, ngày đêm ngóng đợi hình bóng một ông chồng mà nàng đã đem lòng thương từ khi người con gái bắt đầu yêu và nuôi mộng đẹp cho đến nay được 3 người con để thương, ngày ngày chúng nó cứ nhắc Ba của chúng nó. Nhưng than ôi! Về sau Ba chúng nó về thưa dân, và rồi tình chồng nghĩa vợ đi đến chỗ bế tắc đau thương.

Ngày tháng trôi qua, xét kỹ ra cũng có điều lạ là Văn Hùng không có chuyện trăng hoa bậy bạ, ham đó bỏ lờ. Ngọc Huệ cười mở không đòi hỏi gì hơn ở chồng là mong chàng về sống với vợ con, đừng tự ái, “có con trâu ho cũng hơn mười con bò rống”, nhưng rồi chàng lại khóc mà xin chia xẻ gánh nặng cho Huệ bằng cách xin nhận nuôi bớt một cậu con đầu và có cậu con đầu

này chứng minh được tình anh vẫn trong sáng như thuở nào.

Ngọc Huệ đau khổ lắm, nhưng cũng chiều chồng, cũng thuận cho cậu con đầu theo Ba để cho Ba khỏi cô đơn và tìm hiểu sự thật về bố mình. Quả thật Văn Hùng hằng ngày đi làm một công việc bình thường không xứng với khả năng học vấn của mình, chỉ có đủ sống lấp lửng qua ngày, và hình như “chán đời”, tuy nhiên gắng sống, cũng chẳng ai hiểu tại sao. Nhiều người giúp đỡ nhưng tính của anh ta bây giờ hình như có phần “ngông” nên sự giúp đỡ của bạn bè cũng khó. Ngay chính vợ con yêu cầu về chung chã chung gối, để hướng dẫn bày con mà anh cũng xin lỗi, rồi hoà ra khóc, rồi lại ra đi ... chẳng ai hiểu nổi. Riêng Ngọc Huệ vẫn mãi hy vọng và mãi đợi chờ, nằng buồn cho số phận, nằng thương lắm mấy đứa con ngoan, chăm sóc nhắc nhở chúng học hành rất giỏi, nhưng khi chúng càng ngày càng lớn, có trí khôn, biết suy nghĩ; chúng nhìn Ba với Mẹ thế đó, đầu óc giao động, năng lực học giảm sút lại càng làm cho Ngọc Huệ buồn thêm và con cái của nàng lại càng nhiều chán nản. Tội nghiệp cho cả đôi đảng. Lúc đầu Huệ nghi ngờ chàng say đắm cảnh phồn hoa đô hội ở Thành Đô mà ra nông nổi, nhưng bây giờ thì Huệ không còn nghi ngờ như trước nữa mà quyết chắc chàng đã sa ngã.. nên lòng buồn trảng ngập, và tự ái nổi lên phớt mặt tình đời, thủ phận nuôi con.

Hai bên cha mẹ cũng hết lòng thương, bên trai khuyên con mình nên về với gia đình, với vợ với con. Bên gái cũng khuyên con mình gắng đợi chờ chồng, chăm lo bày con thơ dại. -Cuộc sống của Văn Hùng và Ngọc Huệ cứ kéo dài mãi như vậy cho đến ngày

Saigòn rơi vào tay Cộng sản. Lúc này chàng càng thêm cảnh bi thương. Cuộc sống của cha con Hùng bữa đói bữa no, trong cảnh buôn bán mảnh mung quanh khu chợ trời .

Ngọc Huệ, là một cô giáo trong hoàn cảnh nuôi 2 con dại mà ngày V.C tràn vô miền Trung cô không di tản, nên được tiếp tục dạy cho các em ở trường cấp 2. Không có ngày gián đoạn, cho nên sau đó cô vẫn được tiếp tục nghề “gõ đầu trẻ”.

Ngọc Huệ cứ âm thầm sống trong hui quạnh và đợi chờ, tưởng đâu tình thế đổi thay chàng có thể quay về với thực tại. Nhưng không, tình trạng cũ vẫn kéo dài từ tháng nọ năm kia, rồi thập niên này đến thập niên khác. Cuối cùng người mẹ hiền của 3 đứa con ngoan và một cô giáo tốt của ngành giáo dục bỗng dưng trở nên không bình thường giống như cha của 3 đứa trẻ. Tội nghiệp biết chừng nào!

Cái bệnh không bình thường của Ngọc Huệ, mỗi ngày mỗi tăng, trên xét cô không còn đứng bục giảng được nữa. Cô phải nhận giấy nghỉ hưu non, sống lây lất cùng 2 con chưa trưởng thành. Một đứa con gái buồn phiền cho gia cảnh, cắt mái tóc thè mượt mà, đang xinh đã có biết bao chàng trai rập rình muốn ngó ý, nhưng nàng thấy cảnh đời giữa ba mẹ nàng mà run sợ cho đời mình ở tương lai và quyết tâm vào quy y nơi cửa từ bi cho thanh thản tâm hồn.

Cuộc sống lạng lẽ trôi qua, ngày lại ngày. Ngọc Huệ càng ngày càng bất bình thường nhiều hơn, thấy ai cũng ngỡ là chồng mình, làm cho những bạn bè cô ta cũng không dám tới gần, sợ rằng gặp lúc cô tâm thần không ổn, rồi có những hành động làm ảnh hưởng đến uy tín của mình. Thời gian sau, tự nhiên cô hô hoán lên rằng:

“Anh chàng A... này thương cô, anh ấy ngỏ lời, xét hợp lý và cô đã đồng ý, hai người tính chuyện cưới xin trong tháng đến.” Bà con biết đây là sự mơ ước hảo huyền của cô ta đã hóa ra nhập tâm thành giấc mơ trong đêm; từ đó cô cho đây là sự thật và nói năng lung tung, làm thấu tai gia đình anh chàng A nọ. May mà vợ con anh chàng A này hiểu sự việc, chớ không cũng phiền lụy cho người ta không nhỏ.

Mỗi tháng lãnh mấy đồng lương hưu non của cô giáo nghỉ hưu trước tuổi, vất vả trăm bề. Cái thiếu thốn về vật chất cũng tạm chấp nhận được, nhưng cái bất ổn về tâm thần mới là điều đáng lo. Từ chỗ nhớ chồng mình, hình bóng cứ loáng thoáng trước mắt như là một bóng mơ, nó chấp chôn làm nàng khó chịu. Và con mê một người đàn ông đã có gia đình cùng trong một thành phố đó đã dày vò cô, thân xác cô mỗi ngày mỗi teo dần, giờ cô còn nắm xương, thân hình như cây sậy.

Riêng Văn Hùng cũng chẳng nghe thăm dạng dẫu, có người bảo, người con trai của nàng cũng buồn cho thế sự, cho gia đình và sống lây lất nơi xứ người. Còn Văn Hùng thì hình như đi đạp xích lô ở một nơi xa lạ, lánh mặt mọi người thân, mọi người quen biết. Chán ngán tình đời, chẳng ai biết vì sao? Tại sao lại có cảnh đời trái ngang đến thế! Có ai dám chê cặp uyên ương buổi ban đầu. Họ quyến luyến nhau từ lúc trẻ thơ, họ hiểu hết về đức tính, họ cho nhau tình cảm khi mới biết yêu, rồi chiều chuộng nhau, tránh không cho xảy ra chuyện giận hờn. Luôn luôn đẹp như cặp chim non. Cuối cùng tiến đến hôn nhân và chính họ đã vẽ ra bức tranh tuyệt đẹp cho mình ở tương lai. Nhưng than ôi! Nửa chừng giống không đứt, đòn không gãy

mà mỗi thứ một nơi, không bao giờ tái hợp, chờ ngày rã mục mà thôi.

Ngọc Huệ lâm bệnh nặng, không còn hy vọng gì chờ chồng. Gia đình hai bên tìm mọi cách nhả nhủ Văn Hùng, nói rõ tình trạng Ngọc Huệ. Một phép màu nhiệm nào đó làm cho Văn Hùng cảm thấy tội lỗi và quay về quỳ dưới chân giường Ngọc Huệ nhìn nàng nét mặt khổ đau, làn da trắng bạc, đôi mi khép kín, và hơi thở phập phều như nuôi tiếc ai. Văn Hùng sấm hồi, lâm râm nói lên lời cầu nguyện của mình trong hơi thở. Chàng muốn khóc lớn lên và nói hết những gì mình muốn nói với vợ giờ phút này, để mong ơn trên phò hộ cho Ngọc Huệ bình phục để chàng có cơ hội sống với nàng mà chuộc lại lỗi lầm. Chàng phải cố nín tiếng nấc để giữ yên tịnh cho Ngọc Huệ hồi tỉnh. Nước mắt chàng nhỏ từng giọt trên má nàng. Có phải chăng đây là những giọt nước thánh đã làm cho Ngọc Huệ da mặt từ từ hồng lên, Văn Hùng sung sướng, tin tưởng và tin tưởng ở lời cầu nguyện của mình. Rồi hai mí mắt của nàng cũng từ từ mở và nhìn Văn Hùng. Văn Hùng quá mừng méo máo khóc và nước mắt chảy thành giòng rơi nơi má Ngọc Huệ. Chàng ngồi cạnh giường, hai tay nàng cử động rồi để trên đùi của chàng. Văn Hùng sung sướng nhưng yên lặng, chỉ thể hiện tình thương và sự hối hận trên cử chỉ bằng đôi tay của mình. Thời gian chờ đợi không lâu lắm, nàng cất tiếng: “Anh về”. Chàng đáp ngay: “À, anh về với em đây”. Cả hai người cùng ứa lệ. Văn Hùng đáp như vậy, nhưng cảm thấy run run trong người, không biết bề trên có cho nàng về sống chung với chàng ở thời điểm cuối của cuộc đời, hay chỉ cho về để an ủi đôi chút rồi lại ra đi, cho

nên chàng phập phồng lo sợ và tiếp tục cầu nguyện trong lòng, hứa hẹn với bề trên đã hối lỗi và xin sống bên cạnh với vợ hiền.

Từng bước Ngọc Huệ phục hồi sức khỏe, nàng nói nhiều hơn, con người lại tỉnh ra không còn lằm lẩn như trước nữa. Văn Hùng luôn luôn bên cạnh vợ, chăm lo ăn uống, than thuốc và an ủi nàng theo từng bước, trong tình thương và lòng hối hận. Ngọc Huệ cảm nhận điều này, thương Văn Hùng, lòng nàng đầy tha thứ và do đó sức khỏe chóng khá hơn. Văn Hùng dìu Ngọc Huệ đi dạo từng bước khi trong nhà, lúc ra vườn. Khi sức khỏe phục hồi, chàng đưa

nàng ra phố. Và bây giờ họ sống với nhau đúng như trong mơ, chàng luôn làm đúng theo lời sám hối và cầu nguyện. Giờ hai người đã già, cuộc sống làm sao tốt đẹp bằng thuở xa xưa nếu chàng sám hối sớm hơn, nhưng dù sao cũng có điều tốt, an ủi Ngọc Huệ xua đuổi được những bóng đen trong đêm tối. Hai người thỏ thẻ kể chuyện nhớ nhung, Văn Hùng ôm chặt Ngọc Huệ vào lòng. Họ cảm thấy hạnh phúc, được ấm áp ở tuổi già, lúc nóng lạnh có nhau ./-

## DUY AN ĐÔNG



## CHỢ NÓN: Ảnh TỪ LAN

## *Lưu Luyến*

*Anh về mưa trắng đầy sông  
Vườn xưa cau trở nghìn bông đón chào  
Áo bà ba thoáng bên rào  
Thoảng hương nguyệt quế, dạt dào  
tơ vương  
Ngày xưa hai đứa chung đường  
Ngang nhà anh đón đến trường  
sương mờ  
Tình anh em, thật đơn sơ  
Chút gì lưu luyến, ngây thơ chân thành  
Cùng nhau lên tỉnh học hành  
Anh rời phố nhỏ, mộng lành em trao  
Âm thầm rơi lệ xuyên sao  
Cách xa đêm ngắm trăng sao đượm sầu  
Chờ anh lặng lẽ bên cầu  
Mây bay viễn xứ, tình đầu chưa phai  
Tóc thề buông xõa bờ vai  
Vần thơ hoài cảm chờ ai phương nào .*

*đỗ thị minh giang*

*27-11-12*

*(Tặng người Bố Thảo, Mỹ Tú, Sóc Trăng)*



Tên thật : Đỗ thị Minh Giang  
Sinh Năm 1949, Xã An Lạc Tây, Kế Sách,  
Sóc Trăng  
Làm thơ ký THC/Kiên Giang trước 4-75  
Vượt biển đến Mỹ 1980 .  
Cùng gia đình tạm trú ở New Orleans,  
Louisiana  
Làm thơ từ 1966-1974  
Nghỉ 30 năm không viết  
Làm thơ trở lại từ 2004  
Bài đăng trên internet qua vài websites  
và các đặc san:  
-Thi đàn Hương Thời Gian  
-Cô Thơm Magazine  
-Văn Đàn Đồng Tâm  
-Thơ Văn Ngàn Thông, Portland  
-Văn Chương Phụ Nữ  
Tập thơ đầu tay :  
"Thương Về Kỷ Niệm" 4-2010

# BIỂN TÌNH

Truyện ngắn của

## PHƯƠNG-DUY TDC

1-

Được nghỉ mấy ngày phép thường niên, Duy quyết định lái xe sang vùng bán đảo Baja California bên Mỹ chơi.

Càng đến gần biên giới trời mỗi lúc càng thêm nóng nực. Một khúc nhạc Nam Mỹ quen thuộc vang ra từ máy radio trong xe làm Duy nhớ Maria, cô bạn gái người Mỹ cùng làm một hãng với Duy.

Từ ngày vào làm ở hãng chuyên môn quét dọn nhà và chùi cửa kính này, Duy được người trưởng toán phân nhiệm làm chung với Maria vì chàng nói được tiếng Espanol. Làm chung một công việc chùi kính các dãy nhà, Duy và Maria tuy làm việc đối mặt nhau hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần mà không nói với nhau được lời nào. Maria chùi kính phía trong nhà, Duy chùi phía ngoài nhà. Chùi xong một ô kính thì cả hai cùng đi chuyển sang hành. Nhiều lúc Maria nghịch ngợm muốn trêu chọc Duy nên nàng ép sát mặt vào kính đối diện với mặt Duy và nhu đôi môi mọng đỏ như muốn hôn Duy. Duy cũng chẳng chịu kém, cũng ép môi mình vào đó. Hai bên mặt kính dày nên âm thanh không chuyển qua được nên hai người chỉ ra hiệu mỗi khi muốn diễn đạt điều gì.

Maria rất trẻ, trạc mười chín hay hai mươi tuổi. Thân hình rất hấp dẫn với những đường cong tuyệt mỹ. Nhiều hôm trời nóng nực, nàng mặc áo hở cổ, bộ ngực thanh

xuân như phơi bày trọn vẹn trước mặt Duy, làm chàng thêm "trái cảm" nhỏ giải. Trái khế của Duy chạy lên chạy xuống mỗi khi chàng nuốt nước bọt.

Mỗi ngày, chỉ có nửa giờ nghỉ để ăn trưa, đó cũng là dịp để chàng trò chuyện với Maria. Maria rất vui tính và cởi mở. Nàng ưa thích âm nhạc vui nhộn của Nam-Mỹ với thể điệu Samba, Bolero, Chachacha...

"Ồ quê nhà, thỉnh thoảng em vẫn hay trộm mình dưới làn nước biển ấm. Nhưng biển ở Mỹ nước lạnh quá chừng. Nhưng một bàn chân xuống nước là thấy rùng mình. Biển ở bên Mỹ rất đẹp và ấm hơn nhiều. Nhưng em không thích biển, mà em lại mê núi. Em ước mong có dịp về Mỹ chơi vài ngày."

2-

Duy lái xe vào "Rest Area" cuối đường trước khi qua biên giới Mỹ để máy xe nguội bớt và chàng cũng muốn nghỉ ngơi chốc lát sau khi lái xe một thời gian quá dài nhọc mệt. Đang ngồi trên thảm cỏ, chàng giật mình khi thấy một thiếu nữ đi từ đằng xa lại, trông dáng người rất quen. Chàng bật dậy và gọi lớn:

"Maria ! Maria!"

Thiếu nữ dừng lại, nở một nụ cười tươi với Duy. Duy chào nàng và hỏi nàng đi chơi đâu đây. Nàng cho biết:

"Em về Baja California tắm biển chừng một tuần lễ. Bạn em đưa em đến đây thôi, cô ấy phải về lại Milpitas để đi làm. Em định tìm xem có ai cho quá giang sang Mỹ chơi. Không ngờ mà gặp anh ở đây, cũng may thật."

Người thiếu nữ vẫn giữ nguyên nụ cười với hàm răng trắng bóng như ngà và đều như những hạt bắp. Mới có mấy ngày

không gặp, mà Duy thấy thân hình nàng có vẻ như đầy đặn hơn, với màu da sậm hơn như màu da của những cô gái hải-đảo. Duy thật mừng rỡ, vì không ngờ đi xa mà còn gặp người quen. Càng mừng hơn khi Duy biết là Maria cũng có ý định về Mỹ. Như vậy, chàng vừa có một hướng dẫn viên thành thạo đường sá ở Mỹ, lại vừa có một đồng hành xinh đẹp trong suốt cuộc du hành thì không có gì vui bằng. Duy vui vẻ nói với Maria:

"Tôi cũng đi Mỹ đây. Nếu được đi cùng cô thì vui quá!"

Maria cũng hớn hờ:

"Nếu thế thì anh cho em đi với."

"Như vậy cũng tiện cho tôi, vì đi với Maria, tôi không sợ bị... lạc!"

Nói rồi, Duy mở cửa xe cho cô gái lên. Chiếc xe có thêm người đẹp, như hãng hải thêm, tăng tốc-độ và chạy như bay trên đường dài.

Xe đã vào địa- phận của Mỹ-Tây-Cơ. Duy không dừng lại ở thành phố Tijuana mà lái đi tiếp đến thành phố Rosarita. Duy bấm nút cho kính xe từ từ hạ xuống. Một luồng gió mát mẻ thổi vào. Duy thấy trong lòng khoan khoái và vui tươi. Một phần vì có Maria ngồi bên cạnh, phần nữa là từ nhỏ, Duy đã học địa-lý và đã yêu đất nước Mỹ-Tây-Cơ với những anh chàng đầu bò rừng yên hùng, với những điệu nhảy múa đầy nhạc tính, với những bản nhạc vang danh thế giới, với bài hát Mexico nổi tiếng do danh ca Cao-Thái hát. Và Duy cũng không thể nào ngờ được thời gian đã đẩy đưa chàng đặt chân đến nước Mỹ-Tây-Cơ với một cô gái Mỹ chính cống, một đồng nghiệp mà Duy đã có dịp quen biết nhưng chưa được gần gũi. Duy mỉm cười nhìn sang bên cạnh, người con gái mà Duy hằng

gặp gỡ mỗi ngày, nhưng qua một bức tường ngăn cách là những tấm kính. Giờ đây đang ngồi bên chàng và như hiểu thấu ý nghĩ của chàng, Maria đưa tay vuốt lại mái tóc đang bay trong gió và mỉm cười. Duy thấy lòng lâng lâng, kỳ thú. Chàng đề nghị với Maria tìm thức gì để ăn đã. Maria mỉm cười:

"Em không đói, nhưng nếu anh muốn ăn, thì đi với em."

Maria muốn chọn quê Duy nên nàng thăm thi vào tai Duy:

"No comida Vietnamita aqui !" ( Ở đây không có món ăn Việt Nam nghe! )

Duy trả lời:

"Si, yo entiendo . Comida mexicana, por favor, amiga! ( Vâng, tôi biết. Thế thì ăn đồ ăn Mỹ , cô bạn ! ) Bây giờ tôi hoàn toàn tuân theo lời chỉ dẫn của Maria. Cô là hướng dẫn viên của tôi từ giờ phút này nhé."

Maria sung sướng gật đầu ưng thuận. Maria hướng dẫn Duy cho xe vào bãi đậu xe tại một nhà hàng ven biển nổi tiếng về món tôm càng. Rồi rất tự nhiên, cô gái cầm tay Duy ung dung tiến vào nhà hàng La Casa de la Langosta. Người bồi ra tiếp đón và đưa hai người vào một bàn kín, khuất phía trong. Duy còn đang lúng túng thì Maria đã tự nhiên, mở thực đơn và đưa tay nhón một hột hạnh nhân trên đĩa, đưa vào miệng. Bây giờ Duy mới có dịp nhìn kỹ và thật ngạc nhiên khi thấy màu son môi tím tím của Maria, màu mà chưa bao giờ Duy thấy Maria dùng trong suốt thời gian hai người cùng làm việc. Duy liếm môi nhớ đến những lần Maria như đôi môi "hôn gió" Duy qua khung cửa kính trong suốt. Chỉ cách một lớp kính dày mà Duy thấy xa vời vời. Maria nhoẻn miệng cười, hỏi Duy:

"Sao anh nhìn em kỹ như thế? Có gì lạ không?"

Ngượng ngập, Duy khẽ nói:

"Hôm nay, tôi thấy cô hơi lạ, với màu môi rất tím và... một nhân dáng chừng chạc, rất người lớn."

Bỏ thêm một hột hạnh nhân nữa vào giữa hai hàm răng, Maria mím môi không nói. Về im lặng của cô gái khiến Duy ngạc nhiên, vì bình thường Maria rất liến thoắng. Duy chột nhìn quanh và thấy mọi người quanh đây đều là người bản xứ, với nước da ngăm ngăm. Cũng có vài người là du khách, nhưng họ là người da trắng, chỉ có một mình Duy là màu da vàng rất đặc biệt. Duy chột dạ hỏi Maria:

"Hình như cô ngại gặp người quen?"

"Không. Em không ngại gì. Chỉ lo anh thôi."

Duy cười:

"Tôi chẳng có gì để ngại cả, vì như Maria biết, "tại đây và lúc này " tôi độc thân hoàn toàn mà."

Thức ăn đã dọn ra. Hai người bắt đầu thưởng thức những món ăn Mễ do Maria chọn. Duy ăn rất tự nhiên, vì cũng không có món gì lạ, toàn những món ăn chàng đã quá quen thuộc như tôm, cua, burrrito, nacho grande, menudo, chilli verde, papafritas.

Maria nói với Duy:

"Una tequila, por favor?" (Anh dùng rượu mạnh nhé?)

"Si." (Vâng)

Sau khi trả lời câu Maria vừa hỏi, Duy mới thấy mình "kém thông minh" . Vì chàng đang ngồi với người đẹp mà uống rượu mạnh thì " còn làm ăn" gì nữa.

"Còn em uống gì nào? "

"Una guava" ( Cho em ly nước ôi)."

Khi Duy và Maria ra khỏi nhà hàng thì bóng chiều đã phủ xuống vạn vật. Thấy Maria theo mình ra xe, Duy vội hỏi:

"Cô về đâu, để tôi đưa về. Rồi tôi phải kiếm một khách sạn để nghỉ ngơi, ngày mai mới đi thăm phố xá được."

Maria với dáng đi nhún nhảy khác thường, nói nhanh khiến Duy bàng hoàng:

"Em đi với anh. Biển đẹp quá, về nhà uống lăm. Ta ra biển đi anh. Rồi em sẽ cùng về khách sạn với anh. Cũng gần đây thôi."

Tay luống cuống, Duy mở cửa xe và cho xe nổ máy. Tay chàng chạm phải bàn tay ấm áp của Maria đang tìm bàn tay chàng:

"Tôi nay, em không để anh cô đơn nơi đất Mễ này đâu. Em sẽ đi với anh và đưa anh trở lại Mỹ đàng hoàng."

Duy để im tay mình trong bàn tay Maria. Chàng rùng mình nghĩ đến cuộc gặp gỡ kỳ thú với Maria, không biết sẽ còn những gì nữa đây? Duy mơ hồ cảm thấy những gì chàng mơ ước và thèm khát sau tấm cửa kính ngăn cách với đôi môi mộng đỏ của Maria đang trở thành sự thật. Hình như mơ ước đang kề cận chàng.

### 3-

Bãi biển đông người. Hàng trăm người nằm phơi nắng với đủ màu sắc quần áo tắm. Maria vừa hỏi Duy vừa đi đến hướng có phòng thay quần áo:

"Biển êm quá, anh có xuống tắm không?"

"Anh mới vừa uống tequila nên anh không tắm lúc này. Em đi tắm đi, bơi lội cho thỏa chí kéo lúc về San José lại tiếc..."

Sau khi thay bikini xong, Maria hôn gió với Duy và đi nhanh xuống biển. Thân hình nàng nổi bật trong bộ áo tắm. Ngồi trên bãi biển Duy luôn nhìn về phía Maria. Nàng bơi lội rất giỏi. Nàng lướt theo những đợt sóng từ ngoài biển đưa vào bờ như nàng nhảy vũ điệu samba.



Mặc dù Maria còn muốn giỡn chơi với nước biển lâu hơn nữa, nhưng thấy bỏ Duy ngồi một mình trên bãi biển, nên nàng vội lên bờ. Nàng trườn thân mình ướt nước bên Duy và nói với Duy:

"Anh chờ em vào thay áo quần rồi chúng mình đi đến chỗ cho thuê ngựa để cưỡi dạo chơi dọc theo bãi tắm. Thú vị lắm!"

Nhiều lần trước đây, Duy đã cưỡi ngựa ở đây. Nhưng lần này cùng đi với Maria nên anh nói dối:

"Anh chưa cưỡi ngựa bao giờ, nên nếu được thì Maria cầm cương, cho anh "quá giang" với em, được không?"

"OK! Anh hãy leo lên ngựa, ngồi phía sau em, và nhớ ôm em cho chắc kèo ngã đấy nhé."

Duy chỉ mong Maria nói thế rồi chàng thi hành ngay. Thay vì ôm cho khỏi ngã, Duy lại ôm Maria thật chặt. Hơi ấm nơi thân hình Maria chuyển sang Duy mỗi lúc mỗi nhiều hơn. Mùi hương thiếu nữ như quyện trong gió phả vào mũi Duy. Mặc cho Maria thúc ngựa chạy chậm, phi nhanh, nhảy lên, hụp xuống... Duy vẫn không để ý đến ngoại cảnh.

"Thôi chúng mình về khách sạn đi, em cảm thấy hơi lạnh lạnh!"

#### 4-

Khách sạn Oceana - Casa Del Mar như tên gọi là một khách sạn rất đẹp xây dọc theo bãi biển.

Cửa phòng vừa khép lại, Duy chưa kịp đi vào thì Maria đã vít cổ Duy xuống tìm môi chàng và hôn lấy hôn để như nàng thèm nụ hôn đã lâu. Duy đáp ứng ngay vì từ lâu nay chỉ được "hôn gió" thôi, nay được "hôn thật" thì...

"Như em đã nói với anh lúc ban chiều là em không để anh cô đơn nơi đất Mễ này đâu, thật ra là em không muốn chính em cô đơn mới đúng. Vậy kể từ phút này anh đừng để em cô đơn. Hãy sưởi ấm em bằng tình yêu nồng cháy. Hãy khơi dậy những đam mê, thèm khát giữa đôi ta. Chúng ta hãy tận hưởng... đừng nghĩ chuyện gì khác."

Không kịp để Duy có phản ứng, Maria đẩy Duy ngã dài trên chiếc giường rộng, rồi đôi chân khỏe mạnh của Maria kẹp chặt hai bên sườn Duy, cô gái như ngồi hẳn trên mình Duy. Duy bật cười:

"Anh không phải là chú ngựa vàng lúc này đó nghe!"

Như bị kích thích, Maria vội vùi Duy xuống mặt nệm bằng những nụ hôn tới tấp. Đôi môi của Maria xoắn lấy đôi môi của Duy. Lưỡi của Maria lùa như đuổi bắt lưỡi của Duy, khiến chàng như ngộp thở. Duy lần mạnh, vật Maria xuống và chồm lên mình Maria. Cô gái rên xiết như người trúng lạnh và cả thân hình cô run lên, đôi tay ghi xiết thân hình của Duy đang phủ xuống cô những yêu đương cuồng nhiệt. Duy thấy mình như hăng hái thêm, bao nhiêu dồn nén từ lâu nay bên khung cửa kính được dịp tuôn trào. Chưa bao giờ Duy thấy mình mạnh bạo như thế. Maria càng ghi sát Duy hơn, càng rên rĩ những nốt nhạc đê mê không lời. Duy có cảm tưởng chàng đã xuyên qua được những tấm kính dày, để đến với Maria, nhập với Maria thành một và hòa tan trong Maria.

Duy thức dậy bên Maria đang ngủ say. Ngắm nhìn khuôn mặt đầy những đường nét đặc trưng của người Mễ-Tây-Cơ, Duy không ngờ chuyến đi Mễ của chàng lại kỳ thú như Lưu-Nguyễn lạc Thiên-Thai. Duy ngờ ngẩn tự hỏi vì đâu mà Maria lại có cảm

tình với chàng và say đắm, cuồng nhiệt với chàng như vậy? Phải chăng trong khi cùng nhau làm việc, Maria đã ngấm "cảm" chàng, để bây giờ tình cờ gặp lại, nàng đã không ngần ngại trút hết cho chàng những cơn sóng yêu đương ấy? Hoặc nàng thêm khát yêu đương đã lâu, gặp chàng, có cơ hội để nàng trao thân dễ dàng. Dù gì đi nữa, thân thể thanh nữ khỏe mạnh, năng lực dồi dào, nhu cầu sinh lý của Maria tất nhiên phải đòi hỏi nhiều, với cuộc sống buông thả của một dân tộc ham vui và yêu âm nhạc. Duy biết chàng không phải là người đàn ông đầu tiên đến với Maria. Cảm giác thất vọng thoáng qua trong trí Duy khi trước kia, chàng lầm tưởng Maria là một cô gái ngây thơ, tính tình bạo dạn và hay đùa nghịch. Duy say sưa nhìn ngắm Maria và thầm tiếc từ nay những ý nghĩ thánh thiện, những đùa nghịch tự nhiên sẽ không còn khi hai người làm việc bên nhau nữa. Đôi môi kia đã từng áp sát môi chàng. Thân thể căng cứng kia đã từng run rẩy trong đôi tay chàng. Vùng ngực ấm kia Duy đã từng vùi mặt mình trong đó, tạo cho chàng một ham muốn, rạo rực kỳ lạ. Bất giác, Duy cúi xuống hôn lên khuôn mặt của Maria. Cô gái chột trở mình và mở choàng đôi mắt, mỉm cười với Duy, rồi đưa cả vòng tay tham lam vít đầu Duy xuống. Cả hai lại ngây ngất bên nhau. Duy thấy mình sung sức lạ lùng. Vì sự gợi tình của cô gái hay vì chất men rượu tequila đang ào ạt luân lưu trong máu huyết của Duy? Duy nghĩ rằng vì cả hai. Vì Maria và vì rượu mạnh!

Đêm Mễ-Tây-Cơ thật ấm. Càng ấm hơn khi Duy được vòng tay của Maria ôm chặt. Chàng cảm thấy khát nước. Gỡ nhẹ vòng tay của Maria, Duy đến bên bàn nước, cầm nguyên chai nước, chàng ngửa cổ uống

cạn. Có tiếng trở mình của Maria và tiếng nàng như ngái ngủ:

"Anh! Em... đói!"

Duy mỉm cười âu yếm, vỗ nhẹ lên bờ vai trần tròn trĩnh của Maria. Liếc nhìn đồng hồ, Duy nói như dỗ dành:

"Mới ăn đồ biển no hồi chiều mà em đã đói rồi. Bây giờ là nửa đêm. Ngủ đi cho quên đói. Ngày mai anh sẽ đưa Maria đi ăn."

Cầm bàn tay Duy đặt nhẹ lên gò bồng đảo sần cứng của nàng, giọng Maria nũng nịu, gợi tình:

"Không. Em không đói ăn. Em đói... anh!"

Rồi nàng lại kéo Duy sát xuống bên mình. Cả hai lại chìm trong cơn mê. Đắt trời lại một phen nữa quay cuồng. Và chần nệm lại bật tung lên vì hoan lạc.

## 5-

Trời sáng dần. Qua cửa kính khách sạn trên tầng lầu cao, Duy nhìn ra biển, chỉ thấy một màu xanh mênh mông, không thấy bên bờ. Từng đợt sóng cao trắng xóa vỗ vào bờ cát dài. Tiếng réo gọi ì ầm của trùng dương nghe thật hấp dẫn.

Maria vươn vai từ phòng tắm bước ra, rần chắc trong bộ áo tắm hai mảnh màu đỏ trông thật khêu gợi. Mặc dù Duy đã biết rõ "những gì chứa đựng phía bên trong" nhưng chàng vẫn nhìn không chớp mắt những chỗ mà đa số phái mạnh muốn nhìn.

"Xuống tắm biển đi anh. Em thèm biển quá"

"OK. Đi ngay. Nhưng anh nói với em là anh bơi lội kém lắm đấy. Mất công em phải trông chừng anh đấy thôi."

"Anh yên chí, em bơi lội giỏi, đủ sức đưa anh vào bờ. Anh khỏi lo!"

Xuống biển, Maria kéo Duy bơi ra xa. Hai người quấn nhau như sam. Môi Maria chẳng muốn rời môi Duy, dù chỉ để thở một

chút. Đôi môi Maria mẫn chát nước biển và ướt sũng đam mê. Nhìn Maria trôi lên hụp xuống trong sóng nước, uyển chuyển và thành thạo như một con cá voi. Sóng lớn quá, Duy không dám ra xa nữa, chàng chỉ đứng gần gần bờ, đề phòng nếu gặp cơn sóng lớn, là Duy lúi nhanh vào bờ, trước khi cơn sóng tung bọt trắng xóa trên cao chụp xuống. Sau một hồi hụp lặn, vừa đùa với nước, vừa giỡn với Duy, Maria nghiêng đầu hỏi:

"Anh có muốn lên bờ nằm tắm nắng không? Anh lên trước đi, rồi em lên sau."

"Ừ, anh lên bờ nằm nghỉ một lát, ngắm người qua lại. Hôm nay biển đẹp, nên cũng có nhiều người đẹp lắm."

Đưa tay khoát một vốc nước biển ném theo Duy, Maria cười, nói như hét lên:

"Một mình em đã lo nỗi chưa mà đòi "nhiều người đẹp" nữa? Anh tham lam xấu lắm!"

Duy chạy vội lên bãi cát và chàng lười biếng nằm sấp trên mặt cát ấm áp, không muốn trở xuống biển với Maria nữa. Cô gái boi mãi, cười sóng mãi cũng chán nên đến bên Duy, đưa bàn chân ướt nước cào mạnh lên lưng Duy. Những móng chân nhọn cào trên da thịt Duy khiến chàng đau, vùng đứng dậy. Maria ôm chặt lấy chàng. Hai người bước những bước nghiêng ngả, chệnh choạng về phòng, bỏ lại bãi biển mỗi lúc một sầm lại vì hoàng hôn đã xuống.

Một đêm thần tiên lại đến với Duy trên đất Mê-Tây-Cơ. Đêm dài như tiếng ngân Mê-xi-...cô của nam danh ca Cao-Thái, bài hát mà Duy đã mê từ những ngày còn nhỏ...

Đêm dài và vô tận. Trong phòng, chỉ có tiếng rì rầm của máy điều hòa không khí và tiếng rên đầy khoái cảm của Maria...

Đã hai đêm và gần hai ngày trên đất Mê, nhưng trái với dự tính, Duy chưa đi đâu ra xa khỏi khách sạn. Hình như Duy chỉ

ngụp lặn với Maria và chàng thấy thời gian trôi nhanh quá. Chàng ngao ngán nghĩ đến những ngày hết phép, trở về lại San Jose và ngày ngày nhìn Maria qua khung cửa kính. Rồi sẽ như thế nào? Chuyện của ngày mai, nào ai biết được. Thôi, cứ vui đi, tới đâu hay tới đó. Nghĩ như thế, và Duy khoan khoái tận hưởng lạc thú bên Maria như một phần thưởng của Đảng Toàn Năng ban phát cho chàng.

## 6-

Buổi chiều, vầng thái dương vẫn rực rỡ trên biển cả, trong khi Duy và Maria vẫn trầm mình trong sóng nước. Biển hôm nay dữ quá, từng đợt sóng cao hơn đầu người phủ chụp lấy hai người. Maria cười sặc sụa khi thấy Duy bị cơn sóng nhồi. Nàng vùng lên, ôm gọn Duy trong đôi tay và úp mặt Duy lên cõn ngực căng cứng của nàng. Nàng tung cả hai trên cơn sóng vừa ào tới, Duy cũng theo đà tung của Maria mà nhảy lên khỏi cơn sóng lớn. Nhưng muộn rồi, chàng mất đà, ngã nhúi về phía trước và hệt chân, chàng nằm ngang trên mặt nước. Vừa một cơn sóng nữa xô vào bờ, cao hơn và hung dữ hơn cơn sóng vừa rồi, cuốn theo những gì nó có thể cuốn được và cả Duy nữa. Chàng chới với, không đứng dậy được trước sự vùi dập của nhiều đợt sóng. Chàng cất tiếng kêu "Maria! Maria!"

Rồi miệng chàng đầy những nước và tiếng kêu tắt lịm trong cô họng.

...

Nước trong miệng Duy ộc ra và chàng rên lên như đau đớn. Có tiếng một người kêu lên:

"Tỉnh lại rồi!"

Duy mệt mỏi mở đôi mắt thất thần nhìn những thanh niên Mê lực lưỡng vây quanh

chàng. Chàng lơ dờ đưa mắt tìm Maria nhưng không thấy.

"Chúng tôi là nhân viên cấp cứu. Ông suýt chết đuối. May mà cô gái đưa ông vào bờ kịp. Nếu không..."

Duy rùng mình kinh sợ. Chàng cựa mình và áp úng:

"Cô ấy đâu rồi?"

Mọi người nhìn quanh và lắc đầu:

"Chúng tôi không biết. Cô ấy có quen biết gì với ông không?"

Duy thờ thẫn lắc đầu và nhờ họ đưa chàng về phòng. Nằm vật ra giường, Duy có ý chờ Maria xuất hiện. Chắc thấy chàng suýt chết, sợ liên hệ nên Maria đã tạm thời lánh mặt. Nhưng Duy chợt tỉnh, chàng biến sắc khi thấy áo quần và xách hành lý nhỏ của Maria đã không còn nữa. Chàng nhào người mở ngăn kéo bàn, cái ví tay nhỏ bé của Maria cũng không còn. Dưới chân bàn, đôi giày cao gót cũng biến mất. Maria đã đi rồi...

Duy ở nán thêm một ngày nữa và có ý mong chờ sự trở lại của Maria. Nhưng tuyệt nhiên không thấy Maria đâu. Cho là có chuyện bất thường, Duy vội bỏ hết mấy ngày phép còn lại và lên xe trở về San Jose. Dọc đường, chàng có ý chờ Maria, nhưng vô ích. Maria đã biệt tăm.

Tới cổng biên giới Mỹ và Hoa-Kỳ, trong khi xe Duy xếp hàng dài chờ làm thủ tục khám xét, Duy chăm chú nhìn những xe chung quanh có ý tìm kiếm Maria, nhưng chỉ có những người bán hàng dạo xa lạ mời mọc những món quà lưu niệm của Mỹ-Tây-Cơ. Đến lượt xe chàng tiến lên. Thấy chàng da vàng, lại đi một mình nên nhân viên cho chàng qua ngay. Xe Duy lăn bánh, bỏ lại đằng sau những đám bụi mù, mờ ảo như hình bóng của Maria...

7-

Duy trở lại với công việc thường ngày. Gặp Maria, cô gái thoáng ngạc nhiên khi thấy chàng đi làm sớm hơn dự tính. Nhưng cô không nói gì, chỉ chăm chú làm việc như thường, không biểu lộ một cử chỉ thân ái nào. Duy vừa ngạc nhiên, vừa cảm thấy tự ái bị tổn thương quá mạnh. Chờ đến giờ ăn trưa, Duy không nén được tức giận, nên đã giận dỗi hỏi Maria:

"Mấy ngày tôi đi vắng, cô làm việc vui lắm phải không?"

Thần nhiên như không, Maria cười cười chỉ tay ra phía xa và nói:

"Mấy ngày anh nghỉ phép, em làm mệt muốn chết. Sau ông chủ phải cho con Jacky làm phụ với em. Nó kia kia, để em gọi nó cùng ăn cho vui."

Duy tròn miệng kinh ngạc, nói không nên lời. Càng kinh hoàng hơn khi Duy nghe cô gái bên kia chạy tới tươi cười nói:

"Bữa nay chị có anh này về rồi, không cần em nữa phải không? Em lại trở về công việc quét dọn như cũ, làm một mình, buồn lắm. Mấy ngày làm với chị vui ghê. Thời gian trôi nhanh nên không thấy mệt."

Duy đang ngạc nhiên về sự lảng tránh của Maria, thì lại kinh ngạc vô cùng khi biết nàng không hề rời chỗ làm và cũng không đi Mỹ trong mấy ngày qua. Ú ớ hồi lâu, Duy mới hỏi được một câu ngớ ngẩn:

"Sao lại có người giống Maria đến như thế? Maria có tin được không?"

Không ngờ, Maria cười thật tươi mà đáp:

"Từ hồi xưa cơ, khi chị Marisa còn sống, thì ai cũng bảo chị ấy giống em như hai giọt nước. Vì chúng em là chị em song sinh. Nhưng tính tình lại khác nhau, chị Marisa mê biển, còn em chỉ mê núi. Chị ấy bơi lội như hải cẩu, còn em leo núi như

vườn. Những buổi đi tắm biển, đập nước, rẽ sóng là chỉ có chị Marisa chứ không có em. Ngược lại, những ngày đi chơi núi, đi rừng thì chỉ có em chứ không bao giờ có chị Marisa. Vì thế em theo đoàn người di dân lậu sang Mỹ sống, trong khi chị Marisa không xa biển được. Chị ấy vẫn ở lại Mỹ sinh sống và hàng ngày đùa giỡn với biển cả. Cách đây ba năm, em được tin chị ấy bị rơi vào vùng nước xoáy và mất tích. Toán cấp cứu và cư dân quanh biển tìm Marisa nhưng không thấy xác chị. Chắc chị đã bị sóng đưa ra xa và làm môi cho cá mập. Tội nghiệp chị. Em không về được vì không có giấy tờ để qua lại, đành ngậm ngùi thương tiếc chị Marisa thôi."

Ngưng một lát, nâng ly coca uống một hơi, Maria tiếp:

"Nhưng kể từ ngày ấy, bãi biển này cứ lâu lâu lại có một người bị sóng cuốn mất tích. Người ta nghi rằng chị ấy linh hiển nên bắt người cho có bạn."

Duy rùng mình ớn lạnh. Nghĩ đến những trận mây mưa ngút ngàn và ân ái cuồng nhiệt với Marisa - giờ đây chàng mới biết là không phải Maria - Duy kinh ngạc thấy mình còn sống. Có lẽ do thấy chàng làm là Maria, em gái mình, nên Marisa nể tình không bắt chàng chết, mà lại cứu chàng vào cho toán cấp cứu cứu tình chàng. Nhưng vốn lác quan, Duy cho rằng có lẽ chàng đã đáp ứng nỗi khao khát dục tình của nàng, nên Marisa không nỡ để chàng chết đi. Không những cứu chàng, mà Marisa còn giữ đúng lời hứa "em sẽ đưa anh trở lại Mỹ đàng hoàng".

Bóp nhẹ cái ly giấy trong tay, Duy ngằm liếc nhìn Maria. Chàng bật cười thích thú khi thấy sự khác biệt giữa hai người con gái: cặp bông đào của Maria nhọn nhọn và

rung rinh sau làn áo, chứ không căng cứng và vun đầy như của Marisa. Đôi môi của Maria lúc nào cũng mọng đỏ chứ không tím như của Marisa. Và... nhờ giỏi bơi lội nên tuy thân thể Marisa có đầy đà hơn Maria, nhưng cặp đùi cùng cái eo của Marisa hình như nhỏ nhắn hơn của Maria. Duy đỏ mặt khi nghĩ đến lúc được cùng Maria khám phá những điểm khác biệt giữa hai chị em. Chàng mỉm cười thích thú, lim dim đôi mắt tưởng tượng tới lúc được "bóc" từng mảnh y phục của Maria, như người ta bóc một cái bánh. Trời ơi! nhất định phải giống Marisa lắm, nhưng chắc chắn là phải "ngon" hơn ngàn lần, hấp dẫn hơn vạn lần, và đê mê hơn triệu lần.

Tại sao lại "ngon" hơn, thì Duy không thể biết được...

### **PHƯƠNG-DUY TRƯƠNG DUY CƯỜNG**

("Một thoáng Liêu-Trai")

Trong tập truyện BIÊN TÌNH sắp xuất bản

### **ĐÍNH CHÍNH**

Trong Báo cổ Thơm số 61 – Mùa Đông 2012, trang 116, cột 2, bài “Lỡ Bước Sang Ngang - Nguyễn Bính, Xót xa Cuộc Tình”. Xin đọc là: Nếu có đôi khi nhớ đến **NGUYỄN KHUYẾN**: Mái tóc chòm đen, chòm lóm đốm, Hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay”...

Thành thực xin lỗi quý độc giả về sự trích dẫn lầm lẫn này.

**Phạm Bá**

登幽州臺哥  
前不見古人，  
後不見來賈。  
念天地之悠悠，  
獨愴然而涕下。  
陳子昂

### ĐĂNG U CHÂU ĐÀI CA

Tiền bất kiến cổ nhân,  
Hậu bất kiến lai giả.  
Niệm thiên địa chi du du,  
Độc sảng nhiên nhi thể há.

### TRẦN TỬ NGANG

### Bài Hát Lên Đài U Châu



Nhìn trước chẳng một ai,  
Nhìn sau không bóng người.  
Nghĩ đất trời lồng lộng,  
Cảm lòng lệ tuôn rơi.

### Vũ Đức Nghiêm dịch

### Bài Hát Lên Đài U Châu

Trước ta chẳng có một ai,  
Sau ta dù một bóng người cũng không.  
Bao la trời đất mênh mông,  
Minh ta thương cảm, giòng giòng lệ rơi.

### Vũ Đức Nghiêm dịch



## **BÁC SĨ**

# **NGUYỄN QUỐC QUÂN**

### **CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA**

4217 Evergreen Lane  
Annandale, Va 22003  
(703) 354-2629

## **KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN**

# TRÀU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

## Phạm Thị Nhung

Ngày nay, qua nhiều sách vở và các tài liệu khảo cổ, người ta được biết trầu cau là hai loại cây đã xuất hiện rất lâu đời ở các vùng Trung Ấn, Đông Nam Á và ở một số quần đảo trên Thái Bình Dương; như trong di chỉ khảo cổ thuộc văn hóa Hòa Bình, hạt cau đã được tìm thấy trên dưới một vạn năm (1). Tại các nơi đây đã có nhiều dân tộc có tục ăn trầu, như các dân tộc thiểu số xưa ở miền nam nước Trung Hoa, và các dân tộc Thái Lan, Miến Điện, các dân tộc Việt Mên Lào, kể cả các dân tộc thiểu số Thái, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thượng trên bán đảo Đông Dương, cùng các dân tộc trên quần đảo Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, ngay ở Ấn Độ nhiều nơi dân chúng cũng có tục ăn trầu (2)

Có lẽ người xưa, do kinh nghiệm mà có, đã biết sử dụng vôi, trầu ,cau, cũng như các loại lá, rễ, quả của nhiều thứ cây khác tìm được để bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa hay trị bệnh. Quả thực, ăn trầu đã giúp cho cơ thể được ấm nóng chống lạnh, chống sơn lam thủy khí; ăn trầu lại sạch miệng, răng lợi và xương cốt được bồi dưỡng, vững mạnh.

Riêng tại xứ ta, tục ăn trầu tất nhiên đã có rất sớm, ngay tục dùng trầu cau làm sính lễ Cưới Hỏi thay muối (vì người xưa cho muối là quý nhất) có thể cũng có đã lâu,

nhưng phải đợi đến cuối thế kỷ thứ XV, sách Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp ra đời, nó mới được ghi chép lại thành một truyện tích rõ ràng, có một nguồn gốc mang nhiều ý nghĩa thâm thúy.

Sự tích Trầu Cau trong L.N.C.Q. đã có nội dung như thế nào?

### 1-Sự tích trầu cau - Ý Nghĩa-

Vào thời xa xưa, có hai anh em nhà họ Cao, một người tên Tân, một người tên Lang (tân lang có nghĩa là cây cau) rất mực thương yêu nhau. Khi cha mẹ qua đời, hai anh em đến trọ học nhà ông thầy họ Lưu.

Thầy Tân và Lang vừa học giỏi, vừa đẹp người đẹp nét, ông thầy yêu quý như con. Cô con gái của thầy cũng đem lòng quyến luyến, muốn chọn người anh làm chồng.

Hai anh em Tân và Lang sát tuổi nhau, dung mạo lại giống nhau như khuôn đúc, cô gái không sao đoán được ai là anh, ai là em. Nhân dịp biểu cháo, cô cố ý chỉ đưa tới một bát cháo với một đôi đũa rồi rình xem, thấy Lang cung kính mời Tân ăn trước cô mới biết Tân là anh, và xin cha được gả nghĩa cùng chàng.

Vợ chồng Tân và Xuân Phù (tên cô gái, xuân phù có nghĩa là trầu không mùa xuân) sống rất hạnh phúc. Hai anh em Tân và Lang vẫn ở bên nhau, nhưng Lang nhận thấy từ ngày anh có vợ, tình anh đối với mình không còn quyến luyến như xưa; trong khi ấy người anh vô tình không hề hay biết. Đã thế lại xảy ra chuyện hiểu lầm.

# CỜ ÁO QUA CẦU

*Viết cho Thuý Nguyễn em yêu*

Anh có đáy lòng muôn thuở...  
Sao em không chui rúc vào?  
Mất anh đổi tìm bóng nhỏ.  
Đầy trời lấp lánh ngàn sao.  
Bờ vai anh như chiếc cầu phao,  
Em vin vào sang bên kia bờ mộng寐.  
Em qua cầu nhưng chẳng cần cỡi áo.  
Đề trước hiên nhà không đỡ tội gió bay...  
Đập dềnh sông sâu nước cả..  
Sóng-Thuyền va đập nhấp nhò.  
Qua cầu tóc em buông xoã...  
Mây trời bóng rợp chiều thơ.  
Sáo bay cuối trời rã cánh.  
Đồng không mông quạnh người thưa.  
Chập chùng sương khuya tuyết lạnh...  
Phát phơ ngọn cỏ gió đùa.  
Anh có đôi tay như cổng trời mở rộng...  
Như đồng quê gió lộng ngày mùa.  
Sao em không về ươm lấy mộng?  
Mà rười rượi không một bóng người đưa???  
Sao trời đêm đồng quên mọc.  
Đường về hun hút ngàn khơi...  
Mò mẫm trong mưa ai khóc?  
Âm thầm nghe mận bờ môi!!!

## Thiên Đức

Một hôm hai anh em đi làm đồng về muộn, Lang về trước, nàng Lưu tưởng chồng, chạy ra vồn vã âu yếm. Lang vội lên tiếng, cả hai hiểu là nhầm nên rất ngượng. Tân về, biết chuyện, để dạ nghi ngờ, từ đó tỏ ra lạnh nhạt với em hơn. Lang buồn tủi âm thầm bỏ nhà ra đi. Chàng lang thang trong rừng cho

tới khi kiệt sức, chết đi hóa thân thành cây cau bên bờ suối vắng. Thấy em không về, Tân ân hận, xót xa. Chàng lặng lẽ lên đường tìm em. Tân cũng đã tới bờ suối nọ, ngồi bên cây cau than khóc. Khi thân xác rũ liệt, chàng chết hóa thân thành tảng đá vôi, nằm sát bên gốc cau. Nàng Lưu chờ chồng mãi chẳng thấy trở lại, quá nhớ thương nên đi tìm. Một chiều kia nàng cũng tới được bờ suối định mệnh. Nàng ngồi trên tảng đá khóc miết, đến khi hồn lìa khỏi xác thì hóa thân thành cây trầu không, leo bám trên thân đá. Gia đình họ Lưu đi tìm con, được biết chuyện bèn lập miếu thờ. Người đương thời rất cảm kích trước tình anh em khăng khít, tình vợ chồng thắm thiết, thủy chung của anh em vợ chồng họ Cao, nên thường đến đốt nhang, chiêm bái, cầu cúng (3)

Một hôm vua Hùng thứ tư nhân dịp tuần du qua đây, thấy có miếu thờ, lại được dân sở tại kể cho nghe câu chuyện thương tâm kia thì vô cùng cảm động. Ngài bảo lấy trầu cau ăn thử, mới khám phá ra một mùi vị thơm cay nồng ấm, và khi nhổ nước cốt trầu xuống tảng đá vôi, liền thấy hiện ra sắc đỏ tươi như máu, nhà vua cho là quý, bèn truyền lấy giống về trồng; xa gần bắt chước làm theo. Ngài còn xuống lệnh cho thần dân, từ nay sẽ nhất thiết dùng trầu cau trong các dịp cưới hỏi, và trong các buổi hội họp lớn, nhỏ. Tục ăn trầu ở nước ta có từ đó.

Sau khi đọc sự tích Trầu Cau trong L.N.C.Q., ta nhận thấy, truyện được chép lại không những có kết cấu chặt chẽ, lại phối hợp được cả hai yếu tố hiện thực lẫn huyền hoặc một cách khéo léo. Như thế, tác giả của nó đã khiến một câu chuyện truyền khẩu vụn vặt, còn mờ nhạt trong dân gian trở thành một truyện cổ tích có đầu đuôi, vừa lý thú hấp dẫn, vừa hàm chứa nhiều ý nghĩa thâm



thúy. Quả vậy, ở giai đoạn đầu, truyện có tính hiện thực với dấu vết thời đại, với những tên tuổi rõ ràng có ý nghĩa, với những tình tiết hợp tình hợp lý, tự nhiên. Ở giai đoạn cuối, truyện trở nên huyền hoặc, hai anh em họ Cao và vợ người anh vì không hiểu nhau nên đã tự chia lìa. Chỉ đến khi cả ba người cùng chết đi và chết bên nhau, người em hóa cây cau, người anh hóa phiến đá vôi và vợ người anh hóa cây trầu không, họ mới có được sự cảm thông hoàn toàn; từ nay họ sẽ mãi mãi gắn bó bên nhau và kết hợp thành một qua miếng trầu tình nghĩa. Ở đó, một dòng nước đỏ tươi như máu được tiết ra, tượng trưng cho tình gia đình muôn đời thiêng liêng, bền chặt.

Và cũng vì sự tích Trầu Cau có ý nghĩa sâu sắc như thế nên tục ăn trầu của dân ta đã được thăng hoa, trở thành một mỹ tục, mang tính chất đặc thù của một nền văn minh cổ Đông Nam Á.

## 2-Tục Mời Trầu

Tục mời trầu ở xứ ta cho thấy, trầu cau là phương tiện không thể thiếu trước nhất trong những nghi thức giao tế hàng ngày ngoài xã hội. Vì “Miếng trầu là đầu câu chuyện”, là “đầu trò tiếp khách”, nên chỉ vừa gặp nhau, sau mấy tiếng chào hỏi, người ta liền mở trầu mời ăn rồi mới nói gì thì nói, bàn gì thì bàn :

*-Có trầu thì giờ trầu ra*

*Trước là đãi bạn, sau ta với mình.*

Người ta còn mời trầu để bắt chuyện làm quen:

*- Tiện đây ăn một miếng trầu*

*Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là?*

*- Xưa kia ai biết ai đâu,*

*Chỉ vì điều thuốc, miếng trầu nên quen.*

Lại nữa, người xưa thường cho rằng, ăn trầu lúc nào là được hưởng chút hương vị cuộc sống lúc đó, kéo thời gian vùn vụt trôi qua, già lúc nào không biết :

*- Lại đây ăn một miếng trầu*

*Nữa mai tuyết nhuộm mái đầu huê râm.*

Trong phạm vi tình yêu và hôn nhân, tục mời trầu đã được người bình dân khai thác triệt để. Vì trầu cau còn là lễ vật cưới xin nên những hình ảnh, màu sắc, hương vị của trầu, cau, vôi... luôn luôn gợi ý cho thanh niên nam nữ liên tưởng tới những chuyện tình yêu, chuyện duyên phận lứa đôi:

*-Vào vườn hái quả cau non,*

*Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.*

*-Vôi nồng trầu thấm ai ơi,*

*Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.*

Thế nên, việc mời trầu người khác phải nhiều khi phải hiểu là một cách tỏ tình gián tiếp, và đồng thời cũng để ướm thử xem tình cảm người ấy đối với mình ra sao. Thường thì người con trai chủ động, mời trầu trước:

*- Gặp nhau ăn một miếng trầu*

*Gọi là chút nghĩa về sau mà chào.*

và họ đã không quên lợi dụng lúc mời trầu để tán tỉnh các nàng:

*- Trầu lên nửa nọc trầu vàng*

*Khéo khen phụ mẫu sinh nàng dễ thương.*

Nếu người con gái dứt khoát từ chối không nhận trầu, thì dù sự từ chối ấy lịch sự, tế nhị đến đâu cũng phải hiểu đó là sự từ chối tình yêu:

*-Thưa rằng bác mẹ tôi răn*

*Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*

Còn như người con gái chỉ tỏ ý ngần ngại, vì muốn tìm hiểu thêm tình ý đối phương:

*- Miếng trầu ăn nặng bằng chì*

*Ăn rồi em biết lấy gì trả ơn ?*

Thì người con trai trong trường hợp này phải trấn an liền, và thổ lộ rõ tình ý đứng đắn, xây dựng của mình:

- *Miếng trâu ăn nặng là bao  
Muốn cho đông liều, tây đảo là hơn.  
- Miếng trâu là nghĩa tương giao  
Muốn cho đầy đầy duyên vào hợp duyên.*

Một khi thấy ý hợp, lòng ưa rồi người con gái mới nhận trâu. Hành động này hàm ý “chấp thuận”, thật là một cách bày tỏ tình cảm vừa kín đáo, tế nhị, vừa duyên dáng dễ thương.

Từ ngày nhận ăn miếng trâu kết nghĩa tương giao, gắn bó trở về, tình yêu của người con gái lớn dậy, làm thăng hoa cuộc sống. Nàng trở nên xinh tươi, đầm thắm:

- *Từ ngày ăn miếng trâu anh,  
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ.*

Và thường để tâm hồn lãng mạn bay xa, mơ tưởng về một ngày mai được sống trong hạnh phúc lứa đôi với chàng, được cùng chàng thân mật dùng chung một hộp trâu, một ống vôi:

- *Ước gì chung mẹ chung thầy  
Để em giữ cái quạt này làm thân.  
Rồi ra chung gối chung chăn  
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.  
Nằm thì chung cái giường tau  
Dậy thì chung cả hộp trâu, ống vôi.*

Trở về hiện tại, giây phút sung sướng nhất hiển nhiên là giây phút nàng được thưởng thức những miếng trâu tình ái do chàng trao tặng:

- *Trâu này đủ vỏ, đủ vôi  
Đủ cau, đủ thuốc, đủ mùi xạ hương.  
Không ăn thì bảo rằng thường  
Ăn rồi mới biết người thương thế nào.*

Nhất là những miếng trâu ấy lại được chàng quý hóa, trân trọng bọc trong chiếc khăn tay trắng, dành riêng cho nàng:

- *Trâu bọc khăn trắng cau tươi*

*Trâu bọc khăn trắng đãi người xinh xinh.  
Ăn cho nó thỏa tâm tình  
Ăn cho nó thỏa sự mình sự ta.*

hân nàng, nàng cũng không quên sửa soạn sẵn những miếng trâu thật đặc biệt:

- *Tàu này tằm những vôi hầu (4)*

Ở giữa đệm quế, hai đầu thơm cay. rồi buộc trâu trong dải yếm đào, đem tới tặng lại chàng với tất cả tấm lòng triu mến:

- *Trâu em buộc dải yếm đào*

*Hỏi người tri kỷ ăn vào có say?*

Những kẻ đang yêu ăn trâu dễ say lắm. Nhiều khi họ tự hỏi, họ say vì trâu hay say vì tình, vì mê bóng sắc của nhau ?

- *Tay ai như ngọc, như ngà*

*Đưa trâu ta tưởng đưa ta miếng vàng.*

*Anh say nhan sắc của nàng*

*Hay say vì miếng trâu vàng, cau xanh ?*

Tất nhiên cả hai rồi. Họ say vì trâu, vì trong hạt cau có chất arécoline làm kích thích thần kinh; đồng thời họ còn say vì tình, nhưng say vì tình mới là chính:

- *Yêu nhau trâu vò cũng say*

*Ghét nhau cau đậu (5) đầy khay chẳng màng.*

Và:

- *Gặp nhau ăn một khẩu trâu*

*Không mượn vì thuốc, say nhau vì lời.*

Như thế đủ thấy, những kẻ đang yêu được ngồi ăn trâu bên nhau thì dù trâu có thiếu vị họ vẫn say như thường, vì họ say tình nhau, say bóng sắc của nhau, say lời yêu đương của nhau chứ nào có xá gì trâu!

Tình yêu khi đã đến lúc đắm say tất xa nhau sẽ nhớ nhung, tương tư sầu khổ:

- *Một thương hai nhớ ba sầu*

*Cơm ăn chẳng được, ăn trâu cảm hơi.*

*Nhớ chàng lăm lăm chàng ơi,*

*Biết đâu thanh vắng mà ngồi thờ than ?*

*Nàng thờ than những gì đây ?*

- *Từ ngày ăn phải miếng trâu*

*Miệng ăn môi đỏ, dạ sâu đằm chiêu.  
Biết là thuốc dẫu hay bùa yêu  
Làm cho thiếp phải nhiều điều xót xa.  
Làm cho quên mẹ, quên cha  
Làm cho quên cửa, quên nhà  
Làm cho quên cả đường ra, lối vào  
Làm cho quên cả dưới ao  
Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.*

Trong vấn đề tình yêu và hôn nhân, không phải bao giờ người con gái cũng ở thế thụ động, ca dao đã chứng tỏ, có nhiều trường hợp nếu người con gái bạo dạn một chút, lanh lợi một chút, và cũng phải biết tế nhị nữa, thì có thể lợi dụng tục mời trầu để tự kén chọn cho mình người bạn tình trăm năm. Thật thế, như khi đã gặp được người vừa ý rồi mà đối phương lại quá nhút nhát như anh chàng này :

*-Thương em chẳng dám trao trầu  
Để trên bó mạ, gió nam lâu thổi qua.*

Nếu người con gái cũng lại chấp nê, thụ động thì cuộc tình này đành để cho gió bay đi. Trái lại, nếu người con gái khôn ngoan, biết mở lời bóng gió đưa duyên, thì có thể khích lệ đối phương tiến tới:

*-Có trầu mà chả có cau  
Làm sao cho đỡ môi nhau thì làm.  
Đúng ra phải nói là:  
- Có trầu mà chả có vôi  
Làm sao cho đỡ môi tôi thì làm.*

Như thế, có trầu đã đành, còn phải ăn thêm với vôi mới làm đỏ được môi. Cũng như trong tình yêu, một người đã lên tiếng, kẻ kia có đáp lời, tình yêu song phương mới thực sự tạo được hạnh phúc lứa đôi. Lại những khi chưa biết rõ đối phương đối với mình ra sao, người thiếu nữ cũng đã biết mượn miếng trầu để dò ý, ước tình :

*-Trầu đã có dây, cau đã có dây  
Nhân duyên chưa định, trầu này ai ăn?  
Trầu này trầu túi, trầu khăn,  
Trầu này dãi yếm, anh ăn trầu nào?*

Nếu người con trai nhận ăn “trầu dãi yếm”, là những miếng trầu thiết thân với nàng, thì nàng hiểu ngay đối phương đã thầm xác nhận có yêu nàng, và những mong được cùng nàng kết mối lương duyên; bằng không chỉ là bạn thường, vì bạn thường thì chỉ được phép ăn “trầu khăn”, “trầu túi” của nàng mà thôi.

Lại những khi người con gái đã lỡ yêu rồi thì nàng cũng dám tấn công trước qua miếng trầu tỏ tình:

*-Vào vườn hái quả cau xanh  
Bỏ ra làm sáu mời anh xơi trầu.  
Trầu này tằm những vôi hầu  
Giữa đệm cát cánh, hai đầu quế cay.  
Trầu này ăn thật là say  
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng  
Dù chẳng nên đạo vợ chồng  
Xơi dăm ba miếng, kéo lòng nhớ thương.*

Miếng trầu đối với nàng lúc này không chỉ là một vật chất đơn thuần mà là một biểu tượng của tình yêu, nói khác đi, nó chính là tình yêu của nàng đã hóa thân:

*-Trầu này trầu quế, trầu hồi  
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.  
Trầu này trầu tình, trầu tình  
Trầu nhân, trầu nghĩa, trầu mình, trầu ta.  
Trầu này tằm tối hôm qua  
Dấu cha dấu mẹ, đem ra mời chàng.*

Nhưng không phải hễ người con gái mời trầu là bao giờ cũng được bọn nam nhi đón nhận sốt sắng đâu. Nhiều chàng trai có tính đa nghi lắm, lại luôn luôn được phụ mẫu nhắc nhở, căn dặn: “Ra đường thấy con gái mời trầu thì

chớ có ăn, nó bỏ bùa yêu, thuốc dầu cho là khôn, rồi đến bỏ cả học hành thôi”. Thế nên, nhiều chàng đã tỏ ra rất dè dặt trước những miếng trầu mời mọc của các nàng, bởi vậy mới có cái cảnh mời trầu nài nỉ:

-Trầu này không phải trầu hàng

Không bùa, không thuốc sao chàng không ăn ?

Hay là chê khó, chê khẫn

Xin chàng đừng lại làm ăn miếng trầu.

Rất may chuyện này xảy ra cũng hi hữu thôi, vì các cụ ta xưa đã dạy cho người thiếu nữ biết cách từ chối nhận trầu, thì cũng lại dạy cho người thanh niên phải biết nhận trầu, có thể mới ra con người lịch sự :

-Tiên đây đưa một miếng trầu

Không ăn, cầm lấy cho nhau bằng lòng.

**Phạm Thị Nhung ( Paris)**

### Chú thích

(1) tài liệu *Trần Quốc Vương*, *Trong Cõi*, mục *Triết lý trầu cau*, tr.139

(2) *Jacques Gernet, Le Monde Chinois, A.Colin, 2è éd. 1987, p.25*

(3) Xem thêm *Tạ Chí Đại Trường, Thần, Người và Đất Việt, Văn Nghệ xb, Cali 1989.*

(4) *vôi hầu* : vôi ăn trầu do việc nung đá vôi hay vôi sò, vôi hầu mà có. *Vôi sò, vôi hầu ngon và hiếm nên quý.*

( 5) *Cau đậu* ; *cau khô nguyên hạt, thứ nhỏ trái, có tiếng nhai dẻo và ngon.*

## **SOVEREIGN REALTY, INC.,**

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

### **DIANA NGUYEN**

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

**UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM**

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

# Từ Một Vùng Ký Ức

*Những Hình Ảnh Khó Quên ...*

## Ý Nguyễn

Vào năm Ất Dậu - 1945, khi người Nhật có mặt tại Việt Nam, anh chị em chúng tôi còn rất nhỏ, chị Mai, chị lớn của tôi, lúc ấy mới 11 tuổi, anh Kỳ 7 tuổi, cậu Khôi 3 tuổi, cậu Đạt 1 tuổi, còn tôi 6 tuổi. Hàng ngày gia đình chúng tôi phải sống trong sự sợ hãi lo âu vì bom đạn của Nhật và Mỹ đổ xuống thành phố Hải Phòng.

Sáng sáng nhiều hồi còi báo động hú lên liên tục báo cho dân chúng biết máy bay đang xuất hiện và thả bom xuống đâu đó trong thành phố. Có lần buổi sáng khi anh chị em chúng tôi vừa ra khỏi nhà để đến trường học lại phải ù té chui xuống gầm phản ở trong nhà để ẩn núp, phòng hờ mảnh bom mảnh đạn lạc rơi gần nhà, rồi đợi cho yên tĩnh trở lại mới lò mò chui ra khỏi gầm phản. Mẹ tôi lo sợ rui ro nên sáng nào cũng chất đầy áp các thứ chăn màn, nệm ghế, đồ đạc nặng v.v... lên trên chiếc phản lớn dùng làm nơi trú ẩn cho mọi người (thời kỳ đó chưa thấy người ta đào hố cá nhân hay hầm trú ẩn công cộng như sau này). Bố mẹ tôi lo phòng hờ vậy thôi, thực ra máy bay của Đồng Minh chỉ oanh tạc những khu quân sự Nhật chiếm đóng chứ đâu có nhắm vào khu dân cư. Vậy mà một người bạn của bố tôi làm việc ở gần khu phố Tám Gian, Trại Cau đã bị thiệt mạng bởi mảnh

bom trên đường tới sở làm, mặc dầu nơi ấy không phải là khu quân sự. Bố tôi kể lại ông ta đã bị chết oan ức sao đó nên đã về báo mộng cho thân nhân đến tận nơi ông bị tử nạn để nhận xác đem về mai táng. Bởi vậy, trong khu ngõ Hải Hồng, nhà nào nhà nấy đều phải lo xa, xếp đặt chỗ trú ẩn ngay dưới gầm giường, gầm phản kiểu như mẹ tôi.

Cũng vì sợ cảnh bom đạn xảy ra hàng ngày, nên bố bàn với mẹ đưa gia đình tản cư ra khỏi thành phố lánh nạn một thời gian xem sao. Mẹ tôi có một người chị gái lấy chồng ở làng Phú Thái gần tỉnh Kiến An, kế cận Hải Phòng mà bố tôi nghĩ nơi ấy chỉ có đồng ruộng và làng quê chắc yên ổn hơn ở thành thị. Vậy là sáng hôm sau cả gia đình nhà tôi đã có mặt tại nhà bác Đình, tên người anh rể của mẹ tôi. Nhà tranh vách đất nhưng rộng thênh thang, nhiều cửa ra vào, rất thoáng đãng. Chung quanh nhà cây cối, vườn tược xanh um. Có một cái ao lớn thả bè nuôi cá ngay phía trước nhà. Khu vườn phía sau nhà hai bác nuôi đủ loại gia súc, nào là gà, là vịt lại thêm mấy con lợn béo trắng ùn ùn trong chuồng. Mấy con chó mập ú giữ nhà, khi gặp người lạ sủa inh ỏi làm anh em chúng tôi khi mới bước chân vào nhà sợ khiếp vía. Qua vài ngày sinh hoạt với gia đình hai bác, được hít thở làn không khí trong lành cũng như khung cảnh tĩnh lặng nơi thôn dã, bố mẹ tôi và anh chị em chúng tôi cảm thấy rất thoải mái và quyến luyến nên chưa ai nghĩ đến chuyện trở về thành phố ngay. Chắc hẳn mẹ

đưa tiền chợ cho bác Đình gái nên ngày nào chúng tôi cũng có những bữa ăn đặc biệt của miền quê. Cú gà mái tơ nuôi ở vườn nhà luộc lên chấm nước mắm nguyên chất dầm ớt xanh cay bông lười, kèm theo chút lá chanh; rồi lại có cá bống kho, tép đồng tươi rang lên, canh rau đay nấu với mướp hương hoặc canh rau dền hái ở bên hông nhà nấu với chút mắm cáy, cơm gạo đỏ và cà pháo, nhai rõ bụi miệng, thử hỏi những món ăn cao lương mỹ vị nơi thành thị làm sao so sánh bằng.

Sáng sớm tinh mơ, nghe gà gáy o o là anh chị em chúng tôi bừng giấc ra vườn xem chị Cám hót bèo. Xuống bếp coi chị Tý băm rau, nấu cám cho lợn. Bác Đình trai lo rải thóc, rải ngô trước sân nhà cho đàn gà chen chúc tranh ăn. Nhìn đàn gà con nhốn nháo theo sau gà mẹ bới thóc tìm sâu, trông thực dễ thương làm mọi người thích thú nhìn không chớp mắt vì đây là hình ảnh sống thực mà anh chị em chúng tôi chưa từng nhìn thấy bao giờ, khiến người nào người nấy há hốc miệng ngạc nhiên. Bác Đình gái lo tưới mấy luống rau cải bẹ xanh ở xung quanh nhà, vườn rau này cũng thêm cặp vào lợi tức cho gia đình bác. Mỗi sáng sau khi vớt bèo xong, chị Cám thường giúp bác gái nhổ rau cải và bó thành từng bó đem ra chợ làng bán. Người dân quê hồi đó chỉ biết dùng nước giếng pha nước tiểu để tưới rau chứ đâu có phân bón như bây giờ vậy mà rau mọc lên nhanh và xanh rờn đủ để hái mỗi ngày. Anh Tôm anh Tép vai vác mai, vác cuốc, dẫn con trâu đực mập tròn kéo theo cái bừa dài ngoằng, sửa soạn ra đồng sau khi ăn lót dạ vài củ khoai, củ sắn luộc mà chị Tý đã nấu sẵn từ tối hôm trước. Ai có việc

người nấy, cứ như một guồng máy quay đều hết ngày này qua ngày khác chẳng bao giờ ngừng, chỉ trừ vào những ngày tháng Tết. Người nông dân làm việc đầu tắt mặt tối quanh năm cho đến tháng hai tháng ba họ mới được rảnh tay đôi chút để nghỉ ngơi, hội hè đình đám. Làm lụng vất vả như thế vậy mà người nào cũng đỏ da thắm thịt, khỏe mạnh, rắn chắc, ít khi bị đau yếu có thể vì khí hậu trong lành của thôn quê, thức ăn đậm bạc mà nhiều dinh dưỡng.

Tưởng rằng những ngày tháng an bình của gia đình tôi tại Phú Thái sẽ kéo dài lâu hơn, nào dè, bỗng một hôm tự dưng tai họa ở đâu ập xuống. Chiều hôm đó bố tôi và bác Đình trai đánh chén say sưa với rượu trắng Văn Điển cùng món rượu mật đặc biệt do chính anh Tôm anh Tép tự nấu lấy để thiết đãi gia đình nhà tôi. Thịt cay thơm vàng óng nấu với riềng tươi và mè chua, ôi đúng là món nhắm tuyệt vời khó có thể tìm thấy ở thành thị. Bố tôi và bác Đình trai vừa ăn vừa uống khen ngon luôn miệng. Kể từ hôm tá túc ở nhà bác đến giờ, bữa nay bố tôi mới có dịp nhậu nhẹt thoải thích với ông anh rể cho nên người nào người nấy say mềm, ngủ vùi ngủ dập chẳng biết trời trăng gì hết.

Đến quá nửa đêm, mọi người đang ngon giấc sau một bữa cơm chiều no nê túy lúy. Ngoài kia, trời tối đen như mực, bóng đêm bao trùm cả một vùng quê hiền hoà yên tĩnh. Đâu đó chỉ còn là tiếng ếch nhái đua nhau vọng lại nghe thực lạ tai. Anh chị em chúng tôi có lẽ vì lạ nhà nên trần trọc mãi mới ngủ thiếp đi. Bỗng đâu đàn chó nằm ngủ trước thềm nhà chồm lên sửa dồn dập và chạy ủa

vào nhà như để báo động cho gia chủ, vậy là ai nấy đều bừng tỉnh và chạy túa cả ra sân. Thực khó có thể quên được cái giây phút hãi hùng đêm hôm ấy... Từ chiếc cổng tre dẫn vào nhà, một nhóm người có đến cả chục tên, ăn mặc quần áo đen, đầu quấn khăn màu sậm, mặt mũi bôi nhọ nghệ nhem nhuốc, hung hãn dữ tợn, trên tay mỗi người cầm một bó đuốc sáng rực, miệng la hét om sòm, sau đó tất cả đổ vào gian nhà chánh là nơi có hai chiếc giường tre lớn dành cho gia đình nhà tôi ngủ tối. Một gã to lớn nhất trong bọn, một tay cầm cây đuốc rọi sáng rực cả gian nhà, tay kia cầm cây mã tấu hung hãn vung lên và quát tháo khi thấy bố tôi và bác Đình trai đứng ở giữa nhà như muốn phân đối hay chống cự: "*Ngồi yên, để các quan làm việc, ai chống cự hay kêu la lớn, chúng ông sẽ đốt nhà*". Thế là ai nấy ngồi im thím thít không dám cựa quậy. Những tên cướp khác, người cầm gậy, kẻ cầm dao, rọi đuốc đi lục lọi khắp mọi nơi trong nhà. Chị em chúng tôi chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra, tất cả sợ sệt xúm xít ngồi xung quanh mẹ ở góc nhà lấm lét ngó theo họ lục lọi những chiếc hòm sắt và tay nải mà bố mẹ tôi chứa đựng quần áo của cả gia đình trong đó. Họ đổ hết tất cả quần áo và các vật dụng khác vào trong nhiều túi vải rồi chia cho đồng bọn đem ra sân. Mẹ tôi tiếc rề nứu kéo lại thì bị mấy tên cướp đứng cạnh gạt xô ngã lăn xuống đất. Có ít tư trang và tiền mặt mẹ nhét trong ruột tượng quần quanh bụng cũng bị họ khám xét và lấy tuốt. Đó là tất cả tài sản mà mẹ tôi đem theo để dự trữ cho những ngày lánh nạn ở đây, phút chốc đã bị bọn người bất lương đó

vơ vét sạch sành rồi tẩu thoát ra lối cổng sau nhà trước sự ngỡ ngàng của mọi người.

Câu chuyện kể trên xảy ra quá lâu, cả hơn nửa thế kỷ nên tôi không thể nhớ rõ chi tiết đầu đuôi, tuy nhiên sau này nghe mẹ kể lại là bố tôi đưa đơn lên huyện để thưa hai người chủ yếu có trách nhiệm trong làng là ông Lý Trường và ông Chánh Tổng làng Phú Thái về việc đánh cướp có tổ chức này. Bố tôi nghi có ai đó trong gia đình bác Đình đã thông đồng với bọn cướp nên họ mới biết gia đình chúng tôi ở tỉnh về đây, chắc phải có tiền của đem theo, nhưng vì không có bằng chứng nên mọi chuyện hầu như đã bị quên đi theo tháng.năm.



Sau vụ bị đánh cướp ở Phú Thái, gia đình chúng tôi lại lục đục kéo nhau trở về Hải Phòng. Bố tôi tiếp tục làm việc cho sở Hỏa Xa Pháp. Mẹ tôi buôn bán lật vật mấy thứ đồ hộp của Pháp lúc bấy giờ nên chúng tôi được ăn phở mát, bánh bích quy đến phát ngán.

Khi Nhật đảo chính Pháp và nắm quyền cai trị miền Bắc, bố tôi rất lo lắng vì từ hồi nào đang làm việc với chính phủ Pháp, bây giờ tình thế thay đổi bố tôi đâm ra hoang mang không biết là phải làm sao để sinh sống với một gia đình đông đúc như nhà tôi lúc đó. Nhưng rồi bố tôi cũng kiếm được một việc làm tạm thời ở một hãng xuất nhập cảng người Trung Hoa để tránh những liên lụy với người Pháp.

Lúc này quân Nhật đã bắt đầu áp dụng mọi thứ kỷ luật khắt khe tàn ác đối với người Việt Nam mình mà chính tôi đã thấy tận mắt cảnh lính Nhật xử tội, hành hạ người dân mà họ cho rằng những người này đã phạm tội ăn cắp, ăn trộm đồ dùng của họ, hoặc gian manh trong vấn đề buôn bán.

Một buổi sáng, trên đường tới trường học, chúng tôi thấy rất đông lính Nhật bu quanh một cái hố đầy nước, ngập đầu người. Họ đẩy một anh chàng Việt Nam còn rất trẻ xuống cái hố này. Chung quanh hố có khoảng 10 tên lính Nhật. Tên nào tên nấy đều to con và lùn tịt, hầu hết đeo kính trắng, để râu cá chép. Mỗi tên cầm một khẩu súng trường gắn lưới lê ở đầu, nhọn hoắt bóng loáng, trông thực khiếp đảm. Mỗi lần anh chàng này nhô lên khỏi mặt nước tức khắc bị mấy tên lính Nhật dùng báng súng ấn lên đầu và nhận chìm xuống nước... sặc sụa, chơi với... Sau mỗi hành động không chút nhân bản như vậy bọn Nhật cười nói xí xa xí xô với nhau thích thú. Khi anh ta ngất xỉu thì bọn họ lại lôi anh lên khỏi cái hố nước, để anh tỉnh lại đôi phút, sau đó chúng lại đẩy anh ta xuống hố nước và cái trò chơi chết người lại tiếp tục. Họ coi

anh ta như thể một con vật, một món đồ chơi để họ đùa rờn. Thực tội nghiệp cho anh chàng vô phước này làm sao? Lúc đó anh chị em chúng tôi còn bé bỏng chẳng hiểu mô tê, ắt giáp gì nên cứ sững sờ đứng trông cảnh tượng khác thường đó. Chị Sen nói nhỏ với chúng tôi là cái anh chàng ấy bị Nhật bắt quả tang ăn cắp đồ của họ nên bị trừng trị như vậy đó. Rồi chị kéo tay chúng tôi đi theo chị ra khỏi quang cảnh này. Số phận của anh ta sau đó ra sao chúng tôi cũng không rõ vì phải theo chị người làm đến trường học.

Một lần khác tôi theo chị Mai ra ngoài đầu phố. Tôi thấy một bác phu xe bị treo lưng lửng trên lưng chừng một cây cột đèn ở góc đường Ngô Nghè và đường Cát Dài. (bây giờ là đường Hai Bà Trưng) Đầu bác ta bị cạo trọc lóc và bị quét sơn vàng lòe (thứ sơn lót sắt cho khỏi bị rỉ, màu cam rất độc) làm da đầu tróc lở nham nhở trông thực ghê gớm. Chị tôi bảo, người ta nói bác ta đã ăn cắp quần áo của quân Nhật phơi trước cổng trại lính nên bị chúng bắt được và xử phạt như vậy để làm gương cho kẻ khác. Người đi qua đi lại không ai dám sát lại gần mà chỉ vừa đi vừa liếc mắt nhìn ngang. Bởi lẽ đó bố tôi cũng sợ bị liên lụy vì ông mới mua lại một cái máy chụp ảnh hiệu Nhật Bản không giấy tờ, nên phải đem trả lại cho người bán.

Hè năm 2011 mới đây, chúng tôi trở về thăm lại thành phố Cảng (tức là thành phố Hải Phòng), khi đi ngang qua góc phố này, tôi thấy cây cột đèn treo ông phu xe ngày nào vẫn sừng sững đứng ở đó khiến tôi lại liên tưởng đến chuyện ngày xưa, thời kỳ Nhật chiếm đóng Việt Nam năm 1945 và hình ảnh



bác phu xe bị Nhật hành tội lại như hiện về trong ký ức... Thực khó mà quên được...

Trở lại câu chuyện Nhật sang, đã có lần Bố tôi kể nhiều chuyện thương tâm nữa mà người Nhật trong thời gian chiếm đóng tại Việt Nam đã áp dụng chính sách trừng trị thực dã man đối với người Việt mình. Một trong những mẩu chuyện ấy là chuyện một người đàn bà bán cám bị lính Nhật chôn sống. Số là bà ta đã bán cám trộn với mật cưa, những mong kiếm được nhiều tiền lời hơn và tưởng sẽ qua mặt được tụi Nhật này. Nào dè khi ngựa của họ ăn cám bị chết, họ tìm ra nguyên nhân, thế là họ mổ bụng con ngựa đó và nhét bà ta vào trong bụng ngựa rồi chôn sống cả người lẫn ngựa, thực dã man, tàn nhẫn. Vậy mà nạn ăn trộm, ăn cắp và gian manh vẫn chẳng giảm, vì đói ăn vụng túng làm liều.

Ngoài ra còn nghe nói người Nhật hề bắt được ai ăn cắp là xử bắn thẳng tay không cần đợi thưa gửi hay khiếu nại gì. Cảnh tượng này hình như xảy ra hàng ngày như cơm bữa, không đếm xuể. Người Nhật cho đào những cái hố sâu ngay nơi xử bắn, bắt tội phạm ngồi kề bên miệng hố, hai tay bị trói giật cánh khuỷu ra phía sau lưng, mắt bị bịt kín, tội phạm được ăn một bữa cơm no nê rồi sau đó bị xử quyết. Quân lính Nhật dùng súng trường bắn thẳng ngay vào thái dương tội phạm rồi sau đó đẩy thân ma này xuống cái hố sâu đào sẵn kế bên. Nghe sao mà tội nghiệp và thương tâm quá!

Sách sử sau này cũng nói chính quyền Việt Nam lúc ấy dù có biết cũng chẳng giải quyết được gì, vì là một chính quyền bị trị, bị

đô hộ bởi cả Pháp lẫn Nhật Bản. Sự bất lực của chính quyền Việt Nam trong giai đoạn này đã được nhắc tới trong tác phẩm "*Trăng Huyết*" của hai tác giả Anthony Grey và Nguyễn Ước. "*Người Việt Nam trong thời kỳ Pháp đô hộ cũng như thời kỳ Nhật chiếm đóng không có quyền hành gì cho dù những người có chức tước cao, gần gũi với chính quyền Pháp, nhưng thực ra họ chỉ là những thành phần được Pháp bổ nhiệm cho có mặt có tên tuổi mà chẳng có quyền hạn gì để dám nhúng tay vào những sự kiện như thế để bênh vực cho người mình. Họ chỉ như những tên bù nhìn không hơn không kém. Cho nên vì lẽ đó mà đôi khi họ còn bị sỉ nhục ngay chính trên quê hương của mình. Chẳng gì nhục bằng cái nhục của kẻ bị cai trị.*"

Giờ đây, qua bao thăng trầm của đất nước, bao nhiêu vật đổi sao dời, cô bé chưa đầy mười tuổi ngày nào giờ tóc đã điểm sương nhưng những hình ảnh khó quên của ngày đó, đôi khi như trở dậy khiến lòng như vẫn còn cảm nhận được nỗi xót xa nhức nhối không dễ phai mờ. Những đau thương của đồng bào ta, những chịu đựng của đồng bào ta từ cảnh khổ này tới thảm trạng khác từ ngàn xưa dưới chế độ cai trị bạo tàn của quân Tàu, quân Pháp rồi của quân Phát Xít Nhật cứ thế mà tiếp diễn không ngừng. Ôi! lịch sử Việt Nam là những trang tràn đầy máu và nước mắt. Vay trả có phải là định luật của tạo hoá hay chăng? Ông cha chúng ta đã gây ra tội lỗi gì để con cháu cứ phải mãi gánh chịu những hậu quả tàn khốc ấy?

*Ỡ Nguyễn  
(Maryland, May 2013)*

# Quê Hương Tình Buồn

Nhạc và Lời: Tạ Bình

*Chậm, buồn*

The musical score is written in 3/4 time with a key signature of one flat (B-flat). It consists of five staves of music. The first staff begins with a treble clef and a 3/4 time signature. The tempo and mood are indicated as 'Chậm, buồn'. The score includes lyrics in Vietnamese and chord symbols (C, F, Em, Em7, Am, Dm, Gm6) placed above the notes. The lyrics are: 'Quê hương ơi, xa cách nhau rồi. Bao nhiêu mơ / Quê hương ơi, thương mấy cho vừa. Bao nhiêu nhưng ước cùng đàn lời thơ. Bên sông ghé đá, bên Bạch Đằng / nhớ những ngày mộng mơ. Gi - vơ, Pa - gô, những chiếc vàng / xưa. Sao em chẳng đến, buồn vương đợi chờ, / mơ. Văn Khoa tình nhớ, bài thơ hẹn hò. / Thương dâng mi, biết mấy cho vừa. Chia ly tôi / Bao năm qua vương vấn mong chờ. Hôm đi tôi / khóc cho người tình thơ. Xa tôi em có mong chờ điếm / khóc cho bạn bè xưa. Hôm nao dăm đứa vui đùa nhớn

Quê hương ơi, xa cách nhau rồi. Bao nhiêu mơ  
Quê hương ơi, thương mấy cho vừa. Bao nhiêu nhưng  
ước cùng đàn lời thơ. Bên sông ghé đá, bên Bạch Đằng  
nhớ những ngày mộng mơ. Gi - vơ, Pa - gô, những chiếc vàng  
xưa. Sao em chẳng đến, buồn vương đợi chờ,  
mơ. Văn Khoa tình nhớ, bài thơ hẹn hò.  
Thương dâng mi, biết mấy cho vừa. Chia ly tôi  
Bao năm qua vương vấn mong chờ. Hôm đi tôi  
khóc cho người tình thơ. Xa tôi em có mong chờ điếm  
khóc cho bạn bè xưa. Hôm nao dăm đứa vui đùa nhớn

Am Dm G7 C  
 tôi, hay em nhạt phớt, quên đời ngày thơ.  
 nhớ, hôm nay lạc lối xa nhà bờ vờ.

F F Dm C  
 Ngày tôi đi em ngẩn lệ trào dâng. Mắt Thu  
 Ngày tôi đi, mây nước đọng màn sương. Bến sông

Am G7 Am  
 buồn cho cuộc tình đã chết. Còn gì đâu hoa héo  
 buồn cho một thời đã hết. Đời buồn tênh như những

F C Am7 D6  
 tàn bờ mới. Những hẹn hò chỉ là giấc mơ, là thoáng hư  
 giọt lệ rơi. Ước mơ rồi, chỉ là xót xa, là áng mây

G7 C C F  
 vờ. Quê hương ơi, xin chờ hăng hò. Quên tôi xa  
 qua. Quê hương ơi, xin chờ bao giờ. Quên tôi năm

F C Em Em7  
 vắng, quên người ngày thơ. Nơi đây tôi vẫn mong một chiều  
 cũ, quên người ngày xưa. Bao đêm theo ánh trăng mờ mà

Am Dm G7 C  
 mơ. Thăm quê tình ấm, thăm người năm xưa.  
 mơ. Thăm quê tình ấm quên đời bờ vờ.

2/36

Mời quý vị nghe nhạc ở link này:

<http://cothommagazine.com/nhac/TaBinh/QueHuongTinhBuon-TB.mp3>

# Chỗ Lội Đường Ngang

## Nguyễn-Phú-Long

Lối đi tắt từ con đường cái quan băng ngang qua cánh đồng làng Phú-Đa tới làng Vị Hạ, Vị-Thượng xã Yên-Đỗ huyện Bình-Lục tỉnh Hà-Nam, quê-hương của cụ Nguyễn-Khuyến, đã cũ, xuống cấp, có nhiều ổ gà, nhiều ngôi nhà vô chủ ở hai bên.

Dân làng qua lại thường đắp đất hoặc vun những đá cuội lên cho mấy nắm cỏ đơm thêm cao vì thế bây giờ người ta gọi những nắm cỏ ấy là cỏ Cuội, còn cánh đồng có cỏ Cuội mang tên "Đồng Ông-Cuội."

Mấy ổ gà trên lối đi thiếu tu sửa càng ngày càng rộng hơn, sâu hơn, luôn luôn bị đọng nước, "Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối" chẳng những gây khó khăn cho bà con qua lại, nhất là đối với phụ nữ, đôi khi còn bày ra cảnh dở khóc dở cười, vui vui.

Những cảnh dở khóc, dở cười, vui vui đó thường xảy ra về ban ngày. Chứ ban đêm thì ít gặp vì trời tối, vắng vẻ, dân quê ai còn việc gì mà phải ra ngoài! Mới lại cảnh đom đóm lập lòe, tiếng ếch nhái ì-òp làm những kẻ yếu bóng vía nghĩ tới là nổi da gà sợ hãi đi đâu thực là chuyện vạ bất đắc dĩ.

Đó cũng là lý do dần dần theo thời gian, nghe đồn Đồng Ông Cuội linh thiêng lắm, nên về sau từ từ thấy xuất hiện một miếu thờ nho nhỏ mà cao vòi vọi, do số người có từ tâm vô danh tự động lập nên để thỉnh thoảng nhang khói, làm phước cho mấy linh hồn vô chủ sớm siêu thoát. Miếu đó gọi là Miếu Ông Cuội và trong miếu lẽ đương nhiên có thờ Thần Cuội.

Đến khi, cũng chỉ là tình cờ, làng Phú-Đa có vị xã trưởng, một viên chức cao cấp nhất xã, lại hay nói láo, gian xảo, hay... cuội, nên có lẽ vậy, cụ Nguyễn-Khuyến đã sáng tác bài thơ Vũ-Phu-Đôi bằng Hán văn (Vũ-phu là thứ đá to, nhẵn như ngọc có khi mấy bà nội trợ dùng chặn trên vại muối dưa, cà; đôi là đồng.) về sau cụ lại tự dịch bài Vũ-Phu-Đôi sang quốc văn in trong cuốn Quế Sơn thi tập tục biên bằng thể thất ngôn cổ phong vần trắc, gồm 14 câu:

### Đồng Đá Cuội

(Vũ Phu Đôi)

Đầu đường Ngang có một chỗ lội,

Có miếu ông Cuội cao vòi vọi.

Đàn bà đến đó vén quần lên

Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.

Ông Cuội ngồi trong mồm miệng cười

"Cái gì trắng trắng giống con cúi"

Vòi vàng khép nép đứng liền thưa:

"Con chót hờ hênh ông xá tội:"

"Không không con có tội chi mà!

(Thiếu hai câu thứ 10 & 11)

Lại đây ông cho giống ông Cuội"

Cho nên làng ấy để ra người

Đề ra rệt những thằng nói dối.

### Nguyễn-Khuyến.

Xin lưu ý ngay rằng bài thơ trên đây, có nhiều bản chép khác nhau. Để kỷ niệm 100 năm ngày mất của cụ.(Năm 1909). Năm 2009 Laiquangnam đã dịch nguyên bản chữ Hán với 14 câu, ra thể song thất lục bát. Trong khi đó nhiều nơi khác, kể cả cuốn khảo luận về Nguyễn-Khuyến của Nguyễn-Xuân-Hiến và Trần-Mộng-Chu, nhà xuất-bản Nam Sơn 1960, thì bài thơ ấy chỉ có 12 câu.

Nhân tiện, xin cảm ơn Lại Quảng-Nam với mấy chi tiết về địa lý đã xử dụng ở phần trên.

Thiết nghĩ đâu phải hai người khảo luận về Nguyễn-Khuyên này và những vị khác chẳng biết. Nhưng họ đã dám vuốt râu hùm, lờ đi không giải thích tại sao lại thiếu hai câu thứ 10 và thứ 11 của cụ. Thực ra hai câu đó chẳng quan trọng, nhất là câu thứ 10: "Nộ nhĩ hà cang ngã dương cụ." thiếu tính văn chương, bỏ đi là phải, nó giúp cho các cô thôn nữ đọc khỏi đỏ mặt, bài thơ nhẹ nhàng thi vị hơn.

Mới lại với 12 câu thất ngôn trên đây cũng đầy đủ ý nghĩa, cũng có thể là một hình thức đẹp cân đối với ba khổ tứ cú phân đoạn cho tác giả giải thích nguyên do vì đâu vùng này "rất những thằng nói dối." một cách huých toẹt chẳng cần che đậy bóng gió gì cả. Còn xét về nội dung thì có lẽ cụ trình bày là bởi ở đó có má Cuội, có đồng Ông Cuội, có chỗ lội đàn bà phải "vén quần lên" bì bõm, mò mẫm đôi khi hụt chân, xiêu vẹo, ướt át, làm cho "Ông Cuội ngồi trong mồm miệng cười." nên về sau:

".....Làng ấy sinh ra người

Sinh ra rất những thằng nói dối."

Từ khi cụ Nguyễn-Khuyên ra đời (năm.1835) đến nay thời gian cũng ngắn thôi, thế mà ở nước ta ,văn chương nói chung, bị tam sao thất bản khá nhiều, thì đó, nguyên cái đầu bài Vũ-Phu-Đôi từ Hán văn đổi sang Việt ngữ cũng thấy có nhiều bản khác biệt, khi thì Vũng Lội Làng Ngang khi thì Chỗ Lội Làng Ngang (Sách Truyện Cười của Hoàng-Thiếu-Phủ, NXB Trẻ 2007) đến lúc chép ra, in vào sách, người ta muốn đặt sao thì đặt, có thể họ chỉ cốt trình bày nói lên cái nội dung của bài thơ chứ không chủ tâm dịch lại nguyên văn của

tác giả. Nguyên thủy bài thơ ai nấy đều biết như trên nó mang tên Đổng Đá Cuội, chính do tác giả đã khai sinh.

Đến đây tiện thể xin nêu một thắc mắc nhỏ: Làng Ngang nằm ở vùng đất nào nhỉ? Có thể nhiều người đã lẫn với đường Ngang chẳng? Cụ Nguyễn-Khuyên đặt tên bài thơ là Đổng Đá Cuội với câu mở đầu "Đầu đường ngang có một chỗ lội." và sau đó tuyệt nhiên chẳng thấy khi mô cụ nói tới Làng Ngang cả.

Tim mãi thì mới biết, cũng có nơi tên Làng Ngang, đó là Làng Ngang Nội ở tận Bắc-Ninh, với món rau muống "tiền cung" nổi tiếng, với các liền anh, liền chị hát quan họ thật hào hứng si mê vào dịp hội hè, mừng Xuân, nhưng ở đó có chỗ lội chẳng, và cụ Nguyễn-Khuyên có qua đó chẳng, không thấy sách vở nào nói mặc dù cụ đã "Lên Núi An Lão." đã "Chơi Thuyền Hồ Tây." v...v...

Thường người viết, nhất là các tác giả thê hệ các cụ về trước, họ vẫn cần có một chút sự thật để bắt đầu rồi ráp nối chuyện nọ chuyện kia và sau đó, có thể, mới lan man hư cấu, tưởng tượng vẽ vời thêm thắt...Giả thử cụ Nguyễn-Khuyên chẳng thấy chỗ lội ở đầu đường ngang có lẽ nhiều phần ngày nay chúng ta không được thưởng thức áng thơ bắt hủ Chỗ Lội Đường Ngang.

Bài thơ Đổng Đá Cuội của Nguyễn-Khuyên có tính trào phúng rất cao và tính xây dựng cũng đâu phải là nhỏ. Nếu chẳng hiểu rõ bối cảnh phát sinh để cụ lấy hứng sáng tác mà cứ nghĩ đây chỉ là kết quả của cuộc trà dư tửu hậu khơi khơi thì e rằng không đúng.

Từ khi nó được sinh ra, trước khi bay bổng lan tràn khắp chốn quê hương, chắc

chấn nhiều kẻ sống tại vùng đất tỉnh Hà-Nam đã nghe, đã biết trong đó có cả ông xã trưởng kia, và có lẽ đó là mục đích thoát đầu của cụ Nguyễn-Khuyến nảy sinh ý tưởng cầm bút sáng tác bài thơ này. Cái khéo léo là cụ đã ráp nối sự kiện mơ hồ mê tín ở đồng Ông Cuội gán cho nó chính là nguyên nhân tỉnh nói dối, thật tuyệt vời thích thú.

Chuyện cũ rồi, cũng chẳng thấy ai kể lại, nay giả thử khi ông xã trưởng kia đọc bài thơ Vũ-Phu-Đôi thì có phản ứng gì không nhỉ? Hy vọng là ông sẽ bình tâm phục thiện, sẽ thay đổi thái độ, chẳng còn nói láo, gian xảo và cuội với nhân dân.

Lại nhớ khi nhà văn Phạm-Lôi-Vũ có lần đưa ra nhận xét : "Văn chương là sự nô đùa của những kẻ sĩ ngồi không lông bông trông rất chán." sợ rằng sự thật chẳng hẳn như vậy. Văn chương ở đây dù trào phúng, dù nói đến cái tục, nhưng không phải là sự nô đùa. "Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý."

Hơn nữa, theo như cuốn Ngôn Ngữ và Thân Xác của Nguyễn Văn Trung thì "Cái tục của người Việt-Nam xuất phát từ một thái độ rất lạnh mạnh, một tình trạng quân bình về tâm trí." Có phải thế chẳng nên cụ Nguyễn-Khuyến đã từ thái độ ấy mà kể ra câu chuyện Chỗ Lội Đường Ngang?

Mặt khác lại nghe nói ở Ấn-Độ thánh Gandhi có dịp bảo: "Chính các du khách phương Tây thăm nước chúng tôi đã phát giác những tính cách tục tĩu của nhiều tập quán từ trước chúng tôi vẫn theo mà chẳng thấy tục chỗ nào cả."

Nhưng chúng ta chẳng phải Nguyễn-Khuyến, cũng không phải thánh Gandhi, chỉ là kẻ bình thường, đề cập đến cái dâm, cái tục dù để bàn luận đến sự kiện đấng đấng "nói dối" đều cần phải có chút can đảm chút tin

tưởng vững chắc để đương đầu với quý vị lúc nào cũng nghiêm túc, luôn luôn tỏ ra thanh cao như thể trên đời này làm gì có mấy chuyện "nhảm nhí" đó! Làm gì có chuyện mà mọi người đều biết tông tông tong:

Ban ngày quan lớn như thần,

Ban đêm quan lớn tằm mần như ma.

(Ca dao)

Ở quê hương ta với đời sống tương đối ít tiện nghi, gàn gụi, hiền hòa, lại vì vạn vật "Dẫu vô tri cũng đèo bồng." nên đã tạo một số hình ảnh khác thường như khi diễn ra mấy chuyện phùng the ngay chỗ trống vắng giữa thiên nhiên, thí dụ ở đồng Ông Cuội; ở "Giang sơn một gánh giữa đồng."; ở lúc "Gái lội qua khe." và chắc chắn còn ở nhiều nơi khác, trên bệch trong dâu...Mà ta có thể phân ra hai loại khác biệt.

Loại thứ nhất như trên chỉ là cái ngông nghênh, cao húng của mấy nhân vật lớn, nổi tiếng trong xã hội muốn hành động cách đặc biệt, đưa đối tượng vào hoàn cảnh miễn cưỡng, cực chẳng đã, để rồi chính mình và sau đó mọi người, kể cả, ca ngợi như một chiến công thí dụ như trường hợp giữa đào nương Hiệu-Thư và cụ Nguyễn-Công-Trứ thuở hàn vi:

Giang sơn một gánh giữa đồng,

Thuyền quỳên ú hự anh hùng nhớ chẳng!

Còn loại thứ nhì khá nhiều, vì tuổi trẻ đôi khi đã quên mất câu "nam nữ thụ thụ bất tương thân" nên khôn ba năm đại một giờ, đành phải dẫu dẫu diêm diêm lờ để kẻ thứ ba hay được thì tương lai cuộc đời con gái kể như bỏ. Xã hội Việt-Nam xưa rất khát khe chuyện này, mục đích giữ cho nề nếp phong hóa có kỷ cương, trật tự, tốt đẹp. Loại này nữ sĩ Hồ-Xuân-Hương đã bênh vực kiêu cãi chày cãi cối "Không

chồng mà có mới ngoan." và như thế thì kết quả chẳng ăn thua gì.

Khách quan mà nói, "chuyện ấy" là một nhu cầu như ăn ngủ vậy. Thực tế những điều như thế là rất thường, xảy ra như cơm bữa, cho hầu hết mọi người, nhưng tất cả mọi người đều muốn nó diễn tiến theo đúng lịch trình không chấp nhận đi tắt và cũng quan trọng là hầu hết mọi người cứ âm thầm mà hoạt động, đừng lộ liễu công khai, đừng bàn luận, nên hành xử kín đáo cùng nhau vào lúc tối lửa tắt đèn với lời dặn dò nhau, thí dụ: "anh đi cho khéo đừng giuờng má hay." Và họa hoằn lắm mới có trường hợp đặc biệt xảy ra ban ngày:

Vắng nhà được bữa hôm nay,  
Thử làm một cái ban ngày xem sao!

(Ca dao)

Như thế, nay suy gẫm trở lại câu nói của thánh Gandhi ta nên hiểu rằng người đọc thỉnh thoảng vẫn hay nghĩ lệch lạc chứ kẻ viết có để ý đến dân hay tục gì đâu. Rất tiếc là cụ Nguyễn-Khuyến trong trường hợp này đã chẳng cẩn thận thông báo trước như "trung niên thi sĩ Bùi-Giáng" trong cuốn Thi Ca Tư-Tưởng đã nói rõ: "Người nào đọc thơ tôi nảy sinh ra cái ý gì, người đó hoàn toàn chịu trách nhiệm về cái ý nảy ra ở trong đầu họ."

Chế-Lan-Viên còn nói về thơ như sau "Nhất đáng nhì da thứ ba khuôn mặt. Thơ cũng vậy.

Trước hết phải đẹp toàn bài, phải có ý của toàn bài, phải biết bài thơ nhằm cái gì đã, rồi mới nói đến từng câu." Chúng ta nên nương theo những ý kiến này để thấy bài Chỗ-Lội Đường Ngang có giá trị, cốt truyện rất sâu sắc, ý nghĩa, giáo dục rõ ràng. Lời thơ mộc mạc nhưng rất duyên

dáng, gần gũi, gây thích thú cho độc giả.

"Nguyễn-Khuyến hay diễu cợt người đời, châm-chích thói đời một cách nhẹ-nhàng kín đáo rõ ra bậc đại-nhân quân-tử muốn dùng lời văn trào-phúng để khuyên răn người đời vậy." Đó là nhận xét của Dương-Quảng-Hàm trong cuốn Văn-Học Việt-Nam. Nhận xét tuy ngắn nhưng cô-đọng, đầy đủ, nay xin chép ra đây để kết thúc mấy dòng tùy-bút này và không quên kèm thêm bài thơ nhỏ trong khi bụng cứ phân vân đắn đo mãi... chẳng biết có nên rào trước đón sau như thi ông Bùi-Giáng chăng!

Bài thơ này lấy nhan đề là:

### **Chỗ Lội Đường Ngang.**

Nhắc đến xa xưa...lại ngậm ngùi,  
Đồng xanh bát ngát cứ lui cui.  
So le khăn yếm kia con cúi,  
Xóc xếch xiêm y nọ cặp đùi.  
Thôn nữ ỡm ờ chưa muốn lủi,  
Trai làng hăm hở cố tìm vui.  
Hình như hoa bướm còn trong bụi!  
Nhớ mãi xa xưa... chỉ ngậm ngùi.

**Nguyễn-Phú-Long.**  
**Mùa Xuân 2013**



# Tiếng Guốc

(Hồi ký một thời đi guốc)

Phạm Thảo Nguyên



Tôi vừa đọc bài viết “Guốc mộc”, tôi rất thích vì tôi cũng có những kỷ niệm rất riêng về guốc. Tuy bây giờ, guốc đã rất xa, nhìn quanh nhà, không còn thấy một đôi guốc nào cả. Nhưng những đôi guốc kỷ niệm lại về rất gần, đầy thân ái. Những đôi guốc xưa của tôi không còn là ‘guốc mộc’ trong nhân chủng học, mà là những đôi guốc sơn, đẹp mỹ miều, đã cùng tôi đi suốt thời non trẻ.

Tôi sinh ra ở Hà Nội, hồi nhỏ đi học trường nữ tiểu học Thanh Quan, thường được gọi là trường “Hàng Cót”, vì nằm trên phố cổ Hàng Cót. Tôi còn nhớ, chúng

tôi từ các cô bé liu xiú lớp năm đến các chị lớn lớp nhất (lớp 1 tới lớp 5 ngày nay), ai ai cũng mặc áo dài đi học, với đủ kiểu đủ màu, bông vai, xẹp vai, ngắn, dài, mà thường là lồi thối lốc thốc, tay, áo, mặt mũi lem nhem mực tím và cùng đội nón lá. Tại bất cứ lớp học nào trong trường, ở phía góc trên, mỗi ngày cũng có ít ra là hai kim tự tháp nón, thành lập bởi vài chục chiếc nón chồng khít lên nhau. Cả trường tôi không ai đội mũ bao giờ, và chúng tôi gần như đều đi guốc, chỉ một số rất ít đi dép cao su, hoặc dép da.

Chiều chiều khi tan học về, tiếng guốc của chúng tôi vang lừng inh ỏi khắp Hà Nội, nhất là trên con đường Hàng Điếu, từ trường Hàng Cót tới chợ Hàng Da. Tôi đi trong dòng guốc ấy, mà còn thấy đình tai bởi hàng trăm tiếng gõ gõ thả dàn trên vỉa hè. Chúng giòn tan, rời rạc từng tiếng nhưng kết lại thành một âm thanh râm ran dài không dứt, như một con sông đang trôi, họp thành bởi từng hạt nước riêng lẻ chảy từng dòng không ngừng nghỉ. Bây giờ, lâu lâu nhớ về, thì biết rằng chả bao giờ ở bất cứ nơi nào trên trái đất còn nghe thấy tiếng âm vang của cả trăm đôi guốc gõ loạn xạ lên hè đường cùng một lúc như thế nữa...

Ôi chao, cái thời còn bé sấu, sao mà dễ thương!

Xã hội dần dần thay đổi, dân ta khắp trong nước từ Hà Nội tới Sài Gòn, ăn diện hơn lên. Những đôi guốc mộc từ bao giờ đã trở thành những đôi guốc quang dầu màu vàng, màu đỏ, rồi thành guốc sơn đủ



màu. Từ thời còn mô ma báo Phong Hóa Ngày Nay (trước 1940) đã thấy trên báo có quảng cáo guốc Phi Yên, chẳng biết guốc đó thế nào (vì mình đã sinh ra đâu!), nhưng chắc là đã đẹp lắm. Khi tôi lớn lên thấy xuất hiện những đôi guốc “điệu nghệ” được khoét hơi lõm xuống cho dũi bàn chân dẫm lên, được đẽo bớt phần gót cho cong cong chiếc guốc, cho nhỏ nhỏ cái gót, cho yếu điệu dáng người đi. Có guốc được vẽ hoa lá cành đây màu sắc, rồi có guốc đánh véc ni, có guốc lấp gót sắt nhọn !!! Ôi, kinh hoàng những đôi guốc có gót sắt nhọn hoắt được vắn đỉnh vít vào thân guốc, với những chuyện thời sự đăng trên nhật trình thời đó: Các bà đánh ghen rút guốc đánh nhau đã nổi tiếng một thời. Còn quai guốc, có cả mấy chục kiểu, không biết ai đã “phát minh”, đã làm ra những chiếc guốc điệu, những cái quai đẹp này thế nhỉ? Mà chỉ có dân Việt mình đi! Cô bé con thấy thật đáng thán phục, phải có cả kỹ nghệ guốc, với những xưởng mộc chứ chẳng chơi!

Mỗi khi đi tới hàng guốc là cô bé nào cũng ngơ ngẩn, chẳng phải riêng gì tôi. Thường được mẹ cho tự do chọn lựa, guốc là món đồ dùng cá nhân các cô bé con mua lấy một mình sớm nhất trong đời. Đó là một bài kinh tế học áp dụng đầu tiên để các cô tập bước vào thế giới người lớn. Với một số tiền có hạn mẹ cho, muốn có đôi guốc đẹp, phải biết giá trị của từng đôi guốc, phải biết để dành tiền bù thêm, phải biết thích cái đẹp, thích được đi guốc đẹp!

Những hàng bán guốc thường để guốc và quai riêng. Khi khách đã chọn xong cả quai lẫn guốc, giá cả “đồng thuận”, còn phải xếp hàng chờ bà hàng đo chân, đóng quai cho. Đó là một nghệ thuật khác. Nhìn chiếc búa chim be bé đập đập lên chiếc đinh tí tẹo hoặc đinh kiểu đầu bọc đồng phồng cao, để đóng quai vào guốc, thật thích thú. Chúng tôi cứ “duyng mắt bé” lên theo dõi, ngưỡng mộ. Bà hàng nào cũng làm rất gọn, bà lấy sẵn mấy cái đinh một lúc, giữ trong miệng, giữa hai hàng răng(!). Sau đó lấy ra từng cái, đóng vào guốc liền tiếp thoãn thoắt không ngừng. Tay nghề bà hàng phải khéo lắm, chuyên nghiệp lắm, thì chiếc quai mới thuận, mới ôm lấy bàn chân nhỏ xinh, không cứa vào da thịt khi đi, không làm đau người diện đôi guốc mới. Rồi còn mục đóng miếng đệm vào đế guốc, cắt sửa những chỗ dư thừa bằng một con dao thợ giày cong veo, sắc như nước, được bà hàng đưa đi nhẹ như tên. Thỉnh thoảng có người tới mua hộ ai đó đôi guốc, thì bà chỉ đóng đinh hờ, đóng giả, để người sử dụng đôi guốc đó thử lại, sẽ đóng thật chặt lại sau.

Tại mỗi chợ nước ta, hình như đều có một dãy hàng guốc, nhưng chúng tôi luôn luôn có những nơi mua đặc biệt riêng. Tại Hà Nội tôi mua tại tiệm guốc tên là... Phúc Khánh(?), trong ngõ Yên Thái trước cửa chợ Hàng Da. Nơi đây có guốc rất đẹp, rất “mỹ miều” (ây là cô bé con, là tôi lúc ấy, nghĩ thế), giá phải chăng. Trong tiệm có một cái giếng, nước lúc nào cũng trong mát và đầy ắp gần tới miệng. Cứ mở nắp giếng

ra, cầm lấy cái gầu là múc nước lên được, y như múc trong chum ấy!. Tôi mê lắm, mỗi lần đến mua là xin phép vào sân trong rửa chân đi guốc mới. Chúng tôi thích đi guốc hơn giày dép da vì guốc thoáng gió, bàn chân không bị ép chặt, và tha hồ rửa chân. Cũng vì nước ta xứ nóng, đường xá nhiều bụi bặm, bùn lầy, đang đi giữa đường mùa hè rừng rục, qua cái cái ao có cầu bắc xuống nước, hoặc giã dì hơn là cái máy nước nào đó, là ta có thể bước tới thò chân khoắng ngay cả guốc vào nước được! Ôi mát lạnh cả người! Nhưng guốc chóng mòn, chóng hỏng hơn dép da. Khi guốc mòn rồi, tiếng guốc quét lên vỉa hè xi-măng xoèn xoẹt nghe ghê lắm, lại hết đẹp nữa!

Tán rộng thêm một chút, không biết có phải nhờ đi guốc, nên bàn chân luôn luôn được thờ tự do thoải mái, mà chân người Việt chúng ta không bị hôi, bị vụn vẹo như các sắc dân đi giày bó sát, bịt kín suốt đời không? Nói cho đúng ra thì cái gì được “tự nhiên, không bị chèn ép” cũng nảy nở hoàn mỹ hơn! Những đôi giày da thon nhỏ, bó sát vào chân của các bà quý phái, mặc áo đầm dạ hội hay áo veste, váy công sở... trông thì sang lắm, lúc trẻ thì đẹp lắm. Nhưng sống lâu ở những xứ này mới biết, chân các bà đầm Âu Mỹ có rất nhiều “vấn đề”. Y học Mỹ có hẳn một chuyên ngành riêng về chân. Tôi có những người bạn đồng nghiệp Âu Mỹ bị mổ bàn chân nhiều lần vì xương ngón chân mọc thò ra, cho chân vào giày cũ không được nữa, hoặc mấy ngón chân nhỏ bị dồn ép lại, có khi đè

lên nhau rất đau đớn... Dân Việt mình khi sống lâu ở ngoại quốc, bỏ guốc, quen dần với giày khép kín, cũng đã bắt đầu có người đi thăm bác sĩ chân....

Còn “**bàn chân giao chỉ**”, bàn chân có ngón cái và ngón thứ hai giao nhau hình chữ V, nổi tiếng của dân ta. Có phải do vì đã nhiều đời dân ta đi trên mặt đất thịt, đất sét, lầy lội trơn trượt của đồng bằng sông Hồng không? Khi chưa có đường cái khô ráo, những người đi chân đất phải bám chặt bàn chân xuống đất ướt, phải gia sức trên từng ngón chân, nên chúng xòe dần ra? Tôi cho rằng hành động này tạo nên những bàn chân cứng cáp, bước vững vàng trên đất nước của tổ tiên chúng ta. Bạn đọc đã bao nhiêu người nhìn thấy **bàn chân giao chỉ** thực sự? Vào khoảng những năm giữa thế kỷ 20, hãy còn những bàn chân này trên những cánh đồng đầy phù sa sông Hồng. Còn bây giờ chắc là hiếm lắm. Cũng như trong những tấm ảnh thời Pháp thuộc, những người lính khố xanh khố đỏ đều đi chân đất. Lúc đó guốc hãy còn rất ít. Điều suy luận này cần một nghiên cứu khác chính xác, rõ ràng hơn, trong bài này, xin ngừng ở nơi đây.

Nhớ lại những năm học trung học, học trò chúng tôi gần như chỉ đi guốc. Tại trường nữ, guốc không thuộc diện “đồng phục”, nên tha hồ mỗi người mỗi kiểu. Có những kiểu nổi tiếng do người đi đầu tiên quá đẹp, nên nhiều cô bé học trò khác đua nhau mua theo. Tôi còn nhớ một kiểu guốc thấy rất nhiều trong sân trường là guốc sơn trắng, có quai

ngang giản dị bằng nylon mềm trong suốt, điêm chấm tròn xinh xinh màu đỏ, đi với áo dài đồng phục trắng rất nổi. Còn các cô bạn học cũ của tôi, vừa được hỏi đến guốc, là cô nào cô ấy cũng xuýt xoa nhớ đôi guốc đẹp mình từng có ngày xưa. Có cô, như Lan, còn say sưa kể tỉ mỉ từng chi tiết, về đôi guốc cao gót màu tím hoa cà, quai nhĩ. Sao mà đẹp thế không biết!

Khoảng những năm 50-70, tại Sài Gòn có nhiều tiệm guốc nổi tiếng như Đa Kao, Như Ý, Phúc Khánh... với những đôi guốc rất sang, rất đắt, chỉ dành cho những ai thật diện và có tiền. Đám học trò lau nhau chúng tôi hay rủ nhau đến mua guốc tại một nơi đặc biệt, nằm lọt trong một chung cư công chức. Một phần vì địa điêm này gần trường, một phần vì giá nới, hợp với túi tiền học trò. Lâu dần chúng tôi thành khách quen, cứ đến tiệm là vòi vĩnh, trêu đùa chọc ghẹo nhau đủ thứ, bà chủ tiệm vui tính cũng hay hăng hái tham dự các cuộc đấu láo của chúng tôi.

Riêng tôi, kể cả những năm học Sư phạm Toán không có bạn gái cùng lớp để khoe guốc, vẫn không theo “mode” nào cả, mà trung thành với kiểu guốc Nhật màu đỏ huyết dụ đậm, quai nhưng hai màu đỏ đen cũ. Có lẽ vì được bà hàng “nịnh”: “Cô mà đi đôi này vào trường, là các cô bạn lại đến đây mua rào rào cho mà xem!”. (Tôi chỉ cười, nhin, không kể cho bà nghe là lớp tôi học bây giờ toàn con trai, kéo bà lại hết hy vọng!).

Một cô bạn tôi vừa nhắc lại chuyện năm học đệ tam: Tất cả các lớp cùng khóa

chúng tôi đều toạ lạc trên tầng ba, tầng cao nhất trường. Chắc là vì các bà Giám Hiệu nghĩ rằng: đệ tam là lớp không phải đi thi cuối năm, học trò nghịch ngợm phá phách nhất, “đày” chúng lên tầng cao cho khuất mắt. Nhưng không dè khi ở trên cao, chúng tôi nện guốc loạn xạ ngẫu, làm điên đầu tất cả những người làm việc tầng dưới. Cuối cùng, bà Hiệu Trưởng phải ra lệnh cho toàn thể học sinh học tầng ba đều phải đi dép da, ai đi guốc phải phạt đi học chủ nhật! Mỗi ngày đều có một bà giám thị đứng dưới chân thang kiểm soát guốc dép từng cô! Thế nhưng, vẫn có hàng loạt các cô điệu đà lại cần đi guốc (vì guốc cao gót thon, làm người cao hơn, thanh hơn, dáng đi đẹp hơn! Bỏ đi sao đành!). Các cô bèn đi chân đất lên thang, dẫu guốc vào trong cặp sách, lọt qua cặp mắt sắc như dao của bà giám thị! Mà cứ lọt thoát được lên đến trên gác, là lăn ra cười! Vào đến trong lớp hãy còn giám giúi cười, ngát ngư cười, cười mãi vẫn không nhin được! Cho nên cứ thấy các cô nằng tím năm tùm ba cười rúc rích là biết ngay: Không đi guốc trộm, thi cũng ăn quà vụng!

Đi guốc lâu năm, chúng tôi thỉnh thoảng lại gặp cảnh dở khóc dở cười, vì “guốc đứt quai” thỉnh linh giữa đường! Thường ra, khổ chủ phải xách chúng lên, đi chân đất về nhà, áo dài lứt tha lứt thướt, thảm hại vô cùng. Đã thất thủ đi về xấu hổ muốn chết với người đi đường, với hàng xóm láng giềng, lại hay dẫm phải sỏi, đá, đau điếng người! Những lúc ấy, nếu có thêm vài “cây

si” lẻo đẻo theo sau, thì thật không biết “Đi làm sao, đứng làm sao bây giờ!”

Ngoài ra, guốc còn theo tôi đi vào nhiều kỷ niệm riêng, với những xúc động chỉ một mình tôi biết, một mình tôi hay.

Tại Hà Nội, đường tắt về nhà tôi qua ngõ Lagiqué, sau đổi tên Việt là Chân Cầm. Một con ngõ nhỏ nhỏ, rộng gần bằng một đường phố cổ, hai đầu thông ra hai phố lớn. Ngõ này thẳng tắp, phẳng phiu, luôn được giữ sạch sẽ, vắng lặng. Hai bên vỉa hè hẹp gần như không có cửa hàng, không có người qua lại, những ngôi nhà có cửa mở ra ngõ đều luôn luôn đóng kín (Bây giờ sự vắng vẻ đó mất rồi!). Mỗi khi đi đâu về một mình, tôi thích đi qua ngõ này. Tôi chạy lon ton chân sáo, không hiểu sao lúc bé gần như tôi chỉ chạy, ít khi đi chịu đi chậm chậm như đi thiền hành bây giờ. Đôi guốc của cô gái nhỏ chạy về nhà, gõ liên hồi trên vỉa hè ngõ nhỏ, vang lên một loạt âm thanh “tanh tách, tanh tách...” đều đặn, nhanh, gọn, giòn tan, vang vọng sang tận hè đường bên kia, vui tai và thân ái vô cùng. Tôi còn nhớ, sau này khi đã rời xa Hà Nội, trong nhiều năm tiếng guốc gõ trong ngõ vắng vẫn thường trỗi dậy trong tôi, âm thầm luyến tiếc. Âm thanh thân quen ấy, tôi chỉ có trong lòng, không ghi chép cất giữ vào đâu được, theo ngày tháng cứ mòn dần đi, tưởng như mất hẳn, không còn đâu dấu vết... Rất lâu sau, mấy chục năm có lẽ, tôi sống ở nước ngoài, đang hồi hộp làm đơn xin visa về thăm quê. Một đêm kia, tôi bỗng mơ thấy đang chạy một

mình giữa ngõ Chân Cầm, trong tiếng guốc giòn tan ngày cũ: “lách tách lách tách... lách tách”. Chuỗi dài âm thanh lạnh chanh, thân quen đó vừa dứt, tôi bừng tỉnh dậy, bật kêu lên: “Sắp được về nhà rồi”. Ôi, thế ra, trong tiềm thức sâu thẳm của tôi, tình cảm nhớ nhà chôn dấu cả tiếng guốc gõ liên thanh trên vỉa hè đó ư?

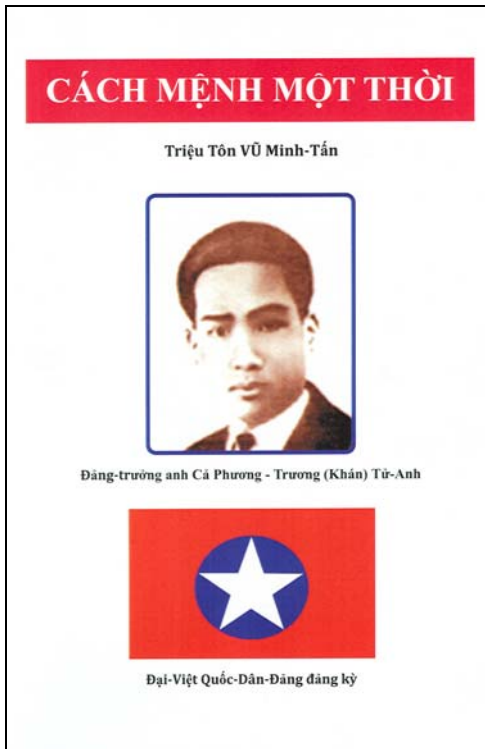
Mà này, còn một tiếng guốc khác nữa, tiếng guốc của thế kỷ trước, của thời sinh viên đang đi học Toán, thời “chưa yêu”, có ghi lại trong một bài thơ xưa của tôi:

Lâu lắm hôm nay anh đến chơi  
Ngọc lan ngoài ngõ hoa đón búp mời  
Guốc ai lách cách rộn rã reo vui...

Thôi chết tôi rồi! Hoá ra tiếng guốc đã biểu lộ tình cảm vui buồn rõ hơn tôi tưởng! Tiếng gõ trên cầu thang gạch reo nhanh thoăn thoắt “Cờ lách cách, lách cách lách cách... lách-ta- cách...”, thế rồi, thang gác tới chỗ ngoặt, chỉ còn dăm ba bậc gạch cuối cùng, tiếng gõ chậm lại, ngập ngừng, rờ rạc từng tiếng, như ngại ngùng, như e dè, .... tôi hãy còn như đang nghe thấy đây... Nhưng mà, tiếng giòn tan nhanh chậm đó là âm điệu, là tiếng hát riêng của guốc, diễn tả linh hồn riêng của guốc! Như vậy là, hôm đó, chính guốc đã lách cách, đã rộn rã, đã reo vui, đã e lệ... đấy chứ! Nào đâu có phải tôi!

Vậy mà, nửa thế kỷ qua đi, tôi vẫn còn rung rung nhớ tiếng guốc giòn trên thang gạch, với những kỷ niệm thời xa xưa ấy.

**Phạm Thảo Nguyên**  
(New York)



Hồi ký về thân thế, lịch sử, chính trị của  
nhà cách mạng

### **Triệu Tôn Vũ Minh Tấn.**

Hiện ngụ tại Thụy Điển.

Sách dày 160 trang, khổ 11X14. Tác giả  
đã cho xuất bản cuốn “Công Dân Việt Sử.

Trân trọng cảm tạ

Tác Giả Triệu Tôn Vũ Minh Tấn

đã gửi tặng sách.

Liên lạc: Vũ Mạnh Phát

<vumanhphat@gmail.com>

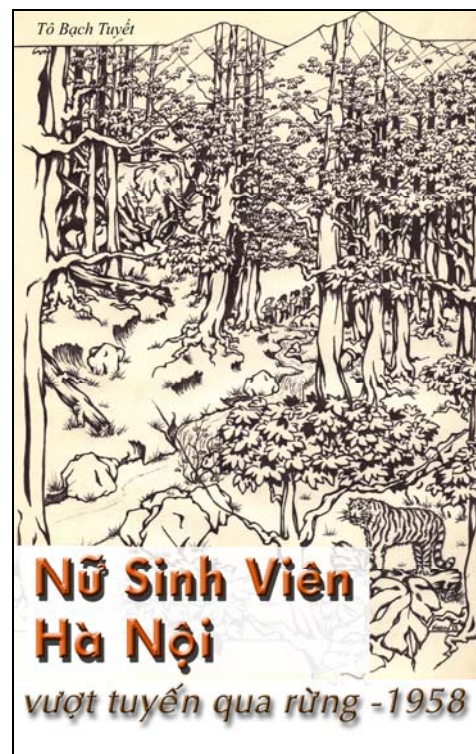
Cô Thom hân hạnh giới thiệu cùng  
độc giả tập Hồi ký về một cuộc vượt  
Trường Sơn nguy hiểm, hồi hộp và gian lao,  
để thoát nạn Cộng Sản, của tác giả Tô Bạch  
Tuyết cựu học sinh Trưng Vương, Chu Văn  
An và sinh viên được khoa tại Hà Nội trước  
năm 1958. Tác giả cũng là cựu sinh viên  
được khoa, cựu dược sĩ tại Sài Gòn và Hoa  
Kỳ. Hiện cư ngụ tại Chicago. Sách dày 187  
trang. Giá US\$15. Liên lạc:

**TÔ BẠCH TUYẾT**

**2605 Galen Dr.**

**Champaign, IL. 61821**

E-mail : [tto2209@comcast.net](mailto:tto2209@comcast.net)



## LÁ THƯ TÂM TÌNH CỦA TÁC GIẢ Nữ Sinh Viên Hà Nội Vượt Tuyến Qua Rừng - 1958

Thưa quý vị,

Tôi vừa in xong cuốn chuyện mang tên “Nữ Sinh Hà-Nội Vượt Tuyến Qua Rừng Năm 1958”

Quyển sách ra đời với hai điều bất lợi:

1/ Chuyện xảy ra từ lâu, không còn thời gian tính..

2/ Đề tài thì nhiều người đã “biết rồi, khổ lắm nói mãi”!

Nhưng tác giả vẫn rụt rè hoàn thành sau nhiều năm: nhớ gì viết nấy không dám thêm thắt bịa đặt. Những chuyện có thật (100%) đều được viết ngắn gọn trong 187 trang để khỏi mất thì giờ cho người đọc.

Nội dung chính là mô tả cuộc xuyên rừng nguy hiểm, chỉ có hai chị em và hai người dẫn đường. Nhưng để cho có mạch lạc, tôi cũng xin vắn tắt tự thuật tại sao lại có cuộc mạo hiểm thí mạng đó bằng cách kể sơ qua những năm tháng mà nữ học sinh kháng chiến chúng tôi ngây ngô hăm hở náo loạn trường nữ trung học Trưng-Vương, dẫn đến chuyện cả lũ bị nhốt vào xà lim trong chốn ngục tù. Rồi cũng vì năm 1954 tôi không di cư vào trong Nam, mà ở lại miền Bắc tới 4 năm nữa (1954-1958), được chứng kiến nếp sống và sinh hoạt học đường của sinh viên Đại-Học Hà-Nội, tôi mới “giác ngộ” tìm đường liều chết để vào Nam tìm tự do.

Chính ra vượt tuyến bằng cách đi trên đường mòn trong rừng của những người qua lại giữa hai nước Lào-Việt thì cũng chẳng có gì đáng nói. Riêng 4 người chúng tôi bị Việt-Cộng phát giác ra suýt bắt cả bọn, rồi bị họ rượt theo, nên phải rời bỏ đường mòn, đâm quàng vào bụi rậm, thật sự xuyên vào rừng sâu mà chạy trốn. Phát quang cây cối để mở lối thoát khó khăn quá, thậm chí phải tìm theo lối voi đi mà mò mẫm theo chúng. Sau 10 ngày trải qua bao nguy hiểm, ra khỏi rừng già thì lại đói khát đi xin ăn ở những bản làng của người thiểu số. Tại đây được trông thấy nhiều điều lạ lùng, kỳ thú trong đời sống bình dị chốn sơn cước.

Viết nên cuốn chuyện, tôi chỉ mong được bạn bè luống tuổi đọc trong lúc nhàn hạ để có đôi phút hồi tưởng lại quãng đời niên thiếu trong thuở học trò của chúng ta, và riêng tôi thì có một chút kỷ niệm của hai lần di tản hải hùng.

Thưa quý vị, đã ra sách thì đương nhiên là mong bán được, nhưng tôi không dám mời quý vị một buổi họp mặt, hoặc tự động gửi sách đến nhà mời các bạn mua, mà không hỏi ý kiến trước. Bởi vì có những bạn không có thì giờ xem, hoặc không có hứng thú đọc sách, mà vì nể nang phải miễn cưỡng mua, thì sau khi nhận, quyển chuyện sẽ bị bỏ vào một chỗ, như thế thật uổng phí tiền của các bạn mà tác giả cũng tủi thân lắm.

Cho nên với phương tiện thông tin rộng rãi của Tạp Chí Cỏ Thơm, tôi xin mạn phép gửi lời quảng cáo này tới quý vị. Mong quý vị nào hưởng ứng ủng hộ, xin gửi e-mail hoặc gọi điện thoại cho tôi, tôi xin lập tức gửi sách đến địa chỉ của quý vị. Còn quý vị không muốn mua thì tôi cũng xin cảm ơn thì giờ quý vị đã bỏ ra để đọc thư này của tôi.

Sau cùng tôi ước mong, khi xem xong e-mail này xin quý vị phổ biến lại cho quý vị khác, mà tôi không có địa chỉ e-mail, để cho nhiều người được biết đến cuốn chuyện .

Sau đây là địa chỉ và điện thoại của tôi:

Tô Bạch Tuyết.

2605 Galen Drive.

Champaign, Illinois 61821-7033.

Điện thoại nhà: (217)-351-2915

Điện thoại cầm tay: (217)-840-2914

E-mail : tto2209@comcast.net

Giá cuốn sách là \$15.00. Ở ngoài Hoa-Kỳ xin thêm \$8.00 cước phí.

Xin cảm ơn các bạn và chúc các bạn cùng quý quyển luôn vui mạnh.

**Tô Bạch Tuyết**

# Những Ngày Làm Lính Không Quân

## Vũ Nam

Ba mươi mấy năm trôi qua, kể từ ngày phải xa đại gia đình Quân đội, quân chủng Không Quân của QLVNCH, tôi chưa viết lại được gì, hẳn vì bọn chúng tôi, những thằng nhập ngũ muộn, trước sau Mùa Hè Đỏ Lửa năm 72, những thằng chỉ chống chọi, trôi nổi vào cuộc chiến Quốc-Cộng, khi cuộc chiến sắp hạ màn, chiến tranh sắp đến hồi kết thúc. Cơn bão rút, từ hoàn cảnh ngập lụt đã nhiều ngày qua.

Những người hiện nay đã viết, đang viết và sẽ viết về cuộc chiến là những niên trường của các quân binh chủng, đã có thời gian khá lâu, rất lâu, rất dài trong quân đội, nằm gai nếm mật, sống bên và trên những xác chết của đồng đội, của phe bên kia. Họ đã Dưa Lưng Nổi Chết (1) ở những ngọn đèo, con suối; trên những đỉnh đồi đầy mùi tử khí của xác người. Những người đã từng thấy đạn tầm nhiệt SA7 lao vào phi cơ bạn, mà không làm sao cứu được bạn, những người đã từng thấy phi cơ bạn lao xuống, đánh bom vào vùng địch để cứu bạn mình dưới đất, rồi vĩnh viễn ở lại làm kẻ đi không ai tìm xác rơi. Những vị Hải Quân anh hùng đã để lại cho hậu thế trận Hoàng Sa chống Trung quốc thật đáng tự hào. Tôi, kẻ hậu sinh trong cuộc chiến, rất trân trọng khi lật từng trang sách của các vị này để đọc. Sự thật bao giờ cũng là sự thật.

Ở đây tôi chỉ viết lại vài kỷ niệm vui buồn của những ngày ngắn ngủi khi ở trong quân chủng Không Quân.

Chúng tôi vào lính trong và sau mùa hè

năm 72, khi hoa phượng đang nở tung bùng trên khắp mọi con đường. Trong những ngày đi thi tú tài, đại học là những ngày đã chuẩn bị tinh thần sau kỳ thi này đầu rớt gì cũng vào lính, vì lệnh tổng động viên của chính phủ vừa ban hành. Vừa thi, mà chiến sự ngoài chiến trường bay về thành phố như những hoả châu nóng chiếu sáng trên mọi khung trời, để thấy miền Nam Việt Nam đang đi vào chỗ đối đầu quyết liệt nhất trong cuộc chiến, chỉ có sống hoặc chết, không còn con đường nào khác. Phía bên kia họ đã đưa ra những chọn lựa như thế. Những ngày học thi, tin tức chiến sự, những trận đánh lẫy lừng lấy lại Quảng Trị, giải thoát Bình Long được tường trình trên tivi, báo chí Sài Gòn mỗi ngày, đôi khi làm bọn trẻ đã ngẩn ngơ để quên đi những vòng tay ôm ái từ người yêu, quên đi ánh mắt dịu dàng từ những cô bé tuổi mười sáu trắng tròn, mười tám, đôi mươi dành cho người anh, người tình.

Vừa lách mình qua khỏi cổng Quân Vụ Thị Trấn ở đường Lê Văn Duyệt, Sài Gòn, vào một ngày của mùa hè muộn năm 1972 là tôi biết tôi đã giã từ đời sống dân sự, và đời sống quân nhân bắt đầu. Ngay chiều hôm đó đã có xe nhà binh đưa chúng tôi ngay vào Trung Tâm 3 Tuyển mộ nhập ngũ.

Xe chạy trên con đường Lê Văn Duyệt dẫn đến Trung Tâm 3, trời về chiều, Sài Gòn vẫn rộn rã tiếng người tiếng xe. Những cô nữ sinh áo dài trắng từng đôi trên những xe Honda Dame, PC đẹp thật kỳ lạ dưới mắt tôi trong buổi chiều vàng của thành phố. Tôi tự nhủ nhủ mình rồi cũng phải xa vắng những hình ảnh mộng mơ này một thời

gian dài, để chịu ghép mình trong bốn phận làm lính và những kỹ luật quân đội.

Nhìn những cô nữ sinh tôi chạnh nhớ đến Hương, cô bạn cùng lớp. Hương chăm chỉ, học giỏi, đưa những tia nhìn tình tứ với tôi trong những ngày chúng tôi sắp bãi trường. Hương người Tàu lai, mắt một mí, nước da trắng, hàm răng có những chiếc răng trắng đều như những hạt bắp. Tôi biết giờ này Hương đang ở nhà, phụ má nấu cơm. Vì những khi tôi đến mượn bài vở vào những buổi chiều như hôm nay là lúc Hương đang quanh quẩn trong bếp, trên con Trần Hoàng Quân đang ồn ào náo nhiệt bên ngoài. Hương biết tôi sắp đi lính, như Viễn, như Quý, những thằng bạn trai sẽ ra đi sau kỳ thi, nhưng Hương và tôi chỉ đi xa hơn tình bạn một chút, là chúng tôi nhìn nhau tình tứ, chớ một cuộc hẹn hò cho chuyện trăm năm, vẫn chưa ai, một trong hai chúng tôi nói đến. Mục đích Hương là tiếp tục học, học cao hơn. Còn tôi không còn mục đích nào cả, chỉ còn một con đường trước mặt: vào lính.

Màn đầu tiên ở Trung Tâm 3 là màn la ó của vị quân nhân mang cấp bậc trung sĩ nhất, hay thượng sĩ gì đó. Tướng ông to cao, giọng nói rồn rảng. Mỗi lệnh lạc ông đưa ra to làm các lính mới thật vô cùng ngỡ ngờ, nhưng sợ. Kỹ luật quân đội là đây sao? Chúng tôi phải di chuyển theo từng nhóm thật nhanh khi bị gọi tên. Sàn qua sàn lại như đàn vịt. Nguyễn Văn A. Có mặt. Trần Văn B. Có mặt... Cứ thế chúng tôi được xếp thứ tự thành tiểu đội, trung đội, đại đội. Cứ hai thằng đứng cạnh nhau là trở thành đôi bạn ngay, đồng cam cộng khổ cho những ngày lính sắp tới.

Chúng tôi đi hớt tóc, lãnh sac marin và xuống nhà ăn cơm khi trời đã chạng vạng tối.

Một ngày đã qua, hôm sau có kèn đánh thức dậy, thi hành những thủ tục như một người lính. Thời gian này là tổng động viên

nên tất cả các nơi trình diện nhập ngũ đều rất đông tân binh. Ở Trung Tâm 3 này cũng vậy. Hàng hàng lớp lớp tân khóa sinh. Đi đâu cũng gặp những bộ áo lính đồng màu cứt ngựa rộng thùng thình. Trong trại, căn-tin, những gốc cây... Mặc dù nghe nói đã có rất nhiều khóa sinh đi về các quân trường Quang Trung, Đồng Đế, Thủ Đức v.v..., để thụ huấn, nhưng những ngày này ở đây còn rất đông.

Rồi chúng tôi cũng được đi phép cả... tháng. Lý do: Các quân trường không còn đủ chỗ để chứa. Mà cứ nằm dài ở Trung Tâm 3 để làm gì chớ. Thôi cứ cho tân khóa sinh về nhà nghỉ phép dài hạn là hay nhất.

Tôi quê ở Bà Rịa nhưng đi trọ học ở Sài Gòn. Nên những ngày được nghỉ phép lúc này tôi trở về lại Bà Rịa. Gia đình cha mẹ đang ở vùng hơi mát an ninh vào ban đêm, nên những ngày phép tôi ở tạm trong gia đình bà chị trong khu gia binh của những sĩ quan Trung Tâm Huấn Luyện Quốc Gia Vạn Kiếp.

Ban ngày tôi hay lấy xe Honda của anh chị chạy đi thăm bạn bè cũ, những thằng bạn thời trung học đệ nhứt cấp ở thị xã Bà Rịa trầm lắng này. Chiều tôi đi xem đá banh. Tối ra ngồi chơi nơi những vụng gác với những tân binh đang theo học tại Trung Tâm Vạn Kiếp. Trung Tâm nằm ngay gần thị xã, tình hình yên tĩnh, nên vừa gác, ai gác thì gác, còn lại các bạn vừa uống rượu, đầu lảo. Tôi thức cả đêm với họ, đến khi buồn ngủ mới về. Lúc trăng lên cao, trời về khuya, nhưng khí hậu vẫn ấm, khi đã ngà ngà say một vài lính mới cất giọng hát chung bài Chiến Sĩ Vô Danh, tôi cũng họa theo: Mờ trong bóng chiều, một đoàn quân thấp thoáng, lá cây rùng, lẳng tiếng nghe hình bóng, của người anh hùng..., ra biên cương trong một chiều sương âm u, âm thầm theo khói mờ.... Hay bản nhạc Hòn Vọng Phu: ...Có ai xuôi vạn lý, nhắn cho tin mấy lời... Giọng ca chung, tài tử, nhưng có



lúc trầm hùng, lúc băng lạnh như gió rừng. Bên những chun rượu đế càng về khuya giọng ca, lời nói càng buồn, càng nói lên được thân phận trai thời ly loạn. Các bạn này, cũng giống như tôi, cũng vừa mới bị động viên vào lính, mặt mày trẻ măng, từ „bốn phương trời ta về đây chung vui“, nên chúng tôi dễ dàng thông cảm, chơi với nhau rất hợp. Cứ khi nào thiếu mỗi, hết mỗi, tôi chạy về bếp nhà bà chị lục tôm khô, củ kiệu, vì ông anh rể tôi lúc đó cũng là tay nhậu. Còn rượu thì các bạn lo. Trong khu gia binh, dù khuya, nhưng vẫn còn có quán mở cửa bán.

Trong những ngày này tôi gặp Quyên, cô nữ sinh mười bảy tuổi, đang học lớp đệ tam tại Bà Rịa. Mặc đồ dân sự nhưng tóc hót cao, ắt hẳn cô cũng biết tôi đang là lính. Như những học sinh nam ở Sài Gòn, tôi quen khá nhiều các cô gái bạn học cùng lớp, dưới lớp, hàng xóm, nhưng chưa ai làm xao xuyên lòng tôi bằng Quyên, kể cả Hương như tôi vừa kể. Tôi đã đi bộ theo Quyên để tán tỉnh trong những buổi chiều khi cô đi học về. Cô rất mắc cỡ, vành nón lá che nghiêng, điệu bộ lúng túng, đúng là nữ sinh, nhưng qua người bạn gái cô cũng gửi tôi một lá thư để trả lời thư tôi, cô chúc tôi những ngày trong quân trường sắp tới được mạnh khoẻ, ráng vượt qua giai đoạn khó khăn, để làm sĩ quan với người ta. Những ngày này trong giấc ngủ của tôi hình ảnh Quyên thỉnh thoảng hiện về. Mỗi ngày tôi cứ trông đến chiều, khi Quyên tan trường, tôi chạy xe Honda theo nhịp bước của cô. Mỗi tình tôi và Quyên tôi vẫn giữ mãi đến tận bây giờ. Dù bây giờ hai đứa đã có gia đình, nhan sắc Quyên đã tàn phai theo thời gian và tuổi tác, nhưng mỗi khi nhớ về Quyên lòng tôi vẫn rạo rức như ngày đầu tiên gặp nàng.

Trước lần đi phép dài hạn lần thứ hai, do bạn bè rủ tôi đi vào Tân Sơn Nhất xin đơn để gia nhập Không Quân. Nộp đơn

xong lòng dửng dưng không hồi hộp đợi chờ. Được vô KQ cũng được, không cũng không sao. Bạn học tôi, tên Quý, đang là SVSQ Thủ Đức, đang đi chiến dịch ở Bà Rịa, gặp, thấy Quý cũng đẹp trai phong độ trong bộ đồ quân nhân bộ binh tác chiến. Cổ áo đeo uy hiệu Alfa màu vàng rất nổi bật trên nền áo xanh đậm nét lá cây rừng. Quý chắc cũng làm các cô nữ sinh chết mê chết mệt. Đầu năm 1974, khi đang còn học sinh ngữ ở trường Sinh Ngữ Quân đội, tôi nghe tin Quý tử trận! Được lên cổ thiếu úy! Sau đó Viễn, người bạn học cùng lớp, và cùng phòng thi trong ngày thi tú tài ở trường Việt Nam Học Đường, Sài Gòn, cũng tử trận! Trong lớp, tôi ít thân với Quý, nhưng rất thân với Viễn vì chúng tôi cùng học chung một lớp, lại gần nhà. Nghe tin Viễn tử trận tôi rất buồn.

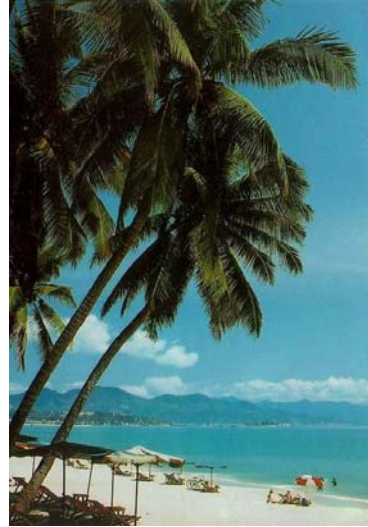
Nộp đơn vô KQ xong tôi về nhà nghĩ phép như thường lệ. Sau đó khoảng một tuần có giấy gọi kêu đi khám ở Tân Sơn Nhất. Toán tôi khoảng 45 người, khám qua mắt, tai, răng, mũi, họng, tim, thân thể..., cuối cùng đậu khoảng 20, trong đó có tôi. Có nhiều bạn trong toán cao to hơn mình vẫn không đậu, chắc tại vì mắt, tai không còn tốt, chắc vì yêu nhiều quá nên tim đã bị...yếu. Giấy báo cáo đã đậu vào KQ chuyển về Trung Tâm 3, chúng tôi chỉ chờ KQ gửi giấy gọi.

Ngày ở Trung Tâm 3 nhập ngũ buồn nhất là ngày Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đọc bài diễn văn trên truyền thanh truyền hình đầu năm tết Âm lịch 1973. Chúng tôi đứng tập trung quanh ông thượng sĩ già có cái radio đang phát thanh lời tổng thống. Thời gian này là đang (hay sắp?) ký Hiệp Định Ba Lê, nên tổng thống báo cho toàn dân Miền Nam biết về chuyện Hiệp Định. Nói chung là rất bi quan, đừng tin tưởng nhiều vào phe Miền Bắc, dù họ có ký Hiệp Định Ba Lê để chấm dứt chiến tranh. Ông thượng sĩ già người Bắc có những dẫn giải

làm buồn lòng các tân binh thêm. Kinh nghiệm của ông vào thời điểm 54 ở miền Bắc, làm ông không thể tin ở phe bên kia chiến tuyến.

Lúc tôi được triệu tập vào trình diện ở Tân Sơn Nhất để gia nhập Không Quân là vào khoảng tháng 2 năm 1973. Các niên trưởng mới vô trước vài ba tuần cũng hò hét ồm ồm. Nhưng quen bên Trung Tâm 3 rồi nên tôi không còn thấy sợ. Dũng có biệt danh „Dũng Hitler“ là niên trưởng hò hét to nhất, dữ nhất trong ngày đầu khi toán tôi vào. Thời gian này có những cán bộ cộng sản Bắc Việt nằm trong Ủy Ban Hiệp Định Đình Chiến ở ngay Tân Sơn Nhất. Theo tinh thần ký kết hiệp định, phe Quốc gia phải bảo vệ họ. Hằng ngày di chuyển trong Tân Sơn Nhất, thỉnh thoảng tôi thấy xe họ chạy ngang qua. Những ngày này, lính Mỹ theo hiệp định đã rút hết về nước. Những barrack lúc trước cho lính Mỹ ở, giờ trống không, không người ở, nhưng đồ đạc như tủ lạnh, máy lạnh còn nguyên. Chỉ mấy ngày sau, theo lệnh một vị đại úy chỉ huy chúng tôi lúc đó, tôi và vài người bạn cùng trong phi đội được đưa đi trực gác ở ngoài các vọng gác của phi trường với mấy cây súng Cabin M1, hướng đông bắc. Chỉ huy trực tiếp chúng tôi là vị trung úy còn rất trẻ. Ông đến chia chúng tôi gác rồi đi mất, ít khi xuất hiện đột ngột. Từ vọng gác nhìn ra thấy toàn là nhà lá của dân nghèo, không thấy một chiếc xe hơi chạy ngang. Trời trưa nắng chang chang nhìn ra thấy như mặt đất bốc khói, vắng vắng bên mé nhà dân vọng lại bản vọng cổ Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài do Minh Cảnh và Lệ Thủy ca. Tuần Mã ơi mi hãy phi mau về báo hung tin cho quân ta được rõ, vì Võ Đông Sơ đã lìa xa vĩnh viễn Bạch Thu Hà. Bạn tình ơi đừng mòn mỏi đợi chờ, nghe „mùi tận mạng“. Sau lưng tôi là Sài Gòn với những cao ốc, nhưng trước mặt tôi là nhà dân nghèo, tôi thấy rõ sự nghèo giàu chênh

lệch, đúng là đất nước đang ở trong tình trạng có chiến tranh. Hết giờ gác tôi tự động „chuồn“ ra đi chơi ở Sài Gòn, khi nào có ca gác vô trở lại. Thời gian này bạn học cũ đang học ở các quân trường Quang Trung, Thủ Đức về những quận ở vòng đai Sài Gòn nằm ứng chiến. Có thì giờ dư giả chúng tôi cứ tụ họp nhậu nhẹt.



Chúng tôi, khóa sinh Không Quân, được tập trung để vận tải cơ C130 chở ra Nha Trang vào khoảng giữa tháng 3, 1973. Trên mỗi chiếc chắc là khoảng 50 mạng có mang theo sac marin. Tôi không có một người bạn học nào trong khóa đi này. Lần đầu tiên đi máy bay, tôi thấy cũng bình thường như đi xe đò. Nổi lòng háo hức lần đầu tiên được ngồi trên „máy bay“ phút chốc cũng qua. Năm chục mạng ngồi yên lặng không ồn ào sôi nổi, vì tất cả đều nghe phong phanh trong một tháng huấn nhục ở Nha Trang sẽ „tả tơi“, sẽ như „mền rách“ nên ai cũng lo. Nhìn qua cửa kiến thấy bầu trời xanh và những áng mây trắng bên ngoài. Thỉnh thoảng phi cơ mất độ nâng, rớt xuống, chắc đâu vài chục mét, làm ruột

gan chạy ngược lên gần tới đầu.

Suốt hơn một tiếng đồng hồ ngồi phi cơ để ra Nha Trang tâm hồn tôi dừng đứng thật lạ. Mình có chuẩn bị vào KQ đâu, rồi cũng vào. Mình có chuẩn bị bay bằng đâu giờ cũng ngồi trên phi cơ. Rồi ngày sau cũng chưa biết ra sao? Chỉ biết một điều là đã xa Sài Gòn, xa Bà Rịa, xa Quyên, xa Hương mà chưa biết bao giờ mới gặp lại.

Qua cửa sổ nhỏ của phi cơ, khi tôi thấy mặt biển Nha Trang cũng là lúc bánh phi cơ gần chạm mặt phi đạo. Công nhận Nha Trang có biển thật đẹp. Trời trong xanh, nắng mười giờ óng ánh trên mặt nước gợn sóng lằng tằng. Tháng ba bà già đi biển, nên mặt biển êm ru như mặt hồ. Phi cơ dừng lại. Cửa sau phi cơ vừa bật lên thì hời ời một bầy „kiến vàng“ đã bắt đầu hò hét bên dưới. Các ông xuống tập họp nhanh lên! Lĩnh mới trên phi cơ chưa nhón nháo, mà các niên trưởng cán bộ ở bên dưới nhón nháo như có lửa cháy.

Rồi cái gì đến phải đến. Ngày đầu của một tân binh, một tân khóa sinh. Những động tác cho một người lính đã bắt đầu sau khi bước chân ra khỏi phi cơ. Tiếng hò hét của các cán bộ niên trưởng. Tập họp nhanh, đều. Tinh thần đồng đội. Kỷ luật quân đội. Tổ Quốc Không Gian. Hào hùng độc đáo. Ăn cơm nhà bàn. Giày trận áo lính và những bài hùng ca.... theo nhịp bước di hành.

Phút chốc phải quên đi hình ảnh người tình, một cô bạn học dễ thương, cô gái hàng xóm sớm chiều trông đợi...ai, để lao vào cuộc huấn luyện trước cái đã.

Ánh nắng chói chang tại phi trường Nha Trang của thời gian những tháng đầu năm 1973 đang đón chúng tôi. Trước đó, tôi chưa một lần đến Nha Trang, nhưng bản nhạc Nha Trang Ngày Về không phải là bản nhạc xa lạ. Nhưng ngày tôi và các bạn cùng khóa đến Nha Trang là những ngày khác với bản nhạc rất nhiều. Những ngày này tôi quên cả bản nhạc lẫn lời ca. Quên tất cả

mọi việc và chỉ còn biết một việc cố gắng cùng anh em, ai tới đâu mình tới đó, để qua giai đoạn một tháng huấn luyện, ban đầu tưởng bở, sau mới biết „tưởng dzậy mà không phải dzậy“. Thật kinh...khủng!

Mộng ước đầu đời của thằng con trai vừa mười tám tuổi của tôi không phải là đời lính, áo trận giày sô, để đêm ngày nghe những bản nhạc Anh Tiên Tuyển Em Hậu Phương..., và càng không phải là những anh Không Quân hào hoa, hay Hải Quân với những đoàn tàu lướt sóng ra khơi làm rạng danh đức Trần Hưng Đạo. Tôi có giấc mộng bình thường, được học để sau này làm công chức. Vì chiến tranh nên như mọi bạn bè trang lứa tôi cũng phải xếp bút nghiên theo việc kiểm cung. Và đã đến trại Thủy Dương, Nha Trang, sau khi đã cùng anh em vác sac marin chạy bộ từ phi trường về quỳ gối trước tượng Đại Bàng của Trung tâm huấn luyện Không Quân, để nhận lệnh bắt đầu cho những ngày huấn luyện. Mãi cho đến bây giờ tôi vẫn không còn nhớ bạn nào đã đứng hai bên phải và trái của tôi trong những ngày huấn luyện ban đầu, chớ nói gì đứng trước và sau tôi.

Tiếng hò của các niên trưởng cán bộ đàn anh liên tục, hết niên trưởng này đến niên trưởng khác.... Các ông tà tà phải không? Các ông có biết tụi tôi đã đọi các ông bao lâu rồi không? Ai là... ra trình diện niên trưởng coi. Ông giết bạn bè ông ở trong Tân Sơn Nhất phải không. Bây giờ ông giết tụi tôi thử coi. Ai gần lon thiếu úy dắt dào đi dạo ở Sài Gòn. Ông nào tự giác coi. Đừng để tụi tôi lôi các ông ra. Lôi ra riêng là các ông tiêu đó các ông ơi.... Tôi dư biết những lời đó là những lời vừa nói thiệt lẫn nói chơi, nhưng lúc đó muốn cười cũng cười không nổi!

Và sau đó là cả khóa chỉ còn biết thi hành lệnh phạt. Ai bỏ riêng cứ bỏ. Ai „ma giáo“ bị các niên trưởng phát hiện phải „đi bay“ riêng cứ đi: chống tay trên dĩ sắt nóng,

lăng thùng phi trên cát nóng giữa trưa..., còn lại chung cả khóa là bò, là nhảy xổm, nhảy công lực, hít đất (chớ không phải nằm bẹp xuống đất) vài ba trăm cái là chuyện bình thường. Hết đợt này đến đợt khác, hết món này đến món khác mãi cho đến tận giờ...com mới được di chuyển đi bộ đến nhà bàn.

Ở bàn ăn, một điều tôi nhớ rất rõ là không thằng nào ăn nổi, dù là ăn chỉ một phần ba mâm cơm. Riêng tôi chỉ liếm láp vài ba hột cơm, rồi húp nước súp, trên cặp môi đã khô khốc. Cặp môi này vài ngày sau đó đã bị lở ra, vì thiếu nước. Bạn bè, nhìn thằng nào cũng thấy thảm thương, tôi cũng vậy. Tụi tôi chỉ chực kiếm nước uống. Nước lúc này là vàng là bạc. Nước lúc này quý cả hơn người yêu, quý hơn các bản hùng ca. Và bất kỳ nước gì, có cứ uống. Nước rửa chén, nước trong trong hồ tắm, nhà cầu. Nếu có là uống ngay, không còn biết nghĩ đến sạch dơ. Nhưng không, chúng tôi, sau ba bốn giờ „bị quàng“ giữa nắng chang chang giờ chỉ có uống được mỗi thằng ba nắp bi-đông nước, không hơn không kém, còn lại là húp nước mắm! Húp nước mắm lúc này không có việc tự nguyện hay không tự nguyện. Không có việc „em không thích nước ...mắm, em chỉ thích nước.. đá... lạnh thôi“. Mà là, một hai ba „dzô“ tất cả đều phải húp nước mắm dưới sự giám sát chặt chẽ của các niên trưởng cán bộ. Húp đều đều bằng muỗng như húp súp. Uống nước lạnh là các ông bị „i-náp“ hết đó các ông ơi! Uống nước mắm để giữ mồ hôi, để các ông không bị xỉu. Một tháng huấn nhục còn dài lắm!... Vừa uống các niên trưởng còn theo „chăm sóc“ như thế.

Đang lúc chết khát trong thời gian huấn nhục như vậy thỉnh thoảng tôi nhớ đến những ly nước đá chanh của những ngày còn nhỏ. Thế mới chết! Lúc khoảng 12 tuổi, cứ mỗi buổi sáng trong những ngày hè nghỉ học, tôi hay đạp xe đạp theo ông già đi

thăm khu vườn của ông cách nhà khoảng mười cây số. Đến nơi ông chăm sóc cây trái trong vườn, còn tôi chỉ chơi : bắt dế, cào cào, hái trái thù lù ăn. Đến trưa hai cha con mới đạp xe trở lại về nhà. Trời mùa hè ở miền Nam, trưa đứng bóng, đạp xe đi trên một đoạn đường mười cây số về đến nhà tôi cũng „ná thở“. Nhưng một ly nước đá chanh đã làm tôi tỉnh táo lại ngay. Chát ngọt của đường và chua của vitamin làm cơ thể của một thằng con nít sau những giờ đạp xe mệt, trở lại bình thường. Nhà là quán ăn, nếu khi về không gặp má tôi đang ở quán, chăm sóc tôi bằng một ly nước đá chanh, tôi tự động vào làm để uống tùy thích... Còn buổi trưa hôm nay, ở Nha Trang này, mệt hơn những ngày còn nhỏ đến hai ba chục lần, nhưng tôi chỉ có được „3 chun“ nước lạnh! Cái khát như cầu vào cổ.

Cơm nước xong, về phòng nghỉ chút ít cho tiêu cơm, xong lại phải tập hợp ra trở lại ngoài sân để được tiếp tục... huấn nhục! Hai bạn cùng khóa Tran Tue va Nguyen Van Hop chết trong thời gian huấn nhục tôi cũng chỉ nghe, chớ cũng chưa bao giờ biết mặt hai bạn. Riêng việc uống nước tiểu thì tôi biết một trăm phần trăm vì anh bạn nằm cạnh tôi trong đêm đã uống, tôi thấy và bạn cũng đã kể việc này, trong ngày hôm sau khi tôi hỏi. Bạn nói tại vì khát nước quá, tiểu ra hứng ở bi-đông rồi uống đại, nhưng cũng chẳng đã khát! Và có những chuyện khác tôi cũng biết như trong những ngày huấn nhục, đang ngồi, nằm đứng gì đó trong phòng (ngoại trừ giờ đêm đi ngủ), hề có một cán bộ nào vừa để chân lên thềm xi-măng của phòng là bạn ở đầu phòng phải hô „vào hàng, phất“. Hô không kịp cũng bị phạt cả phòng. Ai không kịp đứng dậy cũng bị phạt. Ai cố tình chống đối còn bị phạt dữ hơn. Có các niên trưởng cán bộ còn chơi ác, cứ để chân lên rồi rút xuống, cứ thập thò, vô không hấn vô, ở ngoài không hấn ở ngoài, làm thằng bạn ngồi đầu

cửa phòng cũng mệt cầm canh.

Sau giờ đi ngủ tất cả đều phải nằm xuống. Đèn tắt. Các cán bộ đi tuần đi rình bên ngoài. Ai lom khom ngồi dậy, tìm kẹo, tìm nước (đã giấu giếm được trong ngày) để ăn để uống mà cán bộ bắt gặp là hôm sau phải đi bay riêng. Cũng có khi đi bay ngay trong đêm, nếu „tội trạng“ xét ra thấy nghiêm trọng.

Hình như trong những ngày huấn nhục mỗi tuần chúng tôi được tắm một lần. Tắm theo 30 (hay là hơn?) tiếng đếm từ 1 đến 30 của cán bộ. 1 là bắt đầu cởi áo quần ra chạy ra chỗ tắm, và 30 là đã mặc quần áo xong (sau khi tắm!) đứng xếp hàng ngay ngắn trong phòng. Các bạn sao thì tôi không biết, riêng tôi, lúc đi tắm, chuyện uống nước là quan trọng, chớ không phải chuyện tắm, dù mình mấy sau một tuần đã quá bốc mùi.

Trong thời gian huấn nhục, tuần đầu là tuần khổ nhất, xiú nhiều nhất, và có cả cái chết như tôi vừa kể ở trên, nhưng đến tuần thứ hai là chúng tôi đều biết „ma giáo“, hoặc các niên trưởng cán bộ giả làm ngơ để tụi tôi ma giáo. Tự giác, thành thực là chỉ có chết! Nhất là những bạn làm trưởng toán, các bạn „thông minh“ không thể ngờ. Cán bộ ra lệnh một trăm cái nhảy xôm. Ban đầu bạn đếm còn ra ngô ra khoai 1, 2, 3, chừng vài phút sau thấy niên trưởng cán bộ „lơ là“ là thay vì thứ tự đến 21, 22 bạn đếm ngay 31, 32, như vậy đã ăn gian được mười cái nhảy xôm. Nếu niên trưởng cứ mãi lơ là thì bạn tôi cứ „lo“ đếm lộn. Nếu bạn nào hại bạn (thành thật quá không chịu đếm lộn) thì anh em trong hàng xì xào lên ngay. Lên tuần thứ 3 thứ 4 của một tháng huấn nhục tụi tôi ăn gian (đếm số lộn) là chuyện thường.

Hoặc nếu thấy các cán bộ không nhìn về chỗ mình thì tụi tôi cứ nhún lên nhún xuống, chớ không ai ngu, thành thực nhảy đúng thể một trăm cái nhảy xôm hay công lực. Sau vài ba ngày huấn nhục, cả cặp đôi đều mỗi như, có muốn nhảy đúng thể cũng

không ai còn nhảy nổi, nhất là phải đội sacma-ren trên đầu mà nhảy. Ngoại trừ muốn nhảy đúng thể xong rồi xiú...để được khiêng vào bệnh xá.

Ăn gian thứ hai là các bạn bè với nhau từ hồi còn ở ngoài đời, bây giờ dù làm cán bộ trực tiếp coi huấn nhục hay không vẫn tìm cách gián tiếp giúp bạn mình. Ban đêm nhét kẹo chua vào những khe hở của Barrack để tiếp tế cho bạn thêm sinh lực. Dẫn riêng bạn đi để cho bạn uống một miếng nước...cam. Dù sao bạn học từ ngoài đời thì trong cơn hoạn nạn không thể không giúp nhau. Vì ai cũng đã từng biết qua cảnh huấn nhục.

Đến tuần thứ ba, thứ tư chúng tôi được những giờ sinh hoạt trong phòng. Ai nhảy đầm được thì ra nhảy giúp vui cho bạn, ca được thì ca, kể chuyện làm trò cười được thì cứ kể cứ làm... Tất cả là vì các niên trưởng cán bộ muốn để chúng tôi nghỉ ngơi sau một hai tuần bị hành xác tụi đa. Hình như trong thời gian huấn nhục khoá chúng tôi được một lần đi tắm biển.

Đêm trước ngày gấn Alfa làm sinh viên sĩ quan chúng tôi phải „đi bay“ suốt đêm ở... dưới giao thông hào, rãnh nước, để chờ ngày mai trời lại sáng, quả là đêm dài...vô tận! Bị bõm lội dưới giao thông hào đầy sìn nước, bên trên cán bộ đàn anh lại còn la hét. Các ông bỏ không nổi nữa phải không? Các ông có muốn ngày mai gấn Alfa không? Các ông có muốn ngày mai đi phép không? Ông nào không muốn thì lên đây. Đây là cơ hội cuối cùng cho các ông. Các ông có thấy chán KQ chưa. Các ông có muốn ra khỏi KQ không. Chỉ còn vài giờ nữa thôi. Các ông hãy nhanh lên! Mặc các niên trưởng „du dỗ“, ai mà dám lên trong lúc „dầu sôi lửa bỏng“ đó. Mà đúng thật, chỉ sau đó vài giờ, khi „ánh bình minh vừa ló dạng“ là thời gian huấn nhục chấm dứt, cũng là lúc không còn thấy bóng một niên trưởng nào ló...mặt để lo cho đàn em nữa.

Không như buổi chiếu tối hôm trước, lúc còn trong các Thuyền Dương, trước mỗi tân khóa sinh đều có một cây đèn cầy đã được đốt lên. Mỗi khóa sinh đều giữ gìn cây đèn mình, che khư khư chỉ vì sợ gió làm tắt, vậy mà các niên trưởng vẫn đâu có để yên. Các ông có muốn tôi thổi tắt đèn của mấy ông...không? Tắt đèn là cuộc đời mấy ông sẽ tắt theo đó mấy...ông .. ời! Vậy mà sáng nay không niên trưởng nào dám ở lại để thổi tắt mặt trời, chỉ còn biết trốn về Barrack để ngủ bị cho một đêm thức trắng vì „bận lo“ cho đàn...em. Và chúng tôi đã trở thành sinh viên sĩ quan từ độ ấy.

Thời chúng tôi vào lính là thời cuối cuộc chiến. Thời cuộc đã nhốn nháo. Viện trợ cúp. Thiếu thốn đủ điều. Chính phủ, Bộ TTM, các quân binh chủng đều tập trung lo chống trả với địch quân ở các chiến trường, chớ đâu có phải như thời gian trước, còn yên bình, còn dồi dào viện trợ để lo cho các tân khóa sinh, lính mới, các quân trưởng. Chúng tôi đành cam chịu sự thiếu thốn nhưng vẫn làm tròn lời hứa với QLVNCH. Tổ Quốc Danh Dự Trách Nhiệm, Tổ Quốc Không Gian vẫn khắc ghi.

Cho đến ngày cuối cuộc chiến, chính một bạn trong Liên Đoàn SVSQ đã bắn cháy một chiếc xe T54 và đổi lại là bạn Trinh Van Ta, trong khóa tôi, đã tử thương ở giờ thứ 25, vì bị đạn từ chiếc xe tăng này bắn trả lại tại cổng quân trường Bộ Binh Thủ Đức, sáng ngày 30 tháng 4, 75, khi xe tăng chạy vào cổng quân trường.

Chúng tôi vào lính là những SVSQ Không Quân, nhưng trở trêu thay, ngày Quân lực VNCH tan hàng, 30 tháng 4, 75, đại đa số chúng tôi lại là những sinh viên sĩ quan „trần thủ lưu đồn“ ở trường Bộ Binh Thủ Đức (cũng có các bạn cùng khóa đã học bay xong và đang phục vụ ở các phi đoàn), nằm ở cửa ngõ vô Sài Gòn „để cản“ những chiếc xe T54 đang ồ ạt tấn công vào thành phố ở mạn đông này. Chúng tôi vẫn

ghì tay súng và chỉ bỏ súng rời trường Thủ Đức sau khi tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, các sĩ quan cán bộ cho lệnh giải tán. Tan hàng, chia tay với lòng thanh thản, nhưng buồn. Buồn cho vận nước và buồn cho sự kết cuộc của một cuộc chiến.

Buổi sáng hôm đó, khi tôi ra khỏi trường Thủ Đức với Hào bằng con đường mòn nhỏ bên hông trường, mặt hướng về Sài Gòn, vừa đến chỗ ra đã có những anh bộ đội cộng sản người Bắc hùng hổ chạy tới, tay chia súng Aka, vai quấn vải đỏ, bộ tịch dữ dằn, tra hỏi lung tung, thái độ của kẻ chiến thắng. Giờ, sau ba mươi mấy năm, mình chạy trước họ chạy sau (vượt biên, vượt biển ra khỏi nước, đi lao động, du lịch, hay bằng cách này hay cách khác để rời VN), cuối cùng mục tiêu rồi cũng tìm cách đến với Mỹ, Tây Âu. Bây giờ đại đa số cán binh, cán bộ cộng sản soi lại tâm mình lòng mình, hầu hết đều nói, cuộc chiến vừa qua, không có ai thắng ai thua, chỉ có một người thua là dân tộc VN. Câu nói quả cũng đáng suy nghĩ. Còn Hào, chiều ngày 1 tháng 5, 1975, hai đứa chia tay tại Bà Rịa đến nay tôi vẫn chưa gặp lại.

Ngày nào trẻ trung, mười tám hai mươi, cùng chịu cực khổ trong quân trường, cùng chịu đựng những lần “hành xác” trong bốn tuần huấn nhục ở Trung Tâm Huấn Luyện Nha Trang, cùng đi học quân sự, cùng ngồi trong những phòng có máy lạnh để nghe, học tiếng Anh, cùng làm svsq Không Quân của thời chiến tranh Quốc-Cộng, thời của những nỗi buồn át hẳn những niềm vui, vậy mà nay, thỉnh thoảng khi gặp lại những bạn lính ngày nào thấy ai cũng tươi cười. Nhìn các bạn tôi cảm được sự lạc quan yêu đời trên từng gương mặt, ánh mắt.

## **Vũ Nam**

1) Tựa một truyện dài của nhà văn Phan Nhật Nam

## VỊNH BỨC DƯ ĐỒ RÁCH

Nợ bức dư đồ thử đứng coi  
Sông sông núi núi khéo bia cười  
Biết bao lúc trước công vòn vẽ  
Sao đến bây giờ rách tả toi  
Ấy trước ông cha mua để lại  
Mà sau con cháu lấy làm chơi  
Thôi thôi chớ trách chi đàn trẻ  
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi

### Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu

(Hà Nội 1927)

## CẢNH QUÊ

Mở lá thư nhà ngao ngán coi  
Cảnh quê chua xót, tất môi cười  
Lang thang ngõ tối đôi chân cụt  
Lặn lội xóm nghèo manh áo toi  
Tửu điểm tràn đầy loài bóc lột  
Hành cung huyền não giống ăn chơi  
Dòng thơ quần quại lời than thở  
Đất nước ai lo chuyện dưỡng bồi

### Nguyễn Thị Ngọc Dung

Họa vận  
(Virginia, 07/16/08)

## CƠ ĐỒ ĐỒ NÁT

Cộng Sản tham tàn mở mắt coi:  
Quốc gia lãnh thổ há trò cười?!  
Hiền nhân thưở trước xây hoành tráng;  
Ác đảng ngày rày đập rách toi!  
Tổ quốc kinh qua trang huyết sử;  
Giang san suy cập món đồ chơi!  
Gia tài đồ nát bi thương quá:  
Tan tác nào ai kẻ đắp bồi?!

### Hồ Công Tâm

Texas, May 22nd 2013

## TANG THƯƠNG CỔ QUẬN

Hướng về quê cũ ngó mà coi  
Hạnh phúc ngẫm ra thấy tức cười  
Cán ngổ vênh vang choàng gấm vóc,  
Khu đen tối cực khoác mông toi!  
Tự do: tuồng giễu luôn kèm chế,  
Độc lập: trò đùa cứ quẳng chơi!  
Xơ mướp dư đồ tan tác mãi  
Ước mong lớp trẻ gắng vun bồi.

### Tâm Minh

(Virginia, 6-2013) Họa vận

# ĐƯỜNG VÀO WEST POINT

## Điểm Châu (Cát Đơn Sa)

Mấy hôm nay, tôi lo sửa soạn để chuẩn bị khăn gói đi về miền Đông Hoa Kỳ, là nơi tuy đất trời đã bước qua tháng ba, mà tuyết vẫn còn rơi, không ấm áp như miền Nam California. Lý do của chuyến đi là để thăm trường quân sự West Point, nơi mà cháu ngoại Nguyễn của tôi đang thụ huấn tại đó đã gần một năm nay.

Nói về trường này, tôi cũng xin giới thiệu một chút với độc giả của báo: đó là một trường quân sự nổi tiếng của Hoa Kỳ, mà tại Miền Nam Việt Nam trước năm 1975 có trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt nơi theo cung cách tương tự. Vào học được ở đây hơi khó, vì phải có người sĩ quan chức tước giới thiệu, bản thân người xin thụ huấn phải có khả năng, học lực, hạnh kiểm, sức khoẻ v v

Trường Sĩ Quan Lục quân Mỹ (The United States Military Academy at West Point), thường được gọi là trường West Point, là trường quân sự đầu tiên của Mỹ, nằm ở West Point, tiểu bang New York (bên cạnh bờ sông Hudson), cách thành phố New York khoảng 80 km. West Point có diện tích 16.000 mẫu Anh. Phương châm của West Point là "Trách nhiệm, Danh dự, Tổ quốc", ngôi trường này lâu đời nhất trong lịch sử Mỹ.

West Point được thành lập năm 1802, hiện nay mỗi năm West Point tuyển sinh hơn 1300 sinh viên, nhưng chỉ khoảng 1000 người có khả năng tốt nghiệp. West Point

quy định, năm thứ nhất sẽ phải đào thải 10% học viên. Những học viên có khả năng tốt nghiệp West Point đều là những người có thể thực hiện nhiệm vụ quan trọng trong những điều kiện hết sức gian khổ. Là "người lính văn võ toàn tài".

Trường West Point có một câu nói nổi tiếng: "Hãy đưa cho tôi bất kỳ một người nào, chỉ cần không có bệnh tâm thần, tôi đều có thể đào tạo anh ta thành một người ưu tú". Người lính của trường West Point hoàn toàn không phải là một người "tử chi phát triển, trí óc giản đơn".

Đương nhiên, để phát triển toàn diện, trường West Point cũng tạo không ít điều kiện tốt cho học viên, bên cạnh giường mỗi học viên đều được trang bị một máy tính. Đại học West Point là trường có mức độ truy cập mạng cao nhất trong các trường Đại học của Mỹ.

"Đừng hỏi đất nước đã làm gì cho bạn, hãy tự hỏi mình đã làm gì cho đất nước". Mỗi học viên West Point đều thuộc lòng câu nói nổi tiếng này của cố Tổng Thống J. F. Kennedy.

Quân trang màu xám của trường West Point có từ năm 1816 theo kiểu Pháp vẫn không thay đổi. Viên xám trên quần dài màu rất đậm thẳng xuống tới chân, những hàng khuy đồng bóng lờng trên áo. Trường West Point đã đào tạo nên hai vị Tổng thống nước Mỹ là Grant và Eisenhower, cùng nhiều vị danh tướng, điển hình như Patton, MacArthur. Những người tốt nghiệp từ trường West Point không chỉ là những tướng tài, mà nhân tài



cũng rất nhiều. Sau Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Hai, trong 500 công ty lớn trên thế giới, các chủ tịch hội đồng quản trị có nguồn gốc xuất thân từ trường West Point lên đến hơn 1.000 người, nhân tài quản lý cao cấp có trên 5.000 người. Sau lễ tốt nghiệp, hầu hết các học viên tốt nghiệp West Point sẽ đeo một chiếc nhẫn kỷ niệm có khắc năm tốt nghiệp của họ, với tư cách là Thiếu úy Lục quân, đến phục vụ trong lực lượng của quân Mỹ đồn trú tại nơi xa.

Cuối cùng thì cháu Nguyễn cũng được nhận vào trường, cùng khóa có khoảng tám tân khóa sinh Việt Nam khác, mà sau này tôi chỉ được gặp một cháu trong buổi dạ tiệc, vì phòng tiệc rộng, không thể nào thấy hết nổi. Trong những Sinh Viên Á Châu theo học, nhiều nhất là gốc Đại Hàn và Trung Quốc.

Lúc đầu trong họ hàng thân hữu nghe tin, ai cũng mừng cho cháu. Tôi cũng vậy, cứ tưởng vào được trường là yên tâm mà ăn học bốn năm cho thành tài. Không ai nghĩ là còn phải qua những đợt thanh lọc khó khăn, trường lại sa thải một số sinh viên. Lời cháu Nguyễn kể lại:

“Có nhiều đứa còn nhỏ tuổi hay yếu đuối, con nhà giàu quen sung sướng. Tại nó không chịu nổi bài học huấn luyện quân sự, trường vừa loại mấy trăm người!”

Nghe cháu nói tôi cũng lo lo. Cầu cho cháu Nguyễn có thể lực tốt, vượt qua được chặng đường 3 năm khó khăn sắp tới.

Tháng ba là tháng đầu tiên sau gần một năm theo học, trường mới cho gia đình các tân sinh viên vào thăm, giới thiệu phòng ốc của trường... vì thế hai mẹ con tôi lên đường. Đi “đông” cho khỏi lẻ loi, và cho thẳng cháu nó vui.

“Bà ngoại và di nhớ mang theo những áo quần đơn giản cũng như quần áo đẹp, sang để mặc trong dạ tiệc...”

Email của cháu viết vậy! Y phục đơn giản thì dễ, nhưng đồ sang trọng thì phải suy nghĩ. Mình có máu “nghệ sĩ”, hình như càng ngày tôi càng ít để ý tới vụ kiểu cạo thời trang như xưa. Mấy dòng chữ trong email lại khiến tôi lưu tâm hơn một chút. Đi xa mà lại chỉ kéo theo cái va-li nhỏ, thì đựng được mấy thứ? Nhưng rồi cũng yên thôi, vì mấy chuyện này đối với tôi quá đơn giản, nhằm nhò gì! Tôi lấy đồ cũ ra mặc cũng Ok, may mà chưa đem cho vì còn tiếc!

Máy bay rời phi đạo khi trời mới hừng đông. Bay một mạch từ Tây sang Đông không nghĩ. Chỉ có bốn tiếng đồng hồ thôi nên cũng nhanh. Theo thông báo của Yahoo, thì thời tiết New York những ngày tôi đến đây sẽ có mưa và tuyết chào đón, mưa lai rai mà tuyết thì mỏng mỏng thôi, khoảng một tới ba inches, như vậy thì đẹp quá rồi. Tôi còn tính mang theo cây dù, nhưng va-li đã quá nặng với sức của tôi, nên thôi! Nặng bởi vì phải đem theo cái laptop mà làm việc, nào máy nào giấy nhợ rồi cả con chuột nữa! Khi máy bay vừa đáp xuống phi trường, thì trời bắt đầu có tuyết lất phất bay, tôi đứng ngoài đường khi băng qua con lộ để vào khu đón “Airtrain” đi vòng vòng cho biết hệ thống sân bay tại New York, trong lúc chờ con gái tôi đến từ một hãng máy bay khác, sau tôi sáu tiếng! Nhờ vậy tôi mới được hứng những hạt mưa tuyết bay lất phất vào đầu cảm thấy khoan khoái. Mặc dù gió ào ào và những luồng gió lạnh thốc vào người nhưng tôi vẫn có một cảm giác thích thú không tả được, có lẽ cũng gần hai năm chưa hứng tuyết!

Phi trường JFK rất rộng, Airtrain là chiếc giống như “tàu điện” chở khách đi một vòng

trong phi trường miễn phí, có tám trạm đề số từ 1 tới số 8 là vào các “terminal”, còn vài trạm tiếp nối với những hãng bus hay “subway” của thành phố New York. Muốn thoát ra khỏi phi trường hay trở vào để đi bằng “Airtrain”, thì phải trả 5 đô la mỗi lần cho mỗi người ra hay vào.

Coi Internet thấy nói tuyết hơi mỏng thôi, ai ngờ khi chúng tôi ra khỏi chỗ mượn xe lúc nửa đêm thì tuyết đang đổ ào ào! Cũng may là nơi mượn xe đề nghị đổi chiếc xe “4Runner” cộng thêm máy GPS là chúng tôi Ok ngay. May nhờ chiếc xe này mà không bị trượt bánh khi lái trên vài đoạn đường có đông đá rất nguy hiểm! Từ phi trường, chúng tôi phải đi khoảng gần hai tiếng mới đến khách sạn mượn gần quân trường, vì trên xa lộ tuyết rơi dày đặc khó thấy đường mà chạy, những xe khác cũng không ai dám chạy nhanh! Nhìn quanh, bây giờ mới để ý thấy một rừng cây hai bên đường toàn màu trắng, trắng trời trắng đất! Rồi cũng đến khách sạn, chúng tôi phải lội tuyết mà vào vì nửa khuya chưa có xe xúc tuyết!

Sáng hôm sau thức dậy trễ, nhìn ra ngoài trời giạt mình khi thấy chiếc xe nào cũng một ụ màu trắng! Tuyết đã cao hơn 12 inches! Đã đi trễ cho buổi họp mặt “Plebe Parent Weekend 2013” đầu tiên, mà còn phải chờ con gái tôi cạo tuyết trên trần và kiếng xe nên chậm thêm nửa tiếng. Vào trường chắc là khó kiếm chỗ đậu xe! Thật vậy, lúc trên đường đi, dù có GPS chỉ cũng vẫn lạc vài chỗ... cuối cùng thì sau khi chạy vòng vo tìm khá lâu, chúng tôi cũng kiếm ra một chỗ đậu khá xa, đi bộ lên và xuống dốc trên nước đá và tuyết đang đổ, để đến một hội trường trong làn gió và khí hậu lạnh buốt, hôm đó 34 độ F!

Vậy nên tôi có kinh nghiệm để nhắc nhở cho những ai, nhất là quý bà cao niên mà đến New York vào mùa Đông cần lưu ý những điều sau đây:

- Ăn mặc những loại quần áo dễ di chuyển, nhất là mùa Đông phải mặc thật ấm nhưng chọn loại vải nhẹ, nhớ đem theo khăn quàng đầu hay mũ nỉ che tai và găng tay, vì những khi trời lạnh mà còn có gió như hai ngày chúng tôi sinh hoạt ở quân trường, thì mới chịu nổi.

- Nên mang giày đế thấp loại da không thấm nước để đi bộ, nếu không trời tuyết hay mưa sẽ ướt hết chân! Vì New York rất khó kiếm chỗ đậu xe, khi đậu được thì không ai muốn dời chỗ đậu trong khi đi thăm viếng những nơi gần đó, nên thường phải đi bộ xa. Nếu cần mang giày cao thì xách theo cái túi, khi vào đến nơi hãy đổi giày!

Sau khi nghe thuyết giảng về ngôi trường, chúng tôi đi thăm nơi tân khóa sinh sinh sống: một phòng ba người ở chung, có đầy đủ tiện nghi không khác ở nhà. Sau khi có khóa mới vào, thì được đổi qua 2 người 1 phòng. Sau đó chúng tôi được cháu Nguyễn hướng dẫn vào Van Fleet Auditorium xem các sinh viên trình diễn thời trang 8 loại quần áo đồng phục của họ dùng trong trường, cùng với sự diễn thuyết của 2 sĩ quan khá duyên dáng. Có vài sinh viên khi trình diễn, cũng làm điệu bộ như “Model” thú thật, gây cho khán giả những nụ cười vui vẻ.

Tiếp theo, chúng tôi đi coi những tân khóa sinh trình diễn những luyện tập quân sự trong một hội trường rộng, cũng giống như xem “Olympic”, những sinh viên này đã thật xuất sắc trong những màn nhào lộn, leo giây, chạy trên “cầu khỉ”... thật khó tưởng tượng là nhờ luyện tập, mà họ có

thể hành động nhanh như trong phim ảnh, cho nên tôi lại liên tưởng đến ngành phim ảnh ngày nay quá hay, nhiều tài tử cố gắng luyện võ công để đóng phim điệp viên như chúng ta thường thấy, có lẽ cũng phải có tài nghệ thật, chứ không hoàn toàn dựa vào máy móc quay phim ráp nối hiện đại cho hay hơn. Một building khác thì có nhiều phòng để khóa sinh tập đánh tennis, boxing, hay leo núi...

Có nhiều chương trình dành cho gia đình, nhưng ngày thứ nhất chúng tôi chỉ đủ giờ tham dự 4 nơi, tôi đã quá mệt mỏi vì đi bộ nhiều dưới trời rét buốt và tuyết, mệt vì đi xa, vì mới bắt đầu uống trụ sinh trong 1 tuần lễ cho bệnh ho!

Ngày hôm sau, đến quân trường sớm hơn, nên kiếm được chỗ đậu xe dễ dàng. Chúng tôi vào coi thư viện của trường rất tối tân, mới và sang trọng. Lên lầu ba, tôi tình cờ vớ được một quyển magazine có tên Việt Nam, nói về chiến tranh ở Việt Nam, do người Mỹ chủ trương, thấy đề xuất bản cũng đã lâu, đến nay vẫn còn tiếp tục đều đặn. Gần trưa, các tân sinh viên diễn hành ngắn nắp trước Washington Hall, tuy trời lúc này nắng trong và đẹp, nhưng gió vẫn hơi mạnh làm cho ai nấy đều co ro! Những bộ đồng phục màu xám tro đậm có những nút đồng màu vàng trên áo tôn bộ đồng phục sinh viên thật sáng đẹp, những bước chân đưa lên xuống nhịp nhàng theo nhạc quân hành, những cánh tay trai trẻ bồng súng rắn chắc... gọi lên khí thế hùng dũng.

Tan diễn hành cho đến quá trưa thì bớt gió, trời ấm hơn, khoảng 50 độ. Chúng tôi vào ăn trưa trong Cafeteria Grand Hall của trường khá rộng, cũng có nhiều món như một nhà hàng ngoài phố, nhưng tiện nghi hơn vì có bán thêm vô số món ăn làm sẵn

trên kệ tiện lợi cho sinh viên, mà chỗ khác thì không chắc có. Ăn xong, chúng tôi dành thời gian này đi vòng vòng coi phong cảnh, dòng sông Hudson quanh co bao bọc khung thành trường, chụp được vài tấm ảnh đẹp. Đa số khung cảnh nói chung có vẻ xưa, cổ kính như những tu viện dùng gam màu xám ta thường thấy trên thế giới.

Buổi chiều chúng tôi sẵn sàng cho phần dạ tiệc tiếp tân chính bắt đầu lúc 6:45. Dân Mỹ thì thường rất đúng giờ. Chung quanh chúng tôi, khi mà bóng dáng các bà các cô xuất hiện thì không khí đã khá vui, náo nhiệt hẳn lên, nhờ những chiếc áo dạ hội dài kín đáo phủ kín chân của quý bà, hoặc hở ngực, lưng, đùi của các cô gái trẻ đẹp lộng lẫy, lấp lánh, hấp dẫn...

Sau phần nghi thức, cầu nguyện, mọi người được nhà trường mời thưởng thức món ăn chính là thịt bò "steak" với bánh mì, rau trộn, khoai tây, broccoli, rượu đỏ. Thịt nướng ngon mềm nửa chín nửa sống vừa miệng, món bánh kem chocolate thơm nồng kết thúc buổi ăn tối náo nhiệt. Quan khách được tặng mỗi người một cái ly uống rượu của mình ngay trên bàn ăn có khắc huy hiệu trường. Sau đó, đi bộ đến Eisenhower Hall để tham dự đêm nhạc và chụp ảnh kỷ niệm với gia đình. Chúng tôi bỏ qua mục này vì hai nơi tổ chức khá xa nhau, lại phải cuốc bộ trong trời đêm giá lạnh với áo dạ hội, giày cao gót thì khá rắc rối. Đi xe lại càng rắc rối hơn vì sẽ không kiếm ra chỗ đậu đường kia.

Sáng hôm sau, tất cả sinh viên sẽ bắt buộc phải rời trường rất sớm, trước 6:30 cho nam và 8:30 cho nữ. Các phụ huynh đa số mượn hotel chỗ tôi đang ở, cách trường 20 phút lái xe lại phải khổ sở dậy sớm thêm 1 lần nữa để đón con cháu.

Tôi may mắn ngồi dự tiệc kế bên một nữ sinh viên quen sơ với cháu Nguyễn, có cha mẹ cũng ở gần nơi hotel của tôi đang cư ngụ, muốn ra khỏi trường sớm, nên tôi nhờ họ chờ cháu mình về luôn khách sạn của họ, rồi mình qua đón. Mở lời hỏi thì thấy hơi kỳ... nhưng kệ, cho đỡ cực! lại ngủ thêm được gần một tiếng.

### Thăm New York

Lái xe về lại thành phố New York, trả xe mượn xong, chúng tôi dùng “subway” để ra ngoài đến chỗ khách sạn. Ở đoạn này, tôi muốn nhắc nhở với mọi người ít đi du lịch còn bờ ngõ, nếu đến thành phố New York (NYC) nên chọn hệ thống xe điện ngầm, đỡ tốn tiền khi đi lại bằng “hệ thống tàu điện subway”. Tất cả vé đều có bán trong máy. Muốn mua một tuần hay vài ngày, hay cả tháng đều có giá cả khác nhau, và dĩ nhiên rẻ và khỏi mất công hơn là mua từng lần. Vé mua cho mỗi lần lên tàu là \$2.75, mà có khi đi một chuyến chưa đến, phải tiếp tục vài chuyến, nếu không biết đi lộn ra ngoài, vì Metro có nhiều đường lên xuống, thay đổi tuyến đường thì phải mua vé vào lại. Tôi mua 3 tấm vé đi một tuần ở người đứng bán vé bên ngoài, cũng mặc đồng phục.

Người bán vé nói:

“Tất cả 120 đô”

“Bộ tính thuế hả?”

“Không, giá cho 4 tấm vé”

“Tôi mua 3 tấm ông nói 1 tấm là 30 đô mà?”

Khuôn mặt hần nghếch ra, hồng biết thiệt hay giả:

“Ồ, lộn... 90 đô”

New York có nhiều điều mình nên cẩn thận để được đúng như ý mình. Dân số ở

đây đông, nhiều người dễ thương và đa số thì không ai để ý đến ai!

Lần này, dù đang bận công việc, nhưng khi cùng con gái và cháu lang thang đi coi những thắng cảnh ở New York, trong vài ngày chờ bay về California cho kỳ nghỉ “Spring Break” của cháu thì cũng lý thú, để gì mẹ con bà cháu có được vài ngày rảnh để ở cùng nhau... cũng là thời gian đáng nhớ.



*Cát Đơn Sa, cháu Nguyễn và  
Dì cháu Nguyễn*

Tại thành phố New York, người ta hay dùng taxi làm phương tiện. Đi xe bus hay “subway” cũng tiện lợi, đa số dùng phương tiện này nhưng phải biết đường hướng tàu điện chạy, và có sức khoẻ để leo còn lên leo xuống cầu thang máy chỗ vào “subway”.

Nói chung, giá cả sinh hoạt ở đây rất đắt đỏ, nhất là dịch vụ khách sạn và nhà hàng. Khách sạn ở New York thường là trên 2 trăm đô la một đêm. Ít có nơi nào dưới 150. Trước khi đi du lịch, bạn nên coi trước trên internet để có sự chọn lựa tiện nghi cho mình rồi đặt trước, đỡ mất công hơn.

Lấy phòng xong thì đã hơn bốn giờ chiều. Mấy hôm nay tôi đã chán ăn đồ Mỹ, nên điểm đầu tiên chúng tôi đi thăm là phố Tàu. Dù biết

mình đang sợ đồ ăn Trung Quốc, nhưng ai nấy cũng háng hái để đi ăn “đim sấm”, và tôi muốn tìm mua cái mũ len che đầu. Xuống “subway” ở trạm Canal Street Station, theo ý của con gái tôi, thì cô chỉ thích đi ăn những nhà hàng nổi tiếng và ngon, vì cô quan niệm rằng khi đi chơi, cô muốn “enjoy”, nếu chọn nhà hàng thường, thì đâu đâu cũng có, không cần phải đến nơi đó...

Tôi thấy ý nghĩ này cũng có lý. Cô đã tìm được trên internet một tiệm ăn ở phố Tàu được đánh giá là ngon nhất. Quả thật, hôm đó không biết vì đói hay sao, mà tôi ăn món nào cũng thấy ngon.

Ăn uống xong cũng gần sáu giờ chiều, chúng tôi đi dạo phố Tàu, bên ngoài đường chính gần trạm xe điện, nhiều sạp trái cây, hoa quả, rau đã bày ra đường. Sạp nào sạp nấy trái cây, thức ăn tươi rói.

Những quả sầu riêng nhỏ trái khoảng 2 - 3 lbs màu xanh rêu, những trái măng cụt, ổi xá lị, thanh long... tôi thích nhất là sạp kia có bán hạt dẻ, những hạt dẻ lớn hơn ngón chân cái, có cả hạt dẻ đã luộc chín được lột vỏ sẵn rất hấp dẫn, bán 5 đô một pound, nhưng vì mới ăn xong còn quá no, tôi chưa mua. Chắc phải trở lại nếu có giờ. Về đến phòng nằm lên giường thấy thoải mái, căn phòng mới, sạch sẽ, có hai giường lớn. Ở đây phục vụ ăn sáng, lại rất gần trạm xe điện, thật tiện lợi.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi xem phố Ý. Vào ăn trưa ở tiệm Joe's Pizza, là một tiệm ăn ngon ở NYC, có nhiều người nổi tiếng đến mua, dù căn tiệm nhỏ thôi, không có bàn ngồi, nhưng hình ảnh treo quảng cáo cho thấy những minh tinh tài tử ra vào không thiếu.

Thăm phố Ý xong, chúng tôi đi viếng Memorial tour (Ground zero), nơi Twin

Towers của World Trade Center bị tiêu hủy vì máy bay khủng bố ngày 9/11 năm 2001. Trước tiên là phải lấy vé ở gần nơi đó. Vé ở đây không bán, mà là do lòng hảo tâm của mình muốn tặng bao nhiêu, thấp nhất là 5 đô trở lên, bỏ tiền vào cái hộp hay dùng “credit card” cũng được. Khi có vé trong tay, đoàn người sắp hàng rồng rắn khá dài, phải cởi bỏ áo lạnh, nón mũ, máy móc đi qua máy rà kiểm soát như trong phi trường. Vào đến bên trong khu vực Ground Zero, chúng tôi thấy có hai hồ nước lớn, một cái North, một cái South, ghi trên thành hồ tên những nhân viên cứu hỏa và người liên hệ đến toà nhà bị tử nạn, kể cả tên sáu người tử nạn năm 1993, khi nơi này từng bị phá hoại trước đó.

Rời Ground Zero, chúng tôi lại xuống “subway” để đi ngắm cảnh cầu Brooklyn được xây dựng từ năm 1883, là một cây cầu lâu đời nhất nước Mỹ, nối liền hai thành phố New York và Brooklyn với nhau. Từ bên này, chúng tôi đi bộ qua cầu để vào thành phố New York ăn tối, cầu dài khoảng một mile. Các vị cao niên có thể đi được vì không cần đi nhanh, vài đoạn lại có băng ghế cho thiên hạ ngồi nghỉ nếu muốn. Gió trên cầu thổi lồng lộng. Đến giữa cầu, tôi nhìn về phía tay trái có đảo tượng Nữ Thần Tự Do, Upper New York Bay thuộc New Jersey. Bức tượng màu xanh mờ mờ hiện ra dưới màn sương huyền ảo, trông rất thi vị. Tôi cố gắng chụp hình nhưng vì ngược ánh sáng, nên chỉ nhìn thấy bằng mắt chứ không ghi hình được. Du khách đến nơi này thật đông, dòng người đi rợp cầu, kể qua người lại. Tôi thấy người Trung Quốc rất đông, có lẽ đây là nơi nổi tiếng bên Mỹ cũng như thành phố Las Vegas, cầu Golden Gate... mà nhiều người Á Châu ao ước được nhìn tận mắt một lần.

Trời đã về chiều, chúng tôi đến địa điểm ăn tối tại một tiệm mà con tôi đã tìm sẵn. Trên con phố đi qua có nhiều căn bán đồ ăn, bánh trái bày sẵn, nhất là những quầy sushi hấp dẫn, mời gọi... cho nên tối hôm đó tôi thấy nhà hàng này không ngon chút nào. Kêu bầy đĩa mà món nào cũng chút xíu như món ăn cung đình Huế ngày xưa, mỗi người chỉ gắp 1 miếng là hết, vậy mà cái "bill" lên đến ba con số, lại còn phải cho tip mấy chục! Tôi phê bình:

"Minh mua thức ăn trong mấy tiệm hồi nãy còn ngon hơn nhiều... ở đây mắc mà đâu có no, cũng không ngon lắm... thôi, mai mình đi nhà hàng Việt Nam ăn phở!"

Lập tức con gái tôi phản ứng ngay, cũng như tôi lúc còn trẻ, thích tiêu xài những thứ xa xỉ phẩm! và chúng tôi chỉ duy nhất không đồng ý với nhau trên quan điểm này.

"Sao mình tới đây lại ăn đồ Việt Nam? Ăn thứ gì mình không nấu được cho biết. Mẹ nấu phở hoài"

"Nhưng mẹ thêm ăn đồ Việt rồi, phải không cháu?"

"Yes... phở đi... beef soup bà ngoại"

Cháu Nguyễn biểu đồng tình. Tôi nói:

"Minh trở lại mấy chỗ hồi nãy mua thêm đồ đem về phòng ăn, đi cả ngày mà ăn vậy chịu gì thấu!"

Thế là tôi vào những tiệm bán thức ăn, tha hồ chọn sushi, súp, salad... mấy đứa nhỏ mua "cup cake", giá một cái gần 4 đồng, cái gì cũng mắc! Thứ này ở nhà tôi hay làm cho tụi con nít chung quanh thường thức, trên đây có giá dữ!

Ngày cuối ở NYC chúng tôi đi phố Tàu trở lại để tìm nhà hàng Việt Nam. Lúc đầu trời mưa lâm râm không ảnh hưởng đến chuyến đi bộ tìm món ngon, vật lạ của tất cả các du khách hôm đó.

Muốn đi thăm các thắng cảnh ở thành phố, các bạn cũng nên đến Central Park, Time Square là nơi chúng ta thường thấy TV quay trong những ngày cuối năm dương lịch, dân chúng tụ họp ở đó cả mấy trăm ngàn người để chờ quả cầu năm cũ đi xuống và đón mừng năm mới đang đến. Cũng nhiều người thích thăm viện Wax Museum, là nơi đúc tượng bằng sáp các nhân vật nổi tiếng trên thế giới, có tượng giống và đẹp, mà cũng có tượng không giống, xấu hơn nhân vật thật bên ngoài, nơi đây phải tốn tiền vào cửa vài chục đô.

Ngày cuối ở New York trời mưa tầm tã. Tôi mang đôi giày bata bằng vải để đi bộ cho nhẹ chân và không có dù, vẫn ráng đến công viên Central Park nhưng không thể tiếp tục hành trình được, vì mưa đã trở nên ào ạt ngay khi tôi có mặt tại đó. Đôi giày mang dưới chân bắt đầu ướt vì từ sáng chúng tôi đã đi vài nơi như ghé vào nhà thờ Chính Tòa Saint Patrick, đây là một nhà thờ cổ rất lớn, đang làm công tác sửa chữa, nhưng vẫn mở cửa cho du khách vào xem. Sau đó ghé qua Museum of Modern Art gần đó, nhưng nơi đây đóng cửa ngày thứ ba. Tôi xuống "subway" quay về hotel, còn hai blocks đường là tới nhưng mưa lớn quá, nên tôi vẫn phải mua một cây dù vì không thể đi đầu trần được.

Tôi thích đi du lịch, thích nghệ thuật... nên nghĩ nếu đi đến đâu mình cũng có vài người bạn để liên lạc (hay ngược lại) hướng dẫn thì tốt biết mấy, cho nên nếu bạn nào cùng quan niệm này, xin liên hệ qua địa chỉ: catdonsa@yahoo.com

**Diễm Châu (Cát Đơn Sa)**  
(California)

## LẠI NHÀ THƯƠNG

Bóng hồng-Thập-tự xa rồi  
Gió reo hun hút, nhánh xồi lao xao  
Lối viền hoa cỏ dẫn vào  
Hình như chốn cũ...hôm nào cũng đây!  
Rộn ràng blouse trắng, vòng tay  
Buộc, neo, chẳng chặt, chuỗi ngày bơ vơ  
Con tim khổ nỗi hững hờ  
Thì thôi nào quản bây giờ gặp nhau  
Một lời trước vẫn như sau  
Thêm câu "tế độ" cho mau bình thường  
Còn về se sợi tơ vương  
Bao nhiêu líu ríu yêu đương đợi chờ.

*Nguyễn-Phú-Long*

## BÔNG CỎ MAY

Hoa cỏ vương đầy trên áo em  
Khiến anh say đắm ngẩn ngơ nhìn.  
Eo thon, dáng lụa trinh nguyên quá  
Anh bỗng ước làm bông cỏ may.  
Mỗi bước em đi hồn chao động  
Nhìn theo tà áo vấn vương bay,  
Gió chiều quán quýt theo chân bước.  
Rượu tình chưa uống đã như say.  
Ước gì em khẽ quay đầu lại  
Một thoáng nhìn thôi cũng đủ rồi..  
Để anh mơ mộng làm thi sĩ  
Đêm về cảm xúc dệt thành thơ.

*Hồng Thủy*

*(Cảm hứng từ bức tranh thiếu nữ đi trong đám cỏ may)*



**Daisy: PHAN ANH DŨNG**

# Kính thưa chú,

“Trăm năm còn có gì đâu  
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì” (Kiều)

Chú ra đi trong thanh thân. Nhưng cháu không nghĩ vậy. Cứ mỗi năm gặp gỡ, lần nào chú cũng thờ dài. Chú vẫn nuôi tiếc sự nghiệp dang dở. Chú vẫn thấy mình chưa làm trọn bổn phận với dân tình, với đất nước. Và trước khi nhắm mắt, chú biết rằng mình đã bất lực. Bài thơ CHIỀU viết tại Tiên Sơn (Trung Quốc) hai chú cháu cùng tâm đắc:

“Chiều tà lê gót xóm Kiều hương  
Mắt lệ mờ loang bóng phố phường  
Tuổi thơ hoài bão nay còn hết?  
Vận nước lắm đo mấy ngã đường.  
Bao năm bão táp như sồn gỏi  
Ngàn xưa lý tưởng gấn đau thương  
Cây tùng nghênh gió qua ngày tháng  
Mái tóc xanh giờ đã điểm sương” (Viễn Sơn)

Hàng năm, dù hai miền đông tây xa cách, cháu vẫn bay sang thăm chú. Cháu muốn tìm lại tình phụ tử mà cháu mất khi chưa đầy 10 tuổi. Cháu muốn nhìn lại hình ảnh thân quen của Ba cháu qua người em ruột. Cháu muốn ngắm kỹ nét đặc thù của dòng họ từ hình dáng đến tư tưởng. Bác Tam, ba cháu và chú là những người có tâm, nhiệt thành, phóng khoáng, mang tư

tưởng Tự Lực Văn Đoàn, mang tính chất người cách mạng VN.



*Nhà văn Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách vừa từ trần tại Nam California ngày 11 tháng 5, 2013, hưởng thọ 97 tuổi.*

Ngày cháu còn nhỏ, khoảng 6,7 tuổi - 70 năm về trước - chú là một thanh niên hiếu động, một sinh viên y khoa sắp ra trường, tương lai rạng rỡ. Dáng người dong dỏng cao, trắng trẻo, đẹp như lai. Hồi đó chắc nhiều cô theo đuổi. Thế mà cháu lại kỵ chú! Cháu sợ mỗi khi chú kề bên. Chú hay chọc ghẹo con nít nhất là ngày ấy cháu trông “ngon quá”. Chú thì thầm: “Sạch sẽ, thơm tho thật! Ra đường cướp thấy nó xẻo tai cho!” Chưa hết! Cháu đang ăn bánh là bị chú cướp giật. Cháu đang uống nước dừa là bị chú hắt đổ. Cháu bực lắm! Chú



thích vui, thích đùa cười mà lại đùa dai.  
Cháu còn bé dại đầu hiểu nổi!

Ngày, tháng qua...

Rồi Cách Mạng tháng Tám năm 1945...  
Rồi Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền.  
Rồi thực dân Pháp trở lại. Rồi những người  
Quốc Gia thua trận phải lưu vong! Chú đã  
vượt biên giới sang Tàu, tìm lại các anh  
(Nhất Linh, Hoàng Đạo) tìm lại những  
người cùng chung chí hướng, cùng nhau  
mưu đại sự cho ngày mai. Nhưng “mưu sự  
tại nhân, thành sự tại thiên” hay là vì những  
người quốc gia chưa đủ trình độ gian xảo  
như cáo Hồ nên ... suốt đời bôn ba, mất  
nơi hải ngoại như ba cháu, tự hủy mình để  
đấu tranh cho nhân quyền như bác Tam,  
hay tóc bạc mới được hưởng những năm  
tháng tự do trong tuổi già như chú để cuối  
đời vẫn ngậm ngùi nuối tiếc chưa trả xong  
nợ núi sông?!

Năm 1988 cháu gặp lại chú. Chú vẫn  
đẹp nhưng là đẹp lão. Chú trầm tính hơn  
xưa nhiều. Đây là lúc cháu học nơi chú.  
Đây là lúc cháu cảm thấy rất gần gũi với  
chú. Những hoạt động của người cách  
mạng, những phấn đấu, những đắng cay,  
những khó khăn mà người yêu nước dần  
thân phải trải qua. Thời gian này, chú là  
người duy nhất có thể kể lại cho thế hệ sau  
những biến cố lịch sử xảy ra trong khoảng  
thời gian 1932-1946. Tên tuổi của những  
nhân vật siêu việt trong nước hoặc xảo trá  
bịp bợm nhất lịch sử chỉ mình chú còn

sống, là nhân chứng mà thôi. Hơn thế, chú  
đã dự phần vào cuộc đấu tranh chung ấy.

Cháu còn tò mò muốn biết đời sống của  
chú trong thời gian 39 năm ở Trung Hoa lục  
địa. Chú vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Là  
một bác sỹ có lương tâm, chú tận tụy với  
bệnh nhân không phân biệt chính kiến. Là  
một người ly hương giản dị, làm việc để vợ  
con đủ ăn, thể thôi. Thì gia đình mình, từ  
thời bà nội vẫn thanh bạch, thưa chú! Chú  
nói chuyện chậm rãi, nhẹ nhàng và điều mà  
cháu kính yêu nơi chú, sự khiêm tốn. Chú  
là con người chí tình, là con người không  
ưa phô trương. Một điểm son nữa ở chú là  
với bất cứ ai, dù là kẻ thù, chú không một  
lời thóa mạ, bôi nhọ. Chú còn công nhận kẻ  
đổi đầu là người tài giỏi mặc dù hẳn không  
cùng chiến tuyến, đi sai đường lối dân  
tộc. Thế có phải là tính chất Nguyễn Tường  
không, thưa chú? Chú không phải là người  
quá khích mặc dù trên phương diện đấu  
tranh, chú là người cương quyết, quả cảm.  
Thêm điểm son nữa cháu mến mộ.

Ngày qua... tháng qua... năm qua...

Sự nhanh nhẹn, minh mẫn kém dần...  
Ai chẳng thế! Biết vậy, sao cháu vẫn đau  
lòng khi thấy tay chú run lên từng hồi, chân  
bước nặng nề khó khăn hơn, phản ứng  
chậm chạp hơn, tóc bạc hơn. Gia đình nhà  
ta chỉ còn mình chú là bậc trưởng thượng.  
Tuy nhiên so với các anh chị, chú là người  
thọ nhất. Chú Thạch Lam mất mới ngoài  
30, ba cháu qua đời ở tuổi 42, và bác Nhất

Linh từ trần khi 57 tuổi. Thâm tâm tự an ủi, chú Bách sống lâu hơn các anh nhiều!

Cháu biết chú thích trò chuyện với cháu. Mỗi lần tới thăm, cháu thấy mắt chú sáng lên. Mắt cháu cũng sáng lên vì giờ phút này cháu là người trêu chọc chú. Cháu muốn chú vui. Cháu muốn bộ não của chú hoạt động. Cháu muốn trí nhớ của chú bền bỉ. Mấy năm trước, chú đọc cuốn truyện ngắn đầu tay Sôi Nổi của cháu, chú bảo: “Viết tiếp đi. Viết truyện dài đi. Viết về đất nước, xã hội hay viết chuyện tình... cố gắng viết nhé. Anh viết được đấy. Thích viết về gì?” – “Thưa chú, chuyện tình. Mà phải là chuyện tình của Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách cháu mới có hứng. Chú kể cho cháu nghe đi. Cháu không viết thì chẳng còn ai biết tình cảm của chú thuở xa xưa nữa. Chú nghĩ sao?”

Chú im lặng. Cháu thúc giục. Chú chậm rãi: “Quên hết rồi! – Vì nhiều quá? – Không, vì phải quên, vì còn nhiều chuyện quan trọng hơn. – Vì đất nước, cháu hiểu. Nhưng đó là ngày xưa. Bây giờ đã lớn tuổi, có tiếng tăm, chú cần ghi lại những mẫu đời lãng mạn cho hậu thế - Tiếng tăm là cái gì?”. Chú ngơ ngác nhìn cháu như thăm khám “Họ Nguyễn Tường không có suy nghĩ kiểu đó!”

Cứ cái điệu này biết bao giờ cháu mới moi được cuộc đời tình ái của chú. Nhưng rồi, chú cũng kể... thi vị và lãng mạn, đẹp như mộng những mối tình dang dở... nào những khi sóng bước trên đường Cổ Ngư,

nào những lúc bơi thuyền trên mặt nước Tây Hồ... những tình tiết nên thơ đó chỉ còn là kỷ niệm... chỉ vì lý tưởng, vì đất nước! Cháu vừa phục vừa thương, chú ơi!

Đêm qua giật mình vì tiếng chuông điện thoại từ Westminster cho biết chú đã từ trần lúc hơn hai giờ trưa. Cháu không ngạc nhiên vì từ mấy năm nay chú yếu lắm rồi. Nhưng cháu vẫn lặng người, vẫn thấy hụt hẫng. Tháng 7 này, ngày kỷ niệm 50 năm của Nhất Linh, ngày hội thảo về Tự Lực Văn Đoàn không còn chú nữa! Trống vắng quá!

Đêm nay, ngồi viết những giòng chữ này, hình ảnh chú hiện ra trước mắt. Những ngày cuối cùng của một cụ già còm cõi bại liệt. Con người tài hoa, có chí hướng, đầy nhiệt tâm, chân thành và lãng mạn thuở xưa nay còn đâu!

Trước mắt cháu những cuốn sách của chú bày la liệt... Việt Nam Những Ngày Lịch Sử - Trên Sông Hồng Cuốn Cuộn - Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua... và những bài tản văn... Cháu sẽ đọc lại để học hỏi, để nhớ chú, để nhớ một con người mà theo cháu – **Không thành công nhưng thành Nhân.**

Giờ này chú đang đoàn tụ cùng các anh chị và thím. Chú đang vui.

Sẽ có ngày chú cháu mình gặp lại.

Thương kính,

Cháu

**Nguyễn Lân**

Viết tại Virginia 3 giờ rưỡi sáng ngày 12 tháng 5 năm 2013

# PHÁT HÀNH CỔ THƠM 62

Tại Trụ Sở Hội Cao Niên, Virginia, 03/10/2013  
Hình ảnh của Phạm Văn Tuấn, Phạm Bá và Cung Thị Lan.



Hàng ngồi: Chị Tạ Bình, Minh Châu, Ngọc Dung, Chị Nguyễn V. Thành, Ý Nguyên,  
Thân mẫu Diễm Trân, Kim Phụng, Hàng đứng: Cung Thị Lan, Kiều Nga,  
Thái Phượng, Bạch Mai, Diễm Trân, Chu Thanh Quỳnh.



Anh chị Nguyễn V. Thành, Bùi Thanh Tiên, Ngô Tăng Giao, Minh Châu,  
Kim Phụng, Cung Thị Lan.



Hàng ngồi: Phan Khâm, Ngô Tăng Giao, Bùi Thanh Tiên, Nguyễn Văn Thành, Paul Văn, Huy Lâm, Phạm Trọng Lệ. Hàng đứng: Nguyễn Văn Đăng, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Lâm, Phạm Bá, Tạ Bình, Đèo Văn Sách.



Nguyễn Dung, Diễm Trân và thân mẫu, Đèo Văn Sách, Phan Khâm, Bùi Thanh Tiên.



Kiều Nga, Ý Nguyên, Phương Nga, Tâm Đạt, Ngọc Thanh, Tuyết Lê, Thái Phượng.



Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Văn Thành, Ngô Tăng Giao, Bùi Thanh Tiên,  
Nguyễn Văn Đăng, Hoàng Song Liêm



*Ba tháng hẹn hò mình gặp nhau  
Nụ cười già trẻ rạng hoa màu  
Văn chương nghệ thuật cùng vun xới  
Vườn Cỏ Thơm hương vương mãi sau.  
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG*



(1920-2011)

## KỶ NIỆM VỚI THI SĨ HÀ THƯỢNG NHÂN

### *Tâm Minh Ngô Tằng Giao*

Hà Thượng Nhân là bút hiệu của nhà thơ Phạm Xuân Ninh. Ông quê ở Hà Thượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Về hoạt động trong quân đội: Ông từng dạy học ở trường Dũng Lạc (Hà Nội) và trường Thiếu sinh quân (Liên khu IV) rồi theo kháng chiến nhưng đến năm 1952 thì ông về thành rồi di cư vào Nam. Ông gia nhập Quân đội Quốc gia Việt Nam, thăng đến cấp trung tá. Dưới thời Đệ nhất Cộng hòa ông soạn tập “Sơ thảo lý thuyết chiến tranh tâm lý” và đảm nhiệm Nha Chiến tranh Tâm lý. Cơ quan này sau phát triển thành Tổng cục Chiến tranh Chính trị.

Về mặt văn học: Ông làm giám đốc Đài Phát thanh Quốc gia, chủ bút rồi chủ nhiệm nhật báo Tiền tuyến lúc đầu do Cục Tâm lý chiến đảm nhiệm, sau của tập thể Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Với nhật báo Tự do ông thường góp bài dưới bút hiệu Tiểu Nhã và phụ trách mục thơ châm biếm “Đàn

ngang cung”. Bút hiệu khác của ông là Nam Phương Sóc trên báo Ngôn luận. Ông là thành viên của Trung tâm Văn bút Việt Nam. Ông có biệt tài làm thơ trào lộng nhưng khi còn trẻ tuổi ông cũng thích thơ Đường. Ông từng được Phủ Quốc vụ Khanh Văn hóa của Việt Nam Cộng hòa đề cử làm giám khảo Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc, bộ môn Thơ.

Sau năm 1975 ông bị bắt đi “học tập cải tạo” cho đến năm 1983 mới được thả và sang định cư ở Hoa Kỳ năm 1990 dưới diện H.O. Ông mất năm 2011 tại San Jose, California, hưởng thọ 91 tuổi.

Theo Nhất Tuấn: “Thơ ông viết với số lượng đáng kể, đủ thể loại dành cho sinh hoạt thi đàn, cho bạn hữu thưởng thức, cho những trao đổi, đàm đạo... Ông sở trường và rất yêu thích xướng họa thơ. Ông rất nhạy cảm chữ nghĩa, “xuất khẩu thành thơ” mà người xưa từng trân trọng và cảm mến thi tài Hà Thượng Nhân, khi ông thể hiện những bài thơ ông làm tức thời trước một số bạn hữu hiện diện với đầy đủ tên gọi mỗi người và ý nghĩa của nó... Trong giới thơ văn người ta vẫn thường gọi ông là Hà Chương môn để tỏ lòng ngưỡng mộ thi tài đáng kính.”

Theo Viên Linh: “Hà Thượng Nhân là thi sĩ làm thơ theo đạo người quân tử, như đời sống của ông cho thấy. Ông có thể nghiêm khắc với người đồng tuế, nhưng rất bao dung với các lớp sau. Ông lại rất phóng khoáng, vượt ra ngoài khuôn khổ của giáo điều, cốt đạt tới cái đẹp cái thiện cái thật, kể cả cái thực dụng: làm sao cho được việc, miễn không ra ngoài cái phải đạo.”

Theo Nguyễn Mạnh Trinh: “Thi sĩ Hà Thượng Nhân là một nhà thơ thông tuệ, làm thơ Đường Luật rất nhanh và chính. Có người đã nói ông giống như Tào Thục ngày xưa đi bảy bước là đã hoàn thành được một bài thơ tuyệt tác. Thế mà thơ của ông đã

làm xong tới cả hàng ngàn bài mà trong đời của ông mới chỉ in một tập thơ nhỏ vì lời yêu cầu của nhiều người ái mộ ông.”

\*

Năm 2001 tôi xuất bản tập thơ đầu tay có tên là “Mưa Xuân” (Spring Rain). Trong tập này tôi tuyển chọn một số thơ tiếng Anh của các tác giả ngoại quốc và chuyển dịch sang thơ tiếng Việt dưới nhiều thể loại khác nhau như “tự do”, “lục bát”, “song thất lục bát” và đặc biệt là đôi ba bài theo thể “thất ngôn bát cú Đường luật”. Tôi gửi tặng thi sĩ Hà Thượng Nhân một cuốn và không ngờ là từ đó ông đã để lại cho tôi một kỷ niệm khó quên. Tôi tạm ghi lại đây 2 bài trong số thơ chuyển ngữ “đặc biệt” này:

#### THE PASTURE

I'm going out to clean the pasture spring;  
I'll only stop to rake the leaves away  
(And wait to watch the water clear, I may):  
I shan't be gone long. - You come too.

I'm going out to fetch the little calf  
That's standing by the mother. It's so young  
It totters when she licks it with her tongue.  
I shan't be gone long. - You come too.

ROBERT FROST (1874-1963)

#### ĐỒNG CỎ

Con hãy cùng ta đi suốt luôn  
Ta ra làm sạch suối bên đồng.  
Dừng chân cào lá cây vương vãi.  
Dõi mắt chờ dòng nước lắng trong.  
Bò mẹ liếm con kêu sảng khoái,  
Bê con giỡn mẹ chạy long nhong.  
Bắt bê về trại. Ta về sớm.  
Con hãy cùng ta đi suốt luôn.

(TÂM MINH chuyển ngữ)

#### SONG

A widow bird sate mourning for her love  
Upon a wintry bough;  
The frozen wind crept on above,  
The freezing stream below.

There was no leaf upon the forest bare,  
No flower upon the ground,  
And little motion in the air  
Except the mill-wheel's sound.

PERCY BYSSHE SHELLEY (1792-1822)

#### CA KHÚC

Đơn chiếc, nàng chim khóc cuộc tình  
Trên cành đông phủ cánh buồn tênh;  
Gió lùa buốt giá qua đôi vắng,  
Suối chảy lạnh băng dưới ngõ quanh.  
Rừng trụi còn đâu tàn lá thắm,  
Đất tro nào thấy dáng hoa xinh.  
Từng không lặng ngắt như ngưng đọng  
Trừ tiếng guồng xe nước thoảng nhanh.  
(TÂM MINH chuyển ngữ)

Và đây là bài thơ thi sĩ Hà Thượng Nhân gửi tặng lại nghe vẫn có vẻ đầy cung cách trào lộng ngang cung thuở nào:

#### ĐỌC THƠ

##### TÂM MINH NGỎ TẶNG GIAO

Tặng Giao đáo để là ông  
Mỹ Anh ông bắt khi không thành Đường  
Họ phóng khoáng thông thường giản dị  
Bất cao bởi chuẩn bị nghiêm trang  
Tôi xem mà muốn la làng  
Phục thay là đáng da vàng Việt Nam !  
Vài thế kỷ ông làm khác hết  
Phải học theo tính nét Đông Phương  
Chưa chừng hôn hít ngoài đường  
Bỏ luôn mà vái như dường chúng ta !  
Thế mới biết máu nhà vẫn thế  
Vẫn thích làm vai về đàn anh

*Không cần gây hấn chiến tranh  
Mà mong Mỹ phải trở thành Việt Nam...*

Sau đó ít năm tôi xuất bản mấy tập thơ về Phật giáo và lại gửi tặng ông. Rồi tôi cũng bất ngờ nhận được bài thơ sau đây ông gửi tặng lại ghi ngày 11-16-2006:

**HÀ THƯỢNG NHÂN  
GỬI TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO**  
*Cảm ơn tặng sách lại cho kinh  
Cảm ơn ông bạn Tâm Minh vô cùng  
Người ở chốn lạnh lùng giá buốt  
Mà tấm lòng thông suốt Như Lai  
Thiện tai, thật quả thiện tai,  
Tâm Minh dường ấy hỏi ai còn ngờ?  
Trẻ thầy cãi, bây giờ cư sĩ,  
Chữ sắc không ngẫm nghĩ càng kinh  
Tâm dù muôn một bất minh  
Soi vào cũng thấy giạt mình đời con.  
Giữa cuộc sống không hờn không giận  
Chút danh sống chẳng bận vào thân  
Di cư mấy cuộc phong trần,  
Mà còn giữ được tinh thần thanh cao  
Tôi muốn viết, viết sao cho đủ?  
Phật Di Đà ngồi ở tòa sen,  
Không hề biết đến bon chen,  
Muôn năm làm một ngọn đèn soi chung.*

*Ngọn đèn Phật Tổ vẫn soi chung  
Sắc sắc không không thật chẳng cùng  
Mong bạn ở đời thêm mạnh khỏe,  
Chúc người cuộc sống cứ ung dung  
Tâm Minh muôn thuở vui trăng gió  
Hà Thượng quên rồi chuyện kiếm cung  
Ước được ngày mai cùng họp mặt  
Nhắc nhau học mãi chữ khiêm cung.*

Tiếc thay tôi chưa có dịp gặp gỡ ông thời ông đã từ giã cõi trần gian này! Xin ghi lại chút kỷ niệm cùng lòng tưởng nhớ một thi sĩ khả kính của làng thơ nước Việt!  
(Virginia, USA, 5-2013)

## THE SICK ROSE

O Rose, thou art sick.  
The invisible worm  
That flies in the night,  
In the howling storm

Has found out thy bed  
Of crimson joy,  
And his dark secret love  
Does thy life destroy.

William Blake (1757-1827)

## BÔNG HỒNG NHUỐM BỆNH

*Bông hồng đẹp đẽ của ta ơi  
Thôi thế từ đây nhuộm bệnh rồi!  
Đêm chờ chàng sâu nho nhỏ tới  
Đêm lừa con bão phủ phàng trôi.  
Sâu tìm hoa thắm trao tình ái  
Sâu chọn nhụy tươi ướp mộng đời.  
Vi mối tơ duyên thắm kín đó  
Đời hoa vàng sớm úa tàn thôi!*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao  
chuyển ngữ.





# Dấu Ấn Văn Hóa Trên Thời Trang

**V**ăn hóa tích tụ, tiềm tàng, và phát huy qua lối sống và nếp sinh hoạt của người dân. Mỗi dân tộc có một nền văn hóa riêng biệt và một trong những tiêu biểu ý nghĩa và sâu sắc nhất của một nền văn hóa đó chính là thời trang. Ở đây chỉ xin đóng khung trong phạm vi hạn hẹp của dấu ấn văn hóa trên thời trang Việt tộc.

Xin cùng nhau đi vào thế giới muôn màu sắc, muôn ý tình trên những trang phục của đất nước Rồng-Tiên để chiêm ngưỡng nét độc đáo của dân tộc tính đã có trên 4000 năm văn hiến.

## ÁO DÀI

Trước hết xin đề cập đến chiếc áo dài, áo dài nam giới và phụ nữ có khác nhau. Áo nam giới thường bằng vải lụa, gấm hoặc the, còn áo phụ nữ có thể may bằng nhiều loại vải như lụa, nhiễu, nhung, gấm v.v. Có khi ta tự hỏi áo dài truyền thống nguồn gốc từ đâu và có từ khi nào?

Qua những tấm tranh tổ nữ của loạt tranh Hàng Trống với chiếc áo dài thuần túy Việt Nam, có thể cho rằng kiểu áo dài này đã có ít ra là từ thế kỷ 18; ngoài ra tại ngôi chùa cổ như Chùa Dâu, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, hai tượng Ngọc Nữ đứng hầu cũng mặc y phục rất Việt Nam. Chùa này được xây cất từ lâu và được Mạc Đĩnh Chi trùng tu vào thế kỷ 14. Như vậy nguồn gốc chiếc áo dài có thể còn lâu hơn nữa.

Riêng áo dài đàn ông có phần phức tạp hơn vì vừa hiếm tài liệu lại nhiều kiểu khác nhau như áo kiểu Đề Thám, kiểu cổ điển vùng đồng bằng, áo thụng v.v. Theo sách

“Huế, La Cité Impérial du Vietnam, hình vua Gia Long mặc áo thâm cổ cao trông như áo dài ta, như vậy truyền thống mặc áo dài ta của các ông ít ra có từ cuối thế kỷ 18. Riêng áo dài the mà các “liền anh” mặc trong dịp hát Quan Họ có thể có liên hệ đến thời điểm xuất phát thể điệu ca hát này.

Trong bộ đồng phục của quý ông ngày trước, ‘khăn đồng còn gọi là khăn lượt và áo dài’ là một biểu tượng bề ngoài cho sự ngăn nắp, chỉnh tề, nghiêm trang của cá nhân trong xã hội. Đồng phục này được dùng một cách rộng rãi từ thành thị tới nông thôn, từ giới nho sỹ đến chức sắc trong làng, xã và cả người bình dân. Từ đó áo dài đã nghiêm nhiên trở thành “Quốc Phục”

Áo dài Đề Thám với nét độc đáo cho ta thấy đường nét mạnh, những nếp nhăn như tự nó có một giá trị thẩm mỹ, một vẻ đẹp sinh động, phù hợp với phong cách của những người năng động.

Chiếc áo dài phụ nữ Việt Nam hẳn đã trải qua nhiều bước cải tiến. Nội tới công trình này thiết tưởng không thể không kê đến nhà thiết kế Cát Tường vào đầu thập niên ’30, ông đã cho ra kiểu “Áo Tân Thời – Le Mur” mang chút ảnh hưởng thời trang Tây Phương.

Tới 1934 tại Hội Chợ Nữ Công ở Đà Nẵng, họa sỹ Lê Phổ lại ‘trình làng’ kiểu áo cải tiến thêm, cổ kín, áo ôm sát người, khuy cài bên phải.

Sau cùng theo Văn Ngọc (Paris) thì bà Trịnh Thục Oanh, Hiệu trưởng Trường Hàng Cốt, vào cuối thập niên ’30 đã có thêm sáng kiến là chiếc “áo chít eo” để tăng

thêm nét duyên dáng của phụ nữ. Sau này và hiện nay có nhiều kiểu mới, tuy nhiên cái đẹp còn tùy thuộc vào thị hiếu mỗi người, có điều là cái gì quá trớn chưa hẳn là tốt là đẹp.

Cái duyên dáng, quyến rũ, và nên thơ của chiếc áo dài phụ nữ là kín mà hở, hở mà kín như ngôn ngữ Âu Mỹ đã mô tả “quyến rũ mà không phô trương” (sexy but not exposure)

Đền đây xin trở lại với chiếc áo dài phụ nữ một thời xa xưa. Áo Tứ Thân với hai vạt trước đều nhau thường cột chéo, thêm vào đó còn là chiếc thắt lưng nút thắt phía trước biểu hiệu tinh thần ‘thắt lưng buộc bụng’ chặt chiu, chịu đựng, và ý hướng nội (nghĩ bằng bụng: *có lòng nghĩ đến nhau, sống để bụng chết mang theo*), đồng thời còn nhắc nhở phụ nữ với những ràng buộc của gia đình, xã hội.

Người phụ nữ trong xã hội ngày trước với manh áo tứ thân tượng trưng cho “Tứ Đức” – công, dung, ngôn, hạnh, và là y phục quanh năm suốt tháng, bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Thoát thai từ “Áo Tứ Thân” chiếc áo dài ngày nay đã cởi bỏ nút buộc phía trước trở thành một vạt dài lênh đênh tung bay trong gió nói lên tinh thần giải phóng phụ nữ và làm nghiêng ngả những tâm hồn nghệ sỹ. Chẳng thế mà Hoàng Dương trong tình ca “Hương Về Hà Nội” đã viết: “*Áo màu tung gió chơi vơi...*” rồi nữa, một Phạm Đình Chương viết trong ca khúc “Mộng Dưới Hoa” “*Áo bay mở khép nghìn tâm sự*”, và Nguyễn Bính cũng đã say mê tà áo đến độ:

- *Hồn anh như bông cỏ may*
- *một chiều cả gió bám đầy áo em*

còn Quang Dũng trong dòng thơ hùng pha màu lãng mạn cũng đã viết lên trong thi phẩm “Đôi Bờ”

- *Em ơi áo mỏng buông hồn tôi*

- *Dòng lệ thơ ngây có dạt dào*  
Và nếu ngày xưa có người đã biến tà áo dài thành trang thơ:

- *Người về ta chẳng cho về*
- *Ta níu vạt áo ta để câu thơ*

thì ngày nay vẫn có người như Trần Mộng Tú hồn nhiên thổ lộ:

- *Tôi gói xuân vào hai vạt áo*

Và rồi một Nguyên Sa trữ tình, bay bướm hơn trong những vần thơ sau:

- *Có phải em mang trên áo bay*
- *Hai phần gió thổi một phần mây*
- *Hay là em gói mây trong áo*
- *rồi thả cho làn áo trắng bay*

Nói đến màu áo phụ nữ, những sắc màu đã tô điểm cho không gian không những vẻ đẹp tinh tự mà còn là thông điệp tinh cảm của con người, nhất là các nghệ sỹ. Tranh tình ca thời chiến “Đồn Vắng Chiều Xuân” của Trần Thiện Thanh màu hoa đã gợi nhớ cho những người tình, không riêng ai:

- *Những hôm vừa xong phiên gác chiều ven rừng kín hoa mai vàng/ chợt nhớ tới sắc áo năm nào em đến thăm gác nhỏ...*

rồi một Hoàng Trọng trong ca khúc “Ngàn Thu Áo Tím”, với màu tím, màu của nhớ nhung, xa cách, của một định mệnh trầm tư, lắng đọng trong ngậm ngùi, vương vất chút xót xa, buồn thương, mất mát, oái oăm thay cũng lại là màu đượm chút gì dễ làm mê hoặc lòng người trong những chiều hắt hiu gió mùa:

- *Ngày xưa xa xôi em rất yêu màu tím*
- *chiều xuống áo tím thường thướt tha*
- *bước trên đường thắm hoa*
- *ngắm mây trời lướt xa...*

- .....
- *Ngàn thu mưa rơi trên áo em màu tím*
- *Ngàn thu đau thương vương áo em màu tím*

Nếu cái đẹp buồn và lãng mạn của mùa thu thì trong lãnh vực thi ca, *tình yêu, tà áo*, và *mùa thu* như có gì vương vãi, quện vào nhau,

nhất là từ giữa thập niên 1930 đến nay. Áo bay làm ngân nga hồn thơ Huy Cận:

- *Một hôm trận gió tình yêu lại*
- *đứng ngẩn trông vờn áo tiểu thư*

Áo bay theo gió như chim vỗ cánh, như tình yêu vụt biến, Như Thương viết trong “Vàng Thu”:

- *Thôi thì anh cánh chim bay*
- *Em tà áo mỏng theo mây nghìn trùng*

Còn Hoàng Anh Tuấn nhớ về miền Đất Thần Kinh cũng cảm hứng viết trong “Về Chân Trời Tím” những câu gợi nhớ đầy tình với hình ảnh vờn đầy ấn tượng:

- *Áo em lụa trắng sông Hương*
- *Qua đò Thừa Phủ nhớ thương dạt dào*

Mỗi người chúng đều có một hay nhiều mái trường để nhớ về, trong những nhớ ấy khó loại bỏ được bóng dáng những tà áo nữ sinh thướt tha trên thảm cỏ xanh sân trường, trên những hè phố v.v., trên đường lá me bay, trong thơ Trần Huy Sao người ta đọc có khi cũng bồi hồi, ngẩn ngơ theo:

- *Đường em về vàng rụng lá me trưa*
  - *Anh ngơ ngẩn vờn theo màu áo trắng*
- (*Áo Trắng Học Trò*)

Không chỉ ở đô thành mà ngay nơi xa xôi, tĩnh lẻ, ở đâu trên miền Nam nước Việt tự do, có bóng dáng học trò là có tà áo trắng bay, là có dấu ấn kỷ niệm trong trí nhớ:

- *Tôi về Ban Mê Thuật chiều mưa*
- *Em ơi áo trắng bây giờ ở đâu?*

(Ngàn Sau - *Nhớ Ban Mê*)

Hai vạt áo dài, tiền hô hậu ủng, đã mang một triết lý sâu xa, tạo thế âm dương hài hòa. Đó chẳng phải là dấu ấn tuyệt vời của văn hóa Việt sao? Khi người con gái mặc chiếc áo dài bước đi, vạt trước tung bay về phía tương lai, đôi chân đang đi là hiện tại, và vạt sau thướt tha theo gió để trở thành quá khứ. Chiếc áo dài quả đã làm cho người mặc nó vừa là mình vừa là chim bay là là

trên mặt đất, vừa là cá bơi trên dòng nước cạn, vừa là mây bay vừa là gió thoảng.

Sau này có một thời áo dài hai vạt được cách tân, kéo lên ngang dưới đầu gối một chút tạo nét buồng thả hờ hênh, nửa chừng xuân, lưng lửng gió, lưng lửng mây, một nét đẹp chim nổi, tung tăng, bông bênh, và trẻ trung. Thế rồi chừng hai thập niên sau đột nhiên lại quay về với thuở ‘Tân thời – Thơ mới’, thời lưu bút ngày xanh của văn thơ mực tím để rồi tà áo lại chùng xuống.

Chiếc áo dài không chỉ mang trên mình một triết lý dân tộc mà còn là dấu ấn văn hóa nhân bản, và là y phục mang tính lịch sử ập ủ trong trái tim con cháu Mẹ Âu Cơ, Áo Dài Yêu Nước mà điển hình là Minh Hằng, Phương Bích, Kim Tiến v.v. đang thể hiện.

## VÁY & QUẦN

Váy là gì và quần là gì? Ở thế kỷ 21 này chẳng còn ai thắc mắc như thế, tuy nhiên hầu như vẫn còn những điều đáng nói.

Trong bài học lịch sử về Nhị Trưng có câu:

- *Hồng quần nhẹ bước chinh yên*
  - *đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành*
- (*Lê Ngô Cát*)

Hồng quần là quần đỏ (đàn bà xưa mặc quần đỏ). Theo truyền thuyết thì thời Hùng Vương, đàn ông Việt đóng khố, đàn bà mặc váy, váy kín (váy chui), váy mở (váy quần). Ngoài ra Xiêm theo định nghĩa của Đào Duy Anh trong Hán Việt Tự Điển và Tự Điển Truyện Kiều ta có thể hiểu Xiêm là áo mặc ngoài che phần trên thân thể và xiêm dài che toàn thân.

Ngày trước phụ nữ ta chỉ mặc váy vì thế chữ quần ở đây hiểu là cái váy để tránh làm vớ quần đàn ông. Bức tranh dân gian Oger (1909) đã chứng tỏ điều này và trong văn học đã dùng chữ hồng quần.

Trong bài “Đánh Đu” của nữ sỹ Hồ Xuân Hương ta thấy những câu:

- *Bốn mảnh quần hồng bay phát phới*
- *Hai hàng chân ngọc đuôi song song*

Theo Nguyễn Dư thì bốn mảnh ở đây không thể là quần hai ống, cũng chẳng là cái váy vì chẳng váy nào xẻ làm bốn, như vậy có thể là ba mảnh của áo tứ thân và một là cái váy, cộng lại thành bốn mảnh.

Sử nhà Nguyễn chép:

- *Tháng Tám (có chỗ ghi tháng Chín) có chiếu vua ra*
- *cắm quần không đậy người ta hãi hùng*
- *không đi thì chợ không đông*
- *đi thì phải mượn quần chông sao đang.*

Vua Minh Mạng ra lệnh cấm đàn bà mặc váy, phải mặc quần; dấu thế “Phép vua vẫn thua lệ làng”, trong khi ở thành thị xón xang bỏ váy mặc quần thì phụ nữ thôn quê miền Bắc vẫn giữ cái váy.

Nói đến váy hẳn nhiều người vẫn nhớ giai thoại trong câu hát cô gái trêu chọc khách đi đàng:

- *Hôm qua em mất cái váy thâm*
  - *Hôm nay em thấy anh cầm một chiếc ô đen*
- Cô gái dứ lời, chàng trai cũng hóm hỉnh đáp lại:
- *Em nói thế là em cũng nhâm*
  - *Hôm qua anh thấy ông đội khăn thâm ra đình*

Thế rồi mãi đến thời kỳ Pháp thuộc, văn hóa Tây Phương tràn vào nước ta, phụ nữ mới dần dần mặc quần hai ống thay cho váy. Ở thành thị các bà, các cô mặc quần trắng còn thôn quê là màu đen hoặc nâu. Sau này có thời trong lúc phụ nữ miền quê sau bao nhiêu năm mới bỏ chiếc váy thì ở tỉnh thành các cô lại xón xao, tung tăng với chiếc váy ngắn, váy dài, váy chèn mang tính hiện đại và hiện sinh.

### ÁO YẾM

Trong trang phục của người con gái Việt Nam da vàng không thể không nói đến

áo yếm, thường gọi là cái yếm. Yếm không chỉ xuất hiện trong thế giới hoàng gia với các công nương, mệnh phụ mà còn phổ biến khắp cùng nông thôn, các chị em thường phô trương trong những dịp lễ hội, đình đám v.v.

Yếm xuất hiện từ lâu trong xã hội Việt Nam, song dường như mãi tới đời nhà Lý mới định hình.

Cũng như các trang phục khác, yếm không ngừng cách tân để tạo thêm vẻ thẩm mỹ. Những cải tiến đáng kể xảy ra vào hồi đầu thế kỷ 19 và sang thế kỷ 20 nhiều kiểu mẫu được phổ biến.

Dân lao động thường mặc yếm nhuộm nâu, người đứng tuổi, yếm màu thẫm hơn, các cô con nhà khá giả mặc yếm nhiều màu, trang nhã, kín đáo. Có nhiều loại yếm mang tên thật lãng mạn như: “Ôm ờ”, “Thách thừc” v.v.

Về hình dạng, yếm thường là miếng vải hình vuông vắt chéo trước ngực, góc trên khoét lỗ làm cổ, có hai sợi giây để cột sau gáy. Cổ tròn mang tên “Yếm cổ xây”, cổ hình chữ V là “Yếm cổ xẻ”, nếu góc nhọn của hình chữ V xẻ sâu xuống gọi là “Yếm cổ cánh nhọn”.

Loại yếm được các cô dùng như là một loại khí gọi là “Yếm đeo bùa” bởi bên cạnh yếm có một túi nhỏ đựng xạ hương. Hơn thế nữa yếm còn là vật kết nên những chuyện tình độc đáo, người mang yếm thường ém vô đó miếng trầu để mời người yêu nên gọi là “Khẩu trầu dải yếm”. Yếm cũng đã đi vào văn học như giấc mơ của các chàng trai, từ đó yếm được coi như là một trong những cái thương:

- *Một thương tóc xõa đuôi gà*
- *Hai thương ăn nói mặn mà có duyên*
- *Ba thương má lúm đồng tiền*
- *Bốn thương răng lánh hạt huyền kém thua*
- *Năm thương cổ yếm đeo bùa*

Với chiếc yếm, các nàng cũng tình tứ qua những câu ngoài ý trao tình còn cho người nghe thích thú với những tinh hoa, ẩn tình hàm chứa qua ngôn từ:

- *Ước gì sông hẹp tà gang*
- *Bác cầu dải yếm cho chàng sang chơi*

Yếm đã nghiêm nhiên trở thành một chủ đề vừa quen thuộc, vừa trữ tình, từ gợi ý, trao duyên, đến nhớ nhung, trông chờ:

- *Ta về ta cũng nhớ mình*
- *nhớ yếm mình mặc nhớ tình mình trao*

Trong những khúc hát trao tình không chỉ là:

- *Yêu nhau cởi áo cho nhau*
- *về nhà mẹ hỏi – qua cầu gió bay*

mà còn là trao nhau những gì gần gũi hơn, tình tứ hơn, và hầu như trọn vẹn hơn. Tình tự này rất đầy đặn qua những câu ca đậm đà dân tộc tính trong môi trường nông nàn tình quê hương:

- *Thuyền anh ngược thác lên đây*
- *mượn đôi dải yếm làm giây kéo thuyền*
- *Ở gần mà chẳng sang chơi*
- *để em ngắt ngọn mùng toi bác cầu*
- *mùng toi chớ bác được đâu*
- *em cởi dải yếm bác cầu anh sang*

Cũng trong tình tự ‘mượn dải yếm’, cái lối mượn oái oăm nhưng tình ý ấy, cô gái không từ chối một cách dứt khoát, song tuy nhẹ nhàng mà chẳng kém chua cay, hóm hỉnh:

- *Ước gì dải yếm em to*
- *để em buộc lấy mũi đò kéo lên*
- *ước gì dải yếm em bền*
- *để em buộc lấy kéo lên trên bờ.*

Tuy nhìn đơn sơ đấy nhưng mấy ai ngờ yếm lại có ma lực hấp dẫn, lôi cuốn đến độ có người ngất trí khi nhìn thấy yếm:

- *Thấy cô yếm đỏ răng đen*
- *Nam mô Di Phật lại quên mất chùa.*

Yếm thường được mặc với chiếc áo cánh, có nút nhưng không cài cốt để lộ cái yếm. Nếu như ngày xưa có câu:

- *Đàn ông đóng khó đuôi lươn*

- *Đàn bà mặc áo hở lườn mới xinh*  
thì ngày nay dường như vẫn là: “*đàn bà mặc yếm hở lườn mới xinh*”

Mọi người ai cũng biết chiếc dải yếm bé nhỏ, mỏng manh làm sao kéo được thuyền, ở đây điều muốn nói chính là kích thước, cường độ của khát khao, mơ ước trong tình yêu.

Cũng như áo và nón, yếm cũng thăng trầm, nổi trôi theo tuổi đời và hoàn cảnh đời thay:

- *Khi xưa em ở với cha*
- *một năm chín yếm xót xa trong lòng*
- *từ khi em về nhà chồng*
- *chín năm một yếm em lộn trong ra ngoài.*

Theo hai ông Lê văn Đức với Lê Ngọc Trụ (người miền Nam) và ông Trần Ý (miền Trung) thì yếm ở hai miền này hình dạng gần như tam giác, khoét cổ ở đỉnh, con miền Bắc, theo hai ông Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu và Anh Thy thì yếm có hình vuông hoặc hình thoi, cổ yếm khoét ở một góc, yếm được may bằng nhiều loại vải khác nhau tùy theo tầng lớp xã hội và gia cảnh của người mặc:

- *Hỡi cô yếm thắm lò lòa*
- *yếm nhiều, yếm vóc hay là trúc bầu?*

Mặc dù ngày nay có thể nói kể từ khi văn hóa Tây Phương xâm nhập vào xã hội Việt Nam, yếm đã phải nhường vị trí cho “áo nịt ngực” (soutiens-gorge) nhưng trên địa hạt tình tự dân tộc và nếp văn hóa cổ truyền, yếm vẫn giữ vai trò độc tôn đi vào văn học kể cả văn chương bình dân và văn chương bác học, trong thơ cũng như trong văn, trong những câu hò, trong các tuồng cũng như phim ảnh và hội họa.

## TRƯỜNG THY

**NẮNG TRONG TRẠI CẤM HỒNG KÔNG**      **SUNSHINE IN THE HONGKONG FORBIDDEN CAMP**

Nắng tung tăng nhảy múa  
Đùa với gió và mây  
Tùng giọt nắng thơ ngây  
Tròn mắt trên vách lá

The sunshine is cavorting around, in its play  
With wind and clouds: what freedom composition!  
I feast my eyes upon each innocent beam, ray,  
Like a round eye wide open on the leafy partition.

Em yêu nắng mùa Hạ  
Như yêu lá trên cành  
Như yêu gió ngọt lành  
Như yêu mây màu trắng

Oh, how much I cherish that summer sunshine?  
As I am quite a lot fond of the leaves on the trees;  
I also love the sweet wind and to see it run fine  
Like the white clouds softly floating in the breeze.

Nhưng Hồng Kông sao nắng  
Chẳng thấy đẹp chút nào  
Nắng bị nhốt trong rào  
Không có mây cùng gió

But the Hongkong sunshine, to me, is not nice  
Especially to all of boat people here these crowds.  
Poor sunshine! It cannot get of the cake any slice:  
Locked in, with us, it enjoys no wind and clouds.

Bàn tay em nho nhỏ  
Nâng niu nắng trên tay  
*Để đợi chờ mai này*  
Đưa nắng ra trại cấm.

I catch to fondle in each caring though little hand  
Each jot of sunshine, like me, the fences camp.  
To await a tomorrow, I will together with it stand,  
To take dear sunshine out of this forbidden camp.

**PHẠM TRUNG THÀNH**  
(1989= 10 tuổi, nay ở Belgium)

Verse translation by  
**THANH-THANH**

# CHIẾN TRANH VÀ GOÁ PHỤ

## Phong Thu

**C**hiến tranh Việt Nam đã lại để lại hàng triệu goá phụ, và những đứa con cô cút bị mất cha, lia mẹ. Có người tiếp tục bước thêm bước nữa để tìm hạnh phúc mới, nhưng nhiều người đã ôm con, thờ chồng, sống cuộc đời phòng không, chiếc bóng từ khi tóc hấy còn xanh.

Họ là những cánh hoa thời loạn ly bị cuốn đi trong cơn giông bão của chiến tranh. Những tấm gương trung kiên, hy sinh thầm lặng mà không hề nhận được huy chương, không một bó hoa và tên của họ cũng không bao giờ được khắc trên bia đá để nhiều người tưởng nhớ.

### Những nỗi buồn câm lặng

Trong chương trình hôm nay, nhân kỷ niệm ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi xin gửi đến quý thính giả hình ảnh của những goá phụ đáng kính mà chiếc bóng cô đơn của họ đã ẩn sâu sau những bức tường của những căn nhà hiu quạnh với những nỗi buồn câm lặng, chịu đựng một cách can trường.

Cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt cách đây 38 năm, nhà cửa đã mọc lên thay cho những hố bom. Những cánh đồng hoang lúa đã trở bông. Cây đã nở hoa. Rừng xanh bao lần thay lá. Nhưng vết thương lòng của nhiều thế hệ vẫn còn rỉ máu. Lòng người vẫn chia cắt, ý thức hệ vẫn còn là một hố sâu ngăn cách chưa thể hàn gắn. Người dân trong nước vẫn chưa có cuộc sống bình yên, chưa tìm được tự do, hạnh phúc thật sự.

Đã có rất nhiều tài liệu, sách vở viết về "Cuộc chiến Việt Nam". Tất cả đều cho rằng đây là cuộc chiến tranh khốc liệt, đẫm máu và đầy nước mắt. Nhưng con số thương vong chính xác vẫn chưa thống kê một cách đầy đủ. Theo Tổ chức Vietnam Agent Orange Relief & Responsibility Campaign có trụ sở tại New York cung cấp thì có khoảng 4 triệu người Việt Nam của hai bên đã thiệt mạng, bị thương, hoặc mất tích trong giai đoạn 1965-1975. Riêng quân đội Hoa Kỳ đã có 58,151 người hy sinh trên chiến trường miền Nam Việt Nam. (\*)

Chỉ riêng tại Miền Nam đã có 800.000 trẻ em mồ côi. Hàng triệu goá phụ và ít nhất 10 triệu người trở thành vô gia cư (\*\*).

Những câu chuyện về cuộc đời của những goá phụ là những nỗi thống khổ và sự mất mát của họ đã vượt qua không gian và thời gian. Làm thế nào họ thích ứng sau đó và bây giờ? Làm thế nào họ được an ủi, hỗ trợ, hoặc những gì họ đã cố gắng tìm kiếm để tạo dựng lại cuộc sống, tìm cho mình và các con một tương lai hạnh phúc mới. Tất cả điều đó đã được khám phá trong những câu chuyện bi thảm dần dần được hé mở. Những bi kịch, đổ vỡ trong trái tim và cuộc đời họ rất thầm lặng như một mạch nước ngầm thấm sâu trong lòng đất.

Sau năm 1975, cộng sản đã đưa hơn 1 triệu dân quân cán chính VNCH đi học tập cải tạo. Có người đã được trở về sum họp gia đình. Nhưng có 165.000 người đã chết trong nhà tù cộng sản. (\*\*\*) Miền Nam lại có thêm những goá phụ với cõi lòng tan nát. Tôi được tiếp xúc với bà Trần Thanh

Minh, người goá phụ có chồng là Giảng Viên Tâm Lý Chiến tại trường Võ Bị Đà Lạt, bị cộng sản bắt giam và ông đã chết trong tù. Bà một mình phải nuôi bốn đứa con nhỏ, cháu lớn nhất mới vừa 6 tuổi và cháu nhỏ nhất mới vài tháng tuổi. Bà đã kể lại hoàn cảnh của mẹ con bà sau cái chết của chồng:

*“Ông xã tôi ra đi lúc đó tôi mới có 35 tuổi. Nhưng mà sau 20 năm ở lại với bao nhiêu những đau khổ, vật lộn với miếng ăn. Tôi đã đi bán bánh tôm, bánh cuốn ở Hồ Con Rùa. Tôi đã đi chạy thuốc tây. Tôi đã bán quà cho học trò ở trong những căng-tin trong trường. Có thể nói rằng ai sai cái gì làm cái đó. Mình làm hết cái khả năng của mình cũng không đủ nuôi con. Cho nên cái mong ước lúc bấy giờ, tôi chỉ cầu xin làm sao cho các con tôi đủ ăn, sống một cuộc đời không phải đói rét.”*

Trong bài hồi ký “Chuyện Buồn Người Vợ Tù” bà đã viết *“Thế là xong, là tuyệt vọng cả đời. Lúc đó, tôi sống cũng như chết rồi...”* Bà đã kể thảm cảnh chết đói của chồng khi đi học tập cải tạo tại Miền Bắc với tâm trạng bồi hồi và xúc động:

*“Cô Phong Thu biết tù cải tạo không tức là họ đưa đi vào rừng vào núi để làm một cái nhà tù lớn để ở trong đó lao động cuốc đất, trồng cây. Nhưng mà hơn một năm trời không có tin tức gì hết. Sau đó là nhà nước cho đi thăm nuôi. Nhưng tôi không được may mắn hơn mọi người. Khi ở trong Nam là còn được đi thăm. Nhưng khi họ chuyển nhà tôi đi ra Bắc. Tôi ra tới chỗ mới biết chồng tôi đã chết ở Vinh, Nghệ Tĩnh. Theo lời các anh kể lại là lúc bấy giờ không có ăn phải ăn lá cây chín ngày, không thuốc men là phải chết thôi. Tôi nghĩ là không thể*

*nào quên được hết cái cảm giác trước khi tôi gục xuống thì tôi thấy như là có vật gì nó đập vào tôi, tối đen và có ánh sáng li ti phát ra. Tôi ngất đi.”*

Khi tôi hỏi bà suy nghĩ gì về cuộc chiến đã qua và bà có ý kiến gì với chính sách cai trị của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội. Bà chỉ buồn bã nói:

*“Chuyện đã qua thì tôi không có chính trị cho nên tôi cũng chẳng có ý kiến gì nhưng tôi không đồng ý với những chính sách mới là tại sao cứ phải làm khổ nhau? Tại sao không dùng những chất xám, những bộ óc siêu việt để mà xây dựng lại đảng này lại đem người ta vào rừng sâu, nước độc rồi để cho người ta đói khát chết dần, chết mòn. Rồi để cho vợ con người ta khổ sở đi kinh tế mới. Không có một gia đình nào tôi thấy trọn vẹn hết. Người ta cố đi tìm tự do. Tại sao người ta phải đi tìm? Vì người ta khổ quá. Người ta không có ăn. Sống không được nói. Lúc nào cũng bị kiểm kẹp, lúc nào cũng lo sợ. Thành ra chính tôi đã dẫn những đứa con tôi đi vượt biên.”*

Bà đã đưa các con đi vượt biên 20 lần nhưng không thoát và phải đi tù nhiều lần. Trong nhà tù đói khát và hết sức khủng khiếp mà cho đến nay đã mấy chục năm bà vẫn không bao giờ quên.

### **Vết thương lòng còn mãi**

Ngay cả trong lòng xã hội Mỹ, cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt 40 năm nhưng nỗi ám ảnh vẫn chưa thực sự kết thúc.

Tôi có dịp trao đổi với Giáo Sư Pauline Laurent, tác giả quyển sách nổi tiếng “Nỗi Buồn bị Tù Chối- Câu chuyện về người goá phụ trong chiến tranh Việt Nam.” Grief



Denied - A Vietnam Widow's Story). Bà đã kể cho tôi nghe câu chuyện cảm động về cuộc đời bà:

“*Chồng tôi tên là Sgt. Howard E. Querry chết trong cuộc tấn công Mini-Tết vào ngày 10 tháng 5 năm 1968. Đó là tuần lễ mà nhiều người lính Mỹ tử trận nhiều nhất trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam.*

*Lúc đó, tôi mới 22 tuổi, đang mang thai đứa con đầu lòng được 7 tháng. Đơn vị anh đến gõ cửa và báo cho tôi biết chồng tôi đã hy sinh tại một thành phố gần Sài Gòn. Thi hài anh được đưa trở lại Hoa Kỳ hai tuần sau đó. Họ không cho tôi được mở nắp quan tài để nhìn anh một lần sau cùng. Thật khó khăn biết bao khi tôi chôn cất anh mà không được nhìn thấy thi thể của anh. Chúng tôi đã làm lễ chôn cất anh tại nhà thờ mà cách đây một năm chúng tôi đã làm lễ cưới tại đây. Chúng tôi cưới nhau vào tháng 9 năm 1967, anh hy sinh vào tháng 5 năm 1968, con gái tôi được sinh ra vào tháng 7 năm 1968.”*

Trẻ trung, thông minh, xinh đẹp và có một địa vị xã hội cao, nhưng bà Pauline đã không tái giá. Bà sống một mình nuôi con với sự an ủi, trợ giúp của cha mẹ và gia đình. Trái tim bà không còn rung động lần thứ hai vì cảm xúc yêu thương đã chết từ khi chiếc quan tài của người chồng thân yêu chôn sâu trong lòng đất. Bà đã bị bệnh trầm cảm nhiều năm bởi nỗi buồn của bà không được lộ ra ngoài, không có ai chia sẻ. Bà nói:

“*Tôi chưa bao giờ lập gia đình lần thứ hai. Trái tim tôi đã tan vỡ và không bao giờ còn chữa lành được vết thương kể từ khi anh qua đời và lúc đó tôi còn quá trẻ. Tình yêu đó vẫn chưa tan trong tim tôi. Tôi cũng có*

*quen một vài người đàn ông sau này nhưng chưa ai làm cho tôi rung động và dẫn đến quyết định kết hôn và chung sống với họ. Không bao giờ tôi tìm được người đàn ông nào tuyệt vời như chồng tôi. Và anh cũng yêu tôi biết bao. Tôi sống chung với một vài người bạn gái nhưng chưa bao giờ chung sống với bất cứ người đàn ông nào.”*

Sau đó, bà đã viết sách để bày tỏ nỗi lòng của mình. Đó là giải pháp để bà tự chữa lành vết thương, giải thoát cho bà ra khỏi sự im lặng, nỗi buồn dai dẳng và bà đã nhiều lần có ý định tự sát. Bà tâm sự:

“*Tôi đã bỏ ra 10 năm để viết quyển sách (Grief Denied-A Vietnam Widow's Story - Nỗi Buồn Bị Từ chối - Câu chuyện của một góa phụ trong cuộc chiến tranh Việt Nam). Tôi bắt đầu viết khi tôi rơi vào trạng thái đau khổ, buồn chán và muốn tự sát. Tôi không thể tự kết liễu đời mình vì tôi còn nghĩ đến con gái của tôi. Quyển sách của tôi đang bán tại website: <http://www.griefdenied.com>. Nó cũng bán trên Amazon.com.*

*Nội dung quyển sách nói về chuyện tại sao tôi im lặng, chịu đựng suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, và tôi muốn nói cho mọi người hiểu những đau khổ của những người phụ nữ có chồng là một người lính Mỹ đã tử trận. Tôi cũng muốn nói cho mọi người biết làm thế nào để tự chữa lành vết thương trong trái tim mình. Phần sau cùng của quyển sách là niềm vui của tôi khi Alexis Monhoff, đứa cháu trai đầu tiên của tôi ra đời.”*

Còn nỗi lòng của bà Trần Thanh Minh thì sao? Bà đang mơ ước những gì vào cuối cuộc đời sau biết bao bề dẫu, cay đắng? Bà đã viết rằng “*Tôi chắc chồng tôi cũng nuôi*

tiếc như tôi và đang chờ tôi đi với anh. Chúng tôi phải nối tiếp lại những ngày hạnh phúc ngắn ngủi xa xưa. Tôi không thể sống mãi trong cô đơn để run sợ trước những ám ảnh của dĩ vãng và những nhung nhớ khôn nguôi người người chồng mà tôi mãi mãi yêu thương như buổi đầu gặp gỡ” (Trích trong bài hồi ký “Chuyện Buồn Người Vợ Tù” của bà Trần Thanh Minh). Bà tâm sự:

“Những người Mỹ nhân đạo đã đưa mẹ con tôi qua đây theo diện HO. Gia đình có người chết trong trại cải tạo thì họ cho tôi đi. Mẹ con chúng tôi qua đây được mười mấy năm. Cuộc sống rất là ổn định. Các cháu học hành thành tài, có gia đình hạnh phúc. Lúc này, tôi chẳng còn mơ ước gì hơn là mình sẵn sàng ra đi. Cũng hy vọng là ra đi để được đoàn tụ với người chồng mà tôi chỉ được chung sống có năm năm. Đó là nguyện ước cuối cùng của tôi. Tại vì sống ở trên đời này, mình không tìm thêm được một nửa người của mình nữa thành ra mình hy vọng nếu có thể giới bên kia thì mình sẽ được gặp lại phải không cô Phong Thu.”

Tôi cũng hỏi bà Pauline về niềm hy vọng cho những goá phụ Việt Nam và Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh Việt nam, bà Pauline không nói gì về thù hận. Bằng một tấm lòng đầy vị tha và đầy tình người. Bà nói: “Tôi rất đau buồn cho người Mỹ cũng như người Việt Nam về những gì đã diễn ra. Bởi vì người Mỹ không có ai nói về cuộc chiến tranh Việt Nam cho nên vết thương lòng không thể hàn gắn lại được. Hãy tiếp tục tự chữa lành những vết thương lòng và hãy tha thứ, quên đi những bi kịch đau buồn

của cuộc chiến tranh đó. Vì nó đã gây ra đau thương cho rất nhiều người, cả người Mỹ và người Việt Nam.”

Người chết là hết. Họ trở về với cát bụi. Nhưng người còn sống luôn khắc khoải, sống trong nỗi tuyệt vọng, nhưng nhớ và đón nhận mọi giông bão của cuộc đời.

Xin dành một vòng hoa đẹp nhất, trang trọng nhất để vinh danh những người mẹ, những người vợ đã hy sinh thầm lặng một đời để thờ chồng và nuôi các con khôn lớn. Tình yêu của họ là một viên ngọc quý báu để người đời suy gẫm và biết trân trọng hạnh phúc mà mình đang có trong tay./.

Tài liệu tham khảo:

(\*) <http://www.VN-AgentOrange.org> • [info@vn-agentorange.org](mailto:info@vn-agentorange.org)

(\*\*)

<http://25thaviation.org/facts/id795.htm>.

(\*\*\*)

[http://www.historylearningsite.co.uk/vietnam\\_boat\\_people.htm](http://www.historylearningsite.co.uk/vietnam_boat_people.htm)

Những tài liệu liên quan:

Chiến tranh Việt Nam, © 1996 bởi Paul Shannon. Với một số cập nhật. Tháng 4 năm 2000.

Ngô Vĩnh Long, trong "Triển vọng Việt Nam," Bách khoa toàn thư của chiến tranh Việt Nam, ed. Stanley Kutler (New York: Scribner, 1996)

Vietnam Agent Orange Relief & Responsibility Campaign • P.O. Box 303 Prince Station, New York, NY 10009)

## EM ĐI

Khúc tương tư ru đời về đâu đó  
Mai đi rồi em có nhớ đến tôi  
Rượu giao bôi môi chưa nhấp một lần  
Nay đã thấy rất gần đêm ly biệt

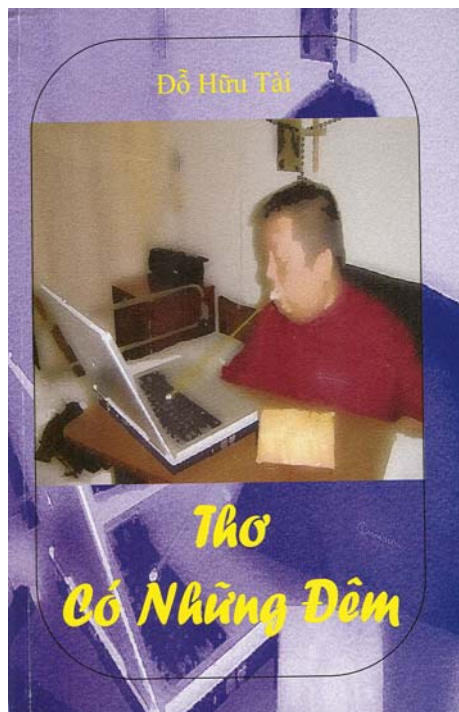
Đời cay nghiệt đưa tình vào bể cạn  
Mưa vừa tàn nắng hạn đến vội mau  
Rót đời nhau bằng ray rút chất chồng  
Em đừng nói cho lòng thêm thương hận

Tình lặn đặng bọt ngàn như mây trắng  
Không còn người quạnh vắng rớt quanh đây  
Để cỏ cây héo úa rũ hao gầy  
Đêm buông xuống là đẩy lên nỗi nhớ

Thôi ta chớ bận lòng ai đi, ở  
Cứ như là đã lỡ chuyến dò duyên  
Nắng chiều nghiêng một bóng đứng thẫn thờ  
Nghe tịch lặng ơ hồ kêu khe khẽ

Và lặng lẽ quen dần trong tâm tưởng  
Biết em còn nuôi dưỡng những ngày qua  
Mai cách xa là dứt đoạn câu thơ  
Cho một kẻ đi, về riêng bóng đổ

## ĐỖ HỮU TÀI



120 bài thơ tâm sự đầy cảm xúc của **Đỗ Hữu Tài**, Nhà thơ đã can đảm vượt qua sự tật nguyền và viết ra những câu thơ thân phận kém may mắn bằng cây bút ngậm trong miệng. Tác giả hiện cư ngụ tại một dưỡng viện tại Virginia.

Giá ủng hộ thi phẩm “Có Những Đêm” là US \$12

Liên lạc: [Mienkim@gmail.com](mailto:Mienkim@gmail.com)  
hay [TCNS Cỏ Thơm](mailto:TCNS Cỏ Thơm)  
<[dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)>

# NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ

## Phương Du Nguyễn Bá Hậu

**S**uy ngẫm lịch sử Việt Nam từ năm 939 đến nay, ta có những nhận xét sau đây:

1. Trải qua bốn đời Đinh, Lê, Lý, Trần, nước ta luôn luôn giữ được nền độc lập là do sự đoàn kết của dân chúng. Thật vậy, dù địch quân rất đông, rất mạnh, sang xâm chiếm nước ta nhiều lần mà ta vẫn chống cự được luôn luôn toàn thắng một cách vẻ vang. Khi quân nhà Tống bên Tàu do tướng Quách Quỳ cầm đầu sang xâm chiếm nước ta vào năm 1076, vua Lý Nhân Tông cử ông Lý Thường Kiệt ra chống cự, đuổi được quân địch sau khi họ được nghe hô to bài thơ sau đây:

*Nam Quốc sơn hà Nam đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!*

Dưới thời nhà Trần, quân Nguyên do hai tướng Thoát Hoan và Ô Mã Nhi sang xâm chiếm nước ta hai lần đều bị bại trận, lần đầu năm 1285, lần thứ hai năm 1289.

2. Dù ở vào tình trạng đã bị người Tàu đô hộ nhưng với sự toàn dân đoàn kết chống ngoại xâm, quân dân ta cũng đánh đuổi được kẻ thù nhờ tài lãnh đạo của các bậc anh hùng như Lê Lợi năm 1427, Nguyễn Huệ năm 1789 .v.v...

3. Khi nào trong nước có sự tranh giành

ngôi báu giữa hai phe, thì phe yếu thế thường quay ra cầu cứu ngoại bang để được thắng trận, nhưng rồi sau đó nước ta lại bị ngoại bang đô hộ lâm vào tình trạng công rấn cần gả nhà. Đó là những trường hợp sau đây:

a. Năm 1407, quan quân nhà Hậu Trần đã ỷ lại vào sự giúp đỡ của quân Minh để đánh đổ Hồ Quý Ly, sau đó nước ta liền bị quân Minh đô hộ trong 20 năm.

b. Năm 1788, vua Lê Chiêu Thống đã xin sự giúp đỡ của vua Càn Long nhà Thanh để chống lại nhà Tây Sơn nhưng một năm sau anh hùng Nguyễn Huệ đã đánh đuổi quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu.

c. Ông Nguyễn Phúc Ánh đã bị anh em nhà Tây Sơn đánh bật ra khỏi bờ cõi. Muốn thắng nhà Tây Sơn, Ông Ánh đã cầu cứu sự giúp đỡ của người Pháp qua sự trung gian của ông Bá Đa Lộc. Vào năm 1802, ông đã đánh bại nhà Tây Sơn thống nhất sơn hà, nhưng phải nhường lại cho người Pháp thị trấn Faifo (Hội An), đảo Côn Sơn và dành cho họ độc quyền giao thương với Việt Nam. Năm mươi năm sau, họ bắt đầu xâm chiếm miền Nam nước Việt và đến năm 1884, họ hoàn toàn đô hộ nước Việt Nam chiếu theo hòa ước Patenôtre.

d. Năm 1954, do hiệp định Genève, nước Việt Nam bị chia làm hai miền, miền Bắc sống dưới chế độ độc tài Cộng Sản,

miền Nam dưới chế độ Tự Do Dân Chủ Cộng Hòa. Từ năm 1960, Cộng Sản miền Bắc bắt đầu phát động phong trào nội chiến xua quân vào xâm chiếm miền Nam với khẩu hiệu "Sinh Bắc tử Nam". Trong cuộc nội chiến này cả hai phe đều ý lại vào sự giúp đỡ của ngoại bang. Việt Cộng nhờ vào sự giúp đỡ của Nga Sô và Trung Cộng. Còn ở miền Nam các phe chống đối đường lối chống Cộng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đã tổ chức cuộc đảo chính năm 1963, để sát hại anh em gia đình Tổng Thống chỉ vì Tổng Thống quá yêu nước không thuận để cho quân đội Mỹ đổ bộ vào Miền Nam sợ rằng ở trong tình trạng này ta sẽ mất quyền điều khiển cuộc kháng chiến chống Việt Cộng. Sự thể đau thương này đã xảy ra ngày 02-11-1963, đưa miền Nam nước ta vào hoàn cảnh bị tùy thuộc vào người Mỹ khiến họ bảo đánh thì mình được đánh, bảo ngưng để điều đình thì mình phải ngưng tuy là năm Mậu Thân 1968, quân đội ta đương trong đà chiến thắng. Vì thế mới có cuộc hội nghị hòa bình Ba-Lê, rất bất lợi cho chính quyền miền Nam:

#### **Hội Nghị Ba-Lê**

(Trích trong Thi tập Tha Hương)

*Hội nghị Ba-Lê một vở tuồng,*

*Bốn năm trình diễn hát y-uông.*

*Sinh-gơ bàn lén cùng Xuân-Thọ,*

*Lâm-Lắm than thảm với Thiệp-Phong.*

*Mỹ quốc phui tay thu đại bác,*

*Liên Sô vênh mặt viện thần công.*

*Đầu xuân Bắc Việt xua quân đánh.*

*Quốc tế điếm nhiên nín lặng trông.*

(Sinh-gơ: tên là Kissinger trưởng phái

đoàn Mỹ ; Xuân-Thọ tức Xuân Thủy và Lê Đức Thọ nhân viên của phái đoàn Việt Cộng Lâm-Lắm tức Phạm Đăng Lâm và Trần Văn Lắm; Thiệp-Phong tức Nguyễn Phương Thiệp và Nguyễn Xuân Phong. Bốn vị này là nhân viên của phái đoàn Việt Nam).

Muốn chiến thắng miền Nam, Việt Cộng cầu cứu sự giúp đỡ của Nga Sô và Trung Cộng. Mùa xuân năm 1975, họ không tuân giữ lời cam kết ký trong hiệp định Ba-Lê, xua quân vào đánh úp, chiếm trọn miền Nam một cách dễ dàng vì chính phủ Mỹ, tuân theo hiệp định, ngưng tiếp tế cho quân đội miền Nam khiến nhiều binh sĩ đã bị bức tử vì hết súng đạn.

Năm 1991, khối Liên Sô bị sụp đổ, Việt Cộng sợ bị mất chính quyền như các nước Đông Âu đã sang Bắc Kinh xin bảo vệ cho họ được giữ vững chính quyền và đồng thời chấp nhận nhượng đất, nhượng biển. Như vậy Việt Cộng đã tự mình đặt nước Việt Nam vào vòng lệ thuộc đế quốc Trung Cộng.

4. Các nhà cầm quyền Việt Nam đều có tính ích kỷ, coi việc nước như việc nhà, chỉ nghĩ đến sự hưởng thụ mà lãng quên quyền lợi quốc gia cho nên thường hay có chính sách xưa thì bẻ quan tòa cảng, nay thì không chịu mở mang đất nước theo đà tiến hóa của nhân loại, sợ rằng những người có tài sẽ chiếm mất quyền hành. Dưới thời kỳ nhà Nguyễn, ông Nguyễn Trường Tộ đã làm sớ dâng lên xin canh tân xứ sở giống như vua Minh Trị Thiên Hoàng của nước Nhật nhưng lời của ông không được nhà vua để ý đến. Ngày nay cũng thế, nhà cầm quyền Cộng Sản không muốn xử dụng những người có

tài, sợ rằng họ sẽ mất địa vị lãnh đạo.

5. Bên Viễn Đông, các nhà cầm quyền thường hay thi hành chính sách oán thù không có tính khoan dung độ lượng. Đối với những đồng bào bị thua trận họ xử sự một cách tàn ác khác hẳn với hành vi khoan dung và thứ tha của dân chúng Tây Phương. Xưa vua Gia Long đã quật mỗ quật mã anh em nhà Tây Sơn, giết hại các con cháu họ và xử tội rất tàn ác các tướng lãnh địch như xử lăng trì ông Trần Quang Diệu và cho voi dày bà Bùi Thị Xuân .v.v... Nay thì Việt Cộng lập hàng trăm nhà tù nói là cải tạo nhưng trên thực tế, đó là những nơi giam cầm, hành hạ các tù nhân đưa họ đến tình trạng bị chết dần chết mòn. Trong khi đó ở các nước Đông Âu như Ba Lan, Đức Quốc, Tiệp Khắc .v.v... việc thống nhất đất nước đã xảy ra một cách êm đẹp đầy lòng nhân đạo không có hận thù oán ghét.

6. Trong lịch sử nhân loại, từ xưa tới nay chưa bao giờ xảy ra một cuộc di cư ở ạt bằng đường biển trên những con thuyền nhỏ bé, đó là nạn thuyền nhân Việt Nam. Sự kiện này chứng tỏ hai điều sau đây:

a. Chế độ độc tài đảng trị của Cộng Sản vô thần không mang lại cho dân chúng tự do hạnh phúc, công bằng xã hội đến nỗi người dân không chịu nổi đã phải liều chết bỏ nước ra đi. Nhiều người đã bị trầm mình nơi biển cả.

b. Nhờ vào lòng từ thiện bác ái (charité chrétienne), truyền thống của các dân tộc theo Ki-Tô giáo mà các thuyền nhân Việt Nam được hưởng sự tận tình giúp đỡ, an cư lạc nghiệp. Thật vậy, ở khắp mọi nơi, nơi

nào có dân chúng theo Ki-Tô giáo (Tin lành giáo, Anh giáo, Công giáo) thì ở đó thuyền nhân Việt Nam được họ dang tay đón nhận qua các cơ quan của chính phủ và các hội đoàn từ thiện như: Secours Catholique, Caritas, Catholic Relief Committe, các nữ tu bác ái v.v... Nghèo kém như Phi Luật Tân mà các thuyền nhân Việt Nam đã được Hội Đồng Giám Mục đứng ra cứu giúp ở đảo Palavan. Nếu không có sự cứu trợ này, liệu ngày nay người Việt Nam ở hải ngoại có đạt được con số ba triệu người hay không?. Điều chắc chắn là nhiều thuyền nhân không có nơi nương tựa sẽ bị chết vì hải tặc hay bão to sóng cả.

7. Nạn buôn bán người nô lệ da đen xưa, một sự bóc lột vô nhân đạo sức lao động của những người nghèo đói, nay lại được tái diễn ở nước ta dưới hình thức trá hình là xuất cảng lao động. Thật vậy suốt ba thế kỷ 17, 18, 19, người da trắng đã buôn bán những người da đen từ Phi Châu sang làm nô lệ lao động ở Mỹ Quốc. Hành động này đã được chấm dứt từ đầu thế kỷ thứ hai mươi. Ngày nay từ đầu thế kỷ 21, nạn bóc lột sức lao động của nam nữ thanh niên Việt Nam lại được nhà cầm quyền cho thi hành. Họ tuyển chọn những người khỏe mạnh đưa sang làm việc ở các nước lân cận không tôn trọng luật lao động quốc tế, coi con người như trâu ngựa, bắt làm việc nhiều giờ và trả lương không những ít lại còn bị các giới trung gian khấu trừ những khoản chi phí về hồ sơ.

Những nhận xét trên đây là những bài học lịch sử ta cần biết để mà suy ngẫm. Đòi

sống một quốc gia cao hay thấp tùy thuộc vào lòng đức độ của các nhà cầm quyền. Các nước Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan, Hòa Lan .v.v...) tương đối có đời sống cao hơn các nước khác, chỉ vì các nhà lãnh đạo biết áp dụng tình thương, không bắt công tham nhũng vào việc cai quản đất nước.

### **Ôn Cổ Tri Tân**

*(Trích trong Thi tập Hoa Tâm)*

*Từ đời nhà Nguyễn đến nay,*

*Hơn hai thế kỷ bao ngày sầu qua.*

*Buồn trông thảm cảnh sơn hà,*

*Rồng Tiên nòi giống trên đà bại suy.*

*Đài Loan, Nhật Bản, Cao ly,*

*Họ đều giàu mạnh, ta thì làm than.*

*Phải chăng lãnh đạo kiêu tàn?*

*Đức nhân không trọng, canh tân không tường.*

*Trị nước không có Tình Thương,*

*Chuyên môn áp bức, coi thường lòng dân.*

*Nguyện cầu Thượng Đế ban ân,*

*Soi đường chỉ lối yếu nhân cầm quyền.*

*Cho lòng họ khỏi lãng quên*

*Tình Thương cố giữ và nên duy trì.*

*Xử thế cần có lương tri,*

*Và đừng ích kỷ, kiêu kỳ, tham lam.*

*Cầu mong non nước Việt Nam,*

*Những người tài đức được tham chính quyền.*

**Phương Du Nguyễn Bá Hậu**

# **BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG**

## **Board-Certified Internal Medicine**

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

## **CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT**



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



### **GIỜ LÀM VIỆC**

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

# TÌM LẠI QUÊ HƯƠNG

## Nguyễn Quốc Khải

*Hoa-Thịnh-Đón, Mùa Xuân 2013*

*“Tung cánh chim tìm về tổ ấm.  
Nơi sống bao ngày giờ đầm thắm.  
Nhớ phút chia ly ngại ngừng bước chân đi,  
Luyến tiếc bao nhiêu ngày xanh.”  
(Ngày Về của Hoàng Giác).*

Sau khi Việt-Nam áp dụng chính sách “Đổi Mới”, mở cửa đón du khách, An có ý định trở về thăm quê hương và muốn về càng sớm càng tốt để còn được chứng kiến phần nào xã hội Việt-Nam dưới chế độ kinh tế chỉ huy. Cơ hội tới vào mùa Hè năm 1992. Sau 38 năm trời xa cách lần đầu tiên An trở về Hà-Nội. Thành phố này là nơi An sinh ra, lớn lên và rồi phải chia lìa vào năm 1954 khi gia đình An di cư vào Nam.

Chuyến đi này cũng là chuyến về Việt-Nam lần đầu kể từ khi An đi du học từ năm 1972. Sau khi viếng thăm Sài Gòn và ra Vũng Tàu chơi khoảng 10 ngày, An và gia đình bay ra Hà-Nội. Khi tới phi trường Tân Sơn Nhất, An mới được tin là tất cả các chuyến bay ra Bắc bị hủy bỏ vì ngoài Bắc bị bão. Đến quá trưa, các chuyến bay mới được phục hồi. Nhờ mang thông hành Liên Hiệp Quốc vì là nhân viên của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế nên gia đình An được nhân viên của Hàng Không Việt-Nam ưu tiên sắp xếp cho đi sớm. Nói là của Hàng Không Việt-Nam nhưng thực ra vào lúc đó Việt-Nam còn chậm tiến lắm nên phải nhờ hãng Hàng Không Thụy Sĩ phụ trách các đường bay. Họ mượn một số nữ chiêu đãi viên là người Âu châu và cho mặc áo dài màu hồng hoa sen.

Khi phi cơ đáp xuống phi trường Nội Bài trời đã về chiều. Ra ngoài không thấy có xe taxi, nên An phải thuê xe của Hàng Không Việt-Nam để về khách sạn. Xe chờ thuê có 2 giá: 200,000 đồng (US\$20) nếu lấy biên nhận và 50,000 đồng (US\$5) không có biên nhận. Vào khoảng đầu thập niên 1990, người ta bắt đầu cố động chương trình phát triển khu vực tư, cổ phần hóa công ty của nhà nước và dẹp bỏ một số xí nghiệp quốc doanh làm ăn lỗ lã. Nhưng chờ thuê không biên nhận là cách tư hữu hoá phương tiện của nhà nước công khai tại một quốc gia theo một nền kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khi vào đến thành phố Hà-Nội, An thấy có nhiều khu tối thui có lẽ vì bị mất điện do bão vào buổi sáng. Khách sạn An ở là một nhà khách của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư, rất may không mất điện, nhưng điện yếu không đủ sức chạy máy lạnh. Phòng của gia đình An không có nước. Nước không lên lầu cao được vì nhà máy nước của thành phố không có điện để bơm nước lên cao. Nhân viên khách sạn phải thuê người gánh nước lên lầu cho gia đình An. Xa Hà-Nội quá lâu, nay trở về An mới biết cái nóng khủng khiếp của Hà-Nội vào mùa Hè



như thế nào. Gió Lào thổi qua quện với hơi ẩm ở miền Nam thổi lên làm không khí Hà-Nội oi bức gấp bội so với Manila, Bangkok, Sài Gòn, và ngay cả Kuala Lumpur, Singapore và Jakarta là ba thành phố rất gần đường xích đạo nhưng đều rất gần biển mà An đã có dịp tới cũng vào các tháng Sáu và Bảy. An thì không bao giờ trở lại Hà-Nội vào mùa Hè nữa.



Hình (NQK): Sông Hồng tại Hà Nội.

Thực ra trong bốn mùa, mùa hè cho An nhiều kỷ niệm hơn cả. Mùa hè là thời gian lén cha mẹ đi tắm ở các nhánh nhỏ của sông Hồng chạy gần đê Yên Phụ. Chán tắm sông, lũ bạn trong xóm và An rủ nhau lên Nghi Tàm bơi ở hồ Tây hay hái trộm ổi ở hai bên bờ đê Yên Phụ. Sau khi một đứa trong xóm bị chết đuối, An và lũ bạn sợ bị hà bá rút chân, không dám đi tắm sông nữa.

Một trong những thú vui khác của tuổi trẻ bụi đời là khều me và sấu. Vào đầu thập niên 1950 cây me và cây sấu mọc dọc theo khắp các đường phố lớn. Hai loại cây đều rất cao. An và lũ bạn phải nổi mấy cây sào mới đụng tới trái cây. Thịnh thoảng An nhặt được quả đã rụng xuống dưới đất còn tươi. Những quả này thường là những quả ngọt. Nói đến quả me và quả sấu là người ta thường rỏ dãi vì chúng vừa chua vừa ngọt. Me hoặc sấu ngâm nước mắm đường hoặc chấm muối ớt chúng trở thành một món mứt ngon tuyệt. Hai quả này còn được dùng làm canh chua ở ngoài Bắc.

Ban đêm vào mùa hè An và lũ bạn có trò chơi đi bắt ve sầu. Ở Mỹ có loại ve sầu 17 năm mới xuất hiện. Nhưng ở Việt-Nam mùa hè nào cũng có ve sầu. Muốn bắt ve sầu phải có ba thứ sau đây: một đèn bấm, một cây sào dài khoảng 15m, một hộp keo làm bằng đế giấy crepe trộn với xăng. Ve sầu vào mùa hè nhiều như sao trên trời. Rơi đèn lên thân cây là thấy chúng bám đầy trên vỏ cây cách khoảng mặt đất không cao lắm. Dùng cây sào một đầu có nhúng keo áp vào cánh ve là bắt được chúng dễ dàng. Lâu lâu An mới làm xong một con, vì nghe tiếng động chúng bay lên cao hơn. Những con chưa lột xác chưa có cánh thường ở dưới thấp, đôi khi chỉ cần với tay lên là bắt được. Khi đi ngủ An hay treo mấy con ve trong màn để xem chúng từ từ lột xác. Thời buổi loạn ly thiếu thốn không có nhiều trò chơi. An và lũ bạn biết thân biết phận tự tìm thú vui mà không hề than van.

Vào đầu thập niên 1990 Hà-Nội mới chỉ mới có một khách sạn tư nhân quốc tế Sofitel Metropole do người Pháp đầu tư. Các cơ quan nhà nước thì đua làm thương mại. Gần như cơ quan nào cũng có khách sạn riêng. Các bạn cũ ở Sài Gòn đề nghị An ở khách sạn của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư vì từ đây có thể đi bộ sang Viện Nghiên Cứu Quản Lý Kinh Tế Trung Ương ở con đường Phan Đình Phùng kế cận và chạy song song với đường Quan Thánh. An muốn thăm cơ quan này để tìm tài liệu về kinh tế Việt-Nam từ lúc đó nhưng đến cuối thập niên 1990 khi dời Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế mới thực hiện được ý định nghiên cứu này. Thế mà ở khách sạn của nhà nước cũng không được yên thân. Cứ tối đến khoảng 1-2 giờ sáng, điện thoại ở phòng tiếp tân gọi lên hỏi vu vơ vài ba câu, hoặc xin lỗi ngay là gọi nhầm số. Có một lần sau khi trả lời điện thoại, chạy vội xuống khu tiếp tân của khách sạn, An thấy một đám đàn ông ngồi đánh cờ tướng, những người mà ban ngày không bao giờ thấy. Tuổi của họ trong khoảng 20-50. Sau đó hỏi ra An mới biết họ là công an có nhiệm vụ canh gác ban đêm. Sau khi than phiền với ban quản trị ban ngày, gia đình An không bị quấy rầy vào nửa đêm nữa.

Có những hôm nóng quá, An không muốn ra khỏi khách sạn. Muốn ăn tối phải đợi đến 10 giờ đêm mới dám ra khỏi phòng. Trước khi đi An đã tắm gội sạch sẽ cho mát mẻ, nhưng chỉ cần ra đường độ năm mười phút là mồ hôi toát ra như tắm hơi vậy. An khám phá ra một tiệm mì khá ngon ở đường Đinh Liệt gần Hồ Hoàn Kiếm nên An thường ra ăn ở đây vào buổi tối. An luôn luôn chọn chỗ gần quạt để cho đỡ nóng và ngồi quay lưng vào tường, nhìn ra ngoài để quan sát sinh hoạt thành phố ban đêm. Chia sẻ đường phố với người và xe cộ là những con chuột cống khổng lồ chạy qua chạy lại. Sống ở hải ngoại lâu năm trở về quê hương thấy lại hình ảnh mấy con chuột cống làm An cảm thấy rùng mình. Có lẽ ở mọi thành phố lớn nhỏ của Việt-Nam chứ không riêng gì ở thủ đô ngàn năm văn vật đều có con vật ghê gớm này. Giữa hai cuộc sống văn minh và chậm tiến là một khoảng cách biệt quá lớn biết bao giờ mới loại bỏ được, nhất là khi mà những người lãnh đạo đất nước và những bậc thượng lưu trí thức trong xã hội cũng chỉ biết suy nghĩ và sống luôn cúi, chui rúc không khác gì những con chuột cống đó.

Ở Việt-Nam, An không dám ăn đồ nguội vì vấn đề vệ sinh. Ấy thế mà sau cơm tối, thỉnh thoảng ra ngồi hóng mát ở nhà Thủy Tạ bên hồ Hoàn Kiếm An dám ăn cà rem. Có lẽ lạnh dưới không độ vì trùng cũng không sống nổi, nên An không bị đau ốm. Hồ Hoàn

Kiếm là nơi ghi dấu nhiều kỷ niệm của An thời niên thiếu. An vẫn nhớ như ngày hôm qua chợ hoa vào mỗi dịp Tết họp ở đường Lê Thái Tổ từ đầu đường hàng Đào đến nhà Thủy Tạ. Tiếp theo là các khu chợ bán hàng tết và các gian hàng trò chơi chạy dài tới đền thờ Vua Lê. Ngồi ở nhà Thủy Tạ nhìn ra đường, An mừng rỡ thấy như An đang đi theo mẹ chọn mua hoa đào 40 năm về trước. Bà thường hay gắn trên áo len màu xanh biên của An một chùm nho làm bằng những hạt trai giả. Mưa phùn mùa xuân rắc thêm những hạt trai óng ánh trên áo An. Phía bên kia hồ là cầu Thê Húc và Đền Ngọc Sơn là nơi An hay đến câu tôm. Ngồi vắt vẻo trên cây si, cầm cần câu vớt bằng ngọn tre, thả sợi chỉ với lưới câu làm bằng dây kẽm mài sắc, bọc bên ngoài bằng một chút thính, chỉ trong chốc lát là An bắt được tôm...Quá khứ hiện về lẫn với hiện tại như một giấc mơ.



Hình Phạm Hoàng Hải: *Tháp Rùa giữa Hồ Hoàn Kiếm*

Văn Miếu ở đường Quốc Tử Giám là một nơi thứ hai ở Hà-Nội mà An không thể không đến thăm. Khi tới nơi, An rủ anh tài xế vào thăm cảnh với gia đình An. Nhưng anh ái ngại từ chối vì như anh nói nếu không có ai coi xe, đèn trước đèn sau, bánh xe, kính chiếu hậu, và những gì ở bên ngoài xe hơi có thể tháo gỡ được sẽ biến mất trong nháy mắt. Văn Miếu không những là di tích lịch sử nổi tiếng của Việt-Nam mà là một nơi An hay đến họp với đoàn Hướng Đạo vào mỗi ngày Chủ Nhật khi còn nhỏ. Thỉnh thoảng An và các bạn trong

đoàn ngủ lại trong Văn Miếu để sáng hôm sau đi cắm trại sớm. Một lần đang họp đoàn, anh em nhận được tin một anh cựu huynh trưởng của đoàn tử trận tại Hải Phòng. Người buồn nhất có lẽ là một chị huynh trưởng của một đoàn bên cạnh. Chị là người hiền hậu, xinh xắn và là người yêu của anh. Năm học Đệ Nhất CVA, An tình cờ gặp lại chị một lần ở Cô Nhi Viện Gò Vấp, Gia Định khi cả hai tình cờ cùng đến làm công tác thiện nguyện ở đây.

Hôm gia đình An dời Hà-Nội vào Nam là ngày Chủ Nhật. Địa điểm tập trung để ra phi trường Bạch Mai ở đường Nguyễn Thái Học ngay phía sau Văn Miếu, nên vài anh em trong đoàn ra tiễn An để không bao giờ An còn gặp lại nữa. Ấy thế mà cách đây 10 năm, khi một người quen cho An điện thoại của anh cựu đoàn trưởng, gọi điện thoại hỏi thăm anh, An mới khám phá ra rằng những người trong đoàn An còn nhớ tên vẫn còn sống. Anh em vừa gặp gỡ nhau trước đó mấy ngày tại một tiệc cưới và đều nhắc nhớ đến những anh em đã di cư vào Nam. Trước khi gia đình An từ biệt Hà-Nội, anh đoàn trưởng của An tâm sự rằng anh tham gia kháng chiến, rồi trở về thành phố. Không có bằng cấp nào trong tay, vào trong Nam với một xã hội trọng bằng cấp anh làm gì để sống. Vì vậy mà anh và đại gia đình quyết định ở lại Bắc. Rất may trong gia đình của anh không ai trở thành liệt sĩ. Một điều thích thú là anh đã học lại và đậu bằng Cao Học về ngành ngôn ngữ và làm cho Trung Tâm Dịch Thuật UNESCO. Ngoài ra anh còn làm hướng dẫn viên du lịch nói tiếng Anh và tiếng Pháp. An rất mừng là người em trai của anh, cùng lứa tuổi với An và là bạn cũ của An, dạy học ở Bắc Ninh và có đời sống gia đình yên ổn.

Một địa điểm nữa mà An không thể quên được đó là quê của An ở cách ngoại ô Hà-Nội chừng vài cây số, nằm trên đường Hà-Nội – Hà-Đông, không xa gò Đống Đa bao nhiêu. Làng của An có tên là Mọc Thượng Đình. Nay làng này miễn cưỡng sát nhập vào thành phố Hà-Nội. Sau hai lần chiến tranh dân số Việt-Nam tăng hơn gấp đôi trong gần 4 thập niên, từ khoảng 30 triệu vào năm 1954 lên đến 68 triệu vào năm 1992. Dân đổ về Hà-Nội làm thành phố ngày càng bành trướng ra không còn phân biệt ranh giới Hà-Nội – Hà-Đông được nữa. Từ Hà-Nội về làng của An, đồng ruộng hai bên đường và lũy tre xanh đã biến mất. Nhà cửa mọc san sát nhau.

An nhờ một người em họ, con một người cô ruột ở lại ngoài Bắc sau 1954, hướng dẫn gia đình An về thăm làng. Anh là người duy nhất trong họ là đảng viên Cộng Sản và là người có đời sống sung túc nhất trong họ hàng ở ngoài Bắc, nhưng cả họ đều xa lánh. Những người trong gia đình mách An như thế. Cô của An chạy tội cho con: “Nó vào đảng chỉ vì miếng cơm manh áo thôi, cháu ơi.” Nhưng cô cũng chẳng ưa gì thằng con trai lớn. Cô mách An rằng nó bắt ép cô bán đi một số đồ cổ cụ tổ để lại mà cô lại muốn giữ làm bàn thờ.

Vào thời điểm đó, bộ đội Cộng Sản trong đó có một thằng em họ của An, bị giải ngũ hàng loạt. Bị thất nghiệp triền miên không có trợ giúp của nhà nước, họ công khai chửi đảng và chính phủ.

“Đầu đường đại tá vá xe  
Cuối đường trung tá bán chè đậu đen  
Giữa đường thiếu tá rao kem.”

“Ngày xưa chống Mỹ chống Tây  
Ngày nay chống gậy ăn mày áo com.”

Ấy vậy, mà thằng em họ đi bộ đội cũng cố gắng bào chữa cho “Bác Hồ”: “Ông Hồ chỉ dùng Cộng Sản để làm phương tiện giải phóng đất nước khỏi thực dân Pháp.” An đã quá quen thuộc với lối lý luận cù nhầy như vậy.

Đông Âu vừa sụp đổ tan tành. Chế độ Hà Nội trong cơn hoảng loạn. Dưới con mắt của họ hàng ngoài Bắc, An trở về trong vinh quang. An bắt đắ dĩ bị làm trọng tài trong nhiều chuyện rắc rối trong gia đình và là nguồn hi vọng của họ.

Phải mất mấy giờ và may mắn lắm mới tìm thấy nhà cũ của cha mẹ An. Đầu tiên phải kể là công của người em họ đã dẫn An đến làng bên cạnh. An khen trí nhớ của ông em. Dù đường làng quanh co hai người không bị lạc. Ông em trả lời “Anh quen với hệ thống xa lộ ở bên Mỹ, còn tụi em sống ở Việt-Nam quen thuộc với ngõ ngách.” Sau đó, đường nhỏ quá, xe hơi không chạy được nữa An để vợ con và xe lại một quán ăn, rồi lội bộ đi tìm nhà. Một người dân làng chỉ An đến văn phòng công an khu vực. An biểu anh công an ít tiền và vì tình đồng hương anh tận tụy dẫn An tới nhà hai người giữ giấy tờ về đất đai trong vùng.

Tới nơi An xin mảnh giấy vẽ lại bản đồ các đường làng quanh nhà An. Tất cả những gì mà An còn nhớ lúc 10 tuổi tới lúc đó là đường xe điện Hà-Nội – Hà-Đông, cây hoa gạo đỏ và lũy tre xanh ở đầu làng, cái giếng nước trên đường vào làng, ao thả rau rút cách nhà An không xa, và hai con đường lát gạch chính chạy trước nhà và ở đầu đường. Cây hoa gạo và lũy tre xanh không giúp gì được cả vì chúng đã biến từ lâu. Nhưng nhờ ao rau rút, giếng nước, và hai đường làng lát gạch, hai ông hàng xóm của An chỉ cho An một địa điểm có những chi tiết đó trên bản đồ. Khi nhìn theo ngón tay của họ An nhận ra ngay nhà của cha mẹ An. Linh tính báo cho An như thế.

Mừng quá, mọi người đồng loạt đứng phắt dậy. Trước khi ra khỏi nhà, An ngoái lại nhìn căn phòng khách rộng rãi khang trang của ông hàng xóm. Bàn thờ gia đình không thấy đâu nhưng trên tường treo hai tấm ảnh đen trắng to lớn của Lenin và Stalin. Một nỗi buồn xót xa ứa lên trong An. Bước ra sân An quên ngay hình ảnh hai ông tổ cách mạng vô sản và chú ý đến những cây ở ngoài vườn. An tự thi thố trí nhớ của An bằng cách đọc tên hầu hết những cây của ông hàng xóm: hoa nhài, hoa sói, hoa mẫu đơn, hoa dâm bụt, cây lưu, ổi, roi (mận), đào. Hai ông hàng xóm tỏ ra rất thú vị có lẽ vì An vẫn nhớ đến cội nguồn, chưa mất gốc. Trong vườn có cả hòn non bộ. Thật là đầy đủ. Gia chủ phải là một người khá giả.

Đi bộ khoảng 15 phút là An đã đứng trước ngay căn nhà mà cha mẹ An đặt tên là Villa Văn Lang. Tấm bảng đá với ba chữ này vẫn còn ở trên cái cổng đưa vào sân trước của căn nhà. Nhưng những giàn hoa ti gôn màu hồng mọc theo hai bên cổng và chạy dọc theo bức tường trước nhà không còn nữa. Lốp vôi hồ bên ngoài đã lở gần hết để lộ ra lớp gạch bên trong. Chỗ nào chưa lở được phủ kín bằng một lớp rêu bên ngoài.

Vào khoảng năm 1946, trước khi gia đình bỏ làng chạy loạn, cha mẹ An được lệnh phải giết hai con chó để kháng chiến quân di chuyển không bị phát hiện vào ban đêm. An còn nhớ cha An ứa nước mắt khi nhìn thấy xương thịt hai con chó để trong một cái rổ người nhà mang lại. Sau khi gia đình An bỏ làng chạy loạn, cán bộ trong làng được lệnh đốt nhà của cha mẹ An để thi hành “chiến thuật” tiêu thổ kháng chiến. Nhưng trước khi

châm lửa họ cẩn thận gỡ đi tất cả những gì có thể gỡ được kể cả từ những cánh cửa sổ, quạt trần đến những viên gạch ngói lợp thành mái nhà.

Sau vài tháng chạy loạn, gia đình An trở về làng Mọc. Căn nhà của cha mẹ An chỉ còn lại mấy bức tường và sàn nhà lát gạch hoa. Một số cửa cái chôn dấu trong vườn đã bị ai đào lên lấy hết. Cha An trồng cho mẹ An một cây Ngọc Lan cùng tên với bà ở khoảng vườn từ phòng cha mẹ An nhìn ra. Trước khi tàn cư cây ra hoa tươi tốt. Vào mỗi buổi chiều Hè hương thơm dịu dàng của hoa Ngọc Lan tỏa ra để làm cho tâm hồn người ta lâng lâng như đang ở nơi tiên cảnh. Khi gia đình An trở về cây Ngọc Lan đã bị cháy khô một phần. Một hột ngô An reo trước khi chạy loạn cũng ở khu vườn đó đã thành cây có bắp. Giữa những tan hoang và điêu tàn vẫn vươn lên một niềm hi vọng. Thật là kỳ diệu. An còn quá nhỏ để hiểu biết được những ý nghĩ trong đầu óc của cha mẹ An lúc đó. Ít lâu sau gia đình An dời bỏ làng Mọc Thượng Đình dọn vào Hà-Nội, sống chen chúc trong 2 căn phòng của dãy nhà phố ở khu Chùa Hòe Nhại.

Gia đình An tương đối được an toàn trước năm 1954, mặc dù sống ở đâu An cũng nghe tiếng súng âm ì ở xa vọng lại suốt ngày đêm. Thời gian 1945-1946 chứng kiến thực dân Pháp cố đấm ăn xôi trở lại Việt-Nam với sự thỏa thuận của lực lượng Đồng Minh, những kẻ thắng Thế Giới Đại Chiến thứ II. Pháp xua quân từ các thành phố lớn để chiếm lại đất ở nông thôn. Ở ngoài Bắc, quân Pháp thay thế quân Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch. Kháng chiến quân Việt-Minh rút khỏi Hà-Nội vào tháng 12 năm 1946 sau khi tấn công một số trại lính Pháp, đánh dấu sự bắt đầu của chiến tranh Việt-Pháp kéo dài 8 năm. Gia đình An tản cư về miền quê xa Hà-Nội hơn. Trong giai đoạn tản cư ngắn ngủi chết chóc đến gần với gia đình An hơn.

Một lần An được chứng kiến cảnh máy bay Pháp sà xuống bắn dân chúng ở hai bên bờ sông Đáy. Cha An cũng An lợi vội qua sông rồi lẩn vào vườn cây vãi để tránh đạn. Khi phi cơ bay đi rồi, cha An cũng An ra bờ sông xem những thân cây bị đạn bắn nát vãi chỗ. Một lần khác máy bay Pháp bắn phá làng So khiến cả gia đình phải chui xuống gầm giường. Mỗi lần tiếng máy bay đi xa, một người trong gia đình lại chui vội ra khỏi gầm giường và lấy thêm chăn mền phủ lên giường để đỡ đạn. Cha An còn ở ngoài sân để gỡ mấy quần áo còn phơi trên giây và hạ mấy cây sào chĩa lên trời vì sợ máy bay tưởng là súng cao xạ. Ông chạy vòng quanh đồng rom để tránh máy bay. Khi cuộc oanh kích ngưng, mọi người hăng hái ra ngoài vườn lượm vỏ đạn nộp cho quân Kháng Chiến. Mỗi viên đạn dài khoảng một gang tay. Thịnh thoảng có viên chưa nổ, còn nguyên đầu đạn. An thấy các anh Kháng Chiến quân tải thương một số người đi qua. Một lần khác An chứng kiến cảnh họp chợ làng vừa bị máy bay Pháp tấn công. Một số người chết hoặc bị thương còn chưa mang đi hết.

Khi tình thế tạm yên, đời sống tản cư tạm bợ ở thôn quê thiếu thốn và thất vọng vì khủng bố, đấu tranh giai cấp, và hơi hám chủ nghĩa tam vô bắt đầu lộ diện, gia đình An trở về làng Mọc rồi vào sống ở Hà-Nội. Nhưng vào thành phố rồi, không hẳn là được an toàn một trăm phần trăm. Một đêm An không nhớ năm, nhưng vào khoảng cuối thập niên 1940, vào khoảng 2-3 giờ sáng, súng nổ chát chúa khắp khu hàng Than lên đến đê Yên Phụ. Tiếng chân người chạy rầm rầm ở ngay bên ngoài đường phố nơi gia đình An ở. Quân Kháng Chiến xâm nhập Hà-Nội từ ngã sông Hồng tấn công một vài đồn lính Pháp và cảnh

sát và trụ sở hành chánh địa phương. Tờ mờ sáng quân Kháng Chiến rút đi. Không khí yên tĩnh trở lại. Sáng hôm sau, an ninh Pháp đến điều tra, lấy tin của dân trong xóm. Ông trưởng khóm, người theo Thiên Chúa Giáo, chạy thoát nhưng bà vợ đang mang thai bị bắn chết để thể mạng cho chồng.

Học hết bậc tiểu học, cha mẹ An cho An học trường tư thục Dũng Lạc bên cạnh Nhà Thờ Lớn ở Hà-Nội. Thịnh thoảng tan học sớm, buồn tình hay nhớ làng xóm, An đạp xe đạp về thăm quê một mình. Thời đó làm gì có xe gắn máy hay xe hơi. Xe đạp là phương tiện tốt để di chuyển. An đã từng đạp xe đạp đi cắm trại ở Bắc Ninh, chùa Trầm, Láng, Chèm Vẽ, Voi Phục, Nghi Tàm, Xuân Tảo và hầu hết các thắng cảnh quanh hồ Tây. Từ nhà An ở Hà-Nội về làng Mọc khoảng 10 km. Nhà để xe và một phần căn nhà chính đã sửa chữa lại cho gia đình một người bên nội trông coi. Một ông bác của An có một khu đất rộng đối lưng với vườn sau nhà của cha mẹ An. Hai bên thông nhau bằng một chiếc cổng nhỏ.

Mỗi lần về quê, An hay bách bộ qua sang thăm khu vườn của ông Bác bỏ hoang từ ngày gia đình Bác cũng như gia đình cha mẹ An bỏ quê vào sống ở Hà-Nội. Không khí hoàn toàn yên lặng. Không có đến cả bóng dáng một con chim. Chỉ có tiếng côn trùng rên rí. Hồ ao cá của Bác An vẫn còn đó. Nước ao đỏ ửng như uất hận. Cây sung vô tư lự ngã xuống mặt ao như để vỗ về an ủi và chia sẻ nỗi cô đơn. Hối nhỏ An hay ngồi chơi bên gốc sung, ném thức ăn cho cá. Cảnh vật nay đứng đưng như trách con người sao quá vô tâm. Chiến tranh đã làm thay đổi tất cả. Đến tuổi già yếu, Bác An trở lại sống trong căn nhà của cha mẹ An ở Làng Mọc vào những ngày cuối đời trước khi chiến tranh Việt-Pháp chấm dứt. Khi chết gia đình chôn cất Bác ở thửa ruộng của Bác ở ven làng. Còn gia đình cha mẹ An không bao giờ trở về sống trong làng Mọc nữa.

Chiến tranh ngày càng tiến về gần Hà-Nội. Vào đầu năm 1952, sau khi bị bao vây và tổn thất khoảng 5,000 binh sĩ, Pháp đưa viện binh với 12 tiểu đoàn tới, xử dụng 30,000 trái pháo, mở đường máu rút lui khỏi Hòa Bình chỉ cách Hà-Nội khoảng 70 Km về phía Tây Nam. Ở ngoài Bắc, lực lượng viễn chinh Pháp tập trung vào trong vòng đai De Lattre để phòng thủ châu thổ sông Hồng và chỉ còn kiểm soát được khu tam giác bao quanh Hà-Nội, từ đỉnh là Việt -Tri – Vĩnh Yên xuống tới cạnh đáy là vịnh Bắc Việt, chạy từ Hải Phòng xuống tới Phát Diệm. Bằng hai cuộc hành quân vào hậu cứ tiếp liệu của quân Kháng Chiến ở Yên Bái – Phủ Doãn và Lạng Sơn, Pháp cố gắng lật ngược thế cờ trong năm 1953 nhưng không thành công. Vào ngày 7, tháng 5, 1954 căn cứ Điện Biên Phủ thất thủ và Hội Nghị Geneva chính thức bắt đầu. Tiếp theo là trận đánh lớn cuối cùng xảy ra tại Cao Nguyên Trung Phần vào giữa tháng 6 đến giữa tháng 7, 1954. Hai tiểu đoàn thiện chiến từng tham chiến tại Cao Ly, một tiểu đoàn cảm tử và một trung đoàn pháo binh của Pháp gồm tổng cộng gần 3,000 binh sĩ, tổ chức thành một lực lượng lưu động GM 100, đã bị tiêu diệt gần hết trên đường rút lui chiến thuật từ An Khê về Pleiku rồi Ban Mê Thuột. Quân số chỉ còn lại 107 người. Trong số này có 53 binh sĩ bị thương.

Chỉ vài ngày sau đó, lệnh ngưng bắn ngoài mặt trận được ban hành vào 20.7.1954. Thỏa hiệp chia đôi Việt-Nam ở vĩ tuyến 17 và lệnh ngưng chiến trên toàn quốc được ban hành vào ngày 1 tháng 8, 1954. Một nửa bên nội và bên ngoại của An quyết định ở lại.

Nửa còn lại vào Nam. Cảnh chia ly thương tâm bắt đầu. Vào một ngày của mùa Hè 1954, gia đình An khăn gói lên đường. Trước khi từ giã căn nhà ở khu chùa Hòe Nhại cha An mở cửa lồng, thả con chim cu mà ông nuôi đã mấy năm. Mỗi lần đi làm về, cha An đứng trước lồng chim, dơ ngón tay chỏ lên, rồi quặp xuống vài lần. Con chim cu đáp lại bằng cách vừa gáy vừa gật gù cái đầu theo chuyển động của ngón tay. Khi ra khỏi lồng nó vỗ cánh rất mạnh, bay bổng lên cao, rồi biến mất trong nháy mắt vào không gian rộng lớn, không đoái hoài nhìn lại. Tình thương của cha An dành cho nó và thức ăn đầy đủ mỗi ngày cũng không thể bù lại cảnh tù túng trong cái lồng chật hẹp. Cũng như con người và mọi sinh vật trên thế gian, con chim cu bẩm sinh muốn được bay nhảy và sống cuộc đời tự do.

Gần 40 năm sau trở lại, căn nhà và mảnh đất của cha mẹ An bây giờ xẻ ra làm nhiều phần cho bảy gia đình ở. An xin phép họ được vào thăm bên trong. Trước khi vào An hỏi họ là sau bức tường, ở sân sau, có còn cái bếp và hồ chứa nước mưa không. Họ vui vẻ trả lời là vẫn còn nguyên vẹn. Ôi, những vật vô tri vô giác tự nhiên như có linh hồn. Khi An trở ra phía trước nhà, dân làng tò mò kéo đến đông đảo. Một bà cụ già đến nói với An là cụ xin trả lại nhà cho An. An ôm vai bà cụ và ôn tồn thưa với cụ là An và gia đình đã an cư lạc nghiệp ở Hoa-Kỳ, cụ cứ giữ nhà này mà ở. Gia đình ông hàng xóm sát bên vui vẻ kể chuyện ngày xưa quen biết với cha mẹ An như thế nào. Gia đình người hàng xóm trước cửa mời An vào nhà chơi. Thật là tiếc An không ở lâu được nữa vì vợ con chờ đã lâu ở làng bên cạnh. An đành phải tạm biệt mọi người. Sau lần đó, An về thăm Việt-Nam hai lần nữa nhưng chưa có dịp trở lại làng xưa.

Một ngày trước khi rời Hà-Nội trở vào Sài Gòn, An thuê xe xích lô chở đến Viện Bảo Tàng Quân Đội trong khi vợ con đi thăm họ hàng. Bảo tàng này nằm ngay trong khuôn viên của Thành Thăng Long cũ về phía nam ở góc đường Điện Biên Phủ và đường Hoàng Diệu, ngay bên cạnh Cột Cờ. Nói chung Viện Bảo Tàng vào năm 1992 rất nghèo nàn. Đến năm 1998 An trở lại cũng không thấy có gì mới lạ. Đáng chú ý hơn cả là sa bàn Trận Điện Biên Phủ vào tháng 5, 1954 và sa bàn cuộc bao vây thành phố Sài Gòn vào tháng 4, 1975. Ở bên ngoài sân, viện bảo tàng trưng bày một số trọng pháo, và mảnh máy bay phản lực và B52 của Hoa-Kỳ bị bắn rơi. Bên trong trưng bày một số chiến xa, hình ảnh chiến tranh, đồng phục phi công Mỹ. Bảng tên của ông Nguyễn Văn Thiệu và Đại Tướng Cao Văn Viên được cẩn thận trưng bày trong tủ kính như những chiến lợi phẩm cao quý nhất trong một chiến tranh đẫm máu với tổng cộng 1.5 triệu lính tử trận, 4 triệu thường dân chết, 6 triệu người lính bị thương ở cả hai miền Nam và Bắc. Một cuộc chiến không có kẻ thắng. Cuộc “cách mạng chuyên chính vô sản” do CSVN chủ trương hoàn toàn thất bại. Chỉ có dân tộc Việt-Nam ở cả hai miền là thua đậm và còn tiếp tục trả một giá rất đắt về mặt kinh tế, văn hoá, xã hội ít nhất vài ba thế hệ nữa.

Trước khi ra về An băng qua bên đường để ngắm nhìn bức tượng bằng đồng của Lenin dựng trong một công viên nhỏ của Hà-Nội. Đây là một trong những bức tượng cuối cùng của nhà cách mạng Nga còn sống sót trên mặt quả địa cầu. An không biết bức tượng này sẽ còn tồn tại đến bao giờ. Nhưng đó cũng chỉ là vấn đề thời gian. Một ngày nào đó, nó cũng sẽ



được cho vào nghĩa trang tượng các lãnh tụ Công Sản như Memento Park ở Budapest, Hung Gia Lợi, để cho người đời mãi mãi ghi nhớ một thời đại kinh hoàng của nhân loại.

Người dân miền Bắc là tác giả nhiều bài về chằm biếm chế độ xã hội chủ nghĩa. Một số nói về Lenin như sau:

*“Tổ sư là bác Lê Nin  
Cũng là sư tổ linh tinh hại đời.”*

*Hay:*

*“Lê nin sinh ở nước Nga,  
Sao ông đứng ở vườn hoa nước mình.  
Một tay chống, một tay khuyến.  
Một đàn kẻ cướp đứng rình đằng sau.*

*“Ông Lê Nin ở nước Nga  
Sao ông lại đứng vườn hoa nước này*

*Ông ưỡn ngực, ông chỉ tay  
Ông xem như thể nước này của ông.*

*Ông Lê Nin quê ở nước Nga  
Cớ sao lại đứng vườn hoa nước này  
Ông vênh mặt, ông chỉ tay  
Tur đo hạnh phúc lũ mày còn xa  
Kìa xem gương của nước Nga  
Bảy mươi năm lẽ có ra đểch gì*

Có một địa điểm ở Hà-Nội, An không muốn đến nhưng cứ bị hồi thúc tới thăm. Đó là làng “Bác Hồ”. Từ các anh tài xế taxi đến hướng dẫn viên du lịch đều đề nghị An nên viếng “Bác”. An tìm mọi cách từ chối. Một lần thiếu kiên nhẫn, An bực mình nói toạc ra rằng An phải đợi cho lịch sử phán xét ông Hồ có công hay có tội với đất nước lúc đó mới quyết định đến thăm làng của ông Hồ hay không. Thật ra, người dân Việt đều đã biết rõ những tội lớn nhất của ông Hồ Chí Minh là du nhập chế độ Cộng Sản vào Việt Nam, cướp công kháng chiến, theo lệnh của Cộng Sản Quốc Tế tiến hành cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam, và đưa cả nước Việt Nam vào tình trạng chậm tiến và văn hóa đồi trụy như ngày nay.

Sau gần 40 năm định mệnh đã bắt An xa Hà-Nội, thành phố lịch sử này không thay đổi bao nhiêu. Nhiều nhà còn mang lớp vôi bốn thập niên trước. Tuy nhiên kể từ Đệ Nhị Thế Chiến chính thể đã thay đổi trên miền Bắc 6 lần và Hà-Nội đã qua tay các quyền lực Pháp, Nhật, Trung Hoa Dân Quốc, Việt-Nam Quân Chủ Lập Hiến, và CSVN. Sau chiến tranh dân số Hà-Nội đã tăng lên gấp bội. Phố xá xưa kia rộng thênh thang bao nhiêu, khi An trở về chúng trở thành chật hẹp bấy nhiêu. An đã tìm lại được quê hương. Tình làng xóm vẫn còn, nhưng những hình ảnh thân yêu cũ của làng An đã mất. Đa số dân chúng vẫn phải sống thiếu thốn nhất là ở thôn quê. Trong khoảng 20 năm qua, đời sống ở Hà-Nội và các thành thị nhộn nhịp và sung túc hơn nhờ Việt-Nam chuyển đổi nền kinh tế từ xã hội chỉ huy sang tư bản thị trường. Tuy nhiên sự cách biệt giàu nghèo ngày càng lớn, sinh hoạt chính trị và tinh thần của người dân vẫn bị kìm kẹp. Việt-Nam vẫn là một trong những nước nghèo đói nhất thế giới. Dân tộc Việt-Nam vẫn phải sống dưới chế độ công an trị, tham nhũng, bất công và chưa thật sự được hưởng thanh bình dù tiếng súng đã ngưng trong gần bốn thập niên.

## **NGUYỄN QUỐC KHẢI** (Virginia)

# TAM CẢ NGUYỆT SAN CỎ THƠM KỶ NIỆM 18 TUỔI

5 tháng 5, 2013 tại Falls Church, Virginia – USA  
Hình ảnh của Henry Việt, Phạm Văn Tuấn, Phạm Bá.



*Từ trái: Phan Anh Dũng, Tâm Hào, Lê Mai Linh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thái Phương, Uyên Phương Minh Nguyệt, Ý Anh và Phan Khâm.*



*Hàng ngồi: Thái Phương, Hồng Thủy, Uyên Phương Minh Nguyệt, Hàng đứng: Ý Anh, Trinh Phan, Ý Nguyễn, Nguyễn Thị Ngọc Dung.*



Hoàng Song Liêm, Bùi Thanh Tiên, Uyên Phương Minh Nguyệt, Chị Liêm, Lê Mai Linh, Uyên Thao, Nguyễn Thị Ngọc Dung, và Trần Bích San.



Nguyễn Lâm, Diễm Hoa, Anh Chị Tạ Bình, Uyên Phương Minh Nguyệt, Khoa Lâm.



Nguyễn Quốc Khải, Phong Thu, Ý Nguyễn, Thái Phượng, Ý Anh, Ý Nguyễn, Ngô Tăng Giao, Phạm Bá.

## NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG CHÀO MỪNG QUAN KHÁCH

Xin kính chào quý vị quan khách,  
Quý văn thi nghệ sĩ và thân hữu,  
Thật là may mắn cho chúng tôi, trời Hoa Thịnh Đốn hôm nay nắng đẹp, hoa xuân muôn màu rực rỡ để quý vị thoải mái đến đây chung vui sinh nhật thứ 18 của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Vâng, thưa quý vị Tạp Chí Cỏ Thơm đã bước vào tuổi 18.

Nhớ lại những số đầu, Tạp Chí Cỏ Thơm chỉ in bìa đen trắng vì không đủ tài chánh in bìa màu. Tác giả hợp tác cũng chỉ có chừng hai chục vị. Độc giả cũng không nhiều. Ngân quỹ eo hẹp. Nhưng ngày nay số tác giả, hội viên và độc giả Cỏ Thơm đã tăng gấp bội. Chúng tôi có Website với Phó Chủ nhiệm ngoại vụ là Nhạc sĩ Phan Anh Dũng biên soạn. Cỏ Thơm có 3 đồng chủ bút là Biên Khảo Gia Trần Bích San, Giáo sư Phạm Văn Tuấn và Nhà thơ

Ngô Tăng Giao mới duyệt xét được hết bài vở gửi tới đăng mỗi kỳ. Phó Chủ nhiệm nội vụ Nhà Thơ Phan Khâm, hoạt động rất tích cực cho Cỏ Thơm. Tổng Thư ký, Nhà thơ Ý Anh một hội viên từ thuở “hàn vi” của Cỏ Thơm.



Chúng tôi có thêm đại diện ở nhiều tiểu bang trong nước Mỹ. Tại nước ngoài có đại diện ở Pháp, Gia Nã Đại và Đức. Và, nếu tin nhiệm được bưu điện của Nhà nước Cộng Sản, chúng tôi đã gửi báo về độc giả tại Việt Nam. Thực vậy, danh Cỏ Thơm lừng vang khắp nơi.

Từ 7 năm nay Tạp san Cỏ Thơm đã có bìa màu. Tuy quảng cáo rất ít, nhưng thân chủ là những vị quan tâm tới nền văn học hải ngoại nên vẫn bền bỉ ủng hộ việc làm bất vụ lợi của

chúng tôi. Thưa quý vị, không phải chỉ có các tác giả cộng tác gần đây mới ủng hộ tài chánh cho Cỏ Thơm. Các tác giả kỳ cựu, có tầm cỡ đã cộng tác với Cỏ Thơm từ những số đầu tiên cho đến nay vẫn tiếp tục ủng hộ và khuyến khích Ban Trị Sự gìn giữ Cỏ Thơm được lâu dài. Tất cả các tác giả gửi bài đăng Cỏ Thơm đều không có nhuận bút. Ban trị sự làm việc không công. Tất cả những hội viên ủng hộ Cỏ Thơm vì yêu văn chương, thi phú, vì muốn chữ Việt thăng hoa, trường tồn ở hải ngoại.

Sở dĩ, Tạp Chí Cỏ Thơm đã sinh hoạt văn học đều đặn được 17 năm, vượt qua thời gian của một số Tạp Chí danh tiếng khả kính của các vị tiền bối bởi vì Cỏ Thơm được sinh hoạt tại một nước tự do ngôn luận, tự do báo chí, nhân quyền, nhân bản được thực sự tôn trọng. Các vị tiền bối đã làm báo dưới ách đô hộ của ngoại bang. Bài vở bị kiểm duyệt, nay bị đóng cửa, mai bị bắt bớ. Khá hơn thì có tạp chí được tài trợ bởi chính phủ. Nhưng khi chính phủ không tài trợ nữa thì báo phải đình bản. Dưới chế độ Cộng sản, nếu người làm báo không theo chiều hướng của nhà nước thì nay bị đe dọa, tịch thu tài sản, mai bị bỏ tù hay thủ tiêu.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và các báo ở Hải Ngoại đã không bị những áp lực đó. Tuy nhiên, Cỏ Thơm luôn luôn giữ phong cách hòa nhã, đứng đắn, nhưng vẫn giữ lập trường quốc gia chân chính, chống cộng rõ ràng. Sự ủng hộ và công nhận của quý vị đã khuyến khích chúng tôi tiếp tục hành trình bảo tồn văn chương chữ nghĩa của ông cha đã sáng tạo ra và để lại cho con cháu các đời sau.



Ban Điều Hành: Nguyễn Văn Bá, Ngô Tăng Giao, Trần Bích San, Phan Khâm, Ý Anh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn.

Nhân dịp chào đón và hội ngộ cùng quý vị, chúng tôi xin được gửi lời chào mừng đến biên khảo gia Trần Bích San về từ New Orleans. Thi sĩ Lê Mai Linh đến từ Pennsylvania, Nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt và Nghệ sĩ Khoa Lân tới từ Texas. Lát nữa đây các Hội viên phương xa của Cỏ Thơm sẽ lên sân khấu trình diễn cùng quý vị trong phần văn nghệ.

Chúng tôi xin thay mặt Cơ Sở Cỏ Thơm xin ghi ơn quý thân chủ cho quảng cáo, quý độc giả, thân hữu, quý tác giả, hội viên có mặt trong tiệc mừng sinh nhật thứ 18 của Cỏ Thơm đêm nay. Quý vị đã tiếp tay chúng tôi vun xới vườn hoa văn học Cỏ Thơm. Quý vị đã làm nên lịch sử văn học Cỏ Thơm.

Xin cảm ơn quý thân hữu đã mời quan khách tham dự đông đảo dù có nhiều sinh hoạt khác trong cộng đồng cuối tuần này. Xin cảm ơn quý nghệ sĩ sẽ trình diễn trong phần ca nhạc hào hứng của Cỏ Thơm đêm nay. Xin cảm ơn Nhà hàng Harvest Moon đã dành cho chúng tôi những điều kiện dễ dàng để buổi tiệc được hoàn hảo.

Chúc quý vị một đêm vui đặc biệt và suốt năm hạnh phúc. Xin cảm ơn quý vị.



Hàng 1: Bùi Thanh Tiên, Hoàng Song Liêm, Ý Nguyên, Hoàng Bạch Mai, Ý Anh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Hồng Thủy, Phong Thu, Uyên Phương Minh Nguyệt, Nguyễn Lân, Đăng Nguyên. Hàng 2: Phan Anh Dũng, Đỗ Phú, Lý Hiếu, Lê Mai Linh, Uyên Thao, Tạ Bình, Huy Lãm, Cao Nguyên. Hàng 3: Nguyễn Văn Bá, Ngô Tăng Giao, Trần Bích San, Phan Khâm, Phạm Văn Tuấn, Phạm Hữu Bính, Phạm Trọng Lệ.









## PHAN ANH DŨNG MỞ ĐẦU CHƯƠNG TRÌNH VĂN NGHỆ

Kính thưa quý vị,

Trước khi bắt đầu chương trình văn nghệ, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả nghệ sĩ đã bỏ thì giờ quý báu tập dợt và đóng góp cho chương trình tối hôm nay thêm phong phú.

- Đặc biệt cảm ơn đến một số hội viên và thân hữu từ xa đến như: Nhà Biên Khảo Trần Bích San, vợ chồng Khoa Lân & nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt, thi sĩ Lê Mai Lĩnh, nhạc sĩ Hồ Bằng, nhạc sĩ Vĩnh Điện, thi sĩ Ngô Thy Vân và phu quân.

- Xin cảm ơn anh Đèo Văn Sách đã giúp tay với Khoa Lân trong việc thiết kế sân khấu.

Nhân dịp này, tôi cũng xin phép nói một chút về sinh nhật năm thứ 7 của website Cỏ Thơm:

<[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)>.



Website được thành hình năm 2006 với ý kiến đầu tiên và sự khuyến khích đặc biệt của Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung và Ban Điều Hành, qua sự giúp đỡ đặc biệt về kỹ thuật của 2 anh Nguyễn Văn Bá và Thủy Senser. Anh Bá đã làm một "cái sườn" vững chắc để website có thể hoạt động liên tục mà ít xảy ra vấn đề nghiêm trọng.

Sau 7 năm hoạt động, website đã có nhiều độc giả thường xuyên khắp nơi, kể cả một số độc giả ở Việt Nam. Ngoài bài vở phong phú về văn, thơ, biên khảo (đã in trên tam cá nguyệt san Cỏ Thơm), còn có sự đóng góp về Nhiếp Ảnh, Hội Họa và Âm Nhạc mà theo thiên ý: chỉ có website mới có thể thực hiện những đề tài này hiệu quả hơn!

Tôi cũng xin được nhắc đến sự đóng góp đặc biệt cho website của Nhiếp Ảnh Gia/Nhà Soạn Nhạc (composer) Lê Văn Khoa, Nhạc sĩ Thanh Trang, Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Họa sĩ/Nhiếp Ảnh Gia Nguyễn Sơn ...

Riêng về phần Âm Nhạc, trong tiết mục "Sân Nhạc của Bằng Hữu Cỏ Thơm" đã có sự đóng góp hàng tháng của nhiều thân hữu hiểu biết và yêu âm nhạc, trong số đó có tiếng hát của một số người hiện diện hôm nay như: Đèo Văn Sách, Kim Phụng, Như Hương, Minh Trân, Thái Phượng, Tâm Hào ...

Trở lại với chương trình văn nghệ tối hôm nay, tôi xin thông báo:

- 2 nhạc sĩ Tiến Kèn và Sĩ Thành sẽ phụ trách về âm thanh và nhạc đệm;
- 2 MC Thái Phượng và Đàm Xuân Linh sẽ giới thiệu các tiết mục;
- Có một số hoa hồng để quý vị dùng tặng cho ca nhạc sĩ mà mình yêu mến. Xin yêu cầu quý vị chỉ tặng hoa vào lúc cuối bài.

Xin trân trọng kính chào quý vị. Chúc quý vị một đêm vui vẻ và hạnh phúc.



Nghệ sĩ Cỏ Thơm - Hàng trước: Hoài Thanh, Kim Phụng, Tâm Hảo, Kiều Nga, Như Hường, Ngọc Dung, Bạch Mai, Thái Phượng, Uyên Phương Minh Nguyệt, Minh Trân.  
Hàng sau: Trần Bích San, Đèo Văn Sách, Sĩ Thành, Đình Tiến, Đàm Xuân Linh, Bùi Thanh Tiên, Khoa Lân, Phan Anh Dũng, Lê Mai Linh.



Hợp ca *Bên Bờ Đại Dương* của Nhạc sĩ Hoàng Trọng.

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP MẶT CỎ THƠM**  
**KỶ NIỆM 18 NĂM - Harvest Moon Restaurant - Chủ Nhật May 5, 2013**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>PHẦN 1: 6:30 PM</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu và mời mua sách gây quỹ Cỏ Thơm</li> <li>- Lời Mở Đầu</li> <li>- Nghi Thức Chào Quốc Kỳ: Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa</li> <li>- Một Phút Mặc Niệm</li> <li>- Diễn Văn Chào Mừng Quan Khách</li> <li>- Mời Văn Thi Nhạc Sĩ Cỏ Thơm Chụp Hình Kỷ Niệm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p><b>Phong Thu</b></p> <p><b>Phan Anh Dũng</b><br/><b>Phan Khâm</b></p> <p><b>Nguyễn Thị Ngọc Dung</b><br/><b>Hồng Thủy</b></p>                                                                                                                                                                                                                 |
| <p><b>PHẦN 2: 7:00 PM</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn Tối &amp; Hân Huyền</li> <li>- Chiếu Hình Ảnh Sinh Hoạt Cỏ Thơm 18 năm qua</li> <li>- Giới thiệu và mời mua sách gây quỹ Cỏ Thơm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <p><b>Phong Thu</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <p><b>PHẦN 3: 7:45 PM - VĂN NGHE</b></p> <p><b>Lời Mở Đầu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Hợp ca “Bên Bờ Đại Dương”</b> (Hoàng Trọng - Hồ Đình Phương)</li> <li>2. <b>“Ta Nhớ Em”</b> (Thơ: Phan Khâm - Nhạc: Phan Anh Dũng)</li> <li>3. <b>“Khúc Hát Ly Hương”</b> (Thanh Trang)</li> <li>4. <b>Hoạt Cảnh: “Nhập Thiên Thai”</b><br/>(Lời giới thiệu: Trần Bích San)</li> <li>5. <b>Hòa tấu “La Paloma”</b> (Sebastián Iradier)</li> <li>6. <b>“Xuân Viễn Xứ”</b> (Thơ: Hồng Thủy - Nhạc: Nguyễn Ánh 9)</li> <li>7. <b>Đọc thơ “Chuyến Tàu Cuối Năm”</b> (Lê Mai Linh)</li> <li>8. <b>“Thuyền Trăng”</b> (Nhật Bằng - Thanh Nam)</li> </ol> | <p><b>Phan Anh Dũng</b></p> <p><b>Đèo Văn Sách, Kim Phụng, Thái Phượng, Loan Phượng, Tâm Hào, Anh Dũng</b></p> <p><b>Đèo Văn Sách</b></p> <p><b>Tâm Hào</b></p> <p><b>Uyên Phương Minh Nguyệt &amp; Khoa Lân</b></p> <p><b>Đàm Xuân Linh, Tiến Kèn, Sĩ Thành</b></p> <p><b>Như Hương</b></p> <p><b>Lê Mai Linh</b></p> <p><b>Loan Phượng</b></p> |
| <p><b>PHẦN 4: 8:45 PM – KHIÊU VŨ</b></p> <p><b>Ca sĩ: Kiều Nga, Bạch Mai, Đèo Văn Sách, Kim Phụng, Minh Trân, Ngọc Dung, Như Hương, Loan Phượng, Thái Phượng, Hoài Thanh, Bùi Thanh Tiên, Anh Dũng, Tâm Hào, Sĩ Thành ...</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p><b>MC: Thái Phượng &amp; Đàm Xuân Linh</b><br/> <b>Keyboard: Sĩ Thành</b><br/> <b>Âm Thanh, Saxophone: Tiến Kèn</b><br/> <b>Ánh Sáng, video: Richard Hsu</b><br/> <b>Thiết kế sân khấu: Khoa Lân, Đèo Văn Sách</b><br/> <b>Điều Hợp Tổng Quát: Phan Anh Dũng</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |







Phan Anh Dũng, Như Hương, Đèo Văn Sách, Phan Khâm.



Sĩ Thành, Bạch Mai, Đàm Xuân Linh, Ngọc Dung, Ngô Thy Vân, Đinh Tiến.

**Xin lỗi quý vị quan khách và độc giả vì trang báo có hạn, xin mời  
độc giả lên Website Cỏ Thơm <[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)> và  
vào mục: [Họp Mặt Cỏ Thơm Sinh Nhật Năm thứ 18](#) Virginia, USA -  
5/5/2013 xem nhiều hình ảnh đẹp nữa với ghi chú rất đầy đủ.**

## TRẦN BÍCH SAN KHAI TỪ NHẠC CẢNH VĂN HỌC “NHẬP THIÊN THAI”

Trình diễn: Khoa Lâm & Uyên Phương  
Minh Nguyệt

Truyện xưa kể rằng:

Từ Thức người Hóa Châu nhờ phụ âm được bổ làm tri huyện Tiên Du. Gần huyện có một ngôi chùa nổi tiếng, trong chùa có trồng mẫu đơn. Hàng năm đến kỳ hoa nở, người các nơi đến xem rộn rịp thành một hội hoa tung bừng, náo nhiệt. Năm Quang Thái thứ 9 đời nhà Trần có một cô gái tuổi độ 16, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời đến xem hội hoa. Trong lúc mê mê thường ngoạn, cô gái vô tình vịn vào cành, không may cành giòn gãy khúc, bị người coi hoa giữ lại. Chiều đã tàn, ngày sắp tối mà vẫn không có ai đến chuộc. Từ Thức cũng có mặt trong hội hoa thấy vậy động lòng thương, bèn cởi áo cừu gấm trắng đưa vào tăng phòng xin chuộc người con gái ấy.

Từ Thức tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, yêu cảnh đẹp nên bê trễ việc công. Khi bị quan trên quở trách bèn cời trả ấn tín, cáo quan mà về. Vốn mê cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, Từ làm nhà tại đây để ở, thường cùng một tiểu đồng đem theo rượu, đàn, và mấy quyển sách để gặp chỗ nào thích ý thì ngả rượu ra uống, làm thơ. Phàm những nơi nước tú, non kỳ đều có thơ của Từ để vịnh.

Một hôm Từ dậy sớm, trông ra cửa bể Thần Phù ở ngoài xa vài chục dặm có đám mây ngũ sắc đùn lên kết thành một đóa hoa sen, bèn vội chèo thuyền ra đó thì thấy một trái núi rất đẹp. Từ buộc thuyền lên bờ, tính

lên núi nhưng vách đá sừng sững thẳng đứng cao vút nghìn trượng chỉ có loài chim mới bay lên được. Từ tức cảnh đề thơ, đang thần thờ đứng ngắm thì bỗng nhiên vách đá

nứt ra một hang hình tròn, rộng độ một trượng. Từ vén áo đi vào được vài bước thì cửa hang khép sập lại, bên trong tối đen như mực, Từ phải sờ xoạng lối rêu lần bước theo một cái khe nhỏ ngoằn ngoèo. Đi hơn một dặm có đường ngoi lên, Từ bám vúi leo trèo thì mỗi lúc một rộng ra. Tới đỉnh núi bầu trời sáng sủa, có lầu đài nguy nga tráng lệ, mây xanh rắng đỏ bám ở lan can, kỳ hoa cỏ lạ nở đầy trước cửa.



Chợt thấy hai người con gái áo xanh tới mời vào chơi, Từ đi theo vòng qua bức tường gấm vào trong khung cửa son thấy những tòa cung điện bằng bạc đứng sừng. Tới cung điện có tấm bảng đề “Gác Dao Quang”, trên gác có một bà tiên áo trắng ngồi trên giường thất bảo, bên cạnh đặt chiếc giường nhỏ bằng gỗ đàn hương, mời Từ lên ngồi rồi sai con hầu gọi một cô tiên ra. Từ liếc mắt nhìn trộm thì chính là người con gái đã làm gãy cành mẫu đơn ngày trước. Bà tiên trở nàng bảo rằng:

- Đứa con tôi đây tên là Giáng Hương, ngày nọ gặp nạn trong khi xem hoa nhờ công tử cứu gỡ, ơn ấy không quên, nay muốn cho nó kết duyên để báo đền ơn trước.



Ngay đêm đó đốt đèn mỡ phượng, trải đệm vẫn rỗng để hai người làm lễ giao bái. Ngày hôm sau quần tiên đến mừng, có người mặc áo gấm cưới con ly từ phương Bắc xuống, có người bận xiêm lụa cưới rỗng từ phương Nam lên, có người đi kiệu ngọc, có người cưỡi xe gió, đồng thời hợp lại. Yên tiệc đặt ở tầng thượng của gác Dao Quang, buông rèm câu ngọc, rủ trướng móc vàng. Tiệc bày mâm bằng mã não, đĩa bằng ngọc thạch, các món ăn đều rất kỳ lạ, lại có những thứ rượu kim tương ngọc lễ mùi thơm nức, dưới trần không bao giờ có. Nhã nhạc nổi lên, những thiếu nữ chia ra từng lớp múa điệu lãng ba. Tới khi mặt trời gác núi thì tiệc tàn, quần tiên lần lượt cáo từ ra về.



Sống trong tiên cảnh thâm thoát được hơn nửa năm, một hôm trông ra bề thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam, Từ chạnh lòng nhớ quê. Chàng nói với Giáng Hương xin về một thời gian để thu xếp việc nhà, khi xong sẽ trở lại chung sống tới già. Nàng thưa với thân mẫu, phụ nhân cho một cỗ xe cưỡi vân để chàng cưới về.

Chỉ trong chớp mắt Từ đã về đến làng cũ nhưng vật đã đổi, sao đã dời, cảnh không

còn như trước nữa. Từ đem tên họ mình ra hỏi thăm những người già cả nhưng không ai biết, mãi sau có một người đàn bà nói rằng thuở bé có nghe cụ tam đại bên chồng cũng có tên là Từ Thức đi vào núi không về, đến nay đã hơn 60 năm rồi.

Từ muốn lên xe mây trở lại thiên thai thì xe đã hóa thành chim loan bay đi mất. Từ búi ngủi mặc áo lông cừu nhẹ, đội nón lá ngán đi vào núi Hoàng Sơn, sau không ai thấy nữa. Còn chẳng chi là ánh trăng thần thờ lang thang tiếc nuối đi tìm lại lối vào động thiên thai...

### **Lá đào rơi rắc lối thiên thai**

*Suối tiên, oanh đưa, luống ngậm ngùi*

*Nửa năm tiên cảnh*

*Một bước trần ai*

*Ước cũ duyên thừa có thể thôi*

*Đá mòn, rêu nhạt*

*Nước chảy, huê trôi*

*Cái hạc bay lên vút tận trời*

*Trời đất từ nay xa cách mãi*

*Cửa động*

*Đầu non*

*Đường lối cũ*

*Nghìn năm thơ thần*

*bóng trăng chơi...*

(Tản Đà)



# **TỦ SÁCH CỎ THƠM**

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA

Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

**TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)**

**TÌNH TRONG CÔI MỘNG – Thơ Quỳnh Anh (1998)**

**ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung**

**TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên**

**NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân**

**TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An**

**VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San**

**MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung**

**TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ**

**BÊN DÒNG THẠCH HẪN (2002) - Thơ Phan Khâm**

**SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên**

**HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm,**

**Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.**

**VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An**

**ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng**

**PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung**

**SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung**

**GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,**

**Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.**

**DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm**

**NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung**

**NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN về các tác giả**

**Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,**

**Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.**

**THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG (2007),**

**KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)**

**THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang**

**ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao**

**GIỮ MÁI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt**

**CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm**

**NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013)**



**7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000**

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

**Super buffet mỗi ngày**

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

**Mở cửa 7 ngày trong tuần**

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

**TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI**

# PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

## (SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....

Địa chỉ (Address): .....

.....

Phone, Fax, Email: .....

Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....

Số tiền (US dollar amount) \$ .....

### GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

#### PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [ ] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 [ ]

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 [ ]

### GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 [ ]

1 trang trong: US \$60.00 [ ]

Trang trong bìa trước: US \$100.00 [ ]

Trang trong bìa sau: US \$100.00 [ ]

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về  
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ  
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

**Giá báo: US\$7:00**